

TRUYỆN CỔ NAM CHÂU

CHÂU PHI

3



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

TRUYỆN CỔ NĂM CHÂU
CHÂU PHI
TẬP 3

NGUYỄN TỪ CHI – NGÔ VĂN DOANH

Tuyển dịch và Biên soạn

TRUYỆN CỔ NĂM CHÂU

CHÂU PHI

TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn sưu tập này về truyện cổ Châu Phi gồm hai phần: phần I, một trăm bốn mươi tư chuyện đời xưa của các tộc người khác nhau; phần II, một tích thôi, nhưng là tích dài, một thiên sử thi (hay anh hùng ca thì cũng thế) của một tộc người.

Người ở xa Châu Phi, ở nước ta chẳng hạn, thường có định kiến rằng đây là châu của người Đen, có thể nói là lục địa "dành riêng" cho chủng Đen. Thực ra, tình hình không hoàn toàn như thế, còn phức tạp hơn thế. Một mặt, chủng Đen hiện vẫn có mặt tại nhiều nơi khác trên thế giới, ngoài Châu Phi. Mặt khác, Châu Phi lại không phải là địa bàn của thuần chủng Đen. Miền Bắc Phi, bên trên sa mạc Xa-ha-ra, còn được các nhà địa lý học gọi là "Châu Phi Trắng": những tộc người đã từ lâu chọn miền ấy làm nơi cư trú đều thuộc chủng Trắng (tuy không phải là người Âu) Phần bên dưới sa mạc, hay "Châu Phi dưới Xa-ha-ra", phần chiếm nhiều diện tích nhất của lục địa, mới chính là địa bàn của những tộc thuộc chủng Đen, do đó còn mang tên Châu Phi Đen".

Khí hậu đồng cỏ nhiệt đới tất nhiên là khí hậu nóng, nhưng, do mưa nhiều (từ 3 đến 6 tháng hàng năm, tùy vĩ tuyến), nên vẫn đảm bảo một độ ẩm đủ cho cỏ cây, đặc biệt các loài cây họ thảo, mọc tốt, kể cả các loài cốc cung cấp lương thực. Hơn nữa, không gian thảo nguyên mênh mông thừa diện tích trồng trọt, chừng nào dân số

chưa phát triển quá cao. Và từ lâu trước thời kỳ lịch sử, người Đen ở Châu Phi đã định cư thành làng để đi vào một nền nông nghiệp mang tính hỏa canh - quảng canh. Khả năng tích lũy của cải thặng dư bắt nguồn từ diện tích quảng canh và năng suất của các loài cốc, rồi những làng nông nghiệp rắc khá đều trong không gian đồng cỏ, giao thông thuận tiện trên thảo nguyên rộng và tương đối bằng phẳng..., đấy, những tiền đề lớn đã khiến cho xã hội Châu Phi chứng kiến buổi ra đời của những tù trưởng lớn (truyền thuyết Châu Phi gọi là "vua", mà phạm vi quyền lực lan ra nhiều làng (truyền thuyết Châu Phi gọi là "vương quốc"). Các "vương quốc" ấy lại là tiền thân của những nhà nước lớn, những nhà nước đích thực sẽ tiếp nhau xuất hiện trên đồng cỏ, một khi miền Châu Phi bước vào lịch sử thực sự.

Từ thế kỷ XVI, Châu Phi bước vào một thời kỳ lịch sử mới, thời kỳ "xâm thực" của chủ nghĩa tư bản Âu Châu: chưa phải xâm lược, chưa chiếm đất, mới xâm thực thôi, xâm bằng buôn bán. Đế chế Ả Rập đã bước đầu suy từ lâu (từ thế kỷ XI) giờ thì suy hẳn, hoàn toàn không còn giữ diện mạo một thế giới thống nhất với độc quyền buôn bán Đông - Tây ở trong tay nữa. Đối với các tiểu quốc Hồi giáo ở Bắc Phi, luồng hành thường xuyên Xa-ha-ra để mua vàng không còn khoác ý nghĩa to lớn như xưa. Mất "lẽ sống", đế chế Xông-rai, nhà nước lớn cuối cùng trên đất Tây Phi, tan vỡ hẳn, tan vỡ và không được thay thế. Giữ vị trí của đế chế Ả Rập trước kia, giờ là các nước Tây Âu vừa thoát khỏi xiềng xích của chế độ phong kiến trung cổ, và đang nhanh bước trên độ đường đầu xây dựng chủ nghĩa tư bản, thoát tiên là tư bản thương

nghiệp. Từ cuối thế kỷ XV, những phát kiến về khoa học - kỹ thuật, đặc biệt về hàng hải, việc tìm ra Châu Mỹ và chuyến đi thuyền đầu tiên vòng quanh quả đất, càng khuyến khích thương nhân Tây Âu buôn bán bằng đường biển. Giờ đây thuyền buôn của họ cập bến Tây Phi ven vịnh Ghi-nê.

Khác với khách buôn Ả Rập, thương nhân Tây Âu không đến Châu Phi nhằm mục đích mua vàng: kim loại quý đó để thông các luồng buôn của họ trên thế giới, Châu Mỹ vừa tìm ra có thể cung cấp đầy đủ cho họ. Họ đến Tây Phi mua người. Miền đất mới mà họ chuẩn bị để khai thác, đã bước đầu khai thác..., là một lục địa rộng, giàu, nhưng cũng quá thừa người: họ cần nhân công. Thế là một thị trường mua bán nô lệ hiện hình, phát triển, trở nên thường xuyên, tại các cửa biển ven vịnh Ghinê, mà nguồn cung cấp là chiến tranh cướp người giữa các tù trưởng vùng đã vì "lẽ sống" mới này mà tự biến thành thủ lĩnh quân sự thường trực (Truyền thuyết dân gian cũng gọi là "vua"). Qua ba thế kỷ liên (cho đến giữa thế kỷ XIX), chiến tranh vùng diễn ra không dứt, từ rừng lan ra đồng cỏ. Đối với các nước Tây Âu, ba thế kỷ mua bán nô lệ đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. Còn đối với Tây Phi, thì đây là ba thế kỷ đau thương và chết chóc: riêng trong năm 1782, chỉ đưa ra một ví dụ thôi, số người Đen bị chở từ Vịnh Ghinê sang Châu Mỹ bán làm nô lệ cho các chủ đất Trắng đã suýt soát 10 vạn ruồi.

Cuộc "săn người" kéo dài qua ba thế kỷ còn hủy hoại các xã hội Châu Phi về mặt tinh thần. Con người bị tha hóa đến cao độ: từng cá nhân bình dị luôn sống trong

thể có thể bị săn đuổi như con thú ở trong rừng, trên đồng cỏ, rồi cuộc rồi chỉ còn biết đặt niềm tin vào định mệnh; ngược lại, để thích ứng đạo lý hàng ngày với "lẽ sống" mới, con người, về lâu dài, lại cố tạo ra một niềm kiêu hãnh đặc biệt khi mình ở vị trí săn đuổi kẻ khác. Và, một lần nữa, con người chỉ còn biết gửi gắm tình cảm tập thể của mình vào cộng đồng nhỏ nhất, vào làng, với cơ cấu chặt chẽ của công xã nông thôn: ở đây, không ai săn đuổi mình, trái lại, mọi người cùng mình chia sẻ một thân phận chung. Tất cả những nét tâm lý ấy, tiêu cực, đều để lại dấu vết trong văn học dân gian Châu Phi, trong chuyện đời xưa, đặc biệt trong sử thi.

Từ giữa thế kỷ XIX, với chế độ thuộc địa do các nước thực dân Tây Âu áp đặt bằng vũ lực, Châu Phi bị trực tiếp lôi vào guồng máy của thế giới công - thương nghiệp tư bản chủ nghĩa để phục vụ cho guồng máy ấy; rồi từ sau đại chiến thế giới lần thứ hai, thì các vùng trong miền lần lượt giành được độc lập, để bước vào thế giới hiện đại với tư cách những quốc gia trẻ trên đường phát triển. Trong những đô thị mới mô phỏng diện mạo các thành phố Âu Châu, với những thành phần xã hội mới, đặc biệt một tầng lớp trí thức đã Âu hóa, văn hóa viết chậm chậm hiện hình, sẽ dần dần thay thế văn hóa truyền miệng xưa; truyện cổ Châu Phi vẫn được lưu hành cho đến hôm nay, kể cả ở đô thị.

Đặc điểm nổi bật của nội dung chuyện đời xưa Châu Phi, một đặc điểm đập ngay vào mắt; kết cấu giản đơn của tích chuyện, có khi quá giản đơn. Không có diễn biến phức tạp, có thể không cần đến "thắt nút" và "gỡ nút", không có kết thúc bất ngờ: ở mức cực hạn, người kể có

thể chỉ trình bày một tình huống chứa mâu thuẫn, mà người nghe đoán được ngay hướng phát triển, để rồi cùng người kể từ đó rút ra một kết luận về đạo lý chung hay về phép ứng xử hàng ngày. Một thứ ngụ ngôn. Không phải không có những tích "hấp dẫn" hơn, với những tình huống oái oăm, với diễn biến ly kỳ..., nhưng loại tích này không nhiều. Điều đáng lưu ý là chuyện đời xưa của những tộc người ở vùng rừng, mà sinh hoạt vốn bị bó hẹp trong không gian chật của rừng, trong làng rừng sống im ắng giữa vòng vây còn chặt của "công xã nông thôn", đã thế lại không trực tiếp có quan hệ với thế giới Ả-Rập, thường nặng về kết cấu đơn giản, so với chuyện của các tộc ở trên đồng cỏ, nơi đã thấm từ khá sớm ảnh hưởng của đạo Hồi và văn hóa Ả-Rập. Còn những chuyện có kết cấu phức tạp, thường là của các tộc thuộc loại thứ hai, thắng hoặc lại lóe lên chút ánh sáng chiếu từ xa của Một nghìn một đêm lẻ, thậm chí của truyện cổ Ấn Độ...

Đi vào một trăm bốn mươi tư chuyện đời xưa Châu Phi hợp thành phần I của cuốn sưu tập này, từng bạn đọc cũng sẽ nhận ra một số đặc điểm khác nữa: tính "quá khích" của một số nhân vật chẳng hạn, mà không chỉ các nhân vật xấu, hung ác, "phản diện"; hay sự có mặt của những "thể loại" không có, ít nhất cũng hiếm có, trong cổ tích của nhiều miền khác.

Về tính chất của sử thi Châu Phi, điều cần nói nhất là vai trò đặc biệt của người kể. Vì, trong đa số các trường hợp, người kể sử thi không phải là bất cứ ai, không phải là một người ngẫu nhiên nào đó có mặt trong cuộc họp đêm của dân làng, càng không phải là "tất cả mọi người"... Đây là người kể "chuyên nghiệp". Nay thì chuyên nghiệp

theo nghĩa đen rồi: chế độ thuộc địa, rồi cuộc sống đô thị hiện đại, đã biến "G'ri-ô" thành người kiếm sống bằng nghề "nói vè" giữa hàng ăn - quán rượu, tay đệm nhẹ ghi-ta, mồm cất to tiếng ứng tác một lời ca tụng hay một chuyện nào đó để làm đẹp lòng khách ăn - uống, thỉnh thoảng kèm theo còn có câu hò - điệu hát. Nhưng xưa kia, xưa mà chưa quá xa, thì "G'ri-ô" là nhân vật không thể thiếu trong sinh hoạt tập thể của từng làng, ít nhất cũng trong trường hợp nhiều tộc người trên đồng cỏ. Một nhà sử học Tây Phi, người đã sưu tầm và công bố sử thi Xun-gia-ta, ở mức đầy đủ nhất, từng ví nhân vật này với vị giáo sư "phụ trách khoa sử học trong... làng": nói cho rõ hơn, đây là vị cha truyền con nối đặc trách việc kể truyền thuyết, kể cả sử thi, cho người làng mình nghe, không chỉ nhằm mua vui cho mọi người vào các dịp hội hè, mà chủ yếu để truyền đạt và giáo dục truyền thống của làng, của tộc người. Bấy giờ, làng nào có dòng "G'ri-ô" này.

"G'ri-ô" là một từ chưa rõ gốc gác, nhưng đã đột nhập vào tiếng Pháp ở Tây Phi dưới thời thuộc địa, do đó mà trở thành thông dụng tại nhiều vùng trong miền. Còn người bản địa thì từng tộc, trong ngôn ngữ của mình, lại có từ riêng để chỉ nhân vật ấy; người Ma-lin-kê chẳng hạn, tộc người kể sử thi Xun-gia-ta, thì gọi là "bê-len ti-ghi" mà nhà sử học vừa dẫn trên dịch thoáng là "bậc thầy ăn nói" (ti-ghi" là thầy; còn "bê-len" chỉ cốc gỗ cắm giữa quảng trường làng, để cho vị "G'ri-ô" tựa vào khi ông cất lời trước quần chúng). "Thầy", theo cách dịch thoáng trên đây, là thầy về nghệ thuật "ăn nói". "Thầy" đây còn là (và trước hết là) thầy dạy truyền thống cho

quần chúng. Dạy bằng lời kể, bằng nghệ thuật "ăn nói". Nhân vật "G'ri-ô" và chức năng giáo dục mà nhân vật ấy đảm nhiệm hẳn phải ngược về một quá khứ xa xôi. Căn cứ vào sử liệu viết bằng tiếng Ả Rập, thì có muộn nhất cũng từ thế kỷ XIV, trong các buổi thiết triều ở kinh kỳ Ma-li, bên cạnh "Hoàng đế" bao giờ cũng có mặt vị "G'ri-ô" của người, và vị này có nhiệm vụ cất cao tiếng truyền đạt mệnh lệnh của chủ mình, trước đông người, truyền qua lời hay, ý đẹp. Không chỉ "hoàng đế", mà từng dòng "vua", từng dòng tù trưởng lớn, đều có dòng "G'ri-ô" của mình. Như vậy, không chỉ có "G'ri-ô" làng, còn có "G'ri-ô" cung đình nữa. Và chức năng của "G'ri-ô" cung đình không dừng lại ở nhiệm vụ truyền đạt: ông còn là cố vấn của "vua", của tù trưởng. Cố vấn về mọi mặt. Cố vấn bằng lý lẽ rút ra từ truyền thống, cả bằng chất hiền triết được chứa đựng trong truyền thuyết dân gian...

Xung quanh nhân vật "G'ri-ô", nói thế nào vẫn là chưa đủ. Tiếp xúc với một áng sử thi nguyên vẹn qua phần II của cuốn sưu tập, người đọc sẽ tự mình lọc ra một vài chức năng khác nữa mà nhân vật ấy đảm đương (kể cả giáo dục con "vua", cố vũ tướng sĩ)... Còn về nghệ thuật "ăn nói" của ông ta, cũng vậy, cũng chỉ qua tiếp xúc trực tiếp, mới phần nào cảm được chất hùng tráng riêng biệt của lời kể sử thi Châu Phi: không khí hoành tráng mà khắc khổ của thảo nguyên nhiệt đới; rồi thì nỗi khát quay về nguồn, quay về những chi tiết cụ thể của nếp sống quê hương... Cả những hạn chế nữa: lòng tin thâm căn cố đế và định mệnh, mà không nhất thiết chỉ bắt nguồn từ đạo Hồi.

Lời giới thiệu, nói cho cùng, chỉ là ngưỡng cửa. Cái chính, cái tất cả, là vượt qua ngưỡng cửa, bước vào buồng đầu. Vì cuốn sưu tập này chỉ là một căn buồng nhỏ, căn buồng đầu của ngôi nhà truyện cổ Châu Phi.

Những người dịch

**TRUYỆN THẦN THOẠI,
TRUYỀN THUYẾT
VÀ TRUYỆN THẦN KỲ**

1. TRUYỆN TẠO LẬP RA THẾ GIAN VÀ CÁC GIỐNG NGƯỜI; NGUỒN GỐC CÁI CHẾT

(Tộc người Kô-nô)

Buổi đầu, không có gì hết. Trong bóng tối của vũ trụ, chỉ có Xa, cái Chết⁽¹⁾, cùng vợ và cô con gái duy nhất. Để có nơi ở, Xa đã dùng thần lực tạo nên một biển bùn mênh mông. Rồi một ngày kia A-la-tan-ga-na, vị thần⁽²⁾, tới thăm Xa tại nơi ở bùn lầy đó. Sững sốt trước tình trạng này, A-la-tan-ga-na trách móc Xa thậm tệ vì nổi đã tạo ra một chốn hoàn toàn không ở được, không cây cỏ, không sinh linh, không ánh sáng.

Để sửa chữa những khiếm khuyết ấy, việc đầu tiên là A-la-tan-ga-na làm cho bùn cứng lại. Thế là Thần đã tạo ra Đất. Cảm thấy vẫn quá khô cằn, quá buồn tẻ, Thần bèn tạo ra cây cỏ và động vật muôn loài.

Hài lòng trước những đổi thay tốt đẹp tại nơi mình ở, Xa bèn kết tình bằng hữu mật thiết với A-la-tan-ga-na, và khoản đãi A-la-tan-ga-na rất là rộng rãi. Ít lâu sau A-la-tan-ga-na, vốn độc thân, xin chủ nhà gả cô con gái duy nhất cho mình.

Nhưng ông bố cứ viện hết lý do này đến lý do kia, cuối cùng ông từ chối hẳn lời cầu hôn. Thế là A-la-tan-ga-na bí mật thông đồng với cô gái, rồi lấy cô ta. Để tránh con

thịnh nộ của Xa, đôi vợ chồng trẻ trốn tới một góc xa xôi của Đất. Tại đây, họ sống hạnh phúc, sinh một đàn con, bảy trai, bảy gái. Bốn đứa con trai và bốn đứa con gái da trắng, còn ba đứa con trai và ba đứa con gái kia lại lại da đen. Hai vợ chồng càng thất vọng khi lũ trẻ nói những thứ tiếng khác nhau, bố mẹ chúng chẳng hiểu tí gì.

Phiền lòng quá, cuối cùng A-la-tan-ga-na quyết tới hội ý kiến Xa. Thần lên đường ngay.

Ông bố vợ tiếp con rể một cách lạnh nhạt. Xa nói: "Đúng, ta trừng phạt anh, vì anh đã xúc phạm ta. Anh sẽ không bao giờ hiểu được con cái anh nói gì, nhất thiết thế. Nhưng ta sẽ ban cho lũ trẻ da trắng của anh trí thông minh và giấy viết⁽³⁾, để chúng có thể bày tỏ trên giấy tâm tư của chúng. Còn lũ con da đen của anh, thì ta sẽ ban cho chúng cái cuốc, cái rựa và ngọn rìu, để chúng có thể tự nuôi sống và làm ra mọi thứ chúng cần".

Xa còn dặn A-la-tan-ga-na cho lũ con da trắng lấy nhau, lũ con da đen cũng vậy. Chỉ mong sao làm lành lại được với bố vợ, A-la-tan-ga-na nhận lời tất. Trở về Thần liền làm lễ cưới cho lũ con. Sau đó, các cặp vợ chồng tản ra khắp nơi trên thế gian, sinh ra các giống người da trắng và da đen. Đó là tổ tiên của loài người, mà hiện nay chúng ta gọi, một bên là người Pháp, người Anh; người Ý, người Đức..., còn bên kia là người Kô-nô, người Ghéc-dê, người Ma-nông, người Ma-lin-kê, người Tô-ma, người Gia-cu-ba...⁽⁴⁾. Có dân cư như vậy rồi, mà thế gian vẫn hoàn toàn chìm trong bóng tối. Một lần nữa, A-la-tan-ga-na buộc lòng phải cầu xin Xa ban cho ánh sáng. Thần bèn phái *tu - tu*⁽⁴⁾, con chim lông đỏ quen dậy sớm, cùng gà trống tới gặp Xa.

Nghe xong lời thỉnh cầu của hai phái viên, cái chết nói: "Hãy về đi. Ta sẽ ban cho các người tiếng hát, nhờ đó các người sẽ gọi được ánh sáng ban ngày để cho loài người có thể làm ăn" được.

Phái viên về tới nơi, A-la-tan-ga-na hỏi xem kết quả ra sao. Chúng đáp: "Mù mờ lắm, chúng tôi nghe mà chẳng hiểu cái gì cả".

Nghe vậy, A-la-tan-ga-na nổi giận, không tiếc lời trách mắng: "Ta đã cho bọn bay tiền bạc⁽⁵⁾, ta đã cho bọn bay ăn để dùng dọc đường, thế mà bọn bay lại xao lãng nhiệm vụ. Bọn bay đáng chết".

Nhưng rồi, vốn tốt bụng, A-la-tan-ga-na lại tha thứ cho hai con vật tội nghiệp kia.

Một lúc sau, *tu - tu* bỗng cất tiếng hót đầu. Tới lượt mình, gà trống cũng cất tiếng gáy đầu. Thế là một phép lạ diễn ra: hai con chim ngừng tiếng chưa bao lâu thì Ngày đầu tiên đã bùng lên. Mặt trời xuất hiện ở chân trời, rồi theo sắp xếp của Xa mà mở đầu chuyến đi qua bầu trời. Chuyến đi ban ngày kết thúc, mặt Trời đi ngủ đầu đấy ở phía bên kia Đất. Vào lúc này, các vì sao xuất hiện để ban cho con người chút ít ánh sáng, dù trong màn đêm.

Từ đó về sau, hai con cứ phải hát lên để gọi ngày mới trở về *tu - tu* hót vào khoảng năm giờ sáng, còn gà trống thì gáy sau đó một tiếng⁽⁶⁾.

Đã ban cho con người Ngày, Đêm, Mặt Trời và Mặt Trăng rồi, Xa còn gọi A-la-tan-ga-na tới. Ông bảo: "Trước đây, anh đã lấy mất đứa con duy nhất của ta, thế mà đối lại, ta vẫn cho anh mọi điều lành. Giờ, đến lượt anh phải

giúp đỡ ta: ta đã không con không cái, thế thì, cứ mỗi khi ta đòi, anh phải cho ta đứa con. Bản thân ta sẽ chỉ định từng đứa ấy bằng cách cho nó nằm, mơ thấy một cái Kê⁽⁷⁾. Lời triệu của ta đó, mà lời triệu ấy thì các con anh phải vâng theo".

Biết mình mắc lỗi rồi, A-la-tan-ga-na chỉ còn cách chấp thuận.

Thế là có chỗ A-la-tan-ga-na không tuân tục nọp "hồi môn"⁽⁸⁾ mà giờ đây con cái của Đất cứ phải chết.

-
- (1) Người kể gọi Xa là "cái Chết", phần nào đó như một khái niệm, chứ không gọi là "thần Chết".
 - (2) Người kể chỉ nói là "Thần", nhưng, qua tích 2, ta sẽ thấy rằng đây là "thần tối thượng". Có lẽ chính vì thế mà người sưu tầm đã viết hoa chữ "Thần".
 - (3) Giấy viết được tích chuyện dành cho người da trắng. Phải chăng vì, khi người Âu bắt đầu xâm lược Tây Phi, thì từ đó giấy viết mới dần dà trở nên phổ biến trong cả xã hội bản địa, qua trường học? Trước đây, giấy viết của người Ả Rập hẳn đã theo đường truyền giáo dục của đạo Hồi mà nhập vào Tây Phi rồi, nhưng chắc chưa vào sâu. Hơn nữa, xin nhắc lại, người Kô-nô, tộc người kể tích này, không theo đạo Hồi.
 - (4) Nói về loại người thời khởi nguyên, mà tích chuyện đã phân biệt thành hai loại: da trắng và da đen! Một thông số, có lẽ, qua đó người nghe kể có thể ước lượng chiều sâu của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong cuộc xâm thực của tư bản Âu Châu vào Châu Phi đen nói chung, và Tây Phi nói riêng. Chẳng những thế, căn cứ vào lời chú giải của người sưu tầm, thì, dưới mắt nhiều tộc người ở Châu Phi, trong số đó có người Kô-nô, số 7 là con số hoàn hảo, là số nhiều tối ưu: nó là thể phối hợp giữa con số 4, số của nam giới, của giới mạnh, và con số 3, số của nữ giới, của giới yếu. Như vậy, tích chuyện này dành con số của giới mạnh (4) cho người da trắng, và con

số của giới yếu (3) cho người da đen, mà ngay từ buổi sơ sinh của loài người!

- (5) Tiền bạc đầu vào khởi nguyên của trời đất! Một biểu hiện đầu tiên về khả năng thích ứng với nếp sống hiện đại của văn học truyền miệng, mà Lời nói đầu đã bàn đến.
- (6) Lưu ý: Chim tu - tu (có lẽ là một loài sơn ca theo chú thích của người suu tầm) "lông đỏ", lại "quen dậy sớm", còn gà trống, như ai cũng biết, thì chuyên gáy sáng, do đó mà cả hai đều được tích chuyện gắn với mặt trời và ánh sáng ban ngày.
Còn về cách tính giờ kiểu Âu được phản ánh ở đây, xem lại chú thích 5.
- (7) Nhạc cụ rung, làm bằng quả bầu còn cuống, bên trong có treo những đốt xương rắn hoặc những hạt thủy tinh (theo chú thích của người suu tầm).
- (8) "Hồi môn", theo nghĩa thông thường của nó (do các ngôn ngữ Âu Châu phổ biến ra thế giới), là những của cải mà cô dâu mới đưa về nhà chồng. Phong tục của nhiều tộc người ở Tây Phi, kể cả người Kô-nô, ngược lại thế: trong cưới xin, nhà trai phải nộp của cho nhà gái, hẳn để bù lại việc mất mát một thành viên của gia đình, và lao động. Để diễn dịch chỗ khác biệt đó, người suu tầm đã đặt chữ "hồi môn" vào ngoặc kép.
- (9) Tóm tắt nhận xét chung của người suu tầm (nhà dân tộc học B.Hô-la) đối với toàn bộ tích chuyện - Trong truyền thuyết khai thiên lập địa của các hệ thần thoại rất cổ, nguyên lý sáng tạo ra vũ trụ và sự sống bao giờ cũng duy nhất, bất phân, tuy hiện lên dưới hai khía cạnh bổ sung lẫn nhau: khía cạnh tiêu cực, bóng tối, cái chết (mà ta có thể tạm gọi là "âm"), ở đây là Xa; và khía cạnh tích cực, ánh sáng, sự sống (tạm gọi là "dương"), ở đây là A-la-tan-ga-na. Điều B.Hô-la muốn nhấn mạnh là tích chuyện Kô-nô đã bắt đầu gán cho A-la-tan-ga-na một vai trò lớn hơn trong công cuộc sáng tạo, còn vai trò của Xa thì bị đẩy lùi. Và thế là A-la-tan-ga-na đã chớm mang diện mạo tối thượng thần. Hiện tượng đó, người suu tầm muốn gán cho chiến thắng của chế độ phụ hệ, mặc dầu, vẫn theo lời ông, xã hội Kô-nô, cũng như nhiều xã hội cổ truyền khác ở Tây Phi, vẫn còn nhiều vết tích mẫu hệ.

2. NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

(Tộc người Kô-nô)

Khởi thủy, A-la-tan-ga-na, vị thần tối thượng, tạo ra đôi nam nữ đầu tiên: một người đàn Ông, một người đàn Bà⁽¹⁾. Chẳng còn ai nhớ được tên của họ là gì.

Thời gian trôi qua... Theo cung cách tự nhiên của muôn loài, hai vị tổ ấy sinh ra nhiều thế hệ, và những thế hệ này là thủy tổ của mọi giống người sống trên địa cầu⁽²⁾. Có những giống đen và những giống trắng: các giống ấy lại phân ra thành nhiều tộc, mỗi tộc nói tiếng nói riêng của mình.

Loài người được tạo ra như thế đó.

(1) Cũng là truyền thuyết Kô-nô, cũng đề cập đến nhân loại khởi nguyên, mà tích chuyện này lại nêu lên một đôi nam-nữ (chứ không phải bảy nam - bảy nữ như trong tích 1). Chính vì thế mà người sưu tầm (nhà dân tộc học B.Hô-la), trong lời chú giải của ông, tỏ ý nghi ngờ rằng tích chuyện đã chịu ảnh hưởng của truyền thuyết Cơ Đốc giáo hay Hồi giáo.

(2) Lại một biểu hiện khác của xu hướng "hiện đại hóa" trong văn học truyền miệng.

3. TẠİ SAO MẶT TRỜI CHỈ XUẤT HIỆN BAN NGÀY

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa, Mặt Trời và Người sống với nhau như bạn bè. Nhưng không bao lâu Người đã ăn ở bạc bẽo với Mặt Trời, mặc dầu được Mặt Trời giúp đỡ đến là tận tình.

Một hôm, có lẽ lớn, nhưng ngay từ sáng sớm mưa đã đổ xuống, trời tối sầm lại. Vốn hay giúp đỡ, Mặt Trời chiếu những tia sáng chói chang đập tan cơn mưa, xua sạch bóng tối. Tàn cuộc lễ, Mặt Trời đòi Người thưởng công một gà mái trắng. Người từ chối.

Thế là Mặt Trời nổi giận, cắt đứt quan hệ với Người. Từ đó, Người phải sống trong cảnh mịt mù.

Nhiều thế kỷ trôi qua...

Trong cơn tuyệt vọng, Người quyết định cầu xin Mặt Trời tha thứ. Họ giao cho Chó, bầu bạn của họ làm nhiệm vụ này, nhưng Chó không thành công. Sau đó, Bò được cử đi, nhưng cũng thất bại nốt.

Cuối cùng họ phái Gà Trống. Mang theo một bó đuốc đốt sáng, Gà Trống vừa đi vừa cất tiếng hát ca tụng niềm vinh quang của Vua Mặt Trời⁽¹⁾.

Bùi tai, Mặt Trời đón tiếp vị ca sĩ nhỏ bé một cách nồng hậu. Mặt Trời bảo Gà Trống: "Bài hát của mi làm ta êm tai đấy. Mi cứ quay về xứ Người đi; rồi mỗi khi ta

nghe tiếng mi hát thì ta sẽ đem ánh sáng của ta tới cho họ"⁽²⁾.

-
- (1) Về dấu nối giữa hình tượng Gà Trống và mặt trời (ánh sáng ban ngày), xem lại chú thích 6 dưới tích 1.
- (2) Tóm tắt nhận xét chung của người sưu tầm (B.Hô-la) đối với toàn bộ tích chuyện - Buổi đầu, thiên nhiên hết sức ưu đãi con người, cụ thể là mặt trời chiếu sáng thường xuyên cho con người làm ăn. Nhưng con người không biết cách đảm bảo mối quan hệ "bạn bè" ấy, cụ thể là không chịu hiến sinh gà cho mặt trời. Do đó mà chệch choạc, cụ thể là mặt trời hoàn toàn không chiếu sáng nữa. Để giải quyết mâu thuẫn ấy, con người phải ký kết một "hợp đồng linh thiêng" với thiên nhiên, nhằm phục hồi một phần mối quan hệ cũ, cụ thể là chịu hiến sinh gà để mặt trời chiếu sáng lại, dù chỉ ban ngày thôi. Trên đây là cách hiểu của B.Hô-la. Từ cách hiểu đó, ông nghi rằng tích chuyện ông sưu tầm được có chứa đựng những vết tích của một hình thái thờ mặt trời.

4. MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG

(Tộc người Kô-nô)

Thuở xa xưa, không có đêm. Mặt Trời và Mặt Trăng không ngừng rực sáng trên trời, và sáng bằng nhau.

Một hôm, cả hai ra sông uống nước. Mặt Trăng đang quỳ trên bờ, thì bị Mặt Trời đẩy phất xuống nước.

Từ đó trở đi, ánh sáng của Mặt Trăng yếu hẳn đi, cứ giống ánh mờ của các vì sao⁽¹⁾.

(1) Trong lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) đưa ra một ý kiến dè dặt: theo ông, có lẽ tích chuyện phản ánh một biến động tôn giáo đã xảy ra xưa kia, khi những kẻ xâm lược thuộc một nền văn minh chăn nuôi và phụ hệ đã hạ bệ hệ nữ thần bản địa vốn được một nền văn minh trồng trọt và mẫu hệ dựng lên.

5. CUỘC CHIẾN ĐẤU GIỮA HAI NGỌN NÚI

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa, núi B' lô, hiện ở gần làng N' đô, cũng to bằng núi Nim-ba, cũng linh thiêng và được tôn thờ như núi Nim-ba⁽¹⁾.

Tới một ngày kia, lòng ghen ghét giữa hai địch thủ biến thành hành động cừu địch ra mặt. Núi B' lô cả giận rời nơi thường ở đến giao chiến với núi Nim-ba.

Trận kịch chiến kết thúc, Nim-ba thắng. Bị thu nhỏ lại vừa tầm hiện nay, B' lô phải lui về chốn cũ⁽²⁾.

(1) B' lô và Nim-ba là hai quả núi thuộc địa bàn của tộc người Kô-nô (trên đất Cộng hòa Ghi-nê hiện nay). B' lô, thực ra, chỉ là một ngọn đồi vừa phải, đỉnh cao 585 mét trên mặt biển; Còn Nim-ba là cả một dãy núi, đỉnh cao nhất nhô lên ở độ 1.752 mét trên mặt biển (theo chú thích của người sưu tầm).

(2) Trong phần thần thoại đề cập đến buổi ra đời của trời - đất, hầu như bao giờ cũng vậy, thiên nhiên trên mặt đất phải trải qua biến động trước khi định hình hẳn. Một ví dụ là bãi bùn của Xa (xem lại tích 1). Vì vậy, chúng tôi xếp tích chuyện này vào phần thần thoại.

6. NGƯỜI, RẮN, CỐC VÀ ẾCH

(*Tộc người Kô-nô*)

Có lần Người và Rắn cùng nhau lên đường. Trên đường đi, họ tới bờ một dòng sông⁽¹⁾. Ở đây Cóc và Ếch lo việc chở khách sang sông⁽²⁾.

Hai con kinh địch nhau, cãi nhau khá lâu để chọn khách, con nào cũng muốn chở Người.

Ếch viện lý do rằng hắn là kẻ nhảy giỏi nhất. Nhưng Cóc phản đối, và cuối cùng Cóc thắng cuộc.

Lấy đà cẩn thận rồi, Cóc công Người nhảy qua sông, nhưng cả hai rớt xuống giữa dòng. Người chết đuối.

Ếch, trái lại, nhờ cẳng dài nên chỉ nhảy có một phát là đã mang được Rắn qua sông.

Vì lẽ đó, Người phải chết, còn Rắn thì sau mỗi lần lột da đều trẻ lại⁽³⁾.

(1) Trong lời chú giải của mình, người sưu tầm (B.Hô-la) lưu ý ta rằng, không riêng gì đối với người Kô-nô (và người Tây Phi nói chung), mà, đối với hầu hết các cộng đồng người trên thế giới, thì dòng nước chảy là biểu tượng của sự sống, do đó "qua sông" có nghĩa là chết.

- (2) Vẫn theo B.Hô-la, trong nhiều hệ thần thoại cổ, các loài động vật lưỡng thê (kể cả ếch-nhái) thường đóng vai trò phụ trong việc ban bố sự Sống.
- (3) Nhớ lại: chuyện "Rắn lột da sống mãi" trong kho văn học dân gian của nhiều tộc người ở nước ta và quanh nước ta. Vì tích chuyện này đề cập đến nguồn gốc của cái chết, tức một nét quan trọng của thân phận con người được cố định thường là vào khởi nguyên (xem lại tích 1), nên chúng tôi xếp nó vào phần "thần thoại".

7. XI-GI VÀ NGƯỜI ĐẸP NÚI NIM-BA

(Tộc người Kô-nô)

Mọi đàn ông trong làng đều đã lấy vợ, duy có Xi-gi (Nhện) là còn sống độc thân. Chàng từng rong ruổi bao đoạn đường dài để tìm bạn đời.

Rồi một hôm chàng tới chân ngọn núi Nim-ba⁽¹⁾. Tại đây, một người đàn bà cực đẹp đang đứng ngay ở cửa hang. Xi-gi lịch thiệp chào nàng, hỏi nàng là ai.

"Em là người đẹp núi Nim-ba, cô gái đáp. Cha mẹ em qua đời từ lâu lắm rồi. Em đã đi khắp thế gian từ bao thế kỷ nay, mà chẳng gặp được người em phải lấy làm chồng".

Nghe nàng nói Xi-gi vui mừng khôn xiết: "Đúng lúc quá đi mất. Chúng ta lấy nhau là tốt thôi".

Người đẹp niềm nở chấp nhận lời cầu hôn của Xi-gi, với điều kiện chàng phải làm thế nào mà lôi được nàng ra khỏi hang.

Thế là chàng, vì hôn phu, đưa hết sức ra mà lôi, lôi mãi. Lôi suốt một ngày như vậy, cuối cùng rồi cô vợ tương lai cũng ra được khỏi hang, cao lớn chẳng kém gì đỉnh núi Nim-ba⁽²⁾.

Nàng âu yếm ôm hôn ông chồng tương lai, nâng chàng lên trên cánh tay, để chàng rơi từ trên độ cao đó xuống đất.

Suýt chết đập, Xi-gi bò cả bốn chân mà tẩu thoát.

Từ đó, Nhện ta không bao giờ còn muốn nghe ai nhắc tới Người đẹp núi Nim-ba. Còn nàng thì, qua thời gian thân cũng ngắn lại, đến ngày nay vẫn còn xuất hiện tại các làng Kô-nô.

-
- (1) Dãy núi con ngọn cao nhất trên địa bàn Kô-nô, được người trong vùng xem là núi thiêng.
 - (2) Nhân vật người đàn bà khổng lồ có mặt trong thần thoại và truyền thuyết khởi nguyên của nhiều tộc người khắp thế giới, thường là trong tư cách "bà Mẹ khởi nguyên". Nói đâu xa, ngay trên đất nước ta và tại những vùng gần ta, cũng có thể rút ra vài ví dụ nhỏ để góp phần soi sáng thêm tích chuyện này. "Nàng Tuổi bạn", chẳng hạn, trong tang ca Mường, là một người đàn bà hết sức to lớn, có mặt từ buổi đầu của loài người, sinh con đàn con đống. Anh hùng Ma-ui, mà các kỳ tích chiếu ngời thần thoại của người Mao-ri ngoài hải đảo Thái Bình Dương, chính là con của Cha Trời và Mẹ Đất, bà mẹ này lại được thần thoại cho hiện lên dưới dạng một người đàn bà khổng lồ (ngang tầm của Đất) nằm ngủ im ắng trong lòng đất (tính thụ động của Đất), đối lập với tính chủ động của Trời). Còn nhiều ví dụ khác...
 - (3) Nhện, nhân vật phản diện trong truyện cổ của tộc Kô-nô và nhiều tộc người khác ở Tây Phi, thường được người kể viện đến để ("răn dạy" đạo lý xã hội: thất bại thảm hại của hấn ở cuối tích chuyện vừa là bài học, vừa là yếu tố gây cười, mà gây cười chính là để "răn dạy"). Ở đây, phần nào cũng vậy: thất bại cuối cùng của Nhện đóng vai yếu tố gây cười, mà càng buồn cười khi nó được tích hợp vào một tích chuyện mang chất nông tường và thần thoại (xem lại chú thích 2). Nhưng tích chuyện, với chất thần thoại của nó, lại không nhằm mục đích ("răn dạy", mà nặng ý đồ "suy nguyên". Do đó, chúng tôi không xếp nó vào hệ truyện xoay quanh nhân vật Nhện, mà đặt nó cạnh các tích đề cập đến buổi khởi nguyên của trời đất và con người.

- (4) Tóm tắt nhận xét chung của người sưu tầm (B. Hô-la) về toàn bộ tích chuyện - Hang động giữ một vị trí trong thần thoại, với tư cách là nơi sản sinh ra các yếu tố huyền bí, là trung tâm. Nói đâu xa, các mặt nạ bằng gỗ, mà người Kô-nô (và nhiều tộc khác ở Tây Phi) dùng trong một số nghi lễ tôn giáo lớn, thể vật chất hóa của thần linh, được xem là xuất phát từ đất (nếu cần, xem trước tích). Mà hang động, cùng với các lỗ tự nhiên trên mặt đất (người Kô-nô gọi là giê-u), lại có thể được đồng nhất với âm vật. Còn người đẹp khổng lồ trong tích chuyện này, một khi "tâm cao lớn thần thoại" đã bị thu nhỏ lại, thì nhập thân vào một trong những mặt nạ nghi lễ của tộc Kô-nô, loại mặt nạ mà người đeo phải xuất hiện trên cà kheo cao.
- Riêng về ý kiến đồng nhất hang động và các giê-u với âm vật, cũng có thể dẫn thêm một ví dụ gần ta hơn, gọi là để nêu cho rõ hơn ý của người sưu tầm. Kỳ tích cuối cùng của anh hùng Ma-ui (đã dẫn qua chú thích 2) là chui qua âm vật của mẹ (Mẹ Đất), với ý định trườn đến tận dạ con của mẹ (lòng sâu nhất của Đất), để đoạt lấy Bất Tử (sự Sống vĩnh cửu) cho loài người.

8. GHÊ-LA TRÊN CAO CHỐNG LẠI GHÊ-LA DƯỚI ĐẤT

(Tộc người ở Cốt Đi-voa)⁽¹⁾

Trước khi có muôn loài ở mặt đất và ở trên trời.

Đã có hai tạo vật đầy sức mạnh.

Có Ghê-la trên cao!

Và có Ghê-la dưới thấp⁽²⁾!

Một hôm, gió không thổi.

Ghê-la dưới thấp buồn bã; người ngáp dài...

Và đất sét tuôn ra từ miệng người. Người nói:

"Ta sẽ làm đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ bằng đất sét".

Rồi, bằng đất sét, người làm ra đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ. Người lại nói:

"Đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ ta đã làm ra bằng đất sét, ta sẽ cho máu chảy vào trong thân thể của chúng, để cho chúng sống theo ý ta".

Và Ghê-la dưới thấp rót máu vào trong thân thể của đàn ông, đàn bà, cá và muông thú, nhưng sự sống không vào! Ghê-la dưới thấp tức giận, người bỏ mặc ngoài trời đám đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ bằng đất sét.

Người sốt ruột. Người bỏ đi. Người để các bức tượng bằng đất sét ngoài trời.

Một hôm trời mưa. Nhiều người bằng đất sét tan ra trong mưa. Ghê-la thấy những gì xảy ra cho nhiều người đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ làm bằng đất sét. Ghê-la nói:

"Chúng tan trong mưa, bởi chúng là đất sét".

Hối hận dâng lên trong lòng của Ghê-la dưới thấp. Người lấy những đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ còn nguyên. Ghê-la dưới thấp lấy chúng lên, đặt chúng vào trong hang...

Thời đó, đêm luôn ở trên đất.

Thời đó, đất luôn ở trong đêm.

Ghê-la dưới thấp chỉ có lửa để nhìn cho rõ.

Thời đó, ánh sáng ban ngày luôn ở trên đồi.

Thời đó, trời là ban ngày. Ghê-la trên cao có mặt trời để soi sáng.

Ghê-la trên cao thấy Ghê-la dưới thấp có đồ chơi đẹp. Người nói:

"Hãy cho ta một số trong đám đàn ông, đàn bà, cá, muông thú bằng đất sét của người, ta sẽ ban cho chúng sự sống, còn người, thì ta sẽ cho người ánh sáng mặt trời của ta".

Ghê-la dưới thấp nói:

"Ta chỉ cho người cá, muông thú và cây cỏ bằng đất sét, còn ta không cho đàn ông và đàn bà bằng đất sét của ta đâu".

Ghê-la trên cao nói:

"Ta muốn có cả đàn ông và đàn bà cơ".

Ghê-la dưới thấp bảo:

"Được, người sẽ có, nhưng hãy làm cho sự sống đến tận chúng đã".

Thế là Ghê-la trên cao cho sự sống đến nhập vào thể xác của những đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ⁽³⁾.

Thế là đàn ông, đàn bà đứng dậy bước đi, cá quẫy mình bơi đi, muông thú nhồm dậy nhảy đi, cây cối đứng thẳng dậy mọc lên. Ghê-la trên cao nói:

"Nào, Ghê-la dưới thấp, giờ thì người giữ lời hứa chứ! Ta đã ban sự sống cho đám đàn ông, đàn bà, cá, muông thú, cây cối bằng đất sét; ta đã cho người ánh sáng mặt trời: giờ thì người giữ lời hứa của người đi!".

Nhưng Ghê-la dưới thấp khẳng khẳng không chịu. Thế là hai Ghê-la cãi nhau. Cả hai nổi giận dọc suốt thời gian, tới tận cùng thời gian!

Song, cũng từ thuở đó, Ghê-la trên cao tìm cách lấy lại sự sống mà người đã cho vào trong thân thể bằng đất sét của đám đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ do Ghê-la dưới thấp nặn ra.

Mỗi khi Ghê-la trên cao lấy lại được sự sống mà người đã đưa vào đám đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cỏ, thì một người đàn ông, một người đàn bà, một con cá, một con thú, hay một cây chết đi.

Tuy nhiên, vì Ghê-la dưới thấp giành giật sự sống mà Ghê-la trên cao đã cho vào thân thể bằng đất sét của đám đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cối, cho nên, suốt thời gian hai bên tranh chấp nhau thì lúc đó đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cối bị đau ốm.

Đó cũng là lúc mà gió xi-rô-cô⁽⁴⁾ từ sa mạc Xa-ha-ra thổi tới.

Đó cũng là lúc xảy ra chiến tranh.

Đó cũng là lúc có giông bão...

Các vì Sao là những viên đá quý mà Ghê-la trên cao cho sáng lấp lánh để quyến rũ đàn bà về với người.

Mặt trăng là con mắt của Ghê-la trên cao.

Với con mắt đó, dù mở to hay hé mở, Ghê-la trên cao theo dõi Ghê-la dưới thấp kẻ thù của mình. Người theo dõi cả trong bóng đêm, khi người đã lấy lại mặt trời từ tay Ghê-la dưới thấp, mặt trời mà người đã cho vị kia, cùng với sự sống người ban cho đám đàn ông, đàn bà, cá, muông thú và cây cối bằng đất sét.

Đó, tình hình trước khi mọi vật có mặt trên đất, trên đời.

(1) Người ghi lại tích chuyện (nhà văn Tri-cai-gia U Tam-xi, người nước Conjo fia), không chú thích tên tộc người kể tích này, mà chỉ nói có phần lơ lửng: "...như tôi đã nghe kể ở Cốt-Đi-voa". Riêng về nước Cốt-Đi-voa (Bờ biển Ngà thời xưa), xem lại sơ đồ).

(2) Về Ghê-la, người ghi cũng không chua nghĩa đen. Nhưng, dù nghĩa đen là gì, qua tích chuyện ta sẽ thấy rằng đây là một khái niệm có phần trừu tượng để chỉ định một thực thể vốn có mặt từ trước khi có trời-đất và muôn vật, mà hành động và ứng xử sẽ tạo ra trời - đất và muôn vật. Và, cũng ngay từ đầu, thực thể này hiện lên dưới hai dạng đối lập nhau, một dạng ở "trên cao" và dạng kia ở "dưới thấp". Cũng như thế đối lập giữa A-la-tan-ga-na và Xa trong chuyện tạo thiên lập địa của tộc người Kô-nô (xem lại tích 1 và chú thích 9 dưới tích ấy), thế đối lập

giữa hai Ghê-la trong tích này nói lên mâu thuẫn giữa Trời và Đất, Sáng và Tối, Sống và Chết... Riêng tích này lại cố tình nhấn mạnh vị trí "trên" - "dưới" của hai thế giới phân bố trên trục dọc của vũ trụ, còn tích Kô-nô thì không.

- (3) Nếu như, trong tích Kô-nô, loài người ra đời từ sự phối hợp hài hòa giữa Trời (A-la-tan-ga-na) và Đất (con gái của Xa), thì, ở đây, đất chỉ làm ra hình hài con người (nặn bằng đất sét), còn Trời mới làm ra sự sống, (thổi sinh khí vào). Trong chùng mực nào có thể đọc lên từ "chất liệu" đất sét ảnh hưởng của đạo Cơ Đốc và đạo Hồi?
- (4) Loại gió từ Đông Nam thổi về Địa Trung Hải và duyên hải Tây Phi, gây tác hại làm cây cỏ khô héo.

9. NHỮNG CON NGƯỜI ĐẦU TIÊN VÀ VIỆC PHÁT HIỆN RA SẮT

(Tộc người Lô-bi)

Chỉ trong một thời gian ngắn, người đàn ông đầu tiên và người đàn bà đầu tiên sinh con đẻ cái đông đến mức chẳng bao lâu đã cần phải đề ra luật lệ. Có hôm vị tổ đầu tập hợp các con cháu mình lại, bảo chúng: "Bay đừng ăn cắp, ăn cắp đáng ghét lắm, bay đừng làm điều xấu, và phải tuân lệnh cha mẹ. Trong bọn bay, có đứa nào không chịu phục tùng các điều ta quy định, thì đứa ấy rồi ra phải hối hận đó. Bay hiểu chưa, đi đi".

Con cái của Tổ ra về. Trong một thời gian, chúng vâng lời Tổ từng li một, nhưng chẳng bao lâu chúng đã phạm vào những điều Tổ cấm. Trời nhận thấy thế. Người nghĩ: "À, ra chúng chẳng biết sợ ta". Người bèn cho cái Chết đến, mà bọn chúng thì chưa biết cái Chết là gì. Trong hai ngày liền, cái Chết đuổi theo một kẻ phạm tội, kẻ này tắt hơi. Tổ tập hợp con cháu lại để làm lễ tang, rồi cử người đi báo cho Trời biết: "Trong bọn tôi, một người đã chết". Trời đáp: "Chính ta trừng phạt hắn đấy. Đưa xác hắn đi chôn đi, đến gần nửa đêm ta sẽ xuống".

Đúng giờ, Trời bám theo một sợi thừng mà xuống đất, đến mộ, đào mộ, đưa thi hài lên, thổi vào hai lỗ mũi của người chết. Người chết mở mắt. Trời hỏi: "Sao người lại vào cái huyệt này?". "Tôi chết, người ta đem tôi chôn

xuống đất". "Người làm điều gì mà phải chết?". "Chẳng làm gì cả". "Nói thực đi, người nói thì ta phóng thích cho người ngay, rồi người được trở về nhà". "Tôi có làm gì đâu ạ". "Suy nghĩ đi, nói thực thì được cứu vớt đấy". Người có tội nhất định không đáp. Thế là Trời buộc hắn vào thùng của người, đưa hắn lên trời. Đi được nửa đường rồi, Trời dừng lại, hỏi hắn một lần nữa, nhưng hắn cứ chối, không chịu nhận lỗi. Trời bèn cắt sợi dây buộc xác, thế là con người lao xuống đất. Thịt của hắn đập lên mặt đất, nát ra, rồi do sức va chạm quá mạnh mà bắn lên, đọng lại, thành loại đá đỏ đâu đâu ta cũng gặp. Có người đi săn nẩy ra ý lượm các mảnh của chất đá ấy, nung trên than gỗ, lấy từ đó ra được chất sắt mà thợ rèn dùng để làm cuốc, làm dao, làm mũi tên.

Câu chuyện này, mà người xưa biết rõ, cho thấy rằng bất cứ ai làm điều xấu đều phải thú tội, để khỏi bị Trời phạt⁽¹⁾.

(1) Cái chết được tích truyện quy vào tội lỗi của những con người đầu tiên đối với Trời. Nội dung đó, cộng với đạo lý được người kể nói lên qua câu kết, không khỏi nhắc nhớ đến: "tội tổ tông" của truyền thuyết Cơ Đốc giáo. Mà đạo Hồi, để hình thành, từng tiếp thu nhiều khía cạnh của đạo Cơ Đốc. Phải chăng, có thể đọc lên từ tích chuyện này chút ít ảnh hưởng Hồi giáo, mặc dầu người Lô-bi không theo đạo Hồi?

10. A-ĐA-MA VÀ A-OA

(Tộc người Kha-xông-kê)

Khi đất đã thành hình rồi, An-la⁽¹⁾ lấy ra một khối mà nắn, rồi cho ánh sáng chiếu tràn vào. Các thiên thần ngạc nhiên nhìn khối đất sét không hình thù rõ rệt, mà lại rực sáng. An-la nặn hai tay hai chân, cái đầu cho khối đất, rồi cho nó sống. Đó là A-đa-ma⁽²⁾.

A-đa-ma nằm mất một trăm năm liền. Sau thời gian đó, nhân A-đa-ma đang ngủ, An-la mới lấy cái xương sườn cuối cùng của chàng, tạo ra A-oa⁽³⁾.

A-đa-ma và A-oa được đặt trên thiên đường cao tít, tại một nơi có mọc cây gia-khu-ba⁽⁴⁾; An-la cấm hai người ăn quả cây này, vi phạm thì bị tội chết.

Có hôm A-oa dạo chơi một mình. Quỷ dữ đến gần nàng, bảo: "Giờ thì nàng đi một mình, A-đa-ma hẳn đang ở với cô bạn mới, phải không nào?" A-oa ngạc nhiên: "Cô bạn nào thế?". "Ừa, nàng không biết A-đa-ma có một bạn mới sao?". Nàng bối rối đáp: "Không".

Thế là quỷ dữ đi tiêu, rồi chỉ vào tấm gương tạm do hắn tạo ra mà bảo A-oa: "Này, nàng cứ nhìn vào đấy cho biết mặt tình địch của nàng".

A-oa mò ngấm con người nàng ngỡ là tình địch của mình, mà thực ra chỉ là hình bóng của chính nàng.

Cứ thế, quỷ dữ dần dần kích cho nàng ghen. Hấn nói: "Ôi chao, sao nàng chịu để cho hấn ta ruồng rẫy thế kia, sao lại không báo thù, hờn nàng?" Nàng mơ màng hỏi: "Bằng cách nào?". "O, kia không phải là cây mà An-la đã cấm các người ăn quả đó sao?". "Đúng", nàng đáp. "Thế thì nàng cứ vi phạm lệnh ấy xem nào, để A-đa-ma và tình địch của nàng đi đòi nhà ma cho rảnh".

Nàng làm như thế. Nhưng vừa ném vào quả cấm thì đột nhiên lần đầu nàng có kinh, làm ô uế cả thiên đường. Bỗng A-đa-ma đến. Thấy A-oa ra vẻ hờn dỗi, chàng hỏi tại sao nàng buồn. Tin chắc vào hiệu quả của lời mình nói, nàng cất giọng chua chát mà trách móc chàng om sòm về tội thất ước với nàng. Nàng còn nói thêm rằng, để trừng phạt chàng, nàng đã không nể hà vi phạm lệnh của An-la.

Vừa chối cãi, không chịu nhận mình đã có vợ khác, A-đa-ma vừa cảm thấy dấy lên một nỗi thèm không cưỡng lại được: thèm ăn quả cấm. Nhưng chàng vừa mới nuốt xong, thì bàn tay của thiên thần Gi-brin⁽⁵⁾ đã chen ngay quả cấm lại trong cổ họng chàng.

Vì đã phạm tội không tuân lệnh An-la, A-đa-ma và A-oa bị ném lên cánh gió. A-đa-ma rơi xuống In-đi⁽⁶⁾, ở phía bắc Ma-ka⁽⁷⁾, còn A-oa thì rơi xuống đâu đó gần Ba-bi-la⁽⁸⁾, xứ sở của tên ngoại đạo Na-bu-cô-đô-do⁽⁹⁾.

Máu A-oa từng làm ô uế thiên đường: giờ, trên mặt đất, nó trở thành mầm của cây Kô-la⁽¹⁰⁾, và chính vì thế mà hạt Kô-la nổi tiếng chứa những chất kích thích tình dục, do đó được người đen ta ưa chuộng đến thế.

Còn quả cấm từng bị chen lại trong cổ họng của A-đa-ma, thì người Khát-xông-kê theo đạo Hồi cứ cho rằng

đấy là quả cây men I-ô-nô⁽¹¹⁾: vẫn theo lời họ, nuốt nó vào, thì nó ở lại trong ruột những bốn mươi ngày, và ai còn mang nó trong ruột mà chết, thì kẻ ấy phải đi địa ngục.

-
- (1) Thượng Đế của đạo Hồi.
 - (2) Thể Hối hóa của A-đam (người đàn ông đầu tiên và thủy tổ của loài người, theo truyền thuyết Cơ Đốc giáo).
 - (3) Thể Hối hóa của Ê-va (người đàn bà đầu tiên, vợ của A-đam theo truyền thuyết Cơ Đốc giáo).
 - (4) Người sưu tầm (nhà dân tộc học Sác-lơ Mông-ten) không chú thích rõ là loại cây gì.
 - (5) Thể Hối hóa của Ga-b'ri-en (một trong bốn vị thiên thần lớn nhất, sứ giả của Đức Chúa Trời, theo truyền thuyết Cơ Đốc giáo).
 - (6) Ấn Độ.
 - (7) Hay La Mếch, trung tâm hành hương số một của thế giới Hồi giáo.
 - (8) Ba-by-lon.
 - (9) Tên hai vua trị vì trên đất Lưỡng Hà xưa.
 - (10) Cây ở vùng rừng có hạt gần bằng hạt mít, màu nâu, vị chầnchát, mà người Tây Phi thích nhai như ta ăn trầu, được dùng trong thù tạc, nghi lễ.
 - (11) Người sưu tầm không chú thích rõ ràng là loài cây gì.
 - (12) Chết Hối giáo đậm đà của tích chuyện này là điều quá rõ, không có gì phải bàn nữa. Điều lý thú là, mặc dầu người Ka-xông-kê đã theo đạo Hồi, họ vẫn cài vào truyền thuyết gốc Hồi giáo này một vài chi tiết phi Hồi giáo, có thể hơi thô, nhưng vui, dễ gây cười, tóm lại rất "Tây Phi": cách quở dử đánh lừa người đàn bà, tấm gương soi làm bằng nước tiểu, kính nguyệt trên thiên đường...

11. N'KON-LE

(Tộc người Ka-xai)⁽¹⁾

NGƯỜI ĐI SĂN

Cách đây đã lâu, lâu lắm rồi, có lần có một người đàn ông. Người ấy tên là N'Kon-le. Dắt hai chó, người đi vào rừng. Trong rừng, người gặp Gu-lung-oe (linh dương). Một chó đuổi theo Gu-lung-oe. Rồi N'kon-le giáng một đòn. N'kon-le giết chết Gu-lung-oe. Rồi N'kon-le xẻ thịt Gu-lung-oe. Để che thân, N'kon-le chỉ khoác quanh hông một mảnh da thú ở đằng trước, một mảnh da thú ở đằng sau. Trên vai, N'kon-le đeo một cái túi bằng da thú. N'kon-le bắt đầu pha thịt Gu-lung-oe.

PHÁT HIỆN RA ĐÀN BÀ

N'kon-le vừa mới pha xong thịt Gu-lung-oe, thì có hai người đi từ rừng ra. N'kon-le nhận rõ họ, không phải là đàn ông. Họ chẳng có quần áo gì trên người cả. Họ có hai cái túi, ở đấy thế đấy⁽²⁾! N'kon-le cũng nhìn kỹ các phần khác trên thân họ... N'kon-le đã chặt xong Gu-lung-oe thành nhiều mảnh. Người cho tất cả các mảnh thịt vào túi đeo. Người sắp sửa ra đi. À, tôi đã nói chưa nhỉ? Chưa, tôi chưa nói⁽³⁾: hai người kia là đàn bà. Họ ngạc nhiên nhìn N'kon-le với mảnh da thú ở đằng trước, ở đằng sau. Họ nhìn túi đeo bằng da thú. Họ thấy thịt Gu-lung-oe. Họ hỏi: "Người có gì đấy?" N'kon-le đáp: "Thịt Gu-lung-oe đấy". Hai người đàn bà cũng muốn có thịt. N'kon-le bảo: "Tôi

phải giữ thịt mà ăn". Hai người đàn bà hỏi: "Thịt ấy, rồi người làm ra cái gì?" N'kon-le đáp: "Tôi sẽ ăn sống". Hai người đàn bà bảo: "Người mà cho bọn tôi một mảnh, thì bọn tôi cho người lửa".

N'kon-le cho họ một mảnh thịt. Họ nói: "Mai người lại đến đây, đúng chỗ này, bọn tôi sẽ cho người lửa"

LỬA VÀ THỊT NƯỚNG

Hôm sau, N'kon-le lại quay vào rừng. Người gặp có mỗi một người đàn bà. Người ấy hỏi: "Sao người chỉ đến một mình? Loài của người, chỉ có mỗi một mình người thôi à?" N'kon-le đáp: "Có nhiều chứ!".

Người đàn bà hỏi: "Thế sao họ không cùng người đến?" N'kon-le đáp: "Tôi kể cho họ biết tôi đã gặp những người có hai túi, ở đấy, thế đấy⁽⁴⁾". Họ bảo tôi: "Người nói dối!".

N'kon-le cùng người đàn bà đi sâu thêm vào rừng. Họ đến một nơi có nhiều người có túi, ở đấy đấy, mà trần truồng trụi trụi. Có người cao, có người thấp, có người to, có người gầy. Giữa vòng người, có một đống lửa lớn. Tất cả những người có túi ấy đều bảo N'kon-le: "chào người". N'kon-le thấy họ đều trần truồng trụi trụi. N'kon-le thấy da thịt họ mịn, mà chẳng có lấy một sợi lông mọc trên da. Người tự bảo: "Họ đều mịn da cả, mà da chẳng có lông. Thế là do lửa. Bọn mình không có lửa, nên da có lông, mà lại thấy rét. Còn họ, họ ấm!".

Người đàn bà mang đồ đến cho N'kon-le ngồi. Đồ ấy là một mảnh chiếu. N'kon-le ngồi lên chiếu. Người ngồi sát bên lửa. N'kon-le thấy ấm lắm. Người nhìn lửa. Mảnh thịt người cho người đàn bà hôm qua đang trên lửa. N'kon-le

nói: "Ngày nào tôi cũng ăn thịt sống. Người có túi biết cách làm thịt giỏi hơn. Chắc là phải ngon!".

Người lấy tất cả số thịt sẵn có trong túi đeo vai. Người cho đám đàn bà, để họ nướng. Đám đàn bà nướng thịt. Người đàn bà ban nãy lấy túi đeo trên vai N'kon-le xuống, trải ra đất, đặt thịt lên đấy, rồi bảo: "Ăn đi, cho thành người tốt".

ĐÀN ÔNG KÉO NHAU ĐI

Người đàn bà kia lại hỏi lần nữa: "Sao những người khác lại không theo người đến?" N'kon-le đáp: "Cho tôi thịt chín, bỏ vào túi đeo vai của tôi. Tôi sẽ đem về làng, rồi nhiều người đàn ông sẽ theo tôi đến đây."

N'kon-le lấy thịt, N'kon-le cho thịt vào túi đeo. N'kon-le quay về làng. N'kon-le họp cả bọn đàn ông lại. Người bảo mọi người đã họp ở đấy: "Các người bảo tôi nói dối. Giờ, tôi cho các người xem có thực tôi nói dối không". N'kon-le lại bảo: "Đem thịt đến đây". Đám đàn ông đem thịt của họ đến. Thịt của họ sống, thịt của họ đen xì những máu, thịt của họ hôi thối.

Thế là N'kon-le rút trong túi đeo vai ra số thịt đàn đàn bà đã nướng, rồi bảo: "Xem thịt của tôi đây". Thịt màu nâu, lại thơm phức. N'kon-le lại nói: "Những kẻ có túi mà tôi đã kể với các người, họ biết làm như thế đấy!". Một người hô to: "Cả tôi nữa, tôi cũng muốn đến đấy!". Rồi một người thứ ba! Cả đám đàn ông hét tuông: "Bọn ta đến đấy cả thôi! Bọn ta đến đấy cả thôi!" N'kon-le nói: "Hay đấy, cứ theo tôi, ta đến chỗ những người có túi. Nhưng tôi chẳng bao giờ về đây nữa. Tôi sẽ ở lại đấy, nơi

những người có túi ở". Cả bọn bảo: "Được!" N'kon-le đi trước. Những người khác theo nhau.

Cả đám đàn ông cùng đi với người. Họ đến nơi có đồng lửa của đám đàn bà. Nhìn thấy đàn bà, họ ngạc nhiên. Họ nhìn thấy da mịn. Họ nhìn thấy vú trần. Họ nhận thấy đám đàn bà khỏa thân cả. Họ thấy được những gì có thể thấy trên người đàn bà trần truồng.

Đám đàn bà ngược mắt nhìn đám đàn ông. Họ nhìn thấy lê⁽⁵⁾ bằng da thú của đám đàn ông, họ nhìn thấy túi đeo bằng da thú của đám đàn ông. Từng người đàn bà bước về phía một người đàn ông. Từng đàn bà quỳ xuống trước mặt một người đàn ông, từng người đàn bà trải một mảnh chiếu cho người đàn ông mình đã chọn. Từng người đàn ông ngồi xuống gần lửa. Từng người đàn ông lấy thịt ra đưa cho đàn bà đang quỳ trước mặt mình. Từng người đàn ông chìa tay ra cầm thịt nướng. Đám đàn ông không dám đưa thịt lên mồm. Họ muốn xem N'kon-le làm thế nào. N'kon-le ăn. Đám đàn ông đưa thịt lên mồm. Họ nói: "Trước kia, ngày nào thịt của bọn ta cũng nhoet những máu, mà đen ngòm. Trước kia, ngày nào thịt ăn cũng chẳng ngon. Nhưng thịt này thì ngon đấy".

NGÔI NHÀ ĐẦU TIÊN

Sau bữa ăn, N'kon-le nói: "Tôi muốn ở lại đây". Trong số các đàn ông khác, bốn người nói: "Bọn tôi muốn ở lại đây". Năm người cả thảy ở lại với đám đàn bà. Số còn lại thì quay về.

N'kon-le vào rừng đẵn gỗ. Đám đàn bà nhìn người mà nói: "Để làm gì thế?" N'kon-le và mấy người đàn ông đáp: "Bọn tôi quen thói đẵn gỗ".

N'kon-le đi tìm dây mây. N'kon-le dựng một ngôi nhà. Đám đàn bà nhìn người trùng trùng mà nói: "Để làm gì thế?" Máy người đàn ông đáp: "Bọn tôi quen thói dựng nhà".

Dựng xong năm ngôi nhà, năm người đàn bà và năm người đàn ông nổi lửa trong nhà. Đàn bà cũng xách nước về nhà. Trời lên cơn mưa, đàn bà nhận thấy nhà ở nơi ẩm náu tốt, họ không giấu vẻ kinh ngạc. Họ nói: "Tốt đấy". Tất cả những thứ đó đều làm cho họ khoái.

Nhưng những người đàn ông đã trở về làng đàn ông tất cả những người ấy, sau vài hôm lại thấy lòng nặng trĩu. Họ quay lại xứ đàn bà, dựng nhà ở đó, họ ở lại đó.

GIẤC NGỦ ĐẦU TIÊN

N'kon-le dựng nhà xong. Vợ người nổi lửa trong nhà, mang củi về nhà. Đêm đến N'kon-le cởi tấm lê da thú mà người khoác đằng sau. N'kon-le trải nó xuống sàn nhà, sát bên lửa. Phải dùng tấm lê da thú của người làm chỗ nằm cho vợ người. N'kon-le cởi tấm lê da thú người khoác đằng trước. N'kon-le trải nó lên sàn nhà, giữa chỗ vợ người nằm và vách nhà. Phải dùng tấm lê da thú của người làm chỗ nằm cho người. N'kon-le nằm xuống rồi ngủ. Sáng ra, gà gáy. Người mệt, người vẫn ngủ. Vợ người ra ngoài, đi tắm. Vợ người trở về nhà, bảo N'kon-le: "Sao mình còn ngủ?" N'kon-le đáp: "Tôi mệt, vì tôi đã ăn nằm với mình". Nhưng buổi mai đến rồi. Đúng đàn ông đi săn. Nhưng N'kon-le mệt. N'kon-le không đi săn. Không bao lâu, đám đàn ông đi săn về, mang về thú mỗi bắt được. Đám đàn bà nướng thịt thú mỗi.

Vợ N'kon-le bảo chồng: "Mặt trời lặn, thì gà vào chuồng. Ban đêm, hai đứa ta phải làm hai lần việc hôm

qua ta đã làm vào lúc cuối đêm". Người vợ nói thế. Họ làm đúng lời người vợ bảo. Người vợ rất xinh. Người vợ rất đẹp.

Nhưng chỉ vợ chồng N'kon-le làm việc họ đã định làm. Còn người đàn bà khác, những đàn ông khác thì chỉ có ngủ khò. Họ chẳng dùng đêm vào việc gì cả.

ĐÚA CON ĐẦU LÒNG

Vợ N'kon-le phình ra. Vú của vợ N'kon-le căng lên. Đám đàn ông hỏi nhau: "Rồi chuyện gì sẽ đến nhỉ". Đám đàn bà hỏi nhau: "Rồi chuyện gì sẽ đến nhỉ?"

N'kon-le họp tất cả thầy đàn ông lại trong nhà người rồi nói: "Bọn đàn ông chúng ta khác lũ người có túi ấy". Đám đàn ông họp trong nhà N'kon-le đáp: "Tất là thế!".

N'kon-le bảo: "Đêm, các người cứ xáp vào vợ các người đi. Các người sẽ thấy có một con người khác thoát đến từ vợ các người. Thực thế, một con người khác sẽ từ vợ các người thoát đến".

Trong đám đàn ông họp tại nhà N'kon-le để nghe người bày chuyện đó cho, có một người đi về gặp vợ. Rồi người ấy quay lại nhà N'kon-le, nơi tất cả thầy đàn ông đang họp để nghe người bày chuyện đó cho. Người ấy hô to: "Lại thích lắm nữa kia!".

N'kon-le đã bày chuyện đó cho đám đàn ông. Đám này bèn đi gặp vợ. Đám đàn ông hỏi vợ: "Sao không bảo chúng tôi từ trước?" Đám đàn bà đáp: "Thế nào! Các người chẳng phải là đàn ông đấy à?"

Vợ N'kon-le chỉ mang thai có mỗi một tháng. Sau đó, người sinh ra một trai.

Làng thịnh lên. Đám đàn bà khỏe mạnh. Có đủ để nuôi ăn tất cả mọi người. Mọi người đều khỏe mạnh.

LUỒNG BUÔN ĐẦU TIÊN

Nhiều đàn ông không còn thích để vợ ở nhà một mình nữa. Chỉ có những người nào thiếu lòng tốt mới đi săn. Còn ai không đi săn thì mua lại thịt thú mồi của những người kia săn được. Luồng buôn đầu tiên ra đời thế đấy.

ĐỒ GỐM ĐẦU TIÊN

N'kon-le dạo bên bờ nước. Đất sét dính vào chân người. Mặt trời sáng rực. Đất sét cứng lại. N'kon-le quay lại bờ sông. Người lấy đất sét nặn thành nỏ tẩu. Người cho cỏ vào nỏ tẩu mà hút.

Có hôm người đánh rơi cái tẩu. Tẩu không vỡ. Người lại đánh rơi cái tẩu; tẩu không vỡ. N'kon-le lạ lắm. N'kon-le nói: "Có lửa, đất này tốt ra". N'kon-le cùng vợ xuống tận sông. Vợ chồng N'kon-le mang nhiều đất sét về. Người dùng xương sườn thú vật mà trải đất sét ra, vừa trải vừa trộn cho nhuyễn, rồi uốn cong lớp đất, miết cho nó bóng, làm thành cái hũ. Người phơi hũ bốn ngày liền ra mặt trời. Rồi người chắt gỗ quanh cái hũ. Người châm lửa lên. Người chắt nhỏ gỗ *Mu-man-gu*⁽⁶⁾ ra, cho vào nước. Nung hũ xong, người rưới nước gỗ *Mu-man-gu* lên. Thế là cái vò đầu tiên ra đời. Rồi N'kon-le nặn đủ thứ đồ gốm.

NGHỆ THUẬT DỆT

N'kon-le dạo chơi trong rừng. Người gặp cây cọ ra-phi-a⁽⁷⁾. Người nhận thấy thớ của cọ ra-phi-a là thớ tốt. Người lấy thớ về. Người phơi thớ ba ngày ra mặt trời. N'kon-le lấy một mảnh vỏ cọ, buộc các thớ ra-phi-a vào

đấy. N'kon-le đóng một khung cửi, nhưng không một người đàn ông nào biết dệt, không một người đàn bà nào biết dệt. Còn N'kon-le thì biết, người bắt tay vào dệt. Trong hai ngày, người dệt được hai tấm vải. Hôm sau, người lại dệt hai tấm nữa. Người cắt các tua mép đi, khâu các tấm vải lại. Người đưa cho vợ làm đồ mặc. Tất cả đàn bà nhìn thấy vợ N'kon-le. Họ nói: "Ô, đẹp quá!". Tất cả đàn ông nhìn thấy vợ N'kon-le. Các đàn bà khác đều muốn có vải giống vải của vợ N'kon-le. Họ bảo chồng: "Chúng tôi muốn có vải như thế".

Đám đàn ông đến gặp N'kon-le. N'kon-le bảo họ: "Các người không có mắt. Các người chẳng thấy gì sất. Mà tôi thì tôi đã cho các người thấy khối thứ rồi. Hãy mang thịt đến cho tôi cái đã". Đám đi săn mang đến hai con linh dương. N'kon-le trao hai tấm vải lấy một linh dương. Còn lấy con kia thì N'kon-le dạy cho đám đàn ông dùng khung cửi. N'kon-le nói: "Cho các người thấy thế là đủ rồi. Giờ, ta là chúa của các người..."⁽⁷⁾.

-
- (1) Vùng sông Công-gô, nơi người Ka-xai cư trú, không thuộc miền Tây Phi, mà đã thuộc miền Xích đạo. Dù sao, vẫn có thể xem đấy là miền cực Nam của Tây Phi. Hơn nữa, đấy là miền rừng, mà rừng ở mức cực hạn: rừng Xích đạo. Chọn một ví dụ ở trên biển, và trong một môi trường thiên nhiên khác hẳn môi trường đồng cỏ, chúng tôi muốn cung cấp cho bạn đọc một cơ sở đối chiếu.
 - (2) Cách nói nửa kín, nửa hở có tác dụng gây cười, để liên hệ đến đôi vú của phụ nữ.
 - (3) "Tôi" ở đây là người kể chuyện đang kể trước đám đông.
 - (4) Xem lại chú thích (2).

- (5) Đồ mặc đơn giản chỉ quây quanh hông để che chỗ kín và che hông.
- (6) Người trích tích chuyện này để đưa vào sưu tập chuyện cổ Phi Châu của mình (nhà văn Tri-ca-gia U Tam-xi, người Công-gô) không chú thích là loài cây gì.
- (7) Nhận xét chung về toàn bộ tích chuyện - Người đầu tiên công bố tích chuyện này (nhà dân tộc học Lê-ô Phrô-bê-ni-út-x người Đức) đã cố tìm dùng một văn phong cực kỳ đơn giản, có lẽ cố bám lời người kể, cho hợp với thời xảy ra câu chuyện, thời khởi nguyên của loài người. Đừng vì vậy mà hiểu lầm rằng ngôn ngữ của người Ka-xri "nguyên sơ" đến thế: dù sao, miền rừng Xích đạo, đặc biệt lưu vực sông Công-gô, là miền đã từng chứng kiến sự ra đời của một số nhà nước sơ khai.

Điều kỳ thú của tích thần thoại này là: Khác với thần thoại của người Kô-nô, của một tộc ở Cốt Đi-voa, của người Kha-xông-kê (xem lại các tích X), tích này nêu bật vai trò của nhân vật mà các nhà thần thoại học ngày nay đều gọi là "anh hùng văn hóa" (hay "anh hùng khai hóa"): một trong những vị tổ đầu đã thông qua những phát hiện của mình (thường là những kỳ tính huy hoàng) mà nâng cao cuộc sống vật chất - xã hội - tinh thần của loài người ban sơ qui định nếp sống tối ưu cho cộng đồng (thực ra, là nếp sống cổ truyền của tộc người). Nhân vật N'kon-le ở đây cũng thế: phát hiện ra đàn bà, qua đó mà phát hiện ra lửa và thức ăn chín, phát hiện ra hôn nhân và hiện tượng sinh con đẻ cái, phát hiện ra kỹ thuật làm gốm, kỹ thuật dệt, để rồi, cuối cùng, trở thành "chúa" của cộng đồng (thủ lĩnh?).

Một chi tiết thôi, nhưng không kém phần lý thú: Loài người buổi thoát đầu, theo tích chuyện, vốn không phải là một hỗn thể gồm cả nam lẫn nữ, mà hai giới ấy vốn tách rời nhau, mỗi giới có cái mạnh và cái yếu riêng (giới này có đồ mặc, giới kia sống trần truồng; giới này không có lửa, giới kia có...). Và phải qua tay người "anh hùng văn hóa" thì hai giới mới hỗn hợp lại thành một nhân loại hoàn chỉnh, có văn hóa. Tiền đề của Âm, Dương, và các dạng phối hợp Âm - Dương chẳng? Dù sao, sự tồn tại của một cộng đồng thuần nữ, trước khi con người có văn hóa, không khỏi nhắc nhớ đến tập đoàn nữ binh A-ma-dôn trong thần thoại Hy Lạp cổ.

12. CÁC THẦN BÉ NHỎ Ở NÚI NIM-BA

(Tộc người Kô-nô)

Bà của La-bi-lê Ku-in-lô⁽¹⁾ có nhiều anh em, trong số đó có một người làm nghề thợ rèn ở G'ba-kô-rê. Hồi còn trẻ, có lần, nhân một chuyến đi săn, ông ta đi vào một khu rừng trên triền Bắc của dãy núi Nim-ba mà đặt bẫy⁽²⁾. Ông đang ngược thung Ca-van-li rậm rạp, bỗng đêm ập đến.

Trời tối như mực, người đi săn lạc. Trong bóng đêm, ông không tài nào tìm được lối về. Đang dò dẫm bước, ông chợt đặt chân vào một con đường sáng sửa trước kia ông chưa từng biết.

Lối mòn lạ lẫm này đưa ông tới một làng có những đám lửa đang cháy bập bùng.

Tại chốn này, trong các túp lều nhỏ, ông gặp những con người kỳ quặc, bụng thì phệ, da thì trắng. Họ tiếp đón người đi săn tử tế lắm, mời ông ăn, rồi mời ông ngủ lại trong nhà họ chờ trời sáng.

Thực ra, đó là *Giê-u-hin-ga*, những thần nhỏ trấn núi⁽³⁾. Thỉnh thoảng dân vùng này nghe được tiếng họ vỗ trống giữa đêm tĩnh mịch.

Quá mệt, người đi săn nhận lời mời của các vị thần, lòng biết ơn các vị lắm.

Nhưng sáng sau, khi ông tỉnh dậy vào lúc trời tờ mờ sáng, thì làng đã biến đâu mất, ông thấy mình đang nằm lơ lửng ở một nơi xa khuất trong khu rừng.

Một lúc sau, ông tìm được lối đi quen, rồi trở về G'ba-kô-rê bình an vô sự.

-
- (1) Tên người đã kể tích chuyện này cho người sưu tầm (B.Hô-la) ghi.
 - (2) Theo lời chú giải của người sưu tầm, đã làm nghề thợ rèn, mà lại kiêm cả săn bắn, thì con người đó, dưới con mắt của tộc Kô-nô, là một nhân vật có "linh cảm khác thường". Lưu ý rằng nhiều tộc người ở Tây Phi, kể cả những tộc đã theo đạo Hồi, gán tài phù phép cho người thợ rèn. Hơn thế nữa, vẫn theo nhận xét của B. Hô-la. người thợ rèn trong tích chuyện này lại vào núi mà đặt bẫy, mà núi, theo quan niệm của người Kô-nô, là "dạng kết tinh của Đất" , là cõi thần bí của người Thợ Rèn".
 - (3) Về các nhân vật siêu nhiên dưới con mắt của người Kô-nô, người sưu tầm (B. Hô-la) chú giải như sau: Ngoài các vị thần lớn, những vị thường có mặt trong thần thoại, mỗi vị có tên riêng, có chức năng riêng, thì, tiếp xúc nhiều hơn với con người sống ở trần gian này, là các "tinh linh". Nói chung, có hai loại "tinh linh", mà người kể chuyện Kô-nô nhiều khi cũng gọi là "thần": 1) Ni, tức hồn của người đã chết, mà nơi cư trú là một thế giới ở dưới đất; 2) hin, tức tinh linh náu mình trong thiên nhiên bao quanh người sống, thường là không có tên riêng. Số phận của hai loại "tinh linh" cũng khác nhau: 1) Ni sẽ "đầu thai" để trở lại trần gian; 2) còn hin thì có khả năng thăng hoặc hiện thân qua những vật mà B. Hô-la gọi là "hình ảnh đeo tạc" (các mặt nạ đeo bằng gỗ).

Riêng về các giê-u hin-ga trong tích này, người sưu tầm cho biết nghĩa đen của từ kép ấy: "Tinh linh Lòng Đất" (Hin-ga là số nhiều của hin). Núi, hang, lòng đất, về mặt hình ảnh mà nói, có thể gọi lên nhau. Về phần chúng ta, đừng quên rằng người lùn sống trong lòng đất có mặt trong văn học truyền miệng của rất nhiều cộng đồng trên thế giới, kể cả ở nước ta (người Mường, người Thái, người Tày, người Pu Páo, một số tộc Thượng...)

13. CÁC THẦN TRẦN NÚI XI-A

(Tộc người Kô-nô)

Thuở xưa, xưa lắm, núi Xi-a cũng có linh hồn như mọi sinh vật khác. Mỗi khi dân ở Lô-la đánh nhau với dân các vùng gần đấy, thì núi cử đến giúp họ vô số *Giê-u-hin-ga*, tức các vị thần bé nhỏ ở trong bụng núi⁽¹⁾.

Những chú chàng bé nhỏ này luôn luôn xuất hiện bên cạnh các chiến binh Kô-nô, rồi bí mật biến đi khi cuộc chiến kết thúc thắng lợi.

Hàm ơn, sau mỗi lần chiến thắng dân Lô-la lại hiến sinh lên các *giê-u-hin-ga* những người được chọn trong đám quân bại trận.

Trừ khi người da trắng tới, thì không còn chiến tranh trong xứ này nữa, cho nên, thay vì người, núi chỉ còn nhận được những lễ vật như gà mái, mà cũng ngày càng hiếm đi.

(1) Về các *giê-u hin-ga*, xem lại chú thích 3 dưới tích 12.

Còn thành ngữ "trong bụng núi", theo lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la) còn có thể hàm chỉ tập tục buộc những người thụ lễ "nhập môn" phải ở ẩn tại một địa điểm thiêng kín đáo, nơi người ngoài cuộc không được đến, mà nơi ấy có thể là một ngọn núi thiêng.

14. RẮN HÌNH THÂN CÂY

(Tộc người Kô - nô)

Trong một làng dưới chân núi Nim-ba, xưa kia có một người đàn bà rất giàu, với mười bảy người con.

Rồi một hôm bà mất sạch, mất cả của cải, cả con cái.

Trong con khốn quẫn, bà cầu xin tất cả các tinh linh trong rừng tới giúp bà, nhưng vô hiệu. Cuối cùng chỉ còn có Di-k'pô-đa, tinh linh tối uy, mà không ai biết được nơi ở là đâu.

Ngày lại ngày trôi qua...

Cuối cùng một buổi sáng, ngay giữa một khoảng thưa rộng giữa rừng, bà gặp Di-k'pô-đa. Thần gọi bà lại mà bảo: "Đừng có sợ. Ta là Di-k'pô-đa, bậc tối uy giữa tất cả các tinh linh. Ta sẽ chấm dứt mọi nỗi đau khổ của người. Giờ thì người quay về làng đi, bện một sợi dây càng dài càng tốt. Xong người mang ngay đến đây cho ta."

Vài hôm sau, theo đúng lời dặn của Di-k'pô-đa cầm lấy, dùng than bôi đen sợi dây, tẩm vào một chất bùa phép. Rồi thần trải dài sợi dây từ đầu nguồn sông đến cửa biển. Xong, thần xuống lên vài lời không ai hiểu được. Sợi dây biến thành một con rắn khổng lồ.

Di-k'pô-đa nói: "*Đây là Tun k'pa-la g'bô-nô* (Rắn lớn). Bất cứ lúc nào người ao ước một điều gì, người cứ nói với nó".

Không bao lâu vận rủi đã quay lưng đi, bà trở lại giàu có, sinh thêm mười bảy người con⁽¹⁾.

-
- (1) Tóm tắt nhận xét của người sưu tầm (B.Hô-la) đối với một số hình tượng trong tích truyện - Con sông nói đây là một con sông có thực chảy trong vùng được lưu hành tích chuyện này: sông Ca-vin-li, Trọng hệ biểu tượng của người Kô-nô, Sông (hiện tượng có thực) và Rắn (hình ảnh "ẩn dụ" của Sông) lại gắn với ba "Khái niệm song song": sự Sống - Phồn thực - Cửa cái. Gắn Sông (Nước chảy) với sự sống là chuyện đã quá phổ biến trên thế giới. Đừng quên rằng, trong tư tưởng tôn giáo của nhiều cộng đồng cổ, hình ảnh Rắn được gắn với Dương vật (sức Phồn thực, sức mạnh sinh sôi nảy nở). Còn con số 17 trong tích truyện, thì người sưu tầm chưa tìm ra ý nghĩa trong hệ biểu tượng của tộc người Kô-nô: ông ngờ rằng nó chỉ nói lên số nhiều thôi.

15. MA Ở KÁT-XI-Ê-TA

(Tộc người Kô-nô)

Mọi người đều biết rằng ngày thứ bảy là ngày xấu⁽¹⁾. Nhưng có lần một người đàn ông và một người đàn bà ở làng Kát-xi-ê-ta, thuộc tổng Mốt-xô-rô-đu-gu hiện nay, cứ đi làm đồng vào một ngày thứ bảy.

Người đàn bà tới trước. Chị ngạc nhiên thấy một nhóm những ông già đang ngồi nói chuyện dưới bóng cây.

Chị ta càng sửng sốt khi nhận ra trong đám bô lão đó một số người đã sống trong làng thời chị còn trẻ, và đã qua đời từ lâu lắm rồi! Đó là các *ni* (tinh linh người chết, hay ma)⁽²⁾.

Đột nhiên, một người trong đám ấy quay về phía người đàn bà đang chết khiếp mà hỏi: "Mi không biết hôm nay là ngày thứ bảy hay sao, hả con khốn nạn kia? Mi tìm gì ở đây?"

Nghe thấy thế, người đàn bà run rẩy trả lời: "Chồng con bảo con tới đây để tìm thóc trong vựa. Anh ấy đi sau con".

Vị bô lão ra lệnh:

"Gọi nó lại đây".

Người chồng vừa tới nơi, các *ni* bảo người vợ về làng thông báo cho tất cả dân làng biết rằng ai mà đi làm đồng vào ngày thứ bảy thì sẽ bị trừng phạt nặng nề.

Rồi các *ni* nhảy bổ vào người chồng, giết chết anh ta.

-
- (1) Lịch Hồi giáo, tuy khác hẳn dương lịch, cũng chia thời gian thành tuần bảy ngày. Có điều rằng người suu tầm và dịch (B.Hô-la), khi chuyển ra Pháp văn, lại dùng từ "samedi", tức "thứ bảy" của tuần lễ dương lịch. Mà từng ngày trong tuần lại không khớp nhau giữa hai loại lịch. Không rõ người Kô-nô đã tiếp thu lịch Hồi hay dương lịch. Họ không theo đạo Hồi. Hay là lịch cổ truyền của họ cũng phân thời gian thành tuần bảy ngày?
 - (2) Về khái niệm Ni, xem lại chú thích 3 dưới tích 12.
 - (3) Tóm tắt nhận xét chung của người suu tầm (B.Hô-la) đối với toàn bộ tích chuyện - Tích này cho ta một hình ảnh về con ma (ni, theo cách nhìn của người Kô-nô; nhưng nó vốn xuất phát từ một ý đồ khác, từ nhu cầu biện hộ cho một tục cấm kỵ của tộc người: kiêng lao động, trước hết là lao động đồng áng, vào ngày thứ bảy hàng tuần.

16. KHU RỪNG BÍ ẨN

(Tộc người Kô-nô)

Thuở xưa, khu rừng trải dài giữa Lô-la và đồng cỏ rộng Ti-n'giê-mô-gia là khu rừng rất thiêng. Chính đây là nơi chôn cất người chết thuộc dòng họ Đô-rê.

Đây cũng là nơi chiến tù bị chặt đầu dưới gốc một cây lớn.

Tối nào cũng vậy, đôi khi cả đêm khuya nữa, có những tiếng động kỳ lạ từ rừng thiêng vang lên: Tiếng trống vỗ⁽¹⁾, tiếng còi rít, tiếng kèn thổi, tiếng bò rống, tiếng cừu kêu, tiếng chó sủa... Những lúc ấy chẳng ai dám ra khỏi nhà.

Cũng qua những tiếng âm ỉ đó mà thỉnh thoảng dân ở đây biết trước được có một thủ lĩnh lớn về chính trị hay tôn giáo sắp qua đời.

Đàn bà, con trẻ, cũng như bất cứ ai không xăm mình⁽²⁾ đều bị cấm tuyệt đối không được vào trong rừng này. Cả đến đàn ông mà đi qua đây vào giữa trưa cũng sẽ lẫn ra ốm, nôn ra máu.

Nhưng rồi tục lệ đổi thay, ngày nay người ta không tế sinh ở khu rừng thiêng này nữa.

(1) Người Tây Phi không đánh trống như ta, mà vỗ trống bằng tay.

(2) Nghĩa là chưa qua "lễ nhập môn", chưa phải là thành viên đầy đủ tư cách của cộng đồng.

17. NGỌN NÚI G'BAN THIÊNG LIÊNG

(Tộc người Ma-nô)⁽¹⁾

Thời G'bi-an Đô-rê⁽²⁾ còn ở làng Đa-g'bay, ông thường phải đánh nhau với những người từ Li-bê-ri-a⁽³⁾ đến. Lực lượng địch mạnh lắm, đến mức ông quyết định phải liên kết với dòng họ G'bê-rê ở Ni-ông. Quyết định rồi, ông lên đường đi Ni-ông ngay. Nhưng ông vừa rời khỏi làng thì quân thù tấn công vào Đa-g'bay, và tàn sát hết dân làng.

Đêm sau, G'bi-an không thể nào ngủ được. Linh hồn của những người bị giết không ngừng quấy nhiễu và trách móc ông. Bị các hồn ma đe dọa, G'bi-an trốn tới Đan. Nhưng người chết vẫn đuổi theo ông, rồi từ đó ở hẳn trong dãy núi G'ban. Bị hành cực quá, vị thủ lĩnh phải hòa giải với các hồn ma đã chịu xúc phạm: ông dâng lễ cúng họ tại chân núi họ ở.

Từ đó trở đi, ngọn núi này thành thiêng không người lạ nào dám đến gần, sợ gây bức bối cho linh hồn người chết. Các linh hồn ấy thường hiện ra trước mắt người sống thành những con tinh linh⁽⁴⁾.

(1) Một tộc người ở sát cạnh địa bàn Kô-nô, rất gần tộc Kô-nô về nhiều mặt, về ngôn ngữ, về phong tục - tập quán... Người sưu tầm (B.Hô-la) chỉ đưa có mỗi một tích Ma-nô vào sưu tập truyện Kô-nô của mình, với mục đích so sánh thôi.

- (2) Một vị tổ có thực, sống cách đây chưa quá lâu, của dòng họ Đô-rê, dòng thủ lĩnh của một vùng Kô-nô, cả của một vùng Ma-nô nữa - qua đó ta thấy rõ hiện tượng trộn lẫn giữa hai tộc người cư trú sát cạnh nhau.
- (3) Một nước ở Tây Phi, trên bờ vịnh Ghi-nê, đã ra đời với tư cách quốc gia từ nửa đầu thế kỷ XIX, người thành lập là một số nô lệ da đen được giải phóng hồi bấy giờ và từ Hoa kỳ trở về đất gốc. Nhưng cư dân nước này bao gồm cả những tộc người bản địa vốn cư trú tại chỗ từ xưa.
- (4) Nhận xét chung của người sưu tầm đối với toàn bộ tích chuyện - Để trở thành thiêng, một ngọn núi phải được gắn vào quan niệm của cộng đồng địa phương về các nhân vật siêu nhân. Nếu người Kô-nô gắn núi thiêng của họ vào các tinh linh trấn thiên nhiên (xem lại các tích 12, 13), thì, với tích chuyện này, người Ma-nô lại gắn núi G'ban trong vùng họ với ma, linh hồn người chết.
- Riêng về đề tài người chết biến thành tinh linh (một loài vượn lớn Phi châu), ta sẽ còn gặp lại qua một số tích khác được đưa vào sưu tập này.

18. NGƯỜI ĐI SĂN VÀ DÂN Ở DƯỚI SÔNG

(Tộc người Lô-bi)

Có người đi săn quen thói cứ nấp trên một cây gần sông. Có hôm anh thấy một con thủy ngưu⁽¹⁾ ra khỏi nước, vừa thở vừa leo lên bờ, nhìn quanh quất, rồi bắt đầu ngoạm cỏ. Không bao lâu nó đến gần cây trên có anh đi săn đang nấp: anh nhận thấy con vật không có đuôi.

Người đi săn lặng lẽ nấp súng, nâng nòng lên, ngắm bắn. Viên đạn trúng ngay thân thủy ngưu, nó bỏ chạy. Anh tụt xuống, tìm bên bờ nước, trong bờ bụi, trong cỏ rậm, tìm mãi mà không ra⁽²⁾. Mệt quá, anh ngồi nghỉ dưới bóng cây.

Hồi lâu, có một khách lạ đi qua. Khách chào anh, rồi hỏi: "Tên *Kun-hi-ri*⁽³⁾ của anh là gì?". Tên "Kun-hi-ri của tôi là Bê-bê". "Anh tìm cái gì ở đây?". Tôi nấp trên cây, bắn bị thương một con thủy ngưu. Thủy ngưu chạy mất, tôi tìm mãi mà không ra". "Con vật anh bắn trúng đó bé hay lớn?". "Lớn, mà không có đuôi". "Xuống nước, nó quen xuống chỗ nào?". "Chỗ này". "Được rồi. Hai chúng ta cứ coi nhau như bạn bè, rồi tôi chỉ cho anh biết con thú mỗi của anh ở đâu?". "Được, tôi cũng mong thế lắm". "Nơi tôi sắp dẫn anh đến là nơi hiểm đẫy, ai đến đó cũng chết cả, anh có sợ không?". "Tôi chẳng sợ gì?".

Khách lạ bèn bảo: "Ông chủ con thủy ngưu anh bắn chết đó sẽ cứu lấy đấy, nếu ông ta nhận ra anh. Để ông khỏi nhận ra, tôi xin đánh cho anh gãy một chân, mù một mắt". Nói rồi, anh đánh, xong, cả hai xuống nước, người đi săn theo sau anh kia. Đến dưới đáy, họ gặp một làng lớn, nhiều nhà, đi lại quanh các nhà là những con người bé mà đen, xa hơn là những đàn thủy ngưu và cá sấu, cả cá nữa. Thủ lĩnh làng đến gặp hai người khách lạ: đầu ông to, tóc ông dài. Ông hỏi: "Các anh đến đây tìm gì?". "Chúng tôi xin đến chào ngài", "Thế à, thế thì ta vui lòng lắm. Nhưng mà có tay đi săn nào đó lại bắn vào bờ của ta⁽⁴⁾ khi chúng đi ăn cỏ, ta không thích thế đâu. À, các anh cũng đi săn đấy nhỉ, để ta cho các anh thứ thuốc giúp các anh giết được thú mồi, nhưng không được dùng thuốc mà hạ bờ của ta đấy". Ông ta trao thuốc, hai người ra đi.

Sau đó, người đi săn bỏ chỗ nấp cũ, chọn chỗ nấp mới. Có hôm anh đang nấp ở đấy thì thấy rất nhiều thủy ngưu ra khỏi nước: anh nhận ra được các thủy ngưu của vị ở dưới nước. Anh bắn vào một con, con này quay lại nhìn anh.

Người đi săn trở về nhà ngủ, hôm sau anh đeo ống tên lên, rồi cùng dân làng đến bên bờ nước. Chẳng bao lâu họ đã tìm thấy xác con thủy ngưu, rồi bắt đầu xẻ thịt.

Họ không biết rằng vị ở dưới nước đang theo dõi họ: nhận ra được người đi săn giữa đám đông, ông ta rút về. Xẻ thịt và chia nhau rồi mọi người lên đường, người đi săn đi sau cùng. Bỗng anh thấy đau dội lên, rồi chết. Thấy vắng mặt anh, các bạn đường lo lắng đi tìm. Họ tìm ra

xác anh. Họ mới hiểu rằng anh đã bị dân dưới nước trả thù⁽⁵⁾.

-
- (1) Loài có vú, ở dưới nước nhưng cũng lên cạn được, dáng ồ ề thân to mà dài, có khi dài đến 4 mét, da rất dày, không có lông, đầu và mồm to, không sừng, sống ở châu Phi. Răng thủy ngưu được giới mỹ nghệ khắp nơi đánh giá là đẹp và tốt hơn ngà voi.
 - (2) Xác con thủy ngưu, vì người đi săn đã bắn trúng nó.
 - (3) Cũng như một số tộc người khác ở Tây Phi (thường là những tộc không theo đạo Hồi) mỗi người Lô-bi mang nhiều tên. Mặc dầu không được người sưu tầm chú thích, tên Kun-hi-ri nói đây có thể là tên nhận được qua "lễ nhập môn".
 - (4) Đối với người sống trên trần thế, thủy ngưu là loài thú hoang, nhưng đây lại là gia súc ("bò") của người dưới nước.
 - (5) Nhận xét chung đối với toàn bộ tích chuyện. Như vậy người Lô-bi xưa tin rằng có một thế giới ở dưới nước dành cho một loài người đặc biệt, mà nét nhìn thấy được ngay là vóc người bé nhỏ, không khác gì các tinh linh núi của người Kô-nô (xem lại tích 12, 13). Tuy cũng có những nét sinh hoạt giống người ở trần thế (sống thành làng, có nhà ở, có thủ lĩnh, biết chăn nuôi), người dưới nước lại có thể tác động bằng phương pháp siêu nhiên đến người ở trần thế (giết người đi săn từ xa). Cùng với vóc người nhỏ bé, khả năng siêu nhiên vừa nói cho phép tạm xếp loài người này vào loại "tinh linh". Nhân đây, xin nhắc lại rằng nhiều cộng đồng của nước ta cũng nói đến loài người tí hon ở một thế giới bên dưới, nhưng là dưới đất, chứ không phải dưới nước: ở ta, thế giới dưới nước, hầu được dành riêng cho một loài huyền hoặc khác, loài rắn khổng lồ có mào trên đầu như mào gà (Xông của người Mường, Prao của người Ba-na...).

19. NGUỒN GỐC CON NGƯỜI

(Tộc người Camba)

Những con người đầu tiên sinh ra từ tổ mối. Đó là một người đàn ông và một người đàn bà và một cặp vợ chồng. Từ trên trời hạ xuống cặp đàn ông, đàn bà thứ ba; cùng xuống với cặp vợ chồng này, có bò, dê và cừu. Bà con họ hàng của cặp vợ chồng trên trời xuống là những người thuộc bộ lạc ma và rất giàu có. Vừa từ trên mây bước xuống, cặp vợ chồng thứ ba này lập luôn ra một làng ở Nzaue⁽¹⁾. Hiện nay, tới đây, ta vẫn thấy tí trên mỏm đá cao dấu vết của người đàn ông đầu tiên từ trên trời xuống và những dấu tích của con dê và con cừu của người đó.

Những cặp sinh ra từ tổ mối đẻ ra con trai, con gái. Con trai của cặp vợ chồng từ trên trời xuống lấy con gái của những người sinh ra từ tổ mối. Cặp vợ chồng mới này được chia một ít gia súc. Con trai của một cặp vợ chồng sinh ra từ tổ mối lấy con gái của cặp vợ chồng từ trên trời xuống. Cặp vợ chồng mới này cũng được chia gia súc.

Từ hai cặp vợ chồng kết hợp trời đất đầu tiên này, sinh ra con cái. Những người con của họ lại lấy nhau sinh ra thêm nhiều người nữa. Cứ thế, con người dần dần trở nên đông đúc. Sau đó, vì đói kém, con người phải tản đi các vùng đất đai khác sinh sống, lập làng xóm. Vì thế mà có người Masai, người Kicuize...

(1) Nzaue - tảng đá ở gần Kulungu, tại tây-nam Ucamba (đất nước của người Camba hay Acamba).

20. NHỮNG HUYỀN THOẠI VỀ UNCULUNCULU⁽¹⁾

(Tộc người Zulu)

Unculunculu chui ra từ dưới đất. Ngài xuất hiện từ cây sậy và lấy cây sậy làm ra tất cả các tộc người. Unculunculu chui ra cùng mặt trời và mặt trăng. Ngài đặt mặt trời và mặt trăng lên trời và nói: "Mặt trời xuất hiện ban ngày, còn mặt trăng ban đêm".

Khi chui ra từ lòng đất, Unculunculu để ra những người da đen, những người da trắng, để ra dê, cừu, chó và thú rừng... Ngài sinh ra tất cả.

Unculunculu phái tắc kè tới với loài người. Ngài nói với con tắc kè: "Này tắc kè! Hãy đến với con người và nói với họ là: "Các người sẽ không phải chết". Tắc kè lên đường. Nó đi rất chậm vì nó phải tìm bụi cây để ăn.

Sau đó, Unculunculu phái thần lằn tới chỗ loài người. Ngài nói với nó: "Này thần lằn, hãy tới gặp con người và nói với họ "các người, kể cả người da trắng lẫn da đen sẽ phải chết. Tất cả các loài vật cũng sẽ phải chết".

Khi thần lằn bắt đầu đi thì tắc kè đã đang trên đường rồi. Nhưng vì đi nhanh hơn nên thần lằn đã tới chỗ con người trước và đã nói: "Con người sẽ phải chết, các loài vật sẽ phải chết!" Vì thế mà con người và loài vật đều không bất tử mà đều phải chết.

Unculunculu sinh ra một người đàn ông da trắng và một người đàn bà da trắng rồi nói: "Đàn ông phải lấy đàn bà" thế là từ đó sinh ra người da trắng. Ngài tạo ra một người đàn bà da đen và một người đàn ông da đen, rồi nói: "Người đàn ông da đen phải lấy người đàn bà này làm vợ". Từ cặp vợ chồng da đen sinh ra người da đen. Ngài nói: "Người da trắng sống ở ngoài biển" và cho họ quần áo.

Unculunculu nói: "Hãy để người da trắng có súng ống, còn người da đen có lao". Ngài nói tiếp: "Người da trắng mặc áo quần, còn người da đen mặc bằng da thú". Unculunculu nói với người da đen: "Đàn bà mặc áo bằng da bò, còn đàn ông phải làm quần áo cho mình bằng da thú và da cừu". Unculunculu nói: "Phụ nữ có chồng phải vắt khăn màu đỏ còn đàn ông có vợ phải đeo đai trên đầu".

Unculunculu nói: "Nước dùng để uống, lửa dùng để nấu nướng thức ăn". Ngài nói: "Phụ nữ phải cuốc đất gieo hạt, phải đi lấy củi, phải nấu nướng, phải làm rượu, còn đàn ông phải làm nhà, phải phát rẫy, phải làm cuộc cho phụ nữ, phải đánh phụ nữ để giữ gìn trật tự, phải nộp tiền để mua phụ nữ về làm vợ".

Unculunculu nói: "Nếu người chồng chết thì người em trai chồng sẽ là chồng những người vợ của anh để họ không thể thành vợ của người thuộc bộ lạc khác". Ngài còn nói: "Khi chết con người sẽ thành ma và người sống phải giết gia súc làm ma cho người chết."

(1) Unculunculu - vị thủy tổ huyền thoại của người Zulu, người Demiurg.

21. SÁNG THẾ

(Tộc người Masai)

Truyện kể rằng, sau khi tạo ra thế giới, thần làm ra Đôrôbô, voi cái và rắn. Một lần, Đôrôbô hỏi rắn:

- Sao mỗi lần mày thở vào người tao là tao thấy ngứa ngáy khó chịu đến nỗi phải gãi bật cả máu ra.

- Bố ơi! - rắn đáp - tôi không cố tình thở vào người bố.

Đôrôbô không nói gì cả. Nhưng, ngay chiều hôm đó, nó dùng gậy đập vào đầu rắn cho đến chết.

Sáng hôm sau, voi cái hỏi Đôrôbô:

- Rắn đâu ông nhỉ?

- Tôi không biết - Đôrôbô đáp.

Nhưng rắn biết là chính Đôrôbô đã giết rắn.

Đêm hôm đó, mưa to. Nhờ có mưa mà Đôrôbô có thể tắm táp được. Nó ra một cái vũng nước ngâm mình suốt nhiều ngày trời. Trong thời gian đó, voi đẻ con. Ít lâu sau, tất cả các vũng nước đều khô cạn, chỉ còn một vũng là có nước. Voi cái tới vũng nước. Sau khi ăn cỏ no, voi dầm vào vũng nước làm nước đục ngầu lên. Khi Đôrôbô tới vũng nước đó thì thấy nước đục không thể uống được. Tức lắm, Đôrôbô làm một mũi tên, rồi dùng tên giết chết voi.

Thấy thế, voi con quyết định:

- Đôrôbô thật xấu chơi. Thoạt đầu nó giết rắn, giờ lại giết mẹ mình. Mình không thể sống chung với hắn được.

Voi con tìm đến một chỗ khác. Tại đây, nó gặp một người Masai.

- Mà từ đâu tới? - Người Masai hỏi.

- Tôi từ chỗ Đôrôbô đến. Đôrôbô tồi lắm, nó giết rắn và mẹ tôi.

- Đúng vậy không? - người Masai hỏi.

- Đúng như vậy - Voi con đáp.

- Thế thì chúng ta cùng đến gặp Đôrôbô xem sao.

Người Masai và voi tới khu rừng và thấy vị thần lật ngược nhà của Đôrôbô khiến cửa nhà ngửa mặt lên trời. Vị thần nói với người Masai:

- Sáng mai ta muốn gặp anh để nói đôi điều.

Sáng hôm sau, người Masai tới gặp thần và nói:

- Thưa ngài! Tôi đã tới.

Thần bảo người Masai về dùng rìu làm một chuồng súc vật to trong vòng ba ngày.

- Sau đó, thần nói: "Anh vào rừng bắt lấy một con thú nhỏ nào đó. Anh đem con thú đó về làng làm thịt ăn, nhưng không được ăn. Anh gói thịt con thú vào miếng da rồi đốt lửa nướng. Anh hãy ẩn ở trong nhà chờ xem điều gì sẽ xảy ra".

Người Masai làm theo đúng lời thần dặn. Và khi đồng lửa bùng cháy, vị thần thả một tấm da dài từ trời xuống. Từng đàn, từng đàn súc vật từ trời xuống đất, đứng chật kín cả cái chuồng to mà không hết. Chỉ khi súc vật

chạy tóe ra, phá đổ cả nhà của người Masai thì thần mới cắt đứt tấm da không cho súc vật xuống tiếp nữa.

Từ đó, người Masai có súc vật, còn Đôrôbô thì phải đi săn lấy thịt mà ăn.

22. MULUNGU

(Tộc người Yao)

Ngày ấy, trên mặt đất chỉ có thú vật và thủ lĩnh của chúng là Mulungu. Một lần, tắc kè đi đánh cá và thấy trong lưới của mình có hai sinh vật lạ. Tắc kè rất ngạc nhiên vì nó biết đấy là hai con người. Tắc kè về nói cho Mulungu biết. Vị thủ lĩnh Mulungu nói:

- Chúng ta thử xem hai người đó sẽ làm gì.

Vừa được gỡ ra khỏi lưới, hai con người kia bèn đốt lửa. Cả khu rừng bốc cháy, thú vật phải bỏ chạy tán loạn. Hai người đuổi theo và giết chúng. Hết ngày này sang ngày khác, rừng vẫn bị cháy và thú vật vẫn bị giết. Cuối cùng Mulungu quyết định rời bỏ mặt đất. Nhưng Mulungu không thể leo lên trời được và vì vậy phải nhờ đến nhện - Nhện nhả tơ làm thang lên trời. Làm xong, nhện nói:

- Tôi đã lên tới trời rồi. Giờ thì ngài cứ theo cái thang này mà leo.

Theo cái thang tơ nhện, Mulungu leo được lên trời để trốn khỏi mặt đất.

23. HUVEANE LÊN TRỜI

(Tộc người Sutô)

Sau khi đã làm ra bầu trời và mặt đất, Huveane lên trời ở. Để lên được trời, ngài làm như sau: ngài dùng các cọc gỗ làm một cái thang cao tới trời rồi theo các bậc thang đó leo lên. Cứ lên tới bậc thang bên trên là ngài lại rút bậc thang bên dưới. Khi tới trời thì ngài vừa vặn rút hết các bậc thang. Huveane làm như vậy để con người không thể theo mình lên trời được.

24. VOI VÀ CON NGƯỜI ĐẦU TIÊN

(Tộc người Yao)

Từ trong sa mạc, một người đàn ông đi ra. Người đó chỉ có một mình và rất buồn. Voi đi qua gặp người đó và để cho người đó ngồi lên lưng mình, rồi đưa người đó đi khắp nơi. Người đàn ông đầu tiên đó, suốt nhiều năm trời cứ ngồi trên lưng voi để voi dẫn đi khắp khu rừng này sang khu rừng khác. Mỗi khi đói, voi lại lấy mật ong, trái cây cho người đó ăn. Dần dần, voi dạy người đó cách săn bắn và con người đầu tiên ấy đã trở thành người thợ săn tài giỏi.

Sau đó, voi đưa người đàn ông tới đất nước của mình. Tại đây, người đàn ông gặp người phụ nữ đầu tiên. Voi đặt người đàn ông xuống trước mặt người phụ nữ rồi quật gãy mấy cây gậy đó để cặp người đầu tiên làm nhà ở. Người đàn ông và người đàn bà sống với nhau thành cặp vợ chồng đầu tiên. Thoạt đầu họ sống nhờ vào việc săn bắt. Sau đây họ sinh ra rất nhiều con cái. Con cái họ chính là những người đầu tiên của bộ lạc Yao.

25. VÌ SAO CON NGƯỜI MẤT SỰ BẤT TỬ

(Tộc người Sagga)

Thần Riva nói với con người:

- Khi nào già, các người có phải lột da như con rắn thì sẽ trẻ lại. Nhưng nhớ là đừng để cho người xung quanh nhìn thấy lúc các người lột da, thì người sẽ chết ngay và con người sẽ mất luôn sự bất tử.

Lần đó, người già nhất của con người đến kỳ phải lột da. Để không ai quấy rầy, ông ta sai đứa cháu gái đem bầu nước đi lấy nước. Ông đục một lỗ nhỏ ở đáy bầu nước. Ông nghĩ: "Khi đứa cháu về tới nhà thì nước trong bầu sẽ cạn và nó sẽ lại phải trở lại nguồn nước để lấy nước. Trong khi nó đi đi, lại lại thì mình đã lột da xong". Thế nhưng, sự tính toán của người ông bị chệch, đứa cháu phát hiện ngay ra lỗ thủng trong bầu và bịt kín ngay lại. Về tới nhà, nó thấy ông nó đang lột da.

- Đồ khốn kiếp - người ông hét lên, - giờ thì ta sẽ chết và mọi người cũng sẽ phải chết vì cháu đã nhìn thấy ta khi ta đang lột da. Ôi, đau đớn thay!

Ông cụ chết và mọi người đuổi cô gái ra khỏi làng. Cô gái phải vào rừng sống và sinh con đẻ cái ở đấy. Đó là người Babuin và những con nhân hầu (khỉ - người). Cũng từ đó, người Babuin và giống khỉ được gọi là người rừng hay những đứa trẻ bị nguyên rủa.

26. DÒNG SUỐI THIÊNG VÀ VỤ CHẾT ĐUỐI ĐẦU TIÊN

(Tộc người Kô - nô)

Từ thuở nào không còn nhớ nổi, chẳng ai dám tắm rửa bên bờ suối thiêng nho nhỏ của làng.

Duy một người đàn bà có lần phạm phép, đem con ra đó tắm. Một con chim lớn chột vụt đến, lôi tuột thẳng bé xuống nước⁽¹⁾. Không làm sao được, người mẹ nhảy liều xuống nước cứu con, bị chết đuối. Còn con chim thì nuốt chửng cả hai nạn nhân.

Từ đó về sau, kẻ nào không tuân theo luật lệ của tộc mình đều phải chết chìm dưới nước.

(1) Người suu tắm ngờ rằng con chim này là một biến dạng của Xa, "cái chết" (mà tích 1 đã đề cập đến). Chim lớn, đao phủ của thần linh, hay kẻ đặc trách báo hiệu cái chết, lẽ tẻ xuất hiện trong truyền thuyết của một số tộc người ở Tây Phi.

27. TỤC XĂM MÌNH

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa có một làng Kô-nô nhỏ nằm một trận đói khủng khiếp. Đói quá, dân làng bị buộc phải ăn uống thiếu thốn, bần thủ. Ngoài chợ người ta có bán thực phẩm thật đầy, nhưng giá đắt như cắt cổ.

Để thoát cảnh cùng cực, một số đàn ông nghèo tụ tập lại, quyết định cướp thức ăn do đám đàn bà nắm. Muốn làm được việc đó họ vào rừng đẽo gỗ thành những mặt người dị dạng nom mà khiếp⁽¹⁾. Rồi qua phù phép họ tập nói trong họng bằng giọng khàn khàn, cứ như không phải giọng người.

Phiên chợ tới, họ khoác những áo quần quái dị vào, họ hét đến kinh hoàng mà nhào vào các bà bán hàng vừa vơ vét hết thực phẩm dự trữ, củ từ, củ sắn, khoai, gạo...

Đám phụ nữ khiếp sợ chạy trốn biệt. Thế là mấy ông đẽo mặt nạ cứ cầm những lưỡi dao nhọn hoắt mà chạy khắp làng, gặp đàn ông nào khác cũng cứ rạch lên thân người ta thành những vết sẹo nhỏ, để đánh dấu mối liên minh với vị thần do đám đẽo mặt nạ đại diện⁽²⁾.

Dân làng gọi vị thần này là K'la-hin (tinh linh thảo nguyên)⁽³⁾. Từ đó sẹo do những người đẽo mặt nạ gây nên được xem là dấu hiệu gia nhập vào cộng đồng mặt nạ⁽⁴⁾. Để tránh con thịnh nộ của thần linh, tất thấy đàn ông

trong làng đều rạch những vết nhỏ lên thân. Tất thấy đàn ông các làng bên cũng bắt chước làm theo.

- (1) Người kể chuyện muốn nói đến những mặt nạ nổi tiếng mà nhiều tộc người ở châu Phi đen và Tây Phi (những tộc không theo đạo Hồi) sử dụng trong nghi lễ tôn giáo, đặc biệt trong nghi lễ "nhập môn" (đã được lời nói đầu nhắc đến). Mặt nạ đeo bằng gỗ, còn được gia thêm những nét màu và một số phụ tùng (tóc, râu...) nhằm nhấn mạnh các đặc trưng của diện mạo nhân vật. Không những thế, kèm theo mỗi kiểu mặt nạ là những áo quần quái dị, có khi rực rỡ màu sắc, cũng nhằm nhấn mạnh các đặc trưng của nhân vật được thể hiện. Đã thế, người đeo mặt nạ, trong nhiều trường hợp, lại đi cà kheo cao hơn đầu mọi người dự lễ, vì anh "diễn vai" thần linh, cũng phần nào để cho đám đông nhìn thấy rõ nhân vật anh thể hiện. Mỗi mặt nạ có kiểu cách tạo hình riêng, có tên gọi riêng, vì ứng với một vị thần hay tinh linh nhất định.
- (2) Trên bình diện xã hội, xăm lên thân là một trong những thử thách mà từng người đến tuổi trưởng thành phải trải qua trong lễ "nhập môn" để trở nên thành viên chính thức của cộng đồng.
- (3) "Tinh linh thảo nguyên" không chỉ một vị, mà bao gồm nhiều vị, không có tên gọi riêng. Nói chung, đây là những lực lượng thiên nhiên đại diện cho môi trường bao quanh người sống trên thảo nguyên, mà người ấy phải tiếp xúc hàng ngày, những lực lượng có thể che chở cho con người, nhưng cũng có thể tác hại đến họ (nếu không được đối xử chu đáo, không được hiến tế đầy đủ, chẳng hạn).
- (4) Nói chung, ngày thường thì các mặt nạ nghi lễ được giấu tại một nơi kín ở trong rừng, dưới sự kiểm soát của các bộ lão được làng cử ra giáo dục cho thanh niên thụ "lễ nhập môn" qua từng đợt, không ai được nhìn "cấm kỵ", vì đây là hiện thân vật chất của thần linh. Không ít những trường hợp mà việc kiểm soát nói trên lại ở trong tay của "hội nam giới", đoàn thể bao gồm mọi người làng đã thụ lễ "nhập môn". Việc cấm kỵ nhìn mặt nạ vào ngày thường đặc biệt nghiêm khắc đối với phụ nữ.

28. NGUỒN GỐC CỦA TỤC XĂM MÌNH THEO TỘC NGƯỜI

(Tộc người Kô-nô)

Có hôm, một ông vua Lô-ma⁽¹⁾ đầy quyền uy mà độc ác quyết định đánh dấu đám chiến tù đông đảo của ông, để phân biệt họ với dân tự do. Nhằm chuyện đó, ông cho xăm lên thân họ, khắp ngực và lưng, những vết rạch nhỏ.

Vua qua đời, tập tục này vẫn tiếp diễn. Rồi thời gian trôi qua, ý nghĩa hạ nhục buổi đầu bị quên đi, nên cuối cùng tất thấy đàn ông xứ Lô-ma đều chấp nhận tục xăm hình lên da. Rồi các tộc láng giềng người Ghéc-dê, người Ma-nông, người Kô-nô, cũng noi gương họ⁽²⁾.

Ngày nay, đàn ông thuộc các tộc này nhất thiết phải hứng chịu cuộc mổ xẻ ấy, mà phải trả công bằng lễ vật: các thủ lĩnh và những người giàu trả một bò, còn người nghèo thì một cừu, hai gà trống trắng và nhiều hạt kô-la⁽³⁾.

(1) Tên một tộc người hiện cư trú trong cùng một vùng với người Kô-nô: Lô-ma là tên tự xưng, còn tên được dùng rộng rãi, cả trên công văn và sách báo là Tô-ma.

(2) Nhiều tộc còn xăm trên mặt nữa. Tại những vùng có nhiều tộc người cộng cư, người ta phân biệt bằng mắt người thuộc tộc này với người thuộc tộc kia chủ yếu qua những nét xăm trên mặt, vì mỗi tộc xăm thân và xăm mặt theo kiểu cách riêng.

(3) Xem lại chú thích 10 dưới tích 10.

29. TẠI SAO NGƯỜI VÊ-PÔ KHÔNG XĂM MÌNH

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa, dân ở Vê-pô⁽¹⁾ cũng như mọi người Kô-nô thôi, đều chịu lễ xăm mình theo tập tục. Những người chịu lễ bị buộc phải ở ẩn một thời gian nhất định trong một cái hang⁽²⁾. Nhưng một hôm, khi các môn đồ đang tập trung tại chốn làm việc gì đấy - thì hang bỗng sập xuống vùi hết mọi người. Môn đồ duy nhất còn sống sót mang tin buồn về làng. Từ đó, người Kô-nô ở Vê-pô loại bỏ tục xăm mình trong vùng cư trú của họ⁽³⁾.

(1) Tên một địa phương nhỏ thuộc địa bàn của tộc người Kô-nô trên đất cộng hòa Ghi-nê hiện nay.

(2) Nói chung, nơi tiến hành "lễ nhập môn" (qua đó người thụ lễ phải chịu đựng một số thử thách, mà xăm mình chỉ là một) phải là nơi kín đáo, người ngoài cuộc, nhất là người chưa "nhập môn" không được đặt chân đến. Tùy tập tục của từng tộc người, từng địa phương, nơi đó có thể là, một ngọn núi thiêng, một khu rừng thiêng, nhiều khi là một mảnh đất được rào kín nhưng có trường hợp là một hang đá. Điều hơi lạ, ít nhất cũng theo nhận xét của người sưu tầm là, trên địa bàn Kô-nô hiện nay, chẳng thấy có hang động gì đáng kể, và đến mãi gần đây, mọi làng Kô-nô đều tiến hành lễ "nhập môn" trong những mảnh đất rào kín.

- (3) Tóm tắt nhận xét chung của người sưu tầm (B.Hô-la) đối với toàn bộ tích truyện - Cộng đồng Kô-nô ở vùng Vê-pô quá không có tập tục xăm mình. Điều đó cộng với một số tài liệu dân tộc học khác thu tại chỗ cho phép B.Hô-la ngờ rằng tộc người Kô-nô xưa kia, vốn không có tục xăm mình, và tục ấy mới được một số cộng đồng Kô-nô tiếp thu gần đây thôi. Như vậy, theo ông tích truyện ông sưu tầm được không kể lại một sự việc đã xảy ra thực, mà chỉ là lời bào chữa cho tập tục xa xưa của cha ông (không xăm mình)

30. NGUỒN GỐC TỤC LẤY NGƯỜI LÀM VẬT HIỂN SINH

(Tộc người Kô-nô)

Chuyện này xảy ra đã lâu lắm rồi, tại một ngôi làng nhỏ xứ Kô-nô, nằm dưới chân một ngọn núi thiêng.

Đêm đêm, khi tắt cả các bếp lửa đã tắt ngấm, và cửa các lều đã đóng kín, người ta thường nghe thấy tiếng hát bi rợn của các tinh linh đến lảng vảng quanh đây.

Kinh hãi, dân làng chỉ còn biết nấp kín trong lều. Rồi có hôm Xi-gi (Nhện) đặt chân đến làng. Dân làng kể cho Nhện nghe mọi việc vẫn xảy ra. Đứng thẳng chân lên, Xi-gi đáp: "Đừng sợ sệt gì hết. Về phần tôi, tôi sẽ chấm dứt chuyện đó. Các thần đều là họ hàng của tôi cả, tôi sẽ khiến họ dọn đi nơi khác ngay".

Dân làng cố ngăn chặn, mà không được.

Xi-gi thực hiện ý đồ không chần chừ. Đêm đó, Nhện đi gặp các *ma-giô-hin* (tinh linh lớn).

Các vị bèn giã anh chàng táo gan này thành bột.

Sáng hôm sau, dân làng chỉ còn tìm thấy một đống bột đen⁽¹⁾. Họ xúm vào, tranh nhau bột, ai bốc được từng nào thì bốc.

Chất bột này, do các tinh linh chế ra, từ đó trở thành chất người Kô-nô cực kỳ ưa chuộng: ai mà có chất

ấy thì cầu xin gì nó cho nấy, với điều kiện là phải dùng người làm vật hiến sinh mà tế nó⁽²⁾.

-
- (1) Một chất bột phù phép, mà người Kô-nô gọi là têbu, nghĩa đen: bột đen (theo lời chú giải của người sưu tầm, B.Hô-la).
 - (2) Trong kho tàng truyện kể của người Kô-nô và nhiều tộc khác ở Tây Phi, Nhện là nhân vật phản diện (nếu cần, xem trước chú thích dưới tích), thường xuất hiện để bị đả kích. Nhưng, với tích truyện này, người kể Kô-nô không nhằm mục đích "răn dạy" đạo lý xã hội, mà chỉ mượn hình ảnh Nhện để nói lên nguồn gốc của một thứ bột phù phép, và của tập tục dùng con người làm vật hiến sinh trong một số nghi lễ tôn giáo: nói một cách khác, tích này thuộc loại truyện "suy nguyên". Vì thế, chúng tôi không xếp nó vào hệ truyện xoay quanh nhân vật Nhện.

31. PHÁT HIỆN RA MẶT NẠ

(Tộc người Kô-nô)

Một hôm, một bà già làm đồ gốm đi lấy đất sét bên bờ sông dưới chân một quả núi, tận trong rừng thẳm. Cần người giúp việc, bà già đưa cô con gái trẻ của bà theo.

Tới bờ sông, hai mẹ con cắm cúi làm việc.

Cuộc của bà bập càng lâu càng sâu xuống lòng đất, rồi bỗng chạm phải một vật sống gì đó. Té ra là một *hin* đực⁽¹⁾. Bà già cầm lên trao cho con gái giữ.

Tiếp tục làm việc, bà lại tìm thấy một *hin* nữa, lần này là *hin* cái.

Tò mò, hai người đàn bà bèn vặn vặn hai *hin*, nhưng chúng cứ lặng câm. Hai người cứ cấu vào chúng, ép chúng nói, nhưng vô ích⁽²⁾.

Thế là bà già cho con gái về làng gọi đám đàn bà trong làng ra. Họ chạy tới, đưa hai kẻ lạ này về làng, vừa đi vừa hát. Bà già làm gốm cất tiếng: "Làm bình gốm thật là tốt, ta đã bắt được một vị thần". Đám đàn bà đồng thanh lặp lại: "Làm bình gốm thật là tốt...".

Đưa hai kẻ bị họ bắt được về tới làng rồi, đám đàn bà ra lệnh cho tất cả đàn ông phải nấp vào các lều, lều nào cũng bị các bà chặn kín lối ra vào. Muốn chắc hơn, họ còn giắt gai lên nữa.

Duy chỉ có ông đ'đô-gô-mu⁽³⁾ là còn ở ngoài để khuyên bảo đám đàn bà. Ông khuyên họ nhốt hai *đi-ti-ga* (ông ta gọi hai *hin* như vậy)⁽⁴⁾ trong một túp lều rồi xông khói ốt vào. Lời khuyên được thực hiện ngay. Ngạt thở vì khói ốt, hai *đi-gi-ga* không chịu nổi nữa. Con đực hắt hơi ẩm ỉ, gầm gừ, rồi ra lệnh: "Kê giô!" (Rung kê lên)⁽⁵⁾. Đám phụ nữ phát kinh lên, vừa xô đẩy nhau vừa la hét, vừa chạy trốn vừa van xin đàn ông ra cứu họ.

Thế là đám đàn ông dũng cảm phá vỡ các cánh cửa đã bị chặn kín, rồi, mặc cho gai góc cào xé đau đớn, họ nhảy bổ ra che chở cho các bà vợ.

Đúng vào lúc đó, *đi-ti*⁽⁵⁾ cái điệu dàng ngân nga: "*Ghe-pô ghe-ghe-pô ghe-pô ghe-ghe-pô ham-pa ghe-pô ham-pu-pu ghe-pô...*"⁽⁶⁾.

Đám đàn ông túm ngay lấy cả hai *đi-ti-ga*. Mang tên *n'giô-mu* (mặt nạ), chúng trở thành sở hữu của đàn ông, cho tới tận ngày nay⁽⁷⁾.

-
- (1) Về *hin*, loại tinh linh trấn thiên nhiên, xem lại chú thích 3 ở dưới tích 12.
- (2) "Cấu", theo lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la), là để bắt kẻ lạ phải "nói" lên. Mà "lời nói", trong tư duy cổ xưa của người Kô-nô (và của nhiều tộc người khác ở Tây Phi về Châu Phi da đen), lại được đồng nhất với "tên", tức lịch, bản chất. Tóm lại, đàn bà dùng mọi cách để biết *hin* là gì, để nắm bản chất của *hin*, nhằm sử dụng nó, nhưng các bà đã thất bại.
- (3) Vị bô lão cầm đầu và điều khiển nghi lễ "nhập môn" cho cả nam giới và nữ giới trong một làng Kô-nô. Chính vì chức năng ấy đối với cả nữ giới, mà, trong tích truyện này, vị đ'đô-gô-mu

dù là đàn ông vẫn được phép ở bên ngoài cùng đàn bà trong làng, để "khuyến bảo" họ.

- (4) Lời chú giải của người sưu tầm cho ta biết ba dạng hay ba nấc của tinh linh trần thiên nhiên, trong mối quan hệ với người sống, mà người Kô-nô chỉ định bằng ba khái niệm: 1) Hin, từ chung chỉ tinh linh vô danh trong thiên nhiên; 2) đi-ti: tinh linh còn chưa hiện lên thành dạng trông thấy được, nhưng, qua tiếp xúc với con người, đã được cá tính hóa, cụ thể là được đặt tên (hay, nói như B.Hô-la, là đã bị con người "bắt được" và "áp đặt cho một tên"); 3) n'giô-mu (nghĩa đen: mặt nạ) là nấc cao nhất, khi tinh linh hóa thân vào một mặt nạ để hiện lên dưới một dạng mặt người nhìn thấy được.
- (5) Đi-ti là số ít, đi-ti-ga (cùng nghĩa) là từ số nhiều.
- (6) Toàn những tiếng tượng thanh (kiểu như "ối a"... trong các bài hát cổ ở nước ta), không thể dịch ra được.
- (7) Tóm tắt nhận xét chung của người sưu tầm đối với toàn bộ tích truyện - Trong kho văn học dân gian của các tộc người ở Tây Phi, đề tài này được lặp đi lặp lại thành vô vàn dị bản. Nhưng dị bản nào cũng phản ánh một mẫu bất biến: Mặt nạ vốn do giới Nữ phát hiện ra, nhưng sau đó giới Nam lại chiếm được, sử dụng nó để "gây khiếp hãi" cho toàn bộ xã hội còn lại, nói một cách khác, sử dụng mặt nạ như một công cụ đắc lực trong cuộc "đấu tranh giữa hai giới". Tất nhiên, B.Hô-la nói tiếp, điều đó không hề làm giảm sút vị trí hàng đầu của mặt nạ trong nghi lễ tôn giáo.

32. GỐC GÁC TỤC CẮT DA BAO ĐẦU

(Tộc người Kha-xông-kê)

Có hôm thánh thần Gi-b'rin⁽¹⁾ bảo A-b'ra-ham⁽²⁾: "An-la⁽³⁾ ra lệnh cho người tẩy uế đi".

Lập tức A-b'ra-ham đi rửa ráy đúng với quy định về tẩy uế để cầu kinh. Nhưng Gi-b'rin bảo: "An-la không ra lệnh cho người làm vậy". A-b'ra-ham bỗng nhận thấy móng tay mình bẩn, ông bèn làm sạch móng tay. Ông đã làm sạch móng tay rồi Gi-b'rin lại bảo: "An-la đâu có ra lệnh cho người làm vậy". Thế rồi A-b'ra-ham vạch sạch lông nách, nhưng Gi-b'rin vẫn bảo rằng đấy không phải là lệnh của An-la. A-b'ra-ham vặt sạch lông ở chỗ kín, rồi cạo sạch râu mép, mà chẳng trúng hơn mảy may.

Đến đây, Gi-b'rin đi tâu An-la. Trong thời gian ngắn ngủi người vắng mặt, A-b'ra-ham bất thần được on trên soi sáng: ông vơ lấy cái rìu, cắt da bao đầu⁽⁴⁾. Nhưng vừa mất máu, vừa đau quá, ông ngất đi. Gi-b'rin làm cho ông tỉnh lại, rồi bảo: "Người đã thi hành đúng lệnh của An-la. Nhưng người làm cách ấy thì tàn bạo quá: từ nay, người cứ sử dụng các đồ dùng này". Vừa nói, người vừa đưa cho ông một con dao và một chiếc kéo⁽⁵⁾.

(1) Xem lại chú thích dưới tích.

- (2) Một bậc đại trưởng lão trong truyền thuyết Cơ Đốc giáo. Cùng với nhiều chi tiết về giáo lý, đạo Hồi, trong quá trình hình thành, đã tiếp thu nhiều nhân vật của truyền thuyết Cơ Đốc giáo, trong số đó các bậc đại trưởng lão này. Mà người Kha-xông-kê lại đã theo đạo Hồi.
- (3) Xem lại chú thích dưới tích.
- (4) Cắt da bao đầu là thử thách mà người con trai phải trải qua khi thụ "lễ nhập môn". Còn đối với nữ, thì thử thách tương đương là cắt hạt hồng. Hầu hết các tộc người ở Tây Phi đều có tục này từ thuở xa xưa. Người Ả-Rập cũng thế, và đạo Hồi, khi hình thành, cũng bảo lưu tục Ả-Rập cổ truyền ấy. Vì vậy, những cộng đồng ở Tây Phi đã tiếp thu đạo Hồi, trong số đó có tộc Kha-xông-kê, không bị đặt vào tình thế phải hủy bỏ tục cũ đó của họ.
- (5) Nhận xét chung về toàn bộ tích chuyện - Trong khung cảnh của nhu cầu, "suy nguyên" (để khẳng định nếp sống cổ truyền của cộng đồng", người Kha-xông-kê ở trong tình thế phải quy vào Hồi giáo mà "giải thích" những tập tục họ có từ rất lâu trước khi tiếp thu đạo Hồi. Riêng trong trường hợp tục cắt da bao đầu, họ đã làm công việc ấy một cách tương đối giản đơn, nhưng không phải không khéo léo.

33. GỐC GÁC TỤC CẮT HẠT HỒNG

(Tộc người Kha-xông-kê)

Trong số các vợ lẽ của A-b'ra-ham, có một cô gái đen mà ông hết mực yêu thương. Từng ấy đã đủ để bi kịch lòng ghen tuông của một trong các bà vợ kia. Có hôm bà này vô lấy cô gái đen. Rồi, thứ nhất, bà cắt hai hạt hồng của cô; thứ hai, rạch lên trán, lên má, lên gò má; thứ ba, chọc thủng dải tai; thứ tư, xăm đen môi dưới và lợi răng⁽¹⁾.

(1) Về tục cắt hạt hồng, xem lại chú thích 4 dưới tích 32. Riêng với tích chuyện này, người Kha-xông-kê không xử sự như với tục cắt da bao đầu, nghĩa là không cần phải vịn vào đạo Hồi để giải thích tục cũ nữa (xem lại chú thích 5 dưới tích).

34. GỐC GÁC NGƯỜI PHU LA⁽¹⁾ VÀ NGƯỜI BÔ-RÔ-RÔ⁽²⁾

(Tộc người Phu-lô)

Một vị tiên tri⁽³⁾ lấy vợ. Bà vợ sinh một trai. Thằng bé này không biết nói, mãi cho đến khi em gái nó ra đời. Đến lúc này, thì người ta nghe được lời nó nói. Bà mẹ ra đi tắm, bỗng nghe nó nói: "Em đừng khóc nữa, mẹ về đây". Bà bảo chồng: "Thằng bé không biết nói, thế mà tôi nghe nó bảo: 'Em đừng khóc nữa, mẹ về đây'". Đến khi ông chồng cũng đã nghe được các con nói, thì ông ra đi, đi mãi về hướng có sông nước. Hai trẻ lớn lên mới biết rằng bố chúng đã ra đi. Chúng cũng ra đi, theo bố. Đêm nào chúng cũng ngủ bên bờ nước, cũng đốt một đồng lửa. Chúng đang ngủ, thì một con bò cái bước từ dưới nước lên. Một trong hai đứa bé thức dậy, thấy bò cái đang cho con bú. Nó bèn vắt sữa, nếm thử, rồi bảo: "Em ơi, nếm đi, nếm cho biết cái vị không giống vị trái cây sáp-bu-li⁽⁴⁾". Hôm sau, chúng lại đốt lửa cách đây một đoạn không xa: bò cái từ dưới nước kéo nhau lên, bước đến đồng lửa⁽⁵⁾. Sáng hôm ấy hai trẻ ngăn không cho bò quay về dưới nước, rồi dắt bò ra vùng bờ bụi, cho chúng ăn cỏ.

Hai đứa trẻ lấy nhau⁽⁶⁾. Chính con trai cả của họ sinh ra người Phu-la, con trai thứ hai lại sinh ra người Bô-rô-rô. Còn người đầu tiên chăn dắt bò cái thì tên là Phu⁽⁷⁾.

-
- (1) Một cách gọi tộc người Phu-lô. Tộc người này, vốn du mục như ta đã biết (qua lời nhập vào phần cổ tích), có mặt hầu khắp mọi vùng đồng cỏ ở Tây Phi, cạnh những tộc rất khác nhau, và có lẽ bởi lý do đó mà mang nhiều tên gọi khác nhau. "Phu-la" không phải là tên tự xưng, nhưng cũng là một cách gọi phổ biến (cả trên sách báo khoa học và công văn - giấy tờ).
 - (2) Một ngành Phu-lô (hay Phu-la), hiện nay còn sống theo nếp du mục trên đất Niger.
 - (3) Gắn gốc gác tộc người của mình và một vị "tiên tri" người kể tích chuyện này hẳn thuộc một nhóm Phu-lô đã theo đạo Hồi. Nói chung, các nhóm Phu-lô đã định cư (đã bỏ lối sống du mục cổ truyền) đều tiếp thu đạo Hồi, còn những nhóm vẫn du mục thì có nhóm đã tiếp thu, có nhóm chưa.
 - (4) Người sưu tầm (nhà dân tộc học Mác-gơ-rít Duy-pia) không chú thích là loài cây và quả gì.
 - (5) Để nói lên ý niệm phồn thực (sinh sôi - nảy nở), người Phu-lô dùng nhiều hình ảnh khác nhau: tổ kiến, ổ mối... Nhưng, khi động đến nguồn gốc của gia súc mà họ chăn nuôi (nguồn sống chính của họ), thì, bao giờ truyền thuyết của họ cũng nói đến nước. Nước, với tư cách biểu trưng của sự sống, của sức phồn thực, không có gì lạ: nó có mặt khắp nơi. Dù sao, đối với những người vốn thuần túy sống bằng chăn nuôi như người Phu-lô, thì nước, sông, ao, hồ... là điều kiện quá ư cần thiết. Không lạ rằng truyền thuyết của họ lại gắn gốc gác ở nước cho một loài ở cạnh như loài bò, ngay cả vị tổ thứ nhất, vị tiên tri trong tích chuyện này (bố của hai đứa trẻ), cuối cùng cũng trở về với "sông nước": trở về với nguồn sống chăng?
 - (6) Thần thoại của nhiều cộng đồng trên thế giới thường mô tả các vị tổ đầu dưới dạng hai anh em ruột, một trai và một gái (có khi là ba, hai trai và một gái). Và chính việc phối hợp giữa một trai và một gái đó đã sinh ra loài người: các nhà thần thoại học, ước gọi đồ án phổ biến ấy là "cuộc loạn luân khởi nguyên". Ở đây, để nêu lên nguồn gốc tộc mình, người kể chuyện Phu-lô đã sử dụng đồ án phổ biến vừa nói của thần thoại. Vốn từ xa đến, không biết đích xác nơi mình xuất phát, đã thế lại sống du cư từ lâu đời, đa số lại theo đạo Hồi (như ta đã biết qua lời nhập

đề vào phần cổ tích), người Phu-lô có lẽ đã đánh mất thần thoại của họ (chưa thấy một nhà dân tộc học nào ghi được thần thoại Phu-lô). Như vậy, những tích chuyện về nguồn gốc tộc người thuộc loại này, với những chi tiết huyền hoặc và một đồ án vay mượn từ thần thoại, phải chăng lại đóng vai thần thoại trong cuộc sống tinh thần của cộng đồng Phu-lô?

- (7) Túc người anh đã lấy em gái mình trong tích chuyện. Theo tài liệu của dân tộc học về người Phu-lô, thì vị tổ đầu này được những nhóm Phu-lô đã định cư và Hồi hóa gọi là Gia-ku-bu (xem tích 35 tiếp ngay sau đây), còn người Phu-lô thuộc ngành Bô-rô-rô (còn du cư) thì gọi ấy là Phu.

35. GỐC GÁC NGƯỜI BÔ-RÔ-RÔ⁽¹⁾

(Tộc người Pu-lô)

Ukubu, cha đẻ ra mọi người Phu-la⁽²⁾, từ Mếch ca⁽³⁾ đến: ông được Ma-hô-mét⁽⁴⁾ cử đi truyền đạo ở miền Tây, miền Xu-đăng⁽⁵⁾. Ông truyền đạo bằng tiếng Ả Rập⁽⁶⁾ cho trai trẻ người Bam-ba-ra⁽⁷⁾. Một số trong đám trai này trở thành giáo sĩ. Họ tặng ông một người vợ⁽⁸⁾. Với người vợ ấy, ông được ba trai, tên là A-đa-mu, con cả, Ib'ra-hi-ma và Ha-mi-du, với một gái, tên Ai⁽⁹⁾. Nhờ âm phúc Thượng Đế, các con ông bỗng nhiên nói tiếng Phun-phun-đê⁽¹⁰⁾: bố mẹ chúng đều không biết tiếng này.

Có hôm U-ku-bu ra sông làm lễ tẩy uế sau kỳ kinh nguyệt. Bà quay về, thì một tinh linh, tên Ka-na-ba, từ dưới nước bước lên, rồi phủ bà⁽¹¹⁾. Với tinh linh này, bà sinh được một trai, Ha-ku, tổ đầu của người Ha-na-găm-ba⁽¹²⁾. U-ku-bu đuổi đứa con hoang cùng với mẹ nó ra khỏi nhà: đứa bé được nuôi trong trại⁽¹³⁾ về phía bên mẹ.

Ha-ku cứ than vãn về cái nỗi không có bố, chàng van nài mẹ cho chàng biết mặt bố. Mẹ bảo: "Con cứ ra bờ sông, vào một ngày thứ sáu, đúng lúc mặt trời lặn". Chàng đi. Vị thần từ dưới nước bước lên, bảo chàng: "Con trở về trại đi, thứ sáu sau con hẳn đến". Chàng lại đến. Thần bảo chàng đốt lửa cách bờ nước vài thước. Sông này là sông Đơ-bui, một con sông rất sâu chảy trong miền Ma-xi-na: đến ngày nay, qua sương mù, người ta vẫn còn

thấy sừng bò nhô lên từ mặt nước. Thần bảo: "Con đừng nhìn về phía sông, mà nhìn về phía Bắc⁽¹⁴⁾, trước đồng lửa". Thế là bò cái, bò đực, lông đỏ có, lông trắng có, vừa đỏ vừa trắng cũng có, từ dưới nước kéo lên, bước về phía đồng lửa, rồi theo chàng trai ra vùng bờ bụi⁽¹⁵⁾. Thần lại bảo: "Con lấy ít than hồng, rồi đi về hướng Bắc, chớ ngoái đầu lại". Nhưng chàng chăn bò lại không vâng lời, ngoái đầu lại nhìn: chàng thấy một bò đực chín sừng bước từ nước lên, nhưng bò lập tức quay về dưới nước. Bò lông trắng, có u: nếu nó đi theo, thì hẳn đây là điềm phúc cho bầy bò. Cả bầy bò theo chàng trai ra vùng bờ bụi, cùng với lửa chàng mang theo. Ha-ku biểu một số bò cho các anh khác mẹ của chàng. Những người anh này là tổ tiên người Phu-la. Còn chàng, thì chàng lấy vợ người Băm-ba-ra.⁽¹⁶⁾

(1) Xem lại chú thích 2 dưới tích 1.

(2) Xem lại chú thích 1 dưới tích 1. Riêng về vị tổ tên Gia-ku-bu, xem lại chú thích 7 cũng dưới tích 1.

(3) Trung tâm hành hương lớn nhất của thế giới Hồi giáo.

(4) Nhân vật lịch sử sinh ở Mếch-ca (xem lại chú thích 3), thành lập đạo Hồi trong thế kỷ VII, được tín đồ Hồi giáo xem là tộc "tiên tri" do Thượng Đế (An-la) phái xuống thế gian để truyền chân lý.

(5) Miền địa lý một phần lớn miền Bắc - Tây Phi, cộng với miền chen giữa Tây và Đông Phi.

(6) Như vậy, người Pu-lô đã định cư và theo đạo Hồi tự xem mình là người gốc Ả Rập. Niềm tin này càng được củng cố bởi những đặc điểm của họ, so với các tộc khác ở Tây Phi: nước da sáng, vốn sống bằng chăn nuôi, là những tín đồ Hồi giáo nổi tiếng cuồng tín trong lịch sử Tây Phi cận đại....

- (7) Một số người Đen ở Xu-đăng, chủ yếu cư trú trên đất Cộng hòa Ma-li hiện nay, không tiếp thu đạo Hồi (một bộ phận có tiếp thu, nhưng rất muộn), bà con gần về mặt ngôn ngữ và nhiều nét trong nếp sống cổ truyền chủ yếu cư trú trên đất Cộng hòa Ghi-nê, từng đóng vai trò rất lớn trong lịch sử hình thành đế chế Ma-li thời xưa, chủ nhân của sử thi Xun-gia-ta được dịch trong phần thứ hai của cuốn sưu tập này.
- (8) Hắc là một phụ nữ Băm-ba-ra. Như vậy, người kể chuyện Pu-lô vô hình trung chấp nhận, qua tích này, rằng tộc người của họ, dù từ đâu đến, đã lai chung ngay từ đầu với các tộc Đen bản địa ở Tây Phi.
- (9) Toàn tên Ả-Rập (do đạo Hồi áp đặt). Tên Ai có thể là cách gọi tên Ai-cha, cũng tên Ả Rập dành cho phụ nữ (vợ thứ hai của vị "tiên tri" Mô-ha-met tên Ai-cha).
- (10) Tục tiếng nói của người Phu-lô. Mà gốc gác có thể ngoài Tây Phi của người Phu-lô, tiếng họ nói, như người ta biết hiện nay là tiếng Tây Phi, được các nhà ngôn ngữ học xếp vào hệ ngôn ngữ Tây Phi.
- (11) Lại vai trò của nước, với tư cách nguồn sống (xem lại chú thích 5 dưới tích).
- (12) Một cách gọi địa phương để chỉ các nhóm Bô-rô-rô du mục và du cư (theo chú thích của người sưu tầm, bà Mác-gơ-rít Duy-pia).
- (13) "Trại", chứ không phải là "lều", vì đây là nơi ở tạm thời của những người du mục trên đồng cỏ.
- (15) Một lần nữa, cách gọi đồng cỏ, hay thảo nguyên, trong nhiều ngôn ngữ Tây Phi.
- (16) Như vậy, ít nhất cũng theo lời người kể chuyện, người Bô-rô-rô còn hỗn huyết với các tộc Đen nhiều hơn, so với các ngành Pu-lô khác.

36. GỐC GÁC CỦA MỘT NHÓM BÔ-RÔ-RÔ

(Tộc người Phu-lô)

Một người Phu-la qua đồi trên đất Kát-xi-na, để lại một vợ, một con trai. Chàng này đẹp người lắm; đàn bà, ai cũng tìm đến với chàng. Một tối, có một phụ nữ đến luồn vào giường chàng, mà không biết người nằm đấy là con trai của mình. Đến hôm sau nhận ra được người đàn bà ấy, chàng trai dùng mũi dao rạch nhẹ lên cánh tay nàng, rồi nhờ bạn bè đi khắp làng tìm ra người mang vết rạch trên tay. Chàng nhận ra được vết rạch trên cánh tay mẹ mình đang cầm chổi quét⁽¹⁾. Xấu hổ quá, chàng trốn đến xứ Bóc-nu. Tại đây, chàng học kinh Co-ran với một giáo sĩ.

Bà mẹ có mang với con trai, sinh ra một gái. Đứa bé lớn lên. Bị trách móc về trọng tội bố mẹ mình đã phạm, cô gái xấu hổ, bỏ ra đi, rồi đặt chân lên xứ sở anh trai cô đã di cư đến. Người anh chưa có vợ, bạn bè khuyên chàng về lấy cô gái trẻ mà xinh vừa đến xứ này. Cưới nàng về rồi, chàng mới hỏi thăm gia đình, quê quán của vợ. Thế là chàng biết được nàng cũng là người làng. Hỏi tên mẹ, chàng nhận ra được đấy chính là mẹ mình. Còn bố nàng? Nàng không nói tên, nhưng rồi thú nhận có nghe đồn rằng bố mình cũng chính là anh mình. Chàng trai vô tình mà đã hai lần phạm tội loạn luân. Xấu hổ, anh khóc

mãi, rồi đến kể đầu đuôi câu chuyện với vị giáo sĩ thầy anh. Thầy bảo: "Thế là bị Thượng Đế nguyên rửa đấy. Thôi, con đi đi, cứ mang theo bấy gia súc của ta cùng với vợ của con⁽³⁾. Người vợ này sinh một trai: người con trai đó, về sau, trở thành tù trưởng Ku-ru-ku-ru, ông tổ của người Bô-rô-rô thuộc nhóm Uô-đa-be.

(1) Lại hỏi âm xa xôi của đồ án thần thoại "cuộc loạn luân khởi nguyên" chẳng? Về đồ án ấy, xem lại chú thích 6 dưới tích (1).

(2) Sách giáo lý của đạo Hồi.

(3) Nói một cách khác, người Bô-rô-rô kể tích chuyện này quy nết sống du cư của cộng đồng mình vào lời nguyên rửa của Thượng Đế. Và như vậy, với tư cách tín đồ Hồi giáo, anh không cần phải viện đến những thần linh ngoài tôn giáo của mình (như anh từng nhiều lúc phải viện đến: xem lại các tích 1,2). Mà để cho tội lỗi xứng đáng với một lời nguyên có tầm cỡ như vậy, anh đã nhân đôi tội loạn luân của nhân vật lên.

37. TRUYỆN THỦ LĨNH CƯỜI NGỰA XÁM

(Tộc người Pu-lô)

Con trai của thủ lĩnh xứ Ka-dau-rê⁽¹⁾ có một con ngựa xám. Hắn cứ đi vào các lán trại của người Bô-rô-rô, chọn người đàn bà hắn thích, ngủ với người ấy. Chồng của người đàn bà có về đến lán nhà, thì lo vắt sữa bò cho hoàng tử⁽²⁾, cứ để vợ ăn nằm với hắn. Trong số những ông chồng ấy, một người đã thề sẽ giết hắn, nếu hôm nào đó mà bắt gặp hắn tại lán nhà. Một đêm, anh bắt gặp hắn tại lán anh, đúng lúc vợ anh đã ăn nằm xong với hắn.

Hoàng tử ra lệnh cho mọi người trong trại đi ngủ đi. Họ đi ngủ cả rồi, người chồng đứng dậy, cướp ngọn giáo của hoàng tử, đâm vào ngực hắn. Rồi anh đi tìm các bô lão, thưa với các vị: "Hôm nay, con đã giết chết Mô-pô-ru". "Ta làm sao bây giờ?", các bô lão đáp thế. Rồi họ bàn bạc với nhau, tất cả những người khỏe mạnh họp nhau lại, thức suốt phần đêm còn lại để tập hợp gia súc, con cái. Đàn bà và người già ra đi trước tiên về hướng Tây. Đến mờ sáng, đám thanh niên sẽ đuổi theo người lớn tuổi.

Nhưng thủ lĩnh xứ Ka-dau-rê được người mã phu báo tin rằng hoàng tử đã chết. Ông ra lệnh cho tất cả các kỵ sĩ của mình buộc yên ngựa, rồi cùng họ kéo đến các lán trại của người Bô-rô-rô. Nhìn về phía chân trời, ông thấy họ đang chạy trốn, ông cho đuổi đánh. Tất cả những ai không trốn kịp đều bị giết, hoặc phải đầu hàng, gia súc

thì bị tịch thu. Thế là đến nửa số người thuộc các dòng họ N'giáp-tô-en, Bi N'ga-en, Bi U-te-en, Bi Kô-rô-en, A-li-giam, Xu-đu-ru đầu rơi vào tay thủ lĩnh, rồi trở thành dân vùng Ka-xi-na⁽³⁾.

-
- (1) Một địa phương nhỏ dưới quyền của một thủ lĩnh. Người sưu tầm (Mác-gơ-rít Đuy-pia) không chú thích rõ ràng dòng thủ lĩnh này thuộc tộc người nào, một tộc Đen bản địa, hay cũng là người Pu-lô nhưng thuộc một nhóm đã định cư.
 - (2) Con trai của thủ lĩnh địa phương.
 - (3) Tích chuyện diễn ra như một "thiên phóng sự" vậy thôi, không bao gồm những chi tiết huyền hoặc, nghe cũng hợp lý. Theo điều tra của người sưu tầm, thì chuyện này cơ bản là chuyện có thực (đã xảy ra vào khoảng giữa thế kỷ XIX).

38. BÀ PHÙ THỦY GIÀ

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa có một bà già cứ ăn thịt tất cả những người đàn bà nào lấy con trai mình⁽¹⁾. Mất người vợ sau rất cũng vì thế, người con trai bèn đến một làng bên lấy một người khác. Cô vợ này có một cô em gái cũng là phù thủy. Vào lúc đôi vợ chồng mới cưới chuẩn bị về làng chồng, cô em vợ xin đi theo. Người chồng thì đồng ý, nhưng cô chị lại phản đối. Cô phù thủy trẻ vờ không đi theo nữa. Nhưng khi hai vợ chồng kia lên đường, thì cô em biến thành con dao xinh đẹp nằm ngay trên đường họ đi⁽²⁾. Nhìn thấy dao đẹp, cô chị vội nhặt lấy. Nhưng chợt nghe tiếng em, cô ta rút dao ngay. Thế là cô em lại biến thành một chiếc khăn tay đẹp, cô chị vui mừng nhặt khăn lên.

Giữa lúc đó, trong làng bà phù thủy già đang chuẩn bị một bữa cỗ cưới thịnh soạn để đón mừng đôi vợ chồng trẻ. Trước khi dọn nhà ra, bà đã bỏ thuốc độc vào thức ăn. Nhưng lần này thì cô phù thủy trẻ biến thành một con thạch sùng, bất ngờ nhìn thấy bà già đang hành động⁽³⁾. Cô báo cho hai vợ chồng biết.

Không nản chí, bà phù thủy già chỉ còn chờ đêm xuống để nuốt chửng cô con dâu, khi cô đã ngủ thiếp đi, theo lời khuyên của em gái mình, trước khi đi ngủ cô vợ trẻ nhờ bà mẹ chồng phù thủy cầm lưới đi lấy cho mình

một ít nước⁽⁴⁾. Thế là bà già đi ra chuôm, mãi vẫn chưa về. Hai người đàn bà trẻ thừa cơ trốn mất.

-
- (1) Theo cách hiểu của người sưu tầm (B.Hô-la) được trình bày qua lời chú giải, thì, trên cửa miệng của người kể chuyện Kô-nô, phù thủy mà "ăn" hay "nuốt chửng" người khác chỉ có nghĩa là ăn hồn người, dùng phù phép mà hại kẻ khác đến chết, chứ không phải ăn thịt người.
 - (2) Vẫn theo lời chú giải nói trên, "con dao" nói đây là biểu tượng của nam giới (dương vật?). Chính vì thế mà người sưu tầm đánh giá (qua lời chú giải) rằng hình tượng ấy mà đưa vào đây, là "không thích hợp" là "ít hấp dẫn đối với đàn bà".
 - (3) Người sưu tầm cho biết rằng, đối với người Kô-nô "thạch sùng" là con vật có trí cảnh giác cao và hoạt động lanh lẹ.
 - (4) "Mức nước bằng lưới", theo lời chú giải của người sưu tầm, là một thành ngữ mang tính ẩn dụ, mà người Kô-nô dùng để chỉ định một việc làm vô vọng, một công cuộc biết trước là sẽ thất bại.

39. HAI ĐỨA BÉ VÀ BÀ MẸ PHÙ THỦY

(Tộc người Kô-nô)

Một bà phù thủy muốn trừ hai thằng con quá khôn của bà. Để đạt được mục đích đó, bà đã dùng mọi mưu mẹo bà nghĩ ra được, mà vẫn không thành công. Một hôm, bà sai hai đứa ra làm việc ngoài đồng, hứa sẽ mang cơm ra cho chúng.

Vừa rời khỏi làng, thằng anh bảo thằng em: "Em, về nắp sau cửa bếp xem mẹ làm gì khi nấu cơm cho bọn mình. Rồi chạy ngay ra đây bảo cho anh biết!".

Đúng là bà phù thủy đang cho thuốc độc vào thức ăn.

Thấy rồi, thằng bé con cầm đầu cắm cổ chạy ra chỗ anh, kể ngay cho anh nghe chuyện đã xảy ra.

Bà mẹ độc ác mang thức ăn đã bỏ thuốc độc ra cho chúng, nhưng lũ trẻ đã biết trước nên từ chối không ăn, viện cớ chúng không đói.

Thua keo này nữa, bà phù thủy biến thành một con rắn to, chờ đêm xuống nằm rình hai thằng bé trên đường chúng đi làm đồng về. Bà nhảy bổ vào chúng, nuốt chửng cả hai.

40. NGƯỜI ĐI SĂN GẶP RỦI

(Tộc người Kô-nô)

Chuyện này xảy ra từ lâu lắm rồi, tại làng Kô-kô-ta, thuộc địa phận tổng Lô-la ngày nay, trên con đường Bây-la.

Có một người thợ săn chuyên nghiệp sống trong làng cùng với gia đình. Một hôm, người vợ tự nhiên lăn ra ốm rất nặng. Vừa mới bình phục một chút, chị đã đi vào rừng. Tại đây, nhờ quyền phù phép chị biến thành một con linh dương để gặm các thứ cỏ thuốc cho lại người.

Cùng ngày ấy, người chồng thợ săn cũng vào rừng đuổi theo thú mồi. Không bao lâu, anh đã phát hiện ra dấu linh dương, bắn một phát súng, hạ ngay con vật. Đúng lúc nó thở hơi cuối cùng, cổ họng linh dương bật ra tiếng người kêu. Người thợ săn kinh hoàng ôm xác vợ lên⁽¹⁾. Lòng nặng trĩu, anh đem về làng mai táng theo đúng tục lệ.

Nhưng hội đồng bộ lão kết người đi săn vào tội giết người, đem anh ra xử trước tòa án làng⁽²⁾. Nghe anh kể lại đầu đuôi câu chuyện tai nạn đã xảy ra, mọi người mới hiểu ra rằng vợ anh là phù thủy, và anh được minh oan.

(1) Đây không còn là "hình tượng văn học" nữa mà đã trở thành chuyện "có thực", có thể là một ám ảnh, đối với người Kô-nô. Vì theo lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la), qua việc nghiên

cứu hồ sơ tòa án nhiều biên bản về tai nạn sản bắn có kết thúc tương tự: xác con thú bị hạ trở lại dạng người.

- (2) "Tòa án làng" nói đây cái mà dân tộc học gọi là "tòa án tập quán pháp") do thủ lĩnh làng cùng hội đồng bô lão của làng đảm nhiệm, và dựa trên tập quán của tộc người mà xét xử, ở nước ta trước cách mạng, cung cách xét xử của nhiều tộc Thượng (dọc Trường sơn và Tây nguyên) cũng tương tự thế. Đây, vết tích của một hình thái tổ chức xã hội cổ xưa mà Ăng-ghe-n gọi là "công xã nông thôn".

41. NGƯỜI ĐÀN ÔNG LẤY VỢ PHÙ THỦY

(Tộc người Kô-nô)

Có lần một anh chàng cả tin cưới một cô vợ anh ta chưa hề quen biết từ trước. Không bao lâu sau lễ cưới, vợ anh sang một làng bên. Anh chàng phải đi tìm, cuối cùng thì thấy cô ta đang nấu ăn. Bỏ thuốc độc vào thức ăn, rồi cô đem mời chồng. Anh chàng trong bụng đa nghi, nên chối từ.

Thấy vậy mẹ phù thủy trẻ rắp tâm sẽ giết chồng vào lúc anh vừa mới ngủ say. Nhưng anh lại bỏ trốn lần vào đêm tối. Mẹ vợ tức lắm, đuổi theo tới tận cổng làng mà không bắt được.

Sau kinh nghiệm này, chàng ta thề không bao giờ lấy một người đàn bà xa lạ làm vợ.

42. NHỮNG ĐỨA CON CỦA THẦY PHÙ THỦY

(Tộc người Kô-nô)

Một thầy phù thủy nổi tiếng tinh thông bùa phép lắm. Ông sinh được nhiều con. Vốn độc ác, ông cấm không cho chúng được lấy vợ lấy chồng.

Nhưng rồi một trong những đứa con trai của ông ta trưởng thành lên, và bí mật lấy một thiếu phụ. Đám cưới vừa xong thì áo quần của đôi vợ chồng đã đổi màu biến thành đỏ rực: đây, màu lá bùa cao tay nhất của ông bố⁽¹⁾. Thế là ông ta biết chuyện, dùng dùng nổi giận, dùng phép giết chết thẳng con không vâng lời. Hãi quá, người vợ góa trẻ cũng như các đứa con còn lại của ông trốn biệt.

(1) Trong hệ biểu tượng màu sắc của người Kô-nô, đỏ được gắn với máu, chiến tranh, mối nguy, lễ vật đẫm máu. Cũng vậy trong hệ mặt nạ nghi lễ của họ, mặt nạ đỏ được xem sẵn nhiều uy lực hơn, so với mặt nạ đen. Từ đó, màu đỏ được dành cho các bùa bèn và vật phù phép có hiệu lực cao nhất của thầy phù thủy (theo lời chú giải của người sưu tầm, B.Hô-la).

43. BÀ PHÙ THỦY

(Tộc người Kha-xông-kê)

Hai bà lấy chung chồng. Một bà là phù thủy, mà không có con. Bà kia sinh nhiều con, nhưng đứa nào cũng bị ăn hết, mà bà chẳng biết, chỉ còn lại một đứa mới chập chững biết đi.

Có hôm bà mẹ đi lấy nước, nhờ bà kia trông con họ. Bà kia chộp lấy một chân của đứa bé, ném nó vào cối, rồi giương chày lên, định giã nát nó ra cho dễ ăn. Bỗng đứa bé vừa mỉm cười vừa dang hai cánh tay về phía bà: "U bé ơi, u để cho con sống, rồi con cười cho u nghe". Bà phù thủy cảm động, để cho nó sống⁽¹⁾.

(1) Cũng là chuyện phù thủy như những tích tiếp sát trên, cũng nêu lên tính độc ác của người phù thủy, tích chuyện ngấn ngủi này lại chứa thêm, mà chứa trong cách kết thúc của nó, một nét các tích trên không có: tình người. Như vậy, nên xem tích chuyện này như một bản lên án tác hại của hoạt động phù thủy (cạnh rất nhiều bản án tương tự), hay đây là bài ca tình người (vượt lên cả tính độc ác cố hữu của người phù thủy)? Cả hai, có lẽ. Cái tình tế khá đặc biệt trong tích này có nói lên được tí ảnh hưởng nào của đạo Hồi và các nền văn minh Bắc phương không?

44. BÓ ROM

(Tộc người Kha-xông-kê)

Những ai được bảo hộ khỏi bị phù thủy ám hại, xin các người đến giúp tôi!⁽¹⁾

Có bà già đông con lắm, nhưng rồi chỉ còn có một: đứa con ấy là con trai.

Có hôm, một người bạn bảo cậu ta: "Chắc cậu không biết, chứ mẹ cậu là phù thủy đấy, chính bà đã ăn hết các anh của cậu, mà rồi cậu cũng sẽ chịu chung số phận đó". Cậu con trai thú thực mình chẳng biết gì chuyện ấy, đồng thời nói dứt khoát rằng mẹ cậu không phải là phù thủy. Người bạn bảo: "Được rồi, ngay đêm nay đây các bà phù thủy sẽ đến múa nhảy trên *bê-ra*⁽²⁾. Tùy ý cậu đấy, nếu cậu muốn thì cậu cứ đến mà xem cho thấy mẹ cậu có mặt giữa đám phù thủy nữ". Cậu con trai hỏi: "Làm thế nào mà đến đấy được?". "Làm thế này: tớ sẽ đặt bó rom to trên *bê-ra*, cậu chui vào đấy mà nấp, chẳng ai ngờ có cậu ở đấy, cậu cứ tha hồ mà nhìn".

Nói thế nào, làm thế ấy.

Thế nhưng có điều cậu con trai không biết bạn cậu ta chính là phù thủy, mà hấn lại định ám hại mẹ cậu. Đêm đến, giữa đám phù thủy đang múa trên *bê-ra*, cậu thấy có mẹ mình, rồi cậu nghe một phù thủy nam hét to: "Nào, bó rom, nhìn đi cho thấy mẹ mày".

Hôm sau, cậu con trai giết mẹ chết⁽³⁾.

-
- (1) Cách nói hữ ý của người kể, như một tiếng kêu cứu, khi anh mới mở đầu tích chuyện, nhằm gây sự lưu ý của người nghe.
 - (2) Quảng trường giữa làng.
 - (3) Kết thúc kinh hoàng quá. Và bất ngờ nữa. Do đó, "bản lên án" cũng có sức mạnh. Phải chăng vì người Kha-xông-kê tiếp thu đạo Hồi đã khá lâu rồi, nên sức phản ứng của công luận trong xã hội họ, trước các hình thức phù phép gây hại (còn đọng lại từ tôn giáo xưa, trước Hồi giáo), đặc biệt mạnh, ít nhất cũng so với công luận cùng loại trong các xã hội chưa tiếp thu đạo Hồi?

45. NHỮNG NGÀY CUỐI CỦA THÀNH ĐÔ

(Tộc người Mali)

Cuộc sống trù phú của Ga-na đầu phải do bàn tay con người làm ra. Đế chế này được hưởng cuộc sống ấy, trăm sự đều nhờ con rắn khổng lồ mà ai ấy đều thờ. Con rắn tên Bít-đa hay Bi-đa gì đó; nó sống trong một cái giếng. Hàng năm, theo truyền thống, phải dâng lên rắn, làm lễ vật cầu phúc, người con gái đẹp nhất nước, với mọi trang phục - trang sức rực rỡ. Các dòng họ, các tộc người luân phiên nhau làm tròn cái nghĩa vụ hi sinh đau xót đó.

*

... Nhưng mọi bạo quyền trên đời đều có lúc phải chấm dứt...

... Thế rồi chợt đến một năm mà nạn nhân của con rắn ở U-a-ga-đu lại là một người con gái đẹp vô song, tên Xi-a. Nàng là vợ chưa cưới của A-ma-đu Xe-phê-đô-hô-tê, (A-ma-du-Ít nói). Mới mười sáu tuổi mà Xi-a đã lớn như một thiếu phụ. Đôi mắt đen của nàng sáng hơn mặt trời giữa trưa, mái tóc và làn da mịn như hạt ti tán. Đồ trang sức có đẹp đến mấy cũng chỉ tỏ làm hồng cổ chân cổ tay thon thả, giọng nói dịu dàng, đường cong bộ ngực, với vòng hông cân đối kia thôi. A-ma-đu-Ít nói yêu vợ chưa cưới của mình hơn cả trong vật cấm kỵ. Cho nên ai cũng đau lòng thấy đã gần đến ngày Xi-a phải làm môi cho rắn thần U-a-ga-đu vào lúc chiều xuống.

Hôm trước, A-ma-đu vật vã suốt đêm. Một nỗi buồn mênh mông choán lấy người chàng, chàng nằm sổng soài trên giường với ý nghĩ chua chát.

Nét nhạc vui thế đó, mà giờ đây tiếng trống thốt lên thành lời hờn trách đón đau. Người ta đã khoác cho Xi-a những áo choàng lông lấy nhất của nàng. Người ta đã trùm cho nàng tấm vải quấn thân mà khi rảnh rồi nàng đã dệt dưới bóng những cây sung vàng rực có vòm lá xanh lơ, lòng những mong được dùng nó làm khăn choàng ngày cưới. Trong bóng đêm chỉ còn nghe thấy tiếng trống thăm thiết nức nở vọng về, Xi-a bước từng bước chậm, bị cả đoàn bộ lão hộ tống nghiêm ngặt đẩy về cõi chết. Chỉ còn cách Bi-đa ở chừng và bước, họ bỏ cô gái lại, sau khi vị cao tuổi nhất trong đám thốt lên câu nói trang trọng, đầy nhẫn nhục: "Con hãy ở lại đây, và hãy tha thứ cho bọn ta".

Xi-a không đứng thẳng được nữa. Nàng quy xuống, hai tay bung lấy mắt, như con thỏ ngây thơ chúi đầu vào bụi, cứ tưởng không nhìn thấy là thoát được con nguy.

Cái đầu nhọn hoắt của Bi-đa liền nhô lên khỏi giếng. Nó vươn cao trong bóng tối, rồi uốn nhanh như cắt về phía người con gái đang co mình trong tấm khăn choàng, cứ như một khối tròn bất động.

Bi-đa thận trọng hít hít con mồi. Vụt một cái, hấn lại lặn xuống nơi hấn náu. Chỉ một lát sau, thân dài mà dẻo của con rắn lại vụt dựng lên, bụng bóng loáng. Con vật ghê tởm lặng im một chốc, rồi phun nước dãi ra như muốn nhận chìm cô gái. Hầu không cử động, hấn lại tụt về dưới giếng.

Dưới làn nước nhòn nhòn do rấn phun ra, Xi-a Tun-ka-ra ghê tởm, giật bắn cả mình. Nàng vừa rú lên, vừa tìm mọi cách gỡ tấm vải quấn thân và áo choàng giờ đã lẫn vào nhau thành một thứ bột nhão ghê rợn dính chặt vào thân khiến nàng kinh hãi đến lạnh cứng cả người.

Trong bóng tối, A-ma-đu-ÍT nói vẫn theo dõi. Từ nãy chàng đã chứng kiến mọi trò của con rấn, mà người thì cứ giật thót lên vì hoảng sợ.

Chàng sợ lắm, nhưng vẫn nghiêng rấn cố giữ cho tỉnh táo. Bi-đa, chàng biết rõ, chỉ tấn vào nạn nhân của nó lúc nó xuất hiện lần thứ ba. Giờ thì chàng ra sức theo dõi, căng mắt mà đợi: giờ quyết đấu sắp đến.

Từ dưới giếng, một mũi tên xám bật lên, cùng một lúc mà vừa thẳng đứng vừa nghiêng nghiêng, rồi vừa xoắn lại vừa bập xuống Xi-a, chính xác đến lạ kỳ. Nhưng Bi-đa cũng không nhanh bằng A-ma-đu: chỉ một nhát guom gọn ghẽ, thế là đầu con rấn xú U-a-ga-đu bị chặt đứt! Nhanh như những giọt mưa nối nhau rơi, đầu mọc ra lại: đầu thứ hai, rồi đầu thứ ba, đầu thứ tư, đầu thứ năm, đầu thứ sáu, đầu thứ bảy, tất thảy đều chung ý định nuốt chửng cô gái. Nhưng không đầu nào thoát khỏi đường guom của A-ma-đu, chàng trai yêu vợ chưa cưới hơn cả vật thờ của mình.

Đầu sau rớt lìa thân, bay lên không, vừa bay vừa nói: "Trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, Ga-na sẽ không nhận được cả mưa nước lẫn mưa vàng". Đầu ấy rơi xuống vùng Bu-rê.

Xác của Bi-đa quần quai thành những vòng lượn khổng lồ, rồi các đợt sóng nối tiếp nhau từ đó dội ra cứ

thế mà tắt dần đi trên thành giếng. Trong con giầy giữa cuối cùng, xác rắn bật khỏi nơi ẩn náu. Cái đuôi của nó, vì thế, đứt rời ra, bay vút đi. Nó rơi xuống thung lũng Pha-lê-mê.

Con rắn U-a-ga-đu là vật thờ. Uy quyền của nó cực lớn, các bô lão mà sợ nó, thì cũng chẳng có gì vô lý. Phải có đầu óc táo bạo của tuổi trẻ mới dám tiêu diệt nó. Suốt bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, không một cơn mưa nào đổ xuống Ga-na. Các dòng sông khô kiệt, các thung lũng cằn cỗi đi, người bị đói khát sát hại nhau hàng loạt, nên phải trốn đến những miền đất còn có thể sống được.

Thế là Ga-na, đế chế nổi tiếng nhất, mà cũng là cái nôi của các nền văn minh Phi Châu, không còn nữa. Thời huy hoàng của nó chỉ còn là những hồi ức, là những giấc mơ ảo não của cây huyền cầm Phi Châu, những giấc mơ lầy cát làm tấm liệm.

46. LAN-XƠ-NI VÀ MA-RI-GIA-MA

(Tộc người Mô-xi)

Cách đây đã lâu lắm rồi, tại làng Bi-ri-kô, trên đất tộc Phun-ta, có một thủ lĩnh hùng mạnh và giàu có, tên Ba-ka-ri. Ông nắm trong tay những đàn gia súc menh mông, những cánh đồng cày sâu bừa kỹ, và đông đảo nô lệ. Ngoài ra, còn một bằng chứng nổi bật hơn thế nữa về của cải ông nắm trong tay: ông có một hậu cung gồm những hai mươi mốt bà. Tính cả ghen - mà nói cho cùng thì cũng như mọi người thời ấy cả thôi, ông nhốt tất cả các bà vào một *ta-ta*⁽¹⁾ cao: cứ đàn ông nào khác là không được vào đấy, ai trái lệnh thì mắc tội chết.

Ở gần *ta-ta* chứa các vợ của Ba-ka-ri, có một bà già, tên Nai-ma, sống với con trai, chàng Lan-xơ-ni. Bà Nai-ma thuộc mọi loại cỏ trong chốn bụi bờ⁽²⁾, chữa bệnh cho người ốm, biết gieo hạt kê-la trên cát mà bói. Vì vậy bà được tôn trọng rất mực, dễ dàng ra vào hậu cửa của Ba-ka-ri. Còn Lan-xơ-ni là một chàng trai đẹp, khỏe, khéo tay, ham mê săn bắt.

Một hôm, nhân đi qua trước cửa *ta-ta*, chàng thấy một người vợ của Ba-ka-ri, nàng Ma-ri-gia-ma, đang đứng già ngô. Đây là một phụ nữ người Tu-cu-lo, thân hình thanh tú, đường nét đều đặn. Để cho thoải mái mà già, nàng đã cởi tấm vải quấn thân dưới, chỉ còn giữ trên người có mỗi chiếc thắt lưng.

Trước hình ảnh đó, trái tim của Lan-xơ-ni như muốn ngừng đập. Về đến nhà, chàng nói thẳng với mẹ là chàng sẽ tự tử, nếu bà không tìm được cách gì để cho chàng dễ dàng vào trong *ta-ta*, mà vào ngay hôm ấy. Bà già Nai-ma sợ quá lập tức đến gặp Ma-ri-gia-ma; chuyện trò với nàng hồi lâu, bà trở về miệng cứ mỉm cười.

Bà ta nhờ ông thợ rèn trong làng làm cho một chiếc hòm lớn khoét trong thân một cây gạo to. Bà bảo cậu con trai chui vào đó, đóng lại cẩn thận, rồi đến gặp Ba-ka-ri. Bà thưa:

"Xin kính chào ngài. Con trai của tôi vừa lên đường đi một chuyến dài tới N'da-ra. Nó để lại nhà một cái hòm đầy quần áo. Tôi chỉ là một cụ già khốn khổ hèn yếu, lẽ thường bỏ trống, hòm mà để đầy e chẳng được an toàn. Cho nên tôi đến xin ngài cho phép tôi gửi nó trong *ta-ta* của các bà, Ma-ri-gia-ma đã hứa giữ giúp tôi trong lúc cô ấy cho tới khi con trai tôi về"

Vốn tốt bụng, Ba-ka-ri cho phép ngay, chẳng khó dễ gì.

Ngay tối đó, vào lúc mọi câu chuyện kể đã ngừng, lúc lang vắn đã hú lên giữa chốn bụi bờ, thì Ma-ri-gia-ma mở hòm ra, cùng Lan-xơ-ni nếm vị ngọt của cuộc tình liêu lĩnh.

Sau chín tháng. Ma-ri-gia-ma đã làm mẹ. Để ăn mừng đứa bé mà ông tưởng là con trai mình và đã đặt tên là Mô-ri-ba, Ba-ka-ri mở hội lớn, mời tất cả các chủ lễu trong làng tới dự.

Ông cho hạ một bò, ba cừu. Trong suốt hai ngày liền, các quả bầu không khi nào voi com nóng, các vò đựng không khi nào voi rượu cỏ⁽³⁾.

Trong khi đó, Lan-xơ-ni vẫn ẩn ở đây, ngủ ban ngày, sống về đêm. Ba năm liền, cả chàng lẫn Ma-ri-gia-ma chưa hề chán nhau.

Nhưng rồi một đêm điều bí mật của họ bất ngờ lọt vào mắt một trong những người vợ khác, Xa-ma-ta. Bà này không làm sao giữ mồm giữ miệng nổi, chẳng bao lâu tiếng xì xào đã đến tai Ba-ka-ri. May thay, bà già Nai-ma được báo kịp thời, cho con vượt thoát. Khi Ba-ka-ri cùng hai vị chức sắc tới nơi Ma-ri-gia-ma ở mở hòm ra xem, thì họ chỉ thấy có áo choàng, vài quần thân và xa-ma-ra. Đúng lúc đó, Nai-ma đến báo cho ông ta tin con trai bà đã trở về, bà đòi lại cái hòm bà đã gửi đây.

Ba-ka-ri không tìm ra được dấu vết gì, nhưng ông đâu có chịu thua. Sau khi đã hỏi ý kiến những bậc hiền trí trong vùng, ông cho thổi còi, vỗ trống, mời tất cả thầy đàn ông khỏe mạnh trong xứ tới. Khi mọi người đã đông đủ, Ba-ka-ri bảo họ đứng quanh ông thành nửa vòng tròn. Còn hai mươi một bà vợ, bà nào cũng một đứa trong tay, thì ông xếp họ đứng trước mặt ông. Rồi ông ra lệnh cho các bà: "Bảo con các bà lớn tới ôm hôn bố của chúng đi".

Các bà mẹ nhắc lại câu nói, hai mươi đứa trẻ tiến thẳng về phía Ba-ka-ri. Có mỗi Mô-ri-ba mới đi được mấy bước đã quay về phía mẹ, vừa quay vừa khóc. Thế là các bà lão trong làng bảo Ba-ka-ri: "Thôi đúng rồi, thằng bé đó không phải con ông". Ma-ri-gia-ma vội nhắc Mô-ri-ba: "Đi đi con, lại ôm hôn bố đi!" Mô-ri-ba lại bước đi, rồi sau vài phút ngập ngừng thằng bé tiến thẳng về phía Lan-xơ-ni đang đứng lẫn trong đám đông.

Thấy mình đã lộ mặt, anh chàng không ngần ngại nữa. Anh ôm chặt lấy thằng con trai của mình vừa hôn nó vừa nói với Ba-ka-ri: "Vâng, thưa chủ làng, đứa bé này là con tôi. Bất chấp lệnh của ông, bất chấp những đe dọa của ông, tôi đã lọt vào trong *ta-ta*. Tôi đã sống trong đó ba năm liền: đây, chuyển tôi đi N'đa - ra đây. Tôi đã làm thế bởi vì tôi yêu Ma-ri-gia-ma, phải chi không được gần nàng thì tôi tự sát. Hôm nay, ông đã biết cả rồi, ông có quyền tùy ý mà trừng phạt tôi, giờ, tôi không còn sợ chết nữa".

Chàng nói, mà dáng và lời tao nhã quá, khiến Ba-ka-ri cũng phải cảm động. Ông đáp: "Không đâu, Lan-xơ-ni ạ, ta sẽ không làm gì hại đến anh đâu. Đứa bé này là con anh, cứ giữ lấy nó. Người đàn bà này, anh đã chinh phục được bằng một giá hi sinh to lớn đến thế, anh cứ giữ lấy nàng. Hơn nữa, ta cho anh một bò cái đang chữa, với ba con cừu, vì anh là một chàng trai dũng cảm và kiêu hãnh!"

Rồi quay về phía các chức sắc, ông nói thêm: "Còn về phần chúng ta, từ nay trở đi, ta mà có nhốt vợ lại thì cũng vô ích thôi. Có đề phòng cẩn mật đến mấy, xây *ta-ta* có dày đến mấy, cũng không thể ngăn được họ đánh lừa chúng ta, nếu họ quyết thế".

Chính từ buổi đó phụ nữ Đen mới không còn bị nhốt kỹ trong hậu cung nữa.

-
- (1) Thành trì bằng đất nện.
 - (2) Nhắc lại một lần nữa, nhiều tộc người ở Tây Phi quen gọi đồng cỏ (thảo nguyên) là chốn "bụi bờ".
 - (3) Loại rượu phổ biến nhất ở Tây Phi, làm bằng nước chích ra từ thân cây cọ.

47. XAM-BA GA-NA

(Tộc người Xê-nin-kê)

An-nan-li-a Tu-Ba-ri là con gái của một ông hoàng xứ Đa-ga-na. Người ta đồn rằng nàng rất thông minh và rất đẹp. Nhiều chàng *ho-rô* hiệp sĩ đã tới thành phố này để cầu hôn với nàng. Nhưng với ai An-nan-li-a cũng đòi hỏi phải làm tròn một nhiệm vụ mà chẳng ai dám lao vào. Cha của An-nan-li-a chỉ nắm có mỗi một thành phố này thôi, nhưng ông còn có vô số làng mạc và trang trại. Có lần ông gây sự với một ông hoàng khác quanh chuyện nắm một làng khác gồm nhiều trang trại. Thua cuộc, cha của An-nan-li-a mất ngôi làng. Vốn tính kiêu hãnh, không chịu đựng nổi thất bại rồi qua đời. An-nan-li-a thừa hưởng thành phố và cả xứ. Thế là nàng yêu cầu chàng *ho-rô* nào muốn lấy nàng thì phải chiếm lại ngôi làng nhiều trang trại đã bị lấy mất, hơn thế nữa, còn phải chiếm luôn cả tám mươi thành phố và làng mạc quanh lãnh thổ của nàng. Năm tháng trôi qua. Không ai dám tiến hành một cuộc chiếm rộng lớn đến thế. An-nan-li-a vẫn chưa chồng, nhưng mỗi năm nàng lại mỗi đẹp thêm. Ấy thế mà nàng chẳng còn giữ lại được một chút vui nào nữa. Sắc đẹp của nàng cứ tăng lên, nỗi buồn cũng tăng lên. Theo gương nữ chúa, tất cả các chàng *ho-rô* (hiệp sĩ), các *d'gian-li* (thi sĩ du ca) các *nu-mu* (thợ rèn) và các *u-lut-xu* (ông nông) trên xứ sở của An-nan-li-a cũng để cho tiếng cười tắt ngấm.

Vị *ga-na* (ông hoàng) ở Pha-ra-ka có một người con trai tên Xam-ba Ga-na. Đến tuổi trưởng thành, theo tục lệ của xứ sở chàng rời bỏ thành phố của cha, cùng với hai "*đ'gian-li*" và hai *xu-pha* (lính hầu ngựa) ra đi chiếm lĩnh một vùng đất cho riêng mình. Xam-ba Ga-na còn trẻ. Thầy của chàng vị *đ'gian-li* Ta-ra-ra-phê, cùng đi với chàng. Xam-ba Ga-na vui tính. Xam-ba Ga-na cười vang mà lên đường. Xam-ba Ga-na tuyên chiến với một ông hoàng trị vì một thành phố (khích ông ta đọ sức tay đôi). Họ chiến đấu với nhau. Mọi người trong thành phố đứng xem. Xam-ba Ga-na thắng. Ông hoàng bại trận xin chàng tha chết, dâng chàng thành phố của ông. Xam-ba Ga-na cười mà bảo: "Hãy giữ lấy thành phố của người. Thành phố của người chẳng là cái gì đối với ta cả". Không bao lâu sau Xam-ba Ga-na đã chiến thắng tất cả các ông hoàng trên đất Pha-ra-ka, thế mà chàng vẫn chẳng nắm được thành phố nào, chẳng nắm được xứ sở nào, vì lần nào chàng cũng trả lại tất, rồi cười vang mà ra đi.

Một hôm, chàng nằm dài bên bờ sông Ni-gie cùng *đ'gian-li* của mình. Vị *đ'gian-li* Ta-ra-ra-phê cất tiếng hát ca tụng An-nan-li-a Tu-Ba-ri. Ông ca ngợi sắc đẹp, niềm u uẩn và nỗi cô đơn của An-nan-li-a Tu-Ba-ri. Ta-ra-ra-phê ca rằng "Ai chiếm được tám mươi thành phố, làm cho nàng cười, người ấy sẽ chinh phục được An-nan-li-a".

Nghe điều đó, Xam-ba Ga-na đứng phắt dậy, hô to: "Hỡi các Xu-pha, đứng lên nào! Đóng yên đi! Ta đến xứ sở của An-nan-li-a Tu-Ba-ri!". Xam-ba Ga-na cùng các *đ'gian-li* và *xu-pha* lên đường. Họ ruổi ngựa ngày đêm. Họ đi ngày này qua ngày khác. Họ tới thành phố của An-nan-li-a Tu Ba-ri. Xam-ba Ga-na gặp An-nan-li-a Tu Ba-ri. Chàng

thấy nàng đẹp mà chẳng hề cười. Xam-ba Ga-na nói: "An-nan-li-a Tu Ba-ri, cho tôi biết tám mươi thành phố đó". Xam-ba Ga-na lại lên đường. Chàng bảo Ta-ra-ra-phê: "Người hãy ở lại bên An-nan-li-a Tu Ba-ri, hãy hát cho nàng nghe, hãy làm cho nàng khuây khỏa, làm cho nàng cười!". Ta-ra-ra-phê ở lại trong thành phố của An-nan-li-a. Hàng ngày ông ca tụng các bậc anh hùng của xứ Pha-ra-ka, các thành phố trên đất Pha-ra-ka, và con rắn Ít-xa Be có thể dâng nước tùy thích, khiến cứ một năm dân chúng được mùa thì những năm khác phải chịu đói khát. An-nan-li-a Tu Ba-ri nghe kể tất tật. Còn Xam-ba đi suốt một vòng. Chàng đánh hết ông hoàng này tới ông hoàng khác. Chàng khuất phục cả tám mươi ông hoàng, bảo với từng người: "Hãy tới nơi An-nan-li-a Tu Ba-ri ở, thưa với nàng rằng thành phố của người thuộc về nàng". Tám mươi ông hoàng và đông đảo các *ho-rô* đến hầu An-nan-li-a Tu Ba-ri rồi ở lại trong thành phố của nàng. Thành phố của An-nan-li-a Tu Ba-ri lớn lên, lớn lên mãi, An-nan-li-a Tu Ba-ri trị vì tất cả các ông hoàng và các *ho-rô* trên cơ sở mệnh mệnh bao quanh thành phố của nàng.

Xam-ba Ga-na trở về bên An-nan-li-a Tu Ba-ri. Chàng nói: "An-nan-li-a Tu Ba-ri, tất cả những gì nàng muốn có giờ đây đã thuộc về nàng". An-nan-li-a Tu Ba-ri nói: "Chàng đã hoàn thành sứ mạng. Bây giờ, chàng hãy lấy tôi làm vợ". Xam-ba Ga-na nói: "Tại sao nàng không cười lên? Tôi không lấy nàng chừng nào nàng chưa cười". An-nan-li-a Tu Ba-ri đáp: "Trước kia, tôi không cười được vì tôi đau đớn trước nỗi nhục của cha tôi. Giờ, tôi không cười vì tôi đói". "Phải làm gì cho nàng dịu con đói đây?". An-nan-li-a bảo: "Chiến thắng con rắn Ít-xa Be vì nó cứ cho chúng ta một

năm được mùa thì lại bắt chúng ta chịu mất mùa". "Được, Xam-ba Ga-na nói, chưa ai làm được việc đó, nhưng tôi, tôi sẽ làm được". Rồi chàng lại ra đi.

Xam-ba Ga-na đi đến Pha-rắc tìm con rắn Ít-xa Be. Chàng tiếp tục đi, tiếp tục tìm. Chàng đi Ku-ri-mê, rồi, không thấy rắn đâu, bèn ngược dòng sông. Đến Bam-ba vẫn không thấy rắn đâu, chàng lại ngược sông tiếp. Thế rồi chàng gặp nó. Chàng cùng nó chiến đấu. Lúc thì rắn thắng thế, lúc thì Xam-ba Ga-na thắng thế. Dòng D'gion-li-ba (sông Ni-gie) khi thì lượn sang phía này, khi lại lượn sang phía kia. Núi sụp đổ, đất nứt nẻ. Tám năm ròng, Xam-ba Ga-na đánh nhau với rắn. Suốt thời gian đó, chàng đã làm tám trăm ngọn giáo vỡ ra từng mảnh, làm gãy tám mươi thanh kiếm. Chàng chỉ còn lại trong tay một thanh kiếm đâm máu và một ngọn giáo đâm máu. Chàng đưa ngọn giáo cho Ta-ra-ra-phê mà bảo: "Người hãy tới gặp An-nan-li-a Tu Ba-ri, đưa ngọn giáo này cho nàng, thưa với nàng rằng con rắn đã bị đánh bại, rồi xem thử giờ nàng đã cười được chưa".

Ta-ra-ra-phê tới gặp An-nan-li-a Tu Ba-ri, chuyển lời nhắn. An-nan-li-a Tu Ba-ri nói: "Người quay lại gặp Xam-ba Ga-na đi, bảo chàng hãy mang về cho ta con rắn bại trận. Nó sẽ là nô lệ của ta, nó sẽ dẫn dòng sông vào xứ sở của ta. Bao giờ An-nan-li-a Tu Ba-ri nhìn thấy Xam-ba Ga-na cùng con rắn, lúc đó An-nan-li-a Tu Ba-ri sẽ cười".

Ta-ra-ra-phê mang lời nhắn đó trở về Pha-ra-ka. Ông chuyển lời nhắn lên Xam-ba Ga-na. Xam-ba Ga-na lắng nghe mọi lời của An-nan-li-a Tu Ba-ri. Chàng rút lưỡi gươm đâm máu, tự phanh lồng ngực, cười một lần cuối, rồi chết. Ta-ra-ra-phê nhặt lưỡi gươm đâm máu, lên ngựa đi tới

thành phố của An-nan-li-a Tu Ba-ri. Ông nói với nàng: "Đây là lưỡi guom của Xam-ba Ga-na, nó đâm cả máu của con rắn D'gion-li-ba lẫn máu của Xam-ba Ga-na. Xam-ba Ga-na đã cất tiếng cười lần cuối".

An-nan-li-a Tu Ba-ri cho mời tất cả các ông hoàng, tất cả các *ho-rô* có mặt trong thành phố. Nàng lên ngựa, tất cả cùng lên ngựa. An-nan-li-a Tu Ba-ri và mọi người đi về phía đông. Họ đi, đi mãi không nghỉ cho đến khi tới tận Pha-ra-ka. An-nan-li-a Tu Ba-ri đến trước thi hài của Xam-ba Ga-na. Nàng nói: "Người anh hùng này lớn hơn mọi bậc trước người. Hãy dựng cho chàng một ngôi mộ vượt lên tất cả mọi ngôi mộ của mọi bậc vua chúa, mọi kẻ anh hùng". Công việc bắt đầu. Tám lần tám trăm người đào các hố. Tám lần tám trăm người xây nhà (phòng mai táng ở dưới đất). Tám lần tám trăm người xây hành lang (nơi hiến tế trên mặt đất). Tám lần tám trăm người (6) mang đất tới đắp lên hành lang; họ nện chặt đất lại đốt lửa nung. Ngọn núi (ngọn tháp mộ phần) cứ cao lên, cao lên mãi.

Tối nào An-nan-li-a Tu Ba-ri cũng cùng với các ông hoàng, các *ho-rô* và các *đ'gian-li* của mình trèo lên đỉnh núi. Tối nào các *đ'gian-li* cũng hát lời ngợi ca người anh hùng. Tối nào Ta-ra-ra-phê cũng hát lời ngợi ca Xam-ba Ga-na. Sáng nào An-nan-li-a Tu Ba-ri vừa thức giấc cũng nói: "Ngọn núi chưa đủ cao. Tiếp tục xây đi, cho tới lúc ta nhìn thấy được xứ Oa-ga-na". Tám lần tám trăm người mang đất tới, chất lên trên ngọn núi, nện cho chặt, đốt lửa nung. Trong tám năm, ngọn núi cứ cao dần, cao dần, cao dần lên. Cuối năm thứ tám, mặt trời thức dậy. Ta-ra-ra-phê nhìn quanh, rồi kêu to: "Hỡi An-nan-li-a Tu

Ba-ri, hôm nay ta đã nhìn thấy được Oa-ga-na". An-nan-li-a Tu Ba-ri nhìn về phía tây. Nàng nói: "Ta đã nhìn thấy Oa-ga-na! Mộ Xam-ba Ga-na đã to lớn xứng với tên tuổi của chàng".

An-nan-li-a Tu Ba-ri cười: "Giờ đây, hỡi các hiệp sĩ, hỡi các ông hoàng, hãy tản ra, hãy tỏa ra khắp mặt đất này, hãy trở thành những người anh hùng như Xam-ba Ga-na". An-nan-li-a Tu Ba-ri cười một lần nữa, rồi tắt thở. Nàng được chôn bên cạnh Xam-ba Ga-na, trong phòng mai táng của ngọn núi mộ phần. Tám lần tám trăm ông hoàng và *ho-rô* ra đi, mỗi người một hướng, họ chiến đấu và trở thành anh hùng vĩ đại.

48. TẠI SAO DÒNG HỌ ĐU-NA-MU NỔI TIẾNG PHÙ PHÉP CÒN DÒNG HỌ KA-NI-MU LẠI NỔI TIẾNG HÁU ĂN

(Tộc người Mô-xi)

Có lần trưởng tộc Đu-na-mu và trưởng tộc Ka-ni-mu đồng tình cùng nhau lên đường tìm thầy học phép. Quyết định rồi hai vị lên đường ngay. Sau một chặng đường dài, họ dừng lại một làng xa lạ. Tại đây đàn ông đang tụ tập ăn com phè phơn trên quảng trường.

Chào hỏi xong, người cao tuổi nhất trong đám mời hai vị khách cùng ăn. Đói quá, Ka-ni-mu vui vẻ nhận lời ngay, rồi lao vào ăn. Nhưng Đu-na-mu thì lại chối từ. Thấy vậy, các vị chủ nhà băn khoăn hỏi tại sao. Đu-na-mu trả lời: "Tôi không tới đây để ăn lấy no, tôi đang đi tìm bùa phép cho dòng họ tôi".

Nghe vậy, vị lớn tuổi nhất trong đám dân làng bảo ông: "Chắc chắn ông sẽ được bùa phép đó, nhưng bạn đồng hành của ông thì chẳng bao giờ được, vì ông ta lo ăn uống hơn là lo làm tròn bốn phận".

Quả thật sau đó Đu-na-mu đem được bùa phép cao tay về cho dòng họ mình, mà dòng họ ông còn giữ được những bùa phép ấy tới tận ngày nay.

Còn Ka-ni-mu thì tay trắng trở về nhà; từ đó, dòng họ Ka-ni-mu bị cả xứ bêu riếu, gọi là lũ hấu ăn.

49. BẢY ANH EM VỚI BÀ MẸ SINH RA HỌ

(Tộc người Mô-xi)

Bảy anh em sống với nhau. Anh cả tên là G'li-phô-ni-a là người khôn ngoan nhất. Người thứ hai Gun-g'lat-xu, đánh hơi bằng mũi rất tinh. Người thứ ba Gia-ble uống mấy cũng được. Người thứ tư Gô-gie-ke, thấy gì nhất nấy. Gốt-xê-ghe-la, người thứ năm nổi tiếng dựng nhà khéo. Nin-do-đu, người thứ sáu, có tiếng pháp thuật cao cường, biết làm cho những người chết sống lại. Còn người thứ bảy, Đông-kông-p'li, là một tay thiện xạ.

Một hôm, mẹ họ vào rừng kiếm củi, rồi không về làng nữa. Lo lắng cho số phận của mẹ, người anh cả gọi các em lại.

Hôm sau trời vừa hừng sáng, cả bảy anh em cùng nhau lên đường tìm mẹ.

Rốt cuộc, sau mấy ngày, anh thứ hai ngửi thấy mùi xác đang rữa. Nhờ thính giác khác thường dẫn đường. Gun-g'lat-xu đưa được các anh em tới chỗ đã xảy ra tai nạn. Ở đấy, xác của bà mẹ khốn khổ nằm rải rác thành nhiều mảnh trong một ao nước.

Người thứ ba bèn quỳ xuống bờ ao. Vốn là tay uống mấy cũng được, anh uống cạn nước trong ao. Sau đó người thứ tư nhặt nhanh xương cốt lại tất, không để sót lấy một lóng tay.

Người thứ năm sắp xếp lại mọi phần của thân thể, cả xương lẫn thịt. Nhưng đúng vào lúc người thứ sáu sắp thổi sinh khí vào thân thể thì một thầy phù thủy hiện lên thành một con chim. Tay này định dùng chất bọc bùa đặc biệt mà ngăn không cho anh kia làm phép hồi sinh.

Đúng lúc ấy, chàng thợ săn Đông-kông-p'li giương cung, bật tên ra, giết chết con chim.

Thế là mẹ họ được cứu thoát.

Chính từ ngày đó, con cái đều yêu mẹ, còn mẹ thì yêu con cái.

TRUYỆN SINH HOẠT

50. NGƯỜI VỢ CÂM BỊ MẤT CON

(Tộc người Lô-bi)

Một ông lấy nhiều vợ, trong số đó có một cô câm được ông yêu hơn các bà kia. Thấy thế vợ cả ghen tức lắm. Cô câm nấu cơm cho chồng, thì bà ta đổ thêm nước vào nồi, rồi bảo ông: "Ông thấy không, cơm nước thế này có ra cái gì đâu".

Cô câm ngủ với chồng, bà cả lại đổ nước vào nơi hai người ngủ, rồi sáng hôm sau vừa chỉ trỏ vừa bảo: "Con câm này lại đái ra giường nữa rồi, làm sao lại có thể yêu một con đàn bà như thế nhỉ?".

Rồi cả ba bà vợ trong gia đình này đều có mang. Ông chồng báo trước cho cả ba bà biết ông sẽ sủng ái người nào sinh cho ông một đứa con trai.

Ba người đàn bà chung chồng sinh nở cùng một lúc, hai bà đầu sinh con gái, cô câm sinh con trai. Bà cả đến bên cô ra hiệu cho cô biết bà sẽ đưa con cô đi tắm. Bà ôm thằng bé mới sinh đi thực, rồi quay về đặt con gái của bà vào chỗ nó nằm. Xong, bà báo cho chồng hay bà đã sinh cho ông một đứa con trai.

Ba đứa trẻ lớn lên rồi. Con cô câm biết rõ mẹ nó là ai, nên ngày nào nó cũng đến gặp cô mà bảo: "Mẹ hát đi để con múa". Cô câm không hiểu gì, chỉ đáp: "Hùm... hùm... ùm... òm...". Thằng bé òa lên khóc, khóc to đến mức thấu cả tai trời. Trời nghĩ: "Ta mà không mở miệng cho

con đàn bà này thì thế này rồi hai đứa cùng chung chồng với nó cũng sẽ cướp con của nó mất". Rồi Trời cho cô tiếng nói, khi đứa bé trai lại gọi mẹ, lại bảo "Mẹ hát đi để con múa", thì cô cầm bông cất tiếng hát:

"Tôi biết làm sao đây?

Tôi sinh được một trai,

Họ đổi gái vào đây.

Tôi thì không biết nói.

Tôi biết làm sao đây?"

Vừa hát, cô vừa vỗ tay cho con múa.

Một bà lão nghe được, vội báo cho ông chồng biết. Ông cũng đã thấy rằng con trai ông giống cô cầm. Ông quyết định nấp nghe bài hát bà lão đã nghe được.

Sáng hôm sau, ông nấp trong buồng. Chẳng bao lâu thằng bé đã đến bảo mẹ: "Mẹ, hát đi để con múa". Cũng như hôm trước, cô cầm vừa vỗ tay vừa hát:

"Tôi biết làm sao đây?

Tôi sinh được một trai,

Họ đổi gái vào đây.

Tôi thì không biết nói.

Tôi biết làm sao đây?"

Ông chồng chờ vài hôm, rồi cho gọi mấy tay trống về nhà để múa. Hàng xóm láng giềng kéo đến đông đủ. Nhưng đứa bé trai lại không cùng mọi người bước về phía đàn nhạc. Nó tìm mẹ nó, bảo mẹ: "Mẹ, hát đi để con múa". Thế là cô cầm vừa vỗ tay vừa hát:

"Tôi biết làm sao đây?

Tôi sinh được một trai,

Họ đổi gái vào đây.

Tôi thì không biết nói.

Tôi biết làm sao đây?"

Mọi người có mặt đều nghe lời hát, mọi người quá đỗi kinh ngạc. Ông bố hỏi họ: "Các vị nghĩ thế nào về đứa bé này? Nó là con bà cả nhà tôi, hay con cô câm?". Trăm người như một đều lớn tiếng bảo rằng nó là con cô câm. Ông chồng liền đứng dậy, trả đứa bé cho cô ta⁽¹⁾.

-
- (1) Như nhiều cổ tích của nhiều cộng đồng ở khắp nơi, tích chuyện này trả lại công bằng cho con người rơi vào số phận hẩm hiu nhất. Và cũng như trong nhiều trường hợp khác, việc trả lại công bằng ấy được quy cho Trời. Người Lô-bi không tiếp thu đạo Hồi, không tin vào An-la (Thượng đế của Hồi giáo), nhưng, trong quan niệm tôn giáo cổ truyền của họ, cũng có cả một hệ thần linh từ cao đến thấp, mà cao nhất là một vị thần tối thượng (Trời). Điều đó không có gì lạ, vốn là hiện tượng cực kỳ phổ biến. Nhưng, trong đa số các trường hợp thần tối thượng, sau khi đã hoàn tất sự nghiệp của mình (làm ra vũ trụ và loài người), thường cứ ngự trên đỉnh trời cao tít, không quan tâm gì đến con người ở trần thế nữa, gần như chỉ là một khái niệm trừu tượng. Điều đáng lưu ý là, với tích chuyện này, Trời của người Lô-bi, tuy xuất hiện ngắn ngủi thôi, nhưng đã bước đầu có cá tính, không chỉ theo dõi và can thiệp trực tiếp vào chuyện trần thế mà còn lập luận trước khi hành động, hệt như con người. Ảnh hưởng của nhân sinh quan Hồi giáo chăng?

51. TĂNG-GÔ-A VÀ XÊ-PUỐC-GÔ-A

(Tộc người Lô-bi)

Có một người đàn bà không con. Bà có mang, nhưng lại không mang thai trong bụng theo thói thông thường, mà mang thai trong một đầu gối. Có hôm bà ngồi bên suối múc nước, bỗng đầu gối nứt ra, từ đó một đứa bé rơi xuống đất, rồi đứng dậy ngay mà nói. Nó cho mẹ hay tên nó là Xê-puốc-gô-a, rồi lớn tiếng bảo: "Mẹ cứ để đầy nước trong vò như thế, cho con đội vò⁽¹⁾". Mẹ bảo con còn bé quá, còn yếu quá. Bà đặt vò lên đầu con, nhưng tay phải đỡ vò, còn tay trái thì bế con. Cứ thế, hai mẹ con vào vùng cỏ cao. Xê-puốc-gô-a hỏi: "Tất cả rom ở đây là của ai thế?⁽²⁾". "Của Tăng-gô-a⁽³⁾". "Có đốt được không?". Mẹ đáp: "Không, không ai được đốt". Nhưng Xê-puốc-gô-a thét âm lên là nó sẽ đốt, mà nó đốt thực: rom cháy sạch. Tăng-gô-a biết được, ông cáu lắm. Đêm đến, ông hét to, ra lệnh cho mọi người ngày mai tập hợp lại tại nơi đã xảy ra trận cháy. Đứa bé dặn mẹ: "Mai, mẹ đặt con cạnh Tăng-gô-a nhé". Hôm sau Tăng-gô-a hỏi: "Ai đã đốt rom của ta?". Mọi người kêu lên: "Chúng tôi đâu có biết". Còn Xê-puốc-gô-a thì bảo: "Tôi đây". Tăng-gô-a đáp: "Được lắm!". Nhìn kỹ đứa bé rồi, ông đưa kê cho nó⁽⁴⁾ "Lấy kê đi, đắp nước, đem phơi nắng, rồi làm rượu ngay trong hôm nay, để đến mai chúng ta có thể tế thần linh". Xê-puốc-gô-a lặng thinh nhận kê. Về đến nhà, nó nhờ người mang hạt bầu đến cho Tăng-gô-a, nhắn ông ta: "Gieo các hạt này đi

cho cây mọc lên ngay hôm nay, rồi phơi quả cho khô, để ngày mai chúng ta có thể uống rượu trong các bầu đựng do ông làm ra". Tăng-gô-a cầm các hạt bầu trong tay, suy nghĩ, rồi bảo người đưa tin: "Xê-puốc-gô-a cứ lấy kê của ta nướng bánh mà ăn đi". Đứa bé làm thế.

Hôm sau, Tăng-gô-a bắt một bò đực bôi mỡ *ka-ri-tê*⁽⁵⁾ quanh đít con vật, đem biếu Xê-puốc-gô-a: "Cứ giữ con bò này, bao giờ nó sinh con thì chúng ta chia nhau". Đêm đến, Xê-puốc-gô-a cướp lấy mắt trời. Sáng sau, Tăng-gô-a ngồi trước nhà, vừa rét, vừa chẳng thấy gì. Ông cho tập hợp mọi người lại, hỏi: "Ai đã lấy mất mắt trời?". Xê-puốc-gô-a đáp: "Tôi đấy". "Sao ngươi lại làm thế?". "Vì chính ông đã cho tôi con bò đực, mà lại dặn về sau sẽ chia nhau bê. Bò đực làm sao đẻ ra bê được?". Tăng-gô-a bèn bảo: "Lấy bò đực mà ăn thịt vậy".

Hôm sau nữa, Xê-puốc-gô-a chặt mấy cây sào dài, cứ nhè lá cây *bao báp* gần nhà Tăng-gô-a mà đập mạnh. Ông này to tiếng hỏi: "Ai đập lá đấy?". Xê-puốc-gô-a đáp: "Tôi đập lấy lá rụng để lấy thức ăn cho cha tôi: ông ta vừa sinh con đêm qua đấy". Tăng-gô-a lại hỏi: "Thế nào, đàn ông làm sao mà sinh con được?". Sao lại không, bò đực của ông chả sinh được bê là gì?⁽⁶⁾ Tăng-gô-a ngượng ngùng đáp: "Người hơn ta rồi!". Ông thôi thử thách đứa bé nữa.⁽⁷⁾

(1) Người Tây Phi, cũng như người Trung cận Đông, không gánh mà đội, kể cả đội nước.

(2) Rơm phơi ngoài đồng cỏ, sau vụ thu hoạch.

- (3) Người sưu tầm (nhà dân tộc học Hăng-ri La-bu-rê) không chú thích gì quanh tên này. Nhưng qua diễn biến của câu chuyện, có thể đoán rằng đây là một nhân vật có uy thế (nhà giàu? thủ lĩnh làng hay vùng?...).
- (4) Ở Tây Phi, kê là lương thực (phụ) và như nhiều thứ lương thực, có thể được ủ thành rượu (nguyên liệu phổ biến hơn để làm rượu là nước cây cọ).
- (5) Một loại mỡ thực vật lấy từ hạt cây ka-ri-tê mọc hoang trên đồng cỏ.
- (6) Có thể gặp một tình huống tương tự và một câu trả lời y hệt qua một cổ tích Ba-na (ở Tây Nguyên).
- (7) Tích chuyện này không khỏi nhắc nhở đến những tích xoay quanh "Ông Trạng" trẻ con của người Việt ở nước ta. Có điều rằng, nếu các "Ông Trạng" con ở ta chỉ là những chú bé thần đồng, nhờ trí thông minh sớm phát triển mà thắng được người lớn (kể cả những nhân vật có uy thế) qua đối đáp, thì chú bé Xê-puốc-gô-a ở đây lại được gia thêm nhiều chi tiết huyền hoặc (sinh ra từ đầu gối của mẹ, biết nói từ lúc mới sinh, mới ra đời đã thích làm những kỳ tích, bắt mặt trời). Vì thế mà ta có quyền nghi rằng chú ta vốn là "anh hùng văn hóa" trong thần thoại (xem lại chú thích dưới tích 49), nhưng đã được "thế tục hóa" để gia nhập vào phổ nhân vật của cổ tích thông thường. Nghi vấn thôi, nhưng cứ phải nói lên, dù chỉ vì tích chuyện, có lý thú đi chăng nữa, vẫn không dôi lại (răn dạy đạo lý ở đời, trình bày một hoàn cảnh xã hội éo le, nói lên một triết lý nhân sinh nhất định...).

52. CÁI KIM

(Tộc người Lô-bi)

Một chàng trai cứ đi ra ngoài đồng mà chẳng có gì trong tay. Bố chàng bảo: "Con ạ, đừng đi ra ngoài đồng mà chẳng có gì trong tay, thậm chí cả cái kim cũng không có". Nhưng chàng không nghe lời bố.

Có hôm chàng cũng cứ thế mà đi, rồi gặp kẻ cướp. Chúng tóm chàng lại. Chàng bảo: "Bố tôi đã nói trước rồi. Hôm nay mà tôi có cái gì đó trong tay, dù chỉ cái kim, thì các anh chẳng bắt được tôi đâu".

Một tên cướp nói: "Mày nói dối, này, cái kim đây này". Chàng trai xem xét mũi kim, rồi bảo: "Kim gãy rồi". Tên cướp hỏi: "Gãy đâu nào?".

Thế là chàng trai đâm vỡ mắt tên cướp. Tên này vừa ném súng xuống vừa thét to: "Trời ơi là trời, tao vỡ mắt rồi". Chàng trai vớ lấy khẩu súng, bắn gục một tên khác. Bọn cướp bỏ chạy. Chàng trai thoát thân.

Chàng đến gặp bố: "Bố ạ, đúng là làm con phải nghe lời cha. Hôm nay, bọn cướp bắt được con. Thế là con thoát được nhờ một cái kim⁽¹⁾".

(1) Mục đích răn dạy đạo lý ở đây đã quá rõ.

53. MÔ-ĐI, CHÀNG NGỦ

(Tộc người Lô-bi)

Có một anh chàng tên Mô-đi. Anh chẳng bao giờ chịu làm cái gì cả.

Buổi sáng, bạn bè qua trước lều anh, lên tiếng gọi: "Thế nào, Mô-đi, ra đồng chứ?". Bao giờ cũng vậy, anh đáp: "Không, tớ đi ngủ đây". "Nhưng chẳng bao lâu nữa, cậu chẳng còn kê⁽¹⁾ đâu mà ăn, chết đói đấy". Mô-đi bảo: "An-la⁽²⁾ kỳ vĩ lắm, người thích cho ai giàu, kẻ ấy sẽ được giàu".

Người ta cứ nhạo anh, gọi anh là "Mô-đi, chàng ngủ". Cứ vậy, Mô-đi chẳng lo lắng gì sất, cứ ngủ, với lòng tin chắc rằng mọi việc đã có An-la xoay xở cho.

Sớm nọ, Mô-đi ra ngoài để thỏa mãn một nhu cầu tự nhiên. Chàng ra sau lều, dùng cuốc đào một lỗ dưới đất. Dưới mặt đất, cuốc vấp phải một cái lọ cũ. Lọ vỡ ra từng mảnh, anh thoáng thấy lọ chứa đầy vàng cám.

Tìm được lọ vàng, Mô-đi chẳng hề ngạc nhiên. Anh cào ít đất phủ lên, bước thêm mấy bước làm cho xong việc anh phải làm. Rồi anh trở về nhà nằm, như thường lệ.

Hôm sau, một người bạn đi ngang, gọi Mô-đi: "Thế nào, sáng nay thì cậu ra đồng chứ?". "Lại càng không chứ ỉ!". "Chao, cái cậu khốn khổ này, chẳng bao lâu nữa cậu sẽ rơi vào cảnh bần hàn hoàn toàn đấy". Mô-đi bảo: "Không đâu, chắc chắn là không, giờ đây tớ đã giàu nhất xứ rồi".

Người bạn cười phá lên mà rằng: "Tớ muốn xem những của cải chắc hẳn do An-la gửi đến cho cậu". Mô-đi bình thản đáp: "Dễ lắm. Sau lều có nơi đất mới được sỏi qua, cậu cứ đào xuống một tấc, cậu sẽ gặp một cái lọ đầy vàng cám. Đem vào đây cho tớ, rồi ta chia nhau".

Người bạn không tin, nhưng vì hiếu kỳ anh ta cũng làm theo yêu cầu của Mô-đi. Quả thế, anh gặp một cái lọ hũn hoi, nhưng đầy rác rưởi bẩn thỉu.

Anh cáu lắm cứ ngỡ Mô-đi lừa mình. Anh đào lọ lên, tự bảo: "Cái thằng đểu, cứ chờ đấy, rồi tao mang đến cho mày toàn bộ đồ chứa trong cái lọ này: tao đâu có thiết chia với mày".

Anh bước đến tận thêm nhà, rồi từ ngưỡng cửa anh ném cái lọ lên giường của Mô-đi, ném xong thì bỏ chạy, vừa chạy vừa cười vang.

Trước khi rơi xuống giường, chất bẩn đã biến thành những hạt vàng cám rực rỡ. Ngạc nhiên trước thái độ của bạn vợ chồng Mô-đi vội vàng thu vàng lại.

Ít lâu sau, một đoàn hành thương chở nô lệ đi bán dùng chân trong làng của Mô-đi.

Anh chàng bảo vợ: "Mình ra chọn những chiến tù nào vừa ý mà mua". Người thiếu phụ chọn trăm bé trai, trăm bé gái. Thấy thế, các bà người làng ở cạnh nhà chị cứ cười. Họ bảo nhau: "Xem kìa, con vợ Mô-đi cứ làm ra cái vẻ như định mua cả đoàn ấy, mà nó đâu có tiền để mua cái gì, dù chỉ một học kê". Để riếu chị, các bà đứng lánh ra một bên, vờ như nhường chỗ rộng cho vợ Mô-đi để chọn lựa: các bà tin chắc chị ta chẳng có khả năng trả tiền để mua cái gì hết. Cho nên họ rất kinh ngạc, khi hay

tin, qua lời các người buôn nô lệ, rằng Mô-đi đã trả bằng vàng mặt tất cả những món vợ anh mua.

Đây, bằng cách đó An-la cho thấy lời Mô-đi nói là đúng khi anh nhất quyết rằng An-la kỳ vĩ lắm, và người thích cho ai giàu, thì kẻ ấy được giàu⁽³⁾.

(1) Nhắc lại: một trong nhiều loại lương thực của người Tây Phi.

(2) Nhắc lại Thượng đế của đạo Hồi.

(3) Có thể nói câu kết này là đạo lý của tích truyện. Mà đạo lý Hồi giáo (vì người Kha-xông-kê đã tiếp thu đạo Hồi) thì chứa đựng một liều lượng định mệnh chủ nghĩa khá nặng. Chả là thứ chủ nghĩa định mệnh này phù hợp với tầng lớp thương nhân sống ven Hồng Hải ngày xưa, những người đã góp phần rất lớn vào việc hình thành đạo Hồi và phát triển đế chế Ả Rập qua đạo Hồi. Dù sao, đừng quên rằng tuyệt đại đa số người Kha-xông-kê là nông dân sống bằng nông nghiệp hóa canh trên đồng cỏ, và, như người nông dân ở khắp mọi nơi, họ đánh giá cao tính cần cù trong lao động hàng ngày, còn người (Kha-xông-kê) kể tích truyện này (cho những người Kha-xông-kê khác nghe) chỉ muốn, thông qua một diễn biến cực hạn, mà đề cao An-la. Ngoài ra yếu tố gây cười trong tích truyện này chính lại là tính cực hạn ấy (của diễn biến, cũng như tính cách nhân vật).

54. ÔNG LÃO VỚI BA NGƯỜI CON

(Tộc người Lô-bi)

Có một ông lão sắp qua đời. Ông gọi ba con lại: "Tất cả của cải của bố trong ba cái túi này". Rồi ông đưa cho mỗi con một túi, vừa đưa vừa dặn thêm: "Gì thì gì, chứ đừng mở túi trước khi bố chết".

Ông lão mất, các con vội vàng mở túi bố đã trao cho. Trong túi của mình, người anh cả thấy có đất, người anh thứ nhì thì thấy ốc tiền, người thứ ba thấy có vàng.

Hai người anh bảo: "Vàng này là tài sản của bố chúng ta, vàng này là của cả ba đứa chúng ta". Người trai út không chịu: "Chẳng bao giờ có thể được. Trước khi mất, bố đã chia gia tài đứa nào phần nấy rồi. Vàng đến tay tôi: đó là phần tôi".

Người anh cả chả làm sao cho mọi người đồng tình với nhau được. Họ đến gặp một vị *mô-khô* nổi tiếng về tài hòa giải⁽¹⁾. Ông mời cả ba ở lại trong nhà ông, rồi sai cô chị đầu bếp làm thức ăn bằng thịt con dê đực ông đã bắt của người gia nô.

Ngồi quanh các món ăn đang bốc khói, ba anh em không hề động đến mảy may. Người anh cả nói: "Tôi ấy à, tôi không ăn cái món *ki-ni*⁽²⁾ nấu không phải bằng thịt dê mà bằng thịt chó. Người anh thứ thì bảo: "Tôi cũng vậy, tôi chẳng động đến: chả là người đàn bà nấu bữa ăn

này đang chuyển bụng đẻ". Còn người em út: "Tôi, thì tôi không động đến các món ăn của một đứa con hoang"⁽³⁾.

Vị *Mô-khô* ở đây là một ông giáo sĩ đầy mưu mẹo: ông nấp ngoài cửa nghe trộm. Nghe lời ba người khách nói, ông cúi giận bỏ đi. Rồi ông mời bà mẹ đến lều riêng của ông⁽⁴⁾, khép cửa thực kín lại. Thấy chỉ còn có hai mẹ con với nhau nữa thôi, ông mới hỏi: "Mẹ ạ, xin mẹ nói cho con rõ người được tiếng là cha con có thực là bậc đã sinh ra con hay không?". "Con ạ, bà mẹ đáp, hồi bấy giờ mẹ không có con, mẹ buồn lắm. Thế rồi có một vị thần hiện lên bảo mẹ: Đừng buồn, người sẽ có một đứa con, mà đứa con ấy sẽ thành người có danh tiếng. Mẹ cứ nghĩ rằng ông chồng của mẹ không thể nào là bố đẻ ra đứa bé ấy, vì ông bất lực. Thế là ăn nằm với người nô lệ của ông ta"⁽⁵⁾.

Vị *Mô-khô* lại gọi người gia nô đã nộp con dê cho ông. Ông hỏi: "Theo chỗ mày nghĩ, con mày nộp cho tao là con dê hay con chó?". "Cha ạ, người nô lệ đáp, con dê con đã nộp cho cha chuyện nó đầu đuôi như thế này: có đêm, một con chó cái và một con dê cái nhà con nằm cạnh nhau mà sinh nở. Sinh ra được một dê đực rồi, con dê mẹ lại chết mất, thế là dê con phải bú một con cừu cái mà sống. Đấy, con dê ấy đấy, con dê đực con đã nộp cha đấy"⁽⁶⁾.

Vị *Mô-khô* còn gọi cả cô đầu bếp trẻ lên hỏi: "Có thực cô sắp sinh nở tức thì đây không?". Cô đầu bếp trẻ đáp: "Thưa ông chủ, đúng là con đã thấy đau trở dạ"⁽⁷⁾.

Vị *Mô-khô* quay về gặp ba anh em. Người ít tuổi nhất trình với ông: "Anh em chúng tôi đến đây xin gặp

ông vì không sao thỏa thuận với nhau được về cách chia gia tài do bố chúng tôi để lại. Trước khi qua đời, cụ trao lại cho mỗi đứa chúng tôi một túi buộc kín, dặn chúng tôi đừng mở ra trước khi cụ mất. Chúng tôi đã làm đúng lời cụ dặn. Trong túi của mình, anh cả tôi thấy có đất, anh thứ tôi lại thấy trong túi anh có ốc tiền, còn tôi thì tôi lại thấy có vàng trong túi của mình. Hai anh tôi nói rằng vàng ấy là của chung cả ba đứa, không phải riêng của tôi. Còn tôi, thì tôi bảo rằng cha chúng tôi đã cho vàng vào túi của tôi, thế là cụ đã cho một mình tôi thôi. Xin ông cho chúng tôi biết cụ chúng tôi đã làm như thế là cụ định nhấn điều gì?".

Vị *Mô-khô* nói: "Các con ạ, cha các con định nhấn điều này đây. Anh cả, cụ đã cho con đất, thế là cụ nhấn con phải làm nghề trồng trọt. Còn con, trong túi của con cụ để ốc tiền, thế là cụ khuyên con đi buôn đi bán⁽⁸⁾. Còn con nữa, cụ cho con vàng, cụ muốn nhấn con đi vào nghiệp binh đấy.

Các con ơi, hãy tuân lời khuyên của cha các con, từng đứa trong các con sẽ tìm thấy ở đấy phần thưởng của mình"⁽¹⁰⁾.

(1) Giáo sĩ đạo Hồi. Một trong những đặc điểm của tư tưởng Hồi giáo, khi nó đã phát triển đến độ hoàn chỉnh, là nhấn mạnh pháp lý trong sinh hoạt xã hội. Ngay ở Tây Phi, thành phố Tom-búc-tu (nay trên đất Cộng hòa Ma-li), một trung tâm Hồi giáo lớn thời xưa, từng chúng kiến, vào các thế kỷ XV, XVI, sự phát triển của cả một trường phái pháp lý riêng biệt, không phải không nổi tiếng trong thế giới Hồi giáo đương thời. Được giáo

dục theo hướng đó, người giáo sĩ Hồi giáo, trong nhiều trường hợp, có khả năng tham gia việc xử án. Riêng ở Tây Phi, với cơ cấu xã hội - chính trị riêng của miền này, quyền pháp lý ở trong tay của thủ lĩnh các cấp, kể cả tại những vùng đã tiếp thu đạo Hồi. Những tín đồ Hồi giáo trong một địa phương nhỏ, trước những mâu thuẫn trong nội bộ họ, không ngần ngại viện đến tài khu xử của giáo sĩ địa phương, nhất là khi vị ấy nổi tiếng giỏi hòa giải như ông mô-khô trong tích truyện này.

- (2) Một món ăn, mà nước gia vị (xem lại chú thích dưới tích) lấy thịt dê làm nguyên liệu chính.
- (3) Ý nói người mời ăn (ông mô-khô) là con hoang.
- (4) Nhà của đa số các tộc người ở Tây Phi là lều tròn (xem lại chú thích dưới tích). Nhưng, vì diện tích lều quá hẹp, cho nên không nhất thiết từng gia đình cư trú chung trong một lều tròn, nhiều người vợ, thì mỗi người vợ sống trong lều riêng với các con còn nhỏ của mình; người con trai đã trưởng thành cũng có lều riêng để chuẩn bị cưới vợ... Cứ thế, trong khuôn viên của một gia đình thường có nhiều lều.
- (5) Như vậy, người em út đã đoán đúng: ông Mô-khô quả là con hoang.
Còn "nô lệ" nói ở đây (hay "gia nô" trong câu tiếp sau thuộc loại "nô lệ gia trưởng" hay "nô lệ trong nhà" (theo cách gọi của Ph. Ang-ghen). Khái niệm này đã được giới thiệu qua Lời nói đầu.
- (6) Người anh cả cũng đã nói đúng: món ki-ni được nấu bằng thịt một con dê, nhưng là con dê đã ra đời cạnh chó và đã bú sữa cừu, do đó không còn thực là dê nữa.
- (7) Và cả người anh thứ nữa cũng đã nói đúng: cô đầu bếp đang trở dạ.
- (8) Ốc tiền, bởi ngoại hình của nó (gọi lên hình ảnh âm vật), hẳn từng là biểu tượng phồn thực (sinh sôi nảy nở), dưới mắt của con người thời xa xưa, do đó đã trở thành đồng tiền nguyên thủy tại nhiều vùng trên thế giới (kể cả ở ta). Chức năng ấy của ốc tiền, mãi đến gần đây, còn để lại nhiều vết tích khá rõ nét trong tập tục của một số tộc người ở Tây Phi.
- (9) Chiến tranh, đặc biệt chiến tranh liên miên giữa các thủ lĩnh quân sự vùng ở Tây Phi trước đây (nhất là trong ba thế kỷ liên trước thế kỷ XIX), rõ ràng lấy cướp bóc làm mục đích chính: cướp

người (nô lệ), và cướp của, đặc biệt cướp vàng, vì Tây Phi là đất vàng nổi tiếng. Không lạ rằng, ở đây, vàng được người kể chuyện xem như biểu tượng của chiến tranh.

- (10) Nhận xét chung về toàn bộ tích chuyện - Tích chuyện, nói chung, có phần phức tạp, do đó hơi khó hiểu nhất là khi nó cũng rơi vào trường hợp "một tích mà những hai chuyện". Chuyện một: ba lời đoán của ba anh em đối với những việc đã và đang xảy ra trong nhà ông mô-khô (ông là con hoang, món ăn được nấu bằng thịt chó, cô đầu bếp đang chuyển bụng). Chuyện hai: ý đồ của người cha khi chia gia tài cho ba con (mà ông mô-khô đã diễn dịch một cách hợp tình - hợp lý). Thoạt đầu, người nghe kể có thể tưởng rằng chuyện hai phụ thuộc vào chuyện một, nói một cách khác, có thể tưởng rằng ba lời đoán của ba anh em đã hướng dẫn cho ông mô-khô diễn dịch được đúng ý đồ của cha họ khi cụ chia gia tài cho các con. Rà lại tích chuyện, thì rõ ràng không phải thế. Vì vậy, chúng tôi ngờ rằng đây là hai tích chuyện khác nhau, mà, vì một lý do nào đó (vì nhầm lẫn về ký ức, chẳng hạn), người kể đã lồng vào nhau thành một tích duy nhất (nhưng không nhất quán). Nếu quả thế, thì tích thứ nhất có lẽ chỉ nhằm đề cao tài đoán của ba anh em (trong dị bản nguyên sơ, họ là thầy bói chăng?), còn tích thứ hai lại nhấn mạnh chất hiền trí của người cha, và hướng đến răn dạy lòng trung thành đối với lời trăng trối của cha mẹ (như được nêu rõ qua câu kết).

55. BA ANH CHÀNG MẤY CŨNG CHƯA VỪA

(Tộc người Lô-bi)

Một chàng bị bố đuổi đi, vì ăn nằm với bao nhiêu đàn bà hấn cũng chưa vừa. Một anh chàng khác cũng bị bố đuổi đi, vì ăn hết bao nhiêu kê hấn cũng chưa vừa. Lại một anh chàng nữa bị bố đuổi đi, vì xem đua ngựa nhiều đến mấy hấn cũng chưa vừa.

Ba chàng gặp nhau. Họ hỏi thăm nhau, từng anh kể phận mình cho hai anh kia nghe. Họ bảo nhau rằng cả ba đều giống nhau như hệt. Rồi họ kéo đến xin gặp vị thủ lĩnh của xứ họ.

Một chàng thưa: "Người mà cho tôi ăn nằm với đàn bà đến thỏa mãn, thì xin người cứ giết tôi đi". Chàng nữa thưa: "Người mà cho tôi ăn kê đến thỏa mãn, thì xin người cứ giết tôi đi". Thêm chàng nữa thưa: "Người mà cho tôi xem đua ngựa đến thỏa mãn, thì xin người cứ giết tôi đi".

Vua nói: "Ta hiểu rồi". Thế là vua cho làm thịt mười bò đực. Rồi vua phát thịt và *cútx-cútx*⁽¹⁾ cho từng chàng. Một trong ba chàng ăn kỳ thỏa mãn thì thôi. Chàng thưa: "Tâu Vua, tôi thỏa mãn rồi". Chàng bị vua giết chết.

Vua cho tất cả ngựa của quân binh ra khỏi chuồng. Một trong ba chàng cho ngựa chạy đua kỳ chàng ta phát mệt thì thôi. Chàng đó cũng bị vua giết chết.

Vua lại bảo chàng thứ ba: "Ta cho người chính vợ ta đó".

Rồi vua bảo người vợ yêu của mình: "Hôm nay, ta cho nàng người khách qua đường". Nàng đáp: "Được lắm".

Đến đêm, vua bảo khách: "Qua bên nhà vợ ta mà ngủ".

Anh chàng qua đấy ngủ. Người đàn bà bảo anh: "Ngày mai, chàng sẽ chết. Đừng chịu chết vào ngày mai". Nàng lại bảo: "Em sẽ buộc yên lên ngựa chồng em, em sẽ lấy vàng của chồng em, rồi đôi ta cùng trốn đi". Anh chàng bảo: "Được lắm".

Người đàn bà buộc yên ngựa. Nàng lấy vàng, cho đám Xô-pha⁽²⁾ chút ít, bọn chúng mở cửa. Hai người thoát ra, lên đường.

Sáng hôm sau, vua thức dậy, bảo g'ri-ô⁽³⁾: "Người qua bên kia xem có phải chúng đang ngủ không". Người g'ri-ô qua bên kia, rồi trở về: "Tâu Vua, chẳng có ai đấy cả". Đám xô-pha cũng đến tâu: "Ngựa không còn đấy nữa". Bó cửa chìa khóa⁽⁴⁾ tâu: "Cả vàng cũng không còn đấy nữa".

Tiếng ta-ba-la⁽⁵⁾ vang lên, quân xuất kích.

Chạy miết từ sáng đến hai giờ, hai người đi trốn đã đến bên bờ sông. Ở đấy, chàng trai gặp một bà lão người bé tí, với cháu gái của bà.

Anh chàng hỏi: "Bà chở cháu qua sông chứ?". Bà lão bé người đáp: "Để tao yên nào, tao không chở mày qua sông đâu".

Quân đuổi theo đã đến gần. Bé gái bảo bà: "Bà chở chàng qua đi". Bà đáp: "Tao không chở". Con bé đẩy bà xuống nước, bà chết.

Con bé chở chàng qua. Nó hỏi: "Thế nào, chàng lấy em làm vợ chứ?. Chàng đáp: "Lấy". Thế là ba người lên đường.

Anh chàng đến một làng khác. Ở làng này, ai đi ngang mà không nói được hôn vua ở đâu thì bị giết chết.

Anh chàng gặp con gái vua ngoài giếng. Nàng hỏi: "Chàng qua đường oi, chàng có vào làng không?". Chàng đáp: "Có". Nàng bảo: "Nếu chàng không nói được hôn vua ở đâu, thì chàng sẽ bị giết đấy". Chàng đáp: "Tôi không nói được".

Nàng lại bảo: "Thế thì em sẽ nói cho chàng biết. Nhưng nếu em nói, thì nhà vua sẽ chết, mà vua lại là cha em. Vua chết, chàng có lấy em không?". Chàng đáp: "Có".

Nàng nói: "Hôn của cha em ở trong một cái túi con, cái túi con lại ở trong một cái túi lớn, cái túi lớn thì ở trong một cái lọ con, cái lọ con lại ở trong một cái lọ lớn". Chàng đáp: "Được lắm".

Lính canh thấy có khách qua đường, họ báo lên vua.

Họ ra gọi khách. Chàng đi vào. Vua hỏi: "Người có biết tục làng này không?". Chàng đáp: "Không". Vua nói: "Nếu người không chỉ được hôn ta ở đâu, thì người sẽ bị giết. Vậy, khách qua đường, người có biết hôn ta ở đâu không?".

Vua nói thêm: "Nếu người không biết, người sẽ bị giết chết". Chàng đáp: "Đợi tôi nói". Rồi chàng tiếp: "Hôn nhà vua ở trong một cái túi con, túi con lại ở trong một cái túi lớn, túi lớn thì ở trong một cái lọ con, lọ con lại ở trong một cái lọ lớn".

Vua chết.

Mọi người hỏi: "Ai nối ngôi vua bây giờ?". Con gái vua bảo: "Tôi muốn làm vợ người khách này, chàng ta sẽ nối ngôi vua". Chàng cưới nàng, rồi lên ngôi.

Ba vợ chàng đều có mang. Một vị *mô-khô* thừa một lá bùa đưa cho chàng, để chàng trao lại cho người vợ nào chàng thích nhất⁽⁶⁾. Chàng chịu, không biết nên trao lại cho nàng nào⁽⁷⁾.

-
- (1) Món ăn Ế Rập, khá phổ biến trong tầng lớp trên ở Tây Phi tại một số vùng từng tiếp xúc nhiều với luồng buôn bán và nền văn minh từ phương Bắc xuống: bột lúa mì đã được vê sẵn thành hạt, đem xào với một thứ thịt, thường là thịt cừu.
 - (2) Lính hầu, lính trong đơn vị bảo vệ cho thủ lĩnh chiến tranh (cũng có khi chỉ người lính nói chung).
 - (3) Người cha truyền con nối kể chuyện xưa và hát ca để giữ gìn truyền thống lịch sử cho một làng, một vùng, hay một dòng thủ lĩnh, một dòng vua (đã được giới thiệu đầy đủ hơn qua Lời nói đầu).
 - (4) Cách nói ẩn dụ chỉ người coi kho cho thủ lĩnh.
 - (5) Trống hiệu.
 - (6) Người Kha-xông-kê, xin nhắc lại không biết là lần thứ mấy rồi, đã theo Hồi giáo. Nhưng, và Tây Phi, đạo Hồi được cấy lên những tín ngưỡng tôn giáo bản địa đã hoàn chỉnh, hơn nữa đạo Hồi (vốn nặng về hình thức) không đòi hỏi ở tín đồ những quy tắc quá chặt chẽ về lòng tin, nên vẫn dung thứ nhiều hình thức thờ phụng và mê tín cổ truyền (nghĩ lễ nông nghiệp, phù phép..., đặc biệt phù phép), thậm chí tích hợp chúng vào tập tục Hồi giáo địa phương. Vì thế, ở đây ta thấy một giáo sĩ đạo Hồi (ông mô-khô) lo cả chuyện bùa bèn. Lá bùa ông ta thừa cho vua mới trong tích chuyện này là bùa yêu (mà mục đích là giữ cho được tình yêu của người vợ nào vua thích nhất).

- (7) Lý do đã rõ ràng: chàng thích cả ba nàng, vì chàng là con người "mấy cũng chưa vừa". Mới nghe qua tích chuyện, người Đông phương chúng ta có thể cảm thấy như xã hội được thoảng phác lên ở đây là một xã hội cực kỳ tàn bạo (bỏ chồng, mặc cho bố chết, nhất là tự tay giết bà chết, mà tất cả chỉ để thỏa mãn ham thích cá nhân). Nhìn kỹ hơn một tí, ta sẽ thấy rằng người kể chuyện chỉ nhằm mục đích gây cười, gây cười đến cao độ, và kết thúc của tích chuyện càng chứng tỏ điều đó. Gây cười bằng cách trình ra những cá tính cực đoan, những nỗi đam mê cực đoan: không chỉ ba chàng, cả ba nàng cũng vậy. Và như thế là người kể đã thành công. Nhưng, đằng sau mục đích gây cười, có ẩn chút ý đồ răn dạy nào không, chống lại những ham muốn quá đáng chẳng hạn? Cảm giác của chúng tôi là: không. Và chính vì thế mà chúng tôi tự hỏi: phải chăng có thể đọc lên ở đây chút ít ảnh hưởng Ả Rập? Vì Một nghìn một đêm lẻ không ngần ngại phô ra những nỗi đam mê cực đoan như thế này, không ngại tô vẽ chúng bằng một ngòi bút thẩm mỹ, không chê vào đâu được.

56. ĐÔI DÉP CỦA VUA

(Tộc người Lô-bi)

Ông ta là vua lớn, nắm trong tay một vương quốc lớn, đất đai phì nhiêu. Người chỉ huy bọn nô lệ của ông cưới vợ ở làng bên⁽¹⁾: thiếu phụ đẹp lắm, nàng là người đàn bà đẹp nhất nước. Vị vua lớn đâu có biết vợ trẻ của người chỉ huy đám nô lệ cho mình lại đẹp đến mức đó.

Thế rồi có hôm thiếu phụ đi qua trước nơi vua ở. Vua nhìn thấy. Ngạc nhiên trước sắc đẹp của nàng, ông hỏi một vị tùy tùng: "Người đàn bà nào mà đẹp thế?". Vị tùy tùng thưa: "Vợ trẻ của anh chàng chỉ huy đám nô lệ cho người đấy". Vua cứ lặng im suốt ngày, cho đến tối. Đến đây, ông cho gọi người chỉ huy nô lệ lên, ra lệnh cho anh đi thu thuế tại một tổng nào đó trong vương quốc.

Sáng hôm sau, anh ta lên đường. Đêm hôm ấy, khi mọi người đã ngủ cả rồi, vua đến túp lều trong đó vợ trẻ của người chỉ huy nô lệ đang ngủ. Ông bỏ lại đôi dép ngoài cửa.

Ông bước vào, nói rõ ý định của mình. Thiếu phụ vừa khóc vừa thưa: "Đại vương ơi, uống phải nước đã thối vì xác rữa, vì thầy con lừa, mà người không sợ chết hay sao?". Vua tức giận bỏ về, vừa đi vừa chạy, quên lại đôi dép ngoài cửa.

Về đến nhà, ông nghỉ ngơi đôi chút, rồi suy nghĩ, sực nhớ mình đã bỏ quên đôi dép. Nhưng ông không dám

quay lại lấy, mà sai một *xô-pha*⁽²⁾ đi lấy thì ông xấu hổ, không dám sai. Đôi dép cứ ở nguyên chỗ cũ.

Còn người đàn bà, khi nhận thấy nhà vua đã quên dép lại, thì không dám mang đến trả ông, sợ bị đánh đòn. Nàng cũng không dám đặt dép qua chỗ khác: nhớ vua có sai ai đi lấy, thì người đó vẫn có thể tìm ra dép, mà chẳng phải hỏi đến nàng. Thế là đôi dép cứ ở nguyên trước cửa lều của thiếu phụ.

Về đến nhà, người chỉ huy nô lệ bước đến ngôi lều cô vợ trẻ. Thấy đôi dép của chủ mình trước cửa, anh dừng lại, bối rối.

Cứ tưởng chủ mình đang ở trong lều với thiếu phụ, anh than vãn: "Ta mà bước vào, thì ta giết cả. Tai họa lớn đấy!". Thế là anh qua lều khác.

Hay tin chồng đã về, người thiếu phụ tìm gặp. Nàng hỏi: "Sao anh không đích thân đến cho em biết anh đã về?". Anh đáp: "Đi mà hỏi nhà vua ấy". Anh chỉ trả lời có thể. Những ngày sau, anh cũng chẳng thèm đến lều nàng nữa⁽³⁾.

Thiếu phụ nhờ người đi báo cho anh nàng hay mọi việc đã xảy ra, nhờ anh đến hỏi chồng mình cho ra nhẽ. Người anh đến, nhưng chồng nàng chẳng chịu nói gì. Người anh bèn bảo: "Thế thì chú đến gặp nhà vua đi". Người chồng nhận lời.

Nhà vua lớn hỏi họ đến có việc gì. Người anh vợ nói: "Thưa đại vương, tôi đã bán cho người này một khoảnh đồng tốt, giữa khoảnh ấy có một cái giếng, nước trong và sâu, không hề cạn. Thế mà hôm nay anh ta đòi trả lại tôi cả đồng lẫn giếng; đã thế còn không chịu nói cho tôi rõ tại sao anh ta trả lại".

Nhà vua lớn bảo người chồng: "Nói đi! Khoảng đồng đã hết phì nhiêu rồi sao, hay nước giếng đã cạn, mà người đòi trả lại?".

Người chồng đáp: "Thưa đại vương, đất đồng vẫn cực tốt, nước giếng vẫn trong, vẫn sâu, như hồi người này mới bán cho tôi. Nhưng tôi không còn dám trồng trọt trên khoảnh đất ấy, không còn dám múc nước giếng ấy, từ khi tôi thấy bên bờ giếng có vết chân sư tử".

Nhà vua run run phán: "Con ơi, con cứ trồng trọt trên khoảnh đồng của con, cứ múc nước từ giếng của con. Ta tin chắc rằng chỉ có con sư tử nào lạc qua đây đó thôi, mà dù có đói, dù có khát, nó đâu đã ăn được kê của con, đâu đã uống được nước của con"⁽⁴⁾.

(1) Một lần nữa, nô lệ nói đây là "nô lệ gia trưởng" hay "nô lệ trong nhà" (mà Lời nói đầu đã đề cập đến). Đông đảo nô lệ phục vụ một thủ lĩnh lớn (hay một ông "vua") được đặt dưới quyền cai quản của một người chỉ huy, và người chỉ huy này trong nhiều trường hợp, cũng là nô lệ. "Nô lệ trong nhà", về danh nghĩa, được xem như con của chủ: chính vì thế mà vào cuối tích chuyện này, ta thấy nhà vua gọi người chỉ huy đám nô lệ của mình là "con". "Nô lệ trong nhà", xin nhắc lại, có quyền lấy vợ lấy chồng.

(2) Nhắc lại: lính hầu.

(3) Về lều ở và cách phân bố các lều trong một khuôn viên, xem lại chú thích 4 dưới tích. Rất có khả năng rằng người chỉ huy nô lệ trong tích này có nhiều vợ, và cô gái đẹp nói đây chỉ là một người trong đám vợ của anh ta thôi, do đó cô mới ở riêng một lều, không ở chung lều với chồng.

(4) Tích chuyện đã phức tạp lắm, lại biết lấy đôi dép làm trục diễn biến, qua đó kịch tính được nâng cao, kết luận lại hóm, có thể không gây cười ầm ĩ, nhưng chắc chắn gây được mỉm cười, do đó càng sâu lắng. Nhưng, theo lời người sưu tầm (nhà dân tộc học Sác-lơ Mông-ten), thì tích này có chịu ảnh hưởng Ấn Độ (ông không nói rõ là nó thoát thai từ tích nào bên Ấn Độ).

57. CHÀNG ĐIẾC

(Dân tộc Mông)

Có một chàng điếc sống đơn độc ở cuối làng. Con đường cái từ làng bên vừa vặn chạy qua nhà chàng điếc rồi mất hút luôn và chỉ có chàng điếc là biết con đường đó rẽ đi lối nào.

Mọi người, mỗi khi qua nhà chàng điếc đều phải hỏi đường cả. Nhưng chàng điếc không nghe thấy người ta hỏi gì cả. Khách qua đường cứ hỏi đi hỏi lại rồi phát bực lên, còn chàng điếc thì vẫn cứ làm việc của mình. Chỉ khi chàng điếc nói tên con đường ra và khách qua đường gật đầu thì chàng điếc mới chỉ đường. Những ai tức giận chàng điếc một cách vô lý và không kiên trì chờ đợi thì chỉ có việc là quay trở lại chứ không thể biết được đường đi.

58. TỚ VÀ CHỦ

(Dân tộc Mongo)

Ông chủ họ có một người đầy tớ. Một hôm, người đầy tớ nói:

- Ông chủ ơi! đưa cho tôi con dao để tôi đi làm bẫy.

Ông chủ đưa con dao cho người đầy tớ và người đầy tớ đi làm bẫy và đặt bẫy.

Vài hôm sau, người đầy tớ đi kiểm tra bẫy và nhìn thấy trong bẫy một người phụ nữ đẹp tên là Bô-lum-ba. Hai người cùng trở về làng và sống với nhau như vợ chồng.

Một hôm, vào khoảng chiều tối, khi hai vợ chồng người đầy tớ đang ngồi ở sân, thì ông chủ đi tới. Ông ta cất giọng hát:

*"Ta đưa cho nó con dao
Nó đi đặt bẫy
Bắt được nàng Bô-lum-ba
Ta đã nói với nó
Là ta muốn lấy nàng".*

Người đầy tớ hiểu ngay là ông chủ muốn gì và đành buồn rầu nhìn chủ đem vợ của mình đi.

59. VỢ YÊU, VỢ GHÉT

(Dân tộc Ganda)

Người đàn ông nọ có hai bà vợ: bà vợ yêu và bà vợ ghét. Mọi việc người vợ yêu làm đều là tốt, ngược lại, ngay con cái do bà vợ ghét đẻ ra cũng đều là xấu. Thế rồi xảy ra chiến tranh và người chồng phải đi đánh nhau. Ở đâu có chiến tranh thì ở đó có đói khát. Trẻ con khóc và đói ăn. Nhưng ngoài đồng chỉ có khoai mà khoai thì còn non, củ bé như đuôi chuột. Người vợ ghét đành nhổ những củ khoai nhỏ như đuôi chuột ở ruộng của mình về cho con ăn. Người vợ yêu nghĩ: "Nếu ta có đào hết những củ khoai đuôi chuột trên ruộng của ta về thì cũng không đủ nuôi lũ trẻ và như thế thì khi chồng ta về thì sẽ lấy gì mà ăn". Thế là các con của bà vợ yêu chết hết vì đói; còn các con của bà vợ ghét sống được qua con đói nhờ những củ khoai nhỏ như đuôi chuột.

Chiến tranh kết thúc, và vào một buổi tối, người chồng trở về nhà. Người vợ yêu ra đón chồng rồi chạy ngay ra ruộng đào những củ khoai giờ đã to về luộc cho chồng ăn. Người vợ ghét chỉ biết ngồi nhìn vì không có gì để cho chồng ăn.

Khi đó, người vợ yêu mới nói:

- Ai đã ăn những củ khoai đuôi chuột rồi thì giờ hãy ngồi mà xem thế nào là khoai thật sự.

- Ai đợi cho khoai to thì hãy ngồi mà nhìn các con của ta, - người vợ ghét đáp lại rồi đi ra khỏi nhà.

Người chồng nghe thấy vậy và bắt đầu hỏi con cái đâu. Người vợ yêu bèn kể cho chồng nghe về chuyện mình không đào khoai nuôi con mà để cho chúng to như bây giờ, vì thế mà các con đều chết đói cả. Nghe xong câu chuyện, người chồng mới hiểu ra ai mới là người vợ tốt. Ông tức giận, đánh và đuổi bà vợ yêu ra khỏi nhà.

60. NGƯỜI LẤY BÒ

(Dân tộc Kamba)

Có một người đàn ông nọ ra chợ mua về một con bò cái. Thấy vậy, mọi người nói:

- Anh mua được bò có nghĩa là đã cưới được vợ rồi đấy.

- Thế nghĩa là thế nào? - người đàn ông hỏi.

- Nghĩa là con bò là vợ anh chứ còn sao nữa, - mọi người đáp.

Người đàn ông dắt bò tới một gốc cây, đặt một thùng bọ ong bên cạnh rồi trèo lên cây. Từ trên cây, người đàn ông nói xuống:

- Vợ ơi! đưa cho tôi một ít bọ ong!

Nhưng con bò vẫn điềm nhiên ăn cỏ.

Người đàn ông tức lắm bèn từ trên cây tụt xuống cầm cây gậy to đập thẳng vào đầu con bò. Cú đập quá mạnh khiến con bò lăn ra chết luôn.

- Anh làm gì với con bò vậy? - Mọi người hỏi.

- Tôi giết nó. - người đàn ông đáp.

- Sao không lột da nó đi?

- Tôi bảo vợ tôi đưa cho tôi bọ ong, nó từ chối, và thế là tôi giết nó.

61. HAI NGƯỜI TÌNH CỦA MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

(Dân tộc Bambara)

Người đàn bà nọ có hai người tình. Một lần, người chồng có việc đi đâu đó và nói là đi ít bữa mới về.

Đêm xuống, một trong hai người tình đến với người đàn bà. Sau đó một lúc thì người chồng đột nhiên trở về. Chàng tình nhân trẻ tuổi hoảng sợ hỏi:

- Tôi phải làm gì đây?

- Hãy chui vào cái nôi to kia kìa, - người đàn bà ra lệnh.

Khi hai vợ chồng còn đang nói chuyện vui vẻ với nhau thì anh người tình thứ hai tới. Đứng bên cửa, chàng trai lên tiếng:

- Xin chào cả nhà.

- Chào anh! - người chồng đáp.

Khác với thường lệ, người đàn bà hỏi luôn:

- Anh tới để đem cái nôi nấu rượu về cho mẹ anh phải không?

Hiếu ý, chàng trai bình tĩnh đáp:

- Dạ, mẹ tôi bảo tôi đến mượn bà cái nôi.

Người đàn bà bê cái nôi to đặt lên đầu người tình thứ hai của mình. Chàng trai đội chiếc nôi đi ra khỏi nhà.

Tới khu sân của làng, chàng trai đứng nghỉ và thốt lên:
"Thật là khổ". Từ trong chiếc nôi vọng ra một giọng nói:
"Tôi cũng vậy".

- A, thế ra mày ngồi trên đầu tao! - Chàng người
tình thứ hai bực tức chửi, rồi đập tan chiếc nôi.

62. HAI TÊN TRỘM

(Dân tộc Bambara)

Một người qua đường tới nhà kia xin ngủ nhờ. Ông chủ nói với khách:

- Ông hãy cẩn thận đấy! Ở làng tôi, kẻ trộm tài lắm, chúng lột quần áo của người ta khéo đến nỗi người bị lột không hề hay biết gì.

- Ông đừng lo, chúng không lấy trộm của tôi được gì đâu. - Người khách đáp.

Hai tên trộm ẩn phía sau tường nghe được hết câu chuyện đó. Khi màn đêm buông xuống, người khách nằm xuống ngay bên cạnh con lừa của mình ngủ. Hai tên trộm nhẹ nhàng tới bên người khách. Một đứa nói:

- Này, chúng mình giấu đồ quý ở đây nhé!

- Đồ ngu! - tên trộm thứ hai nói, - mày không thấy có người nằm kia à? Mình giấu đồ ở đây để hấn lấy ư?

- Hấn ta ngủ rồi, - tên thứ nhất cự lại.

- Chưa đâu, - tên trộm thứ hai nói, - chúng ta thử lột quần áo hấn thì sẽ biết, nếu hấn không phản ứng gì thì chắc chắn là hấn đã ngủ. Lúc đó chúng ta sẽ đào hố chôn đồ của chúng ta ở đây.

Hai tên trộm bắt đầu lột quần áo của người khách. Người khách cứ nằm im cho bọn chúng lột. Lột xong quần áo và đồ đạc của khách, hai tên trộm vờ đào một cái hố,

đặt một chậu vỡ xuống rồi lấp đất lên. Đợi cho hai tên trộm đi khỏi, người khách hí hửng chồm dậy đào cái hố lên để lấy đồ quý. Ông ta đào và moi lên được đúng một cái chậu vỡ. Đến lúc đó ông mới thốt lên:

- Ông chủ đã nói đúng.

63. KẺ TRỘM THÔNG MINH

(Dân tộc Mongo)

Một lần, hai vợ chồng kẻ trộm vào rừng bàn cách đi ăn trộm. Người chồng nói:

- Chúng ta sẽ làm như thế này! Tôi sẽ ăn trộm những thứ mà phụ nữ trồng như chuối, ớt, khoai, sắn... còn bà sẽ ăn trộm súc vật - những thứ mà đàn ông chăm nom. Làm như vậy thì sẽ không ai nghi ngờ chúng ta.

Người vợ đồng ý với chồng. Và từ hôm đó, quanh vùng, ngày nào cũng bị mất trộm. Mọi người kinh ngạc:

- Ngày nào cũng bị mất trộm, cái gì cũng bị mất là thế nào.

Và, mọi người quyết định tìm cho ra kẻ trộm. Cuối cùng họ cũng tới chỗ hai vợ chồng kẻ trộm ở trong rừng.

- Các người sống ở trong rừng, thế sao ở nhà các người lại có đủ thứ thức ăn thế này? - Mọi người kết tội và bắt hai vợ chồng trộm về làng để xử và giết. Thuở đó, những ai bị nghi là kẻ trộm đều bị ném vào lửa; nếu người đó chết có nghĩa là kẻ trộm thực, còn nếu người đó không chết thì tức là bị nghi oan.

Vợ chồng trộm là những kẻ láu lỉnh và thông minh. Người chồng nói trước khi nhảy vào lửa:

- Tôi không hề ăn trộm súc vật của các ông.

Vì hắn nói đúng, nên lửa đã tha cho hắn.

Bắt chước chồng, người vợ hét to lên:

- Tôi không lấy trộm rau, củ của các bà.

Lửa cũng tha cho bà vợ vì bà ta nói đúng sự thật.

Bằng cách đó, hai vợ chồng trộm đã lừa được tất cả mọi người và lừa được cả ngọn lửa quan tòa. Mọi người còn tặng cho vợ chồng trộm nhiều thứ để hai người về nhà mình sinh sống.

64. NGƯỜI ĐÀY TỐ THÔNG MINH

(Dân tộc Teve)

Một lần, người đầy tớ ngủ với con gái của đức vua. Cái tin đó đến tai nhà vua và ngài quyết định giết người đầy tớ. Nhưng quần thần lại xúm vào bày mưu:

- Xin Hoàng thượng đừng giết hắn! Hãy bắt hắn phải trả nợ.

- Nó nghèo như thế thì trả nợ làm sao được! - Đức vua cự lại.

Nghĩ một lát, vua nảy ra một ý và nói:

- Ta sẽ ra lệnh cắt một tai của nó!

Tất cả triều thần đều tán thành:

- Hoàng thượng thật sáng suốt. Xin hoàng thượng hãy ra lệnh cắt tai hắn đi.

Sau khi bị cắt tai, người đầy tớ chạy về làng và kêu âm lên:

- Đức vua vừa ban một lệnh mới! Mọi người phải cắt một tai! Hãy nhìn tôi đây này!

Người đầy tớ còn chạy đến các làng quê khóc và kêu lên như vậy, Mọi người nghe thấy, nhìn thấy và đều nói với nhau:

- Đành phải vậy thôi vì lệnh Vua đã ban ra rồi.

Thế là tất cả đều tự cắt một tai của mình.

Ngày hôm sau, khi thiết triều, nhà vua nhìn thấy mọi người đều chỉ có một tai. Ngài bèn hỏi:

- Điều gì xảy ra vậy? Các người sao lại đều chỉ có một tai thôi.

Mọi người đồng thanh đáp:

- Có một người chạy đi khắp nơi loan báo là Hoàng thượng đã ban sắc lệnh bắt mọi người phải cắt đi một tai mà.

Nhà vua tức giận nói:

- Các người hãy nhìn đây, ta có bị mất tai nào đâu. Hãy bắt người có một tai đó và giết chết hắn đi.

Mọi người tản về làng để tìm người có một tai. Nhưng vì ai cũng chỉ có một tai cả, nên người đầy tớ thông minh kia đã thoát nạn.

65. HÃY DẠY KHÔN CHO TÔI

(Dân tộc Xômalì)

Có một người tới gặp một người khác và nói:
- Tôi muốn anh dạy khôn cho tôi!

Người kia trả lời:

- Thôi được, nhưng trước hết hãy về lấy sữa con lạc đà cái nhà anh tới đây.

Người học trò làm đúng như lời thầy. Đợi cho thầy uống sữa xong, người học trò nói:

- Giờ xin thầy hãy dạy khôn cho tôi.

- Được, - người kia nói, - ví dụ, tôi vừa mới dùng trí khôn để lấy sữa con lạc đà nhà anh đấy thôi.

66. HỎI XIN LỜI KHUYÊN

(Dân tộc Xômalì)

Một hôm, có người tới gặp I-na San-vây-na và nói:
- Ông I-na ơi! Xin ông cho tôi lời khuyên.

- Anh muốn tôi khuyên gì nào? - I-na hỏi.

Người kia bèn nói:

- Tôi muốn không khuyên tôi về việc bỏ vợ.

I-na nhìn người kia với vẻ không hài lòng.

- Sao ông nhìn tôi có vẻ tức giận như vậy? Tôi có điều gì không phải với ông chẳng? - người kia hỏi.

- Đúng vậy, - tôi giận anh.

- Vì sao vậy?

- Vì rằng, - I-na đáp, - người ta thường đến hỏi tôi lời khuyên khi xây dựng gia đình. Thế mà anh lại đến hỏi tôi khuyên anh phá hoại gia đình sao?

67. LỜI NÓI LÀ BẠN HAY LÀ THÙ?

(Dân tộc Ganda)

Một lần, người Ba-ran-đa tấn công người Ban-nô-rô để chiếm đất. Cuộc chiến diễn ra thật tàn khốc và nhiều người đã bị chết. Vì đông người hơn, nên người Ba-ran-đa đã thắng. Những người Ban-nô-rô còn sống cùng vợ con trốn vào rừng.

Một hôm, những chiến binh người Ba-ran-đa đi qua rừng theo một con đường nhỏ. Vì con đường quá hẹp, nên họ đi theo hàng một, người nọ theo sau người kia. Khi trời tối, người chiến binh đi đầu tiên vấp phải một gốc cây. Anh ta quay lại và hét lên để người đồng đội đi sau biết:

- Cẩn thận, có gốc cây!

Người chiến binh thứ hai nói tiếp cho người chiến binh thứ ba:

- Ở đây có gốc cây!

Cứ thế, người đi trước truyền cho người đi sau "Ở đây có gốc cây!" (gốc cây theo tiếng Lu-gan-đa là Ni-kôn-ge). Cách cái gốc cây không xa, đàn ông và đàn bà người Ban-nô-rô đang ẩn nấp trong những bụi cây. Trong số những người Ban-nô-rô, có một người tên là Ni-kôn-ge. Và khi nghe thấy người Ba-ran-đa kêu lên: "Ni-kôn-ge" thì anh ta thốt lên với mọi người:

- Thôi vĩnh biệt! Người Ban-ran-đa đã phát hiện ra tôi rồi.

Nghe thấy có tiếng nói lạ, các chiến binh Ban-ran-đa lao vào bụi rậm và bắt được tất cả những người Ban-nô-rô còn lại.

Ít nghĩ thì nguy hiểm

Nói nhiều thì có hại

Hãy suy nghĩ trước khi nói!

68. THI KHOÁC LÁC

(Dân tộc Xômalì)

Một lần, hai cô bé chăn dê và chăn cừu thi nhau tán tụng cho mình trước mặt nhau. Một cô nói: "Cha tao là tốt nhất", cô kia cự lại: "Không phải, cha tao tốt nhất!".

Cô thứ nhất nói:

- Cha tao giỏi hơn tất cả.

Cô thứ hai hỏi:

- Thế theo mày, bố mày có giỏi hơn bố tao không?

- Giỏi hơn.

- Giỏi hơn cái gì nào?

- Bố tao là người thông minh nhất, khỏe nhất. Nếu đất mà nứt ra thì bố tao có thể gắn liền lại được.

Cô bé thứ hai nghe nói thế thì rất kính sợ. Im lặng một lát, cô lên tiếng:

- Nếu bố mày gắn liền được đất khi đất bị nứt thì bố mày thật giỏi. Nhưng, tao nói cho mày biết là, đất chỗ bố tao đứng không bao giờ bị nứt ra đâu.

69. NGƯỜI CHỒNG GÓA MÓM

(Dân tộc Xômalì)

Có một người đàn ông móm. Ông ta có một bà vợ tốt: Ngày nào bà cũng nhai com móm cho chồng. Thế rồi, bà vợ chết. Sau khi chôn cất và mọi người đã ra về hết, ông chồng vẫn ngồi khóc bên mộ vợ. Ông ngồi bên mộ vợ suốt cả đêm. Sáng hôm sau, có một ông già đi vào nghĩa địa. Ông đến bên người đàn ông góa hỏi chuyện. Người đàn ông góa nói:

- Vợ tôi chết hôm qua và mọi người đã chôn bà ấy ở đây.

- Một khi bà ấy đã chết rồi thì ông còn ở lại bên mộ bà ấy làm gì nữa? - Ông già hỏi.

Người đàn ông góa đáp:

- Giờ đây, vợ tôi đã chết, tôi chẳng còn muốn sống làm gì nữa.

- Chắc bà ấy tốt với ông lắm phải không?

- Đúng vậy.

- Bà ấy là vợ duy nhất của ông?

- Đúng vậy.

- Ông yêu bà ấy ở điểm nào?

- Tôi móm, nên ngày nào bà ấy cũng nhai com cho tôi.

Khi đó ông già chậm rãi nói:

- Chỉ vì thế thôi ư? Chả nhẽ theo ông, những người phụ nữ khác không làm như vậy được sao?

- Dạ, có thể được chứ ạ!

- Thế thì sao ông không tìm một người phụ nữ như vậy để lại lấy vợ lần nữa?

Người đàn ông ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Ông nói đúng, sao tôi không làm như vậy nhỉ.

Ít lâu sau, người đàn ông móm lấy vợ. Lần này bà vợ không nhai mà nghiền com cho chồng. Thì ra com nghiền ngon hơn và dễ ăn hơn com nhai. Thế là, vào một buổi sáng, ông chồng móm ôm rom đi đốt mộ bà vợ đầu. Trên đường, ông chồng móm lại gặp ông già đã khuyên mình lấy vợ. Ông già hỏi:

- Anh định đi đốt lửa ở đâu vậy?

- Tôi muốn đốt mộ vợ tôi.

- Vì sao vậy? Bà ấy đã làm gì anh?

- Ông biết không, tôi móm. Thế mà bà ấy lại nhai com cho tôi. Khi nhai, bao nhiêu chất béo chất bổ bà ấy nuốt hết, còn tôi thì chỉ ăn cái bã.

- Khi nào thì anh phát hiện ra điều đó thế?

- Cách đây không lâu.

- Bằng cách nào?

- Bà vợ mới của tôi không nhai mà nghiền com cho tôi ăn.

Ông già hỏi tiếp:

- Thế anh có nhận ra tôi là ai không?

- Dạ, không ạ!

- Chính tôi là người đã gặp anh khi anh khóc bên mộ vợ anh. Tôi đã khuyên anh trở về lấy vợ mới. Giờ thì tôi có thể nói cho anh biết, người vợ trước đã nhai com cho anh không phải là xấu với anh đâu, dầu rằng hiện nay anh đã có cô vợ khác tốt hơn. Hãy bỏ ý định đốt mộ bà ấy đi. Tốt nhất là anh hãy đến lạy tạ bà ấy. Anh nên nhớ, người này tốt nhưng vẫn có người khác tốt hơn.

70. NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐÔNG CON VÀ NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG CON

(Dân tộc *Etiopia*)

Tại một làng kia có hai người đàn bà. Một người sống sung túc và có bảy người con trai, còn người kia thì nghèo túng và không có con. Cứ mỗi lần gặp nhau, người đàn bà đông con lại mỉa mai người đàn bà không con.

- Bà không có lấy một đứa con trai nào. Vậy thì ai sẽ nuôi bà khi bà già yếu, ai sẽ chôn cất bà khi bà chết? Chắc hẳn bà sẽ chết vì đói và xác bà sẽ làm mồi cho linh cầu.

Người đàn bà không con ôn tồn và nhẫn nhục đáp:

- Bà nói đúng lắm. Nhưng hãy vì thượng đế, đừng có nói như vậy. Nếu bà thương tôi, chôn cất tôi khi tôi chết thì thượng đế sẽ ban phước cho bà.

Năm tháng qua đi và cả hai người đàn bà đều trở nên già nua yếu ớt. Người đàn bà nhiều con nói với các con của mình:

- Mẹ già rồi, các con hãy thay nhau nuôi mẹ, mỗi đứa một tháng.

Bảy người con trai làm theo đúng như lời mẹ dặn: thay phiên nhau, mỗi người nuôi mẹ một tháng.

Vì không có con cái, nên người đàn bà không con phải ngày ngày đi xin ăn để sống.

Một lần, hết hạn một tháng nuôi mẹ, theo như đã quy định, một trong những người con trai đưa mẹ ra gốc cây ngoài đồng rồi trở về. Đáng lý ra, đúng ngày đó, một người con trai khác phải tới gốc cây đó đưa mẹ mình về nuôi. Thế nhưng, vì mãi đi săn, anh con trai đến lượt phải nuôi mẹ quên mất. Chỉ đến sáng hôm sau, anh ta mới nhớ là hôm qua là ngày phải ra chỗ gốc cây đưa mẹ về nuôi. Anh con trai hoảng sợ, chạy vội ra chỗ gốc cây quy định. Thế nhưng, đã chậm mất rồi. Đêm hôm trước linh cầu đã ăn thịt bà mẹ, chỉ để lại ở gốc cây vài mẫu xương tay, xương chân của bà cụ. Người con trai đau khổ chạy đi tìm các anh em, kể lại câu chuyện thương tâm.

Không còn cách nào khác cứu được mẹ nữa, bảy anh em bàn nhau và quyết định đón bà cụ già không con cái kia về nuôi như mẹ đẻ. Khi bà cụ chết, cả bảy anh em đều cùng lo chôn cất người mẹ nuôi theo đúng mọi phong tục của địa phương.

71. NGƯỜI VỢ HAY BA HOA

(Dân tộc Ganda)

Có một ông quan nọ khét tiếng là gian tham và vì thế nên rất giàu. Trong làng, ở ngay bên cạnh nhà quan, có một người thợ săn giỏi. Mặc dầu săn bắt và đánh cá được nhiều, nhưng người thợ săn vẫn nghèo, vì ông quan tham kia tìm đủ mọi cách để lấy hết số thú và cá do anh săn bắt được. Người thợ săn quyết định cho ông quan tham kia một bài học. Anh ta lẻn vào nhà ông quan lấy sạch tiền của. Thế nhưng, anh chàng thợ săn lại có cô vợ hay ba hoa. Biết là không thể bắt vợ giữ kín chuyện được, anh thợ săn bèn nghĩ ra một mẹo.

Anh ra sông dùng lưới bắt một con cá to rồi đem con cá đó đặt vào cái bẫy trong rừng. Anh lại bắn chết một con thỏ rồi đem con thỏ đặt vào cái lưới dưới sông. Sau đó anh mới đào một cái hố rồi ném số tiền lấy cắp được xuống đó.

Anh thợ săn về đến nhà gọi vợ ra nói:

- Mình có muốn đi xem bẫy với tôi không. Có thể có con gì sa bẫy rồi chẳng.

Người vợ vui vẻ cùng chồng đi vào rừng. Trên đường, hai người ghé qua bờ sông. Người chồng kéo lưới lên được con thỏ. Người vợ vô cùng kinh ngạc. Người chồng cũng giả bộ ngạc nhiên. Sau đó hai vợ chồng đến chỗ cái bẫy

và thấy một con cá to. Người vợ lại càng kinh ngạc hơn. Trên đường về, tới chỗ cái hố, người chồng dừng lại nói:

- Mình xem kìa, lạ chưa!

Người vợ nhìn xuống cái hố thấy bao nhiêu là tiền. Người chồng dặn vợ:

- Mình đừng có nói với ai là chúng ta tìm thấy tiền trong rừng nhé.

Người vợ hứa sẽ im lặng. Nhưng chỉ ít hôm sau thôi là cả làng đã biết chuyện hai vợ chồng anh thợ săn tìm thấy tiền trong rừng. Cái tin đó đến tai ông quan. Lập tức, ông quan cho lính bắt anh thợ săn và tất cả những ai nghe được câu chuyện tới nhà mình để ra hỏi. Người này nói là nghe được của người kia. Cuối cùng thì lời ra người đầu tiên nói cái tin đó ra lại chính là vợ người thợ săn. Khi được hỏi, người vợ lập tức kể lại chuyện họ tìm thấy tiền trong rừng ra sao.

Người chồng hét lên:

- Cô ta nói dối đấy!

Người vợ nhìn vị quan nói tiếp:

- Tôi có bằng cứ chứ không phải nói dối đâu. Đúng hôm đó xảy ra hai điều lạ.

Và, người vợ kể một cách chi tiết việc họ bắt được con thỏ trong lưới dưới sông và con cá trong bẫy trên rừng ra sao.

Mọi người nghe thấy đều phì cười và nói:

- Cô ta điên rồi!

Thế là vị quan đành phải đuổi người đàn bà ba hoa ra khỏi nhà và thả người thợ săn.

72. CÂU CHUYỆN KHÔNG BAO GIỜ KẾT THÚC

(Dân tộc Ganda)

Ông quan nọ có một cô con gái xinh đẹp. Khi con gái tới tuổi lấy chồng, ông nghĩ mãi về việc nên gả cô con gái cho ai. Cuối cùng, ông quyết định sẽ gả cô con gái xinh đẹp của mình cho người nào kể được một câu chuyện không bao giờ kết thúc.

Và, thế là, cả một hàng dài - tất cả các chàng trai và đàn ông đều muốn lấy người đẹp làm vợ. Thế nhưng, mọi câu chuyện mà mọi người tới kể đều phải có kết thúc. Ai nấy đều công nhận cái thử thách để lấy cô con gái nhà quan thật là khó.

Đột nhiên, một chàng trai nghèo, khoác tấm áo da dê xuất hiện. Vị quan nhìn chàng và nói:

- Những người thông minh nhất, có học thức nhất đã không ai kể được câu chuyện không có kết thúc rồi. Liệu anh có làm được việc đó không?

Chàng trai nói:

- Xin ngài hãy cứ để tôi thử.

Và, chàng trai bắt đầu câu chuyện như sau: "Một ông quan nọ có một nhà tiên tri nói không bao giờ sai cả. Một hôm, vị tiên tri nói với quan là sẽ có hạn hán lớn. Vị quan lập tức ra lệnh cho mọi người đem lúa ra gieo ở

khắp nơi. Ông còn ra lệnh làm những kho lúa lớn. Khi lúa chín, khắp nơi được mùa to. Thế nhưng đột nhiên, cả một đàn chim sẻ khổng lồ bay tới tàn phá mùa màng. Con chim thứ nhất bay tới mổ đi một hạt thóc, con chim thứ hai mổ đi một hạt và con chim thứ ba mổ đi một hạt. Nhưng, cái hạt thóc mà con chim thứ ba tha đi rơi xuống đất. Tất cả bầy chim sẻ, con nào cũng tha đi được một hạt thóc. Kỳ lạ thay, cái hạt mà con chim thứ ba làm rơi xuống đất bỗng mọc lên thành một bông lúa khổng lồ. Mọi người đem bông lúa về đập lấy hạt gieo tiếp và lại được mùa lớn. Đến mùa gặt, một bầy chim sẻ khổng lồ bay tới nhặt thóc... Và, một hạt thóc từ mỏ con chim rơi xuống mọc lên thành một bông lúa to. Rồi mọi người lại lấy bông lúa đó về đập ra lấy hạt gieo và lại được mùa. Đến mùa gặt, bầy sẻ lại bay tới...

Suốt năm ngày liền nghe đi nghe lại câu chuyện như vậy, ông quan bực mình lắm:

- Ta cho anh một ngày nữa thôi, hãy kết thúc câu chuyện đi.

Chàng trai đáp:

- Dạ, câu chuyện sẽ kết thúc khi người ta không gieo lúa nữa, khi lúa không mọc nữa, khi con người không gặt hái nữa. Nhưng lúa vẫn được gieo trồng, lúa vẫn mọc và con người vẫn gặt hái. Và, vì thế câu chuyện không bao giờ kết thúc được ạ.

Ông quan bàng hoàng và khâm phục trước câu trả lời của chàng trai. Không còn cách nào khác, ông buộc phải gả cô con gái xinh đẹp của mình cho chàng trai nghèo.

73. CHÀNG NGỐC THÔNG MINH

(Dân tộc Hungve)

Hai vợ chồng nhà kia có một người con trai. Khi người cha chết, anh con trai nói với mẹ:

- Mẹ à! Có lẽ con nên đi làm cho tù trưởng thì tốt hơn.

Chàng trai tìm đến nhà tù trưởng làm việc suốt một ngày và được trả công một cục vàng. Tối hôm đó, chàng trai cầm cục vàng về đưa cho mẹ. Người mẹ nói:

- Con ạ! Khi nào nhận được vàng, con phải cho vào túi, chứ đừng cầm ở tay.

- Dạ, con xin nhớ, - chàng trai đáp.

Ngày hôm sau, chàng trai lại đến làm việc cho tù trưởng và được trả công một đĩa sữa đầy. Chàng đổ sữa vào túi rồi về nhà. Thấy vậy, người mẹ nói:

- Con ạ! Khi người ta cho con đĩa sữa đầy, con phải đội lên đầu chứ đừng đổ vào túi.

- Vâng, lần sau con sẽ làm như vậy, - chàng trai đáp.

Ngày thứ ba, chàng trai đi làm việc và nhận được một con chó. Chàng đội con chó lên đầu rồi đi về nhà. Nhìn thấy con trai đội chó trên đầu, người mẹ nói:

- Con ạ! Nếu người ta cho con súc vật thì con phải lấy thùng buộc nó lôi về chứ đừng đội lên đầu.

- Con sẽ nhớ, - chàng trai đáp.

Ngày thứ tư, sau khi làm việc xong cho tù trưởng, chàng trai nhận được một miếng thịt. Chàng lấy thùng buộc miếng thịt kéo lê về nhà.

- Con ạ! - người mẹ nói, - khi nhận được miếng thịt, con đừng kéo lê trên đường bẩn như vậy.

Nghe mẹ nói, chàng trai bực tức nghĩ: "Sao lần nào mẹ cũng không vừa ý nhỉ. Thôi, từ nay ta sẽ làm theo ý mình. Ta thử đem bán da chó xem sao". Chàng trai bèn giết chó, lột da chó tới bán cho tù trưởng. Khi chàng tới nhà thì vị tù trưởng đi vắng. Chàng bèn đứng đợi.

Khi trời vừa tối, chàng trai thấy có một người nào đó vào buồng của một trong những bà vợ của tù trưởng và ở đó cho đến sáng hôm sau mới ra. Đến tận giữa trưa, vị tù trưởng mới về. Nhìn thấy chàng trai, ông hỏi:

- Anh cần ta có việc gì vậy?

- Tôi muốn bán cho ông tấm da chó và muốn nói một chuyện.

- Từ xưa tới giờ có ai mua da chó đâu. - vị tù trưởng bật cười, - nhưng thôi, anh muốn nói với ta điều gì?

- Đêm qua, - chàng trai nói, - có một người đàn ông tới phòng của vợ ông.

- Cám ơn anh, - vị tù trưởng nói, - ta trả anh hai mươi cục vàng vì cái da chó. Anh hãy vứt cái tấm da chó vào đồng rác kia.

Vị tù trưởng đưa cho chàng trai hai chục cục vàng. Chàng trai ném tấm da chó vào đồng rác rồi ra về. Tối làng, chàng gặp vị trưởng làng và nói:

- Tôi bán tấm da chó hai mươi cục vàng đây này.

- Đúng vậy hả? - Vị trưởng làng hỏi.

Chàng trai giờ hai mươi cục vàng ra làm bằng chúng. Tức thì, vị trưởng làng cho giết tất cả chó của mình rồi cho lột da đem bán. Mọi người thấy vậy đều vô cùng ngạc nhiên.

- Từ xưa tới giờ có ai mua da chó cơ chứ!

Quả đúng như vậy. Không ai thèm hỏi mua một tấm da chó nào. Vị trưởng làng tức giận tới gặp chàng trai:

- Ai xui anh nghĩ ra trò lừa này hả?

- Mẹ tôi dạy tôi đấy, - chàng trai đáp.

- Nếu vậy, - vị trưởng làng nói, - ta sẽ giết mẹ anh.

Và ông ta lập tức ra lệnh cho người đi giết bà mẹ chàng trai.

"Mình phải làm gì với xác mẹ đây? - chàng trai nghĩ, - Có lẽ phải đem xác ra khỏi đây". Và, chàng trai vác xác mẹ đi.

Ra tới đường cái thì trời đã trưa và bắt đầu nóng bức. "Ta phải nghỉ một chút vậy" - chàng trai nghĩ. Chàng bèn đưa xác bà mẹ vào gốc cây, còn mình thì nằm xuống bóng râm nghỉ.

Một lúc sau, trên đường xuất hiện một người đội trên đầu bình rượu to. Chàng trai gọi:

- Này, ông có thấy mẹ tôi mệt rũ người rồi không. Xin ông ít rượu cho mẹ tôi uống.

Người đi đường tới bên xác mẹ chàng trai và nghiêng bình đổ rượu cho bà uống. Khi cái bình vừa chạm cái xác, cái xác đổ vật ngay xuống. Thấy vậy, chàng trai kêu toáng lên:

- Thôi chết rồi, rượu của ông làm mẹ tôi chết. Ông phải đền đi.

Người đi đường đó lấy ra mười cục vàng đền cho chàng trai. Chàng trai cầm vàng rồi đào hố chôn mẹ. Xong việc, chàng trở về gặp vị trưởng làng nói:

- Tôi bán xác mẹ tôi được mười cục vàng đây này.

Vị trưởng làng nổi máu tham. Ông ra lệnh giết mẹ mình rồi nói với mọi người:

- Ta bán xác mẹ ta đây, mười cục vàng một xác.

Thấy vậy, mọi người đều nói:

- Từ xưa đến nay có ai mua xác chết bao giờ!

Biết mình bị lừa, vị trưởng làng ra lệnh giết chết chàng trai.

74. CÔ GÁI KIÊU KỲ BỊ LỪA

(Dân tộc Tonga)

Có một cô gái xinh đẹp nhưng lại không muốn lấy chồng. Các chàng trai đến hỏi, đều bị cô trả lời:

- Tôi không muốn lấy chồng.

Tại một làng nhỏ bên cạnh, có một chàng trai nghèo. Vì nghèo, nên việc lấy vợ đối với chàng thật là khó. Nghe nói ở làng bên có cô gái đẹp không muốn lấy chồng, chàng trai nghèo nghĩ: "Cô ta sẽ là vợ ta". Chàng trai bèn ăn mặc giả làm gái rồi đến làng của người đẹp và tìm cách làm thân với người đẹp. Một hôm, cô gái đẹp nói với người bạn mới:

- Bạn đi tắm với mình đi.

Tối bờ ao, chàng trai giả gái nói:

- Bạn tắm ở đây nhé, còn tớ sẽ tắm ở phía ao bên kia.

Cô gái đẹp hỏi:

- Sao bạn không muốn tắm cùng tớ?

- Mình quen thế rồi, - cô bạn gái giả kia đáp.

Cô gái đẹp đẩy cô bạn và nói:

- Bạn phải tắm cùng với tớ.

Chàng trai giả gái ngả ùm xuống nước. Khi ngoi đầu lên, chàng trai thốt lên:

- Thế là xong!

Cô gái đẹp nhảy xuống nước hỏi:

- Xong cái gì cơ?

Chàng trai giả gái nói:

- Cái điều mẹ mình đã nói.

- Mẹ bạn nói gì? - Cô gái đẹp hỏi.

Chàng trai trả lời:

- Mẹ tớ nói rằng: "Con là đứa trẻ đặc biệt. Con có một điều cấm kỵ. Tất nhiên, con là con gái. Nhưng, nếu cô gái khác mà đẩy con xuống nước hoặc tắm cùng con thì con sẽ biến thành con trai".

Cô gái ngạc nhiên hỏi:

- Thế bây giờ bạn biến thành con trai rồi hả?

- Đúng vậy, - chàng trai đáp.

Cô gái ôm mặt khóc và nói:

- Mình thật có lỗi. Thế mẹ bạn có nói làm thế nào để bạn lại biến thành gái không?

Chàng trai đáp:

- Mẹ tớ nói rằng, để biến trở lại thành gái, tớ phải ngủ với cô gái tắm cùng với tớ hay đã đẩy tớ xuống nước.

Cô gái đẹp nói:

- Thế thì chúng ta lên bờ làm chuyện đó đi.

Cô gái đẹp và chàng trai lên bờ. Họ tới một bụi rậm và cùng làm cái việc của vợ chồng.

- Ôi, tuyệt quá! Tuyệt quá! - Cô gái đẹp thốt lên - làm thế nào để bạn có thể mãi mãi là đàn ông?

Chàng trai đáp:

- Nếu bạn lấy tớ thì tớ sẽ mãi mãi là đàn ông.

Và thế là cô gái lấy chàng trai nghèo làm chồng.

75. KẺ TRỘM THUA NGƯỜI MÙ

(Dân tộc *Etiopia*)

Có một người giàu có, nhưng lại mù. Ông ta có rất nhiều của cải, vàng bạc, nhưng hiềm một nỗi lại không có con cái, họ hàng thân thích. Do đó ông nảy ra ý định đào hố chôn của để không thể bị mất trộm được.

Hôm đó, đợi cho xóm làng hoàn toàn im ắng, ông nhà giàu mù đem tất cả vàng, bạc, của cải của mình ra chôn xuống dưới gốc cây trong vườn. Thế nhưng, người hàng xóm của ông đã nhìn thấy ông đào hố chôn của. Sau đó, đúng hôm ông nhà giàu mù đi vắng, người hàng xóm lên sang đào lấy hết tất cả.

Một thời gian sau, ông nhà giàu đến chỗ hố chôn của cải và phát hiện ra là hố đã bị đào trộm. Ông quyết định tìm cho được kẻ lấy trộm. Ông tìm đến một nhà thông thái hỏi cách.

- Ông đến gặp tôi có việc gì vậy? - Nhà thông thái hỏi.

Ông nhà giàu mù đáp:

- Việc là thế này, sau bao năm vất vả tôi mới tích góp được một ít vàng bạc. Tôi đào hố chôn số của cải đó ở trong vườn. Mấy ngày sau, tôi phát hiện ra là số của cải của tôi bị đào trộm. Tôi đến gặp ông để nhờ ông cách tìm ra kẻ trộm.

Suy nghĩ một lát, rồi nhà thông thái nói:

- Ông hãy đến gặp người hàng xóm của ông và nói rằng trước đây ông đã chôn vàng bạc vào một chỗ rồi nên không muốn động đến chỗ đó nữa. Giờ đây ông lại có thêm nhiều vàng bạc mà không biết nên chôn vào chỗ lần trước hay chôn riêng ra hố khác. Người hàng xóm khuyên ông thế nào thì ông hãy làm như vậy. Ông hãy tin là thế nào cũng sẽ lấy lại được số của cái đã mất.

Theo lời khuyên của nhà thông thái, ông nhà giàu mù đến gặp người hàng xóm và nói:

- Ông bạn ơi! Ông là láng giềng của tôi, những khi vui buồn ông đều chia sẻ, giúp đỡ tôi. Ngoài ra, ông còn là người mà tôi không giấu diếm điều gì cả. Hôm nay tôi muốn nhờ ông giúp một việc. Trước đây tôi đã chôn vàng bạc vào một chỗ kín đáo. Giờ đây tôi lại có thêm khá nhiều vàng bạc nữa. Ông hãy khuyên tôi nên chôn riêng số vàng bạc mới vào hố khác hay nên chôn chung vào cái hố cũ.

Người hàng xóm trả lời:

- Sao lại chôn chỗ mới cơ chứ? Tốt nhất là ông lại chôn số vàng bạc mới vào cái hố cũ. Ông thì mù, nên đừng có chôn ra nhiều chỗ, sau này khó tìm.

Người giàu mù giả bộ vui mừng rồi trở về nhà. Còn người hàng xóm thì nghĩ: "Ta sẽ lấy hết số vàng bạc mới này của hắn". Thế là lập tức, người hàng xóm đem tất cả số vàng bạc đã lấy lần trước ra chôn lại vào cái hố, rồi ẩn vào một bụi cây đợi ông nhà giàu mù ra chôn của.

Ông nhà giàu mù về nhà đổ đầy cát vào một cái bao rồi vác ra chỗ cái hố mà trước đây ông đã đào để chôn của. Ông bới cái hố lên và sờ thấy số vàng bạc

của mình. Ông thầm cảm ơn thượng đế và tin chắc chính người hàng xóm là kẻ đã lấy trộm số vàng bạc này của ông. Ông gói vàng bạc vào túi để đem về và chôn cái bao cát xuống.

Đợi cho ông nhà giàu mù đi khỏi, người hàng xóm ra đào hố với hi vọng sẽ vớ bẫm. Thế nhưng, hắn chỉ được một bao cát đầy.

76. CHUYỆN KỂ VỀ ABU-NUVAX

(Dân tộc *Suahili*)

Vua Ra-sít có một cận thần yêu tên là Abu-nuvax. Một hôm, Abu-nuvax lại muốn mua một con lừa, nhưng ông lại không có tiền. Abu-nuvax quyết định đến lâu đài xin vua Ra-sít tiền. Nhưng hôm đó vua Ra-sít không tiếp ai cả, nên lính canh không cho ông vào triều. Biết là Abu-nuvax cần xin tiền, một người lính canh già gạ gẫm:

Tôi sẽ cho ông vào gặp đức vua, nhưng ông phải chia cho tôi một nửa những gì xin được.

Abu-nuvax đồng ý và đi vào lâu đài gặp vua Ra-sít. Nhìn thấy Abu-nuvax, vua Ra-sít hỏi:

- Nhà ngươi cần gì?

- Dạ, thần muốn được bệ hạ đánh thần một trăm roi.

Vì rất yêu Abu-nuvax, vua Ra-sít cũng cầm roi đánh Abu-nuvax, nhưng chỉ đánh nhẹ. Đợi cho vua Ra-sít đánh đến roi thứ năm mươi, Abu-nuvax mới nói:

- Muôn tâu bệ hạ! Thần và người lính canh già thỏa thuận chia đôi một trăm roi ạ. Thần đã nhận được năm mươi roi rồi, vậy xin bệ hạ cho ông ta nhận nốt năm mươi roi ạ.

Lập tức, vua Ra-sít ra lệnh lôi người lính canh già vào đánh năm mươi roi, Abu-nuvax nói với người lính già:

- Đây là bài học cho những người như ông đấy.

*

Một hôm, con lừa của Abu-nuvax đòi uống nước, nhưng Abu-nuvax lại không có gì để múc nước cho nó uống cả. Abu-nuvax sang nhà hàng xóm mượn cái nôi để múc nước cho lừa uống. Ba ngày sau Abu-nuvax mới đem nôi trả người hàng xóm. Nhưng, trước khi đem trả, Abu-nuvax đặt chiếc nôi con vào trong chiếc nôi lớn của người hàng xóm. Nhìn thấy chiếc nôi con, người hàng xóm ra và nói:

- Cái nôi này không phải của tôi.

- Nhưng tôi không phải là kẻ trộm, nên không muốn lấy đồ của người khác, - Abu-nuvax đáp - cái nôi mẹ của ông đã đẻ nôi con ở nhà tôi đấy.

Người hàng xóm rất mừng và nghĩ: "Chà, nhà của Abu-nuvax thật có phúc, đến nôi cũng sinh đẻ được".

Mấy ngày sau, Abu-nuvax lại sang nhà người hàng xóm mượn nôi. Người hàng xóm đem nôi ra cho Abu-nuvax mượn. Thế nhưng, lần này Abu-nuvax không đem nôi trả. Người hàng xóm sang nhà Abu-nuvax đòi nôi.

- Cái nôi của ông chết rồi, - Abu-nuvax nói.

- Nôi cũng chết được sao? - Người hàng xóm ngạc nhiên.

- Thế nó có thể sinh đẻ được không? - Abu-nuvax hỏi.

- Được chứ, - người hàng xóm đáp.

- Thế thì đã có sinh thì có tử chứ, - Abu-nuvax đáp.

Thế là cái nồi của người hàng xóm trở thành nồi của Abu-nuvax.

*

Lần đó, một người nhà buôn keo kiệt giết dê thịt ăn, mùi xào nấu thơm lừng. Người hàng xóm nghèo bên cạnh cũng đem bữa ăn đạm bạc ra ăn. Vừa ăn, người hàng xóm nghèo vừa hít mùi xào nấu ở nhà bên cạnh và cảm thấy bữa ăn của mình ngon hơn. Sáng hôm sau, gặp người nhà buôn, người hàng xóm nghèo nói:

- Hôm qua tôi được ăn no mùi thức ăn nhà ông. Nhờ mùi thức ăn nhà ông mà tôi được một bữa ăn ngon.

- À, hèn chi mà thức ăn nhà tôi mất hết cả mùi vị,
- người nhà buôn thốt lên và tìm đến gặp vua Ra-sít kiện.

Sau khi nghe hai bên trình bày xong, vua Ra-sít bắt người hàng xóm nghèo phải đền cho người nhà buôn hai mươi đồng Rupì.

Người hàng xóm nghèo khóc lóc trở về nhà vì ông làm gì có tiền. Trên đường, ông gặp Abu-nuvax và kể lại hết đầu đuôi câu chuyện cho Abu-nuvax nghe. Abu-nuvax đưa cho ông ta hai mươi Rupì và dặn:

- Ông cầm lấy tiền để trả, nhưng nhớ là khi nào tôi tới triều mới đưa tiền ra nhé.

Sáng hôm sau, người nhà nghèo và người nhà buôn cùng tới gặp vua Ra-sít. Đúng lúc đó Abu-nuvax cũng tới và được mọi người cho biết mọi việc. Nghe xong, Abu-nuvax nói với người nhà nghèo:

- Hai mươi Rupì của ông đâu?

Người nhà nghèo đưa tiền cho Abu-nuvax. Abu-nuvax cầm tiền rồi gọi người nhà buôn tới để đưa tiền. Khi người nhà buôn giơ tay định cầm tiền thì Abu-nuvax nói:

- Đợi đã!

Xong, Abu-nuvax ném tiền xuống nền gạch và hỏi:

- Ông đã nghe thấy những đồng tiền kêu chưa? Ông lấy những tiếng kêu đó đi. Người kia có ăn thức ăn của ông đâu, ông ta chỉ ngửi mùi thôi mà.

Người nhà buôn không dám đòi tiền nữa, còn người hàng xóm nghèo thì sung sướng trở về nhà.

*

Abu-nuvax xây một ngôi nhà hai tầng. Ông bán tầng trên cho một người lái buôn, còn mình thì ở tầng dưới. Một hôm, Abu-nuvax nảy ra ý định chuyển chỗ ở. Ông muốn người lái buôn mua nốt tầng dưới, nhưng người lái buôn từ chối. Không ép nữa, Abu-nuvax bỏ đi làm việc, một lúc sau ông trở về cùng mấy người thợ. Ông gọi người lái buôn xuống và nói:

- Tôi sẽ đem nửa dưới ngôi nhà của tôi đi. Còn ông cứ việc ở nửa trên.

Đến lúc này người lái buôn mới đành phải mua nốt nửa nhà phía dưới.

*

Abu-nuvax rất yêu con lừa của mình. Một lần, người hàng xóm sang hỏi mượn Abu-nuvax con lừa. Không muốn xa con vật yêu, Abu-nuvax bèn nói dối:

- Con lừa nhà tôi không có ở nhà.

Đúng lúc đó con lừa kêu rống lên. Người hàng xóm nói:

- Con lừa của ông ở nhà đấy chứ, nó vừa kêu đấy thôi.

Abu-nuvax bèn quát:

- Thế ông tin tôi hay tin con lừa nào? Ông sang nhà tôi để mượn lừa chứ để nghe lừa kêu à. Kêu như thế thì tôi kêu cũng được.

77. VUA VÀ ĐÀY TỚ

(Dân tộc Hausa)

Ngày xưa, có một ông vua. Ngoài việc đọc truyện về phụ nữ và những mưu mô của phụ nữ ra, vua không còn có một ham thích gì khác nữa. Vua tin rằng phụ nữ là những người quá ranh ma và luôn đặt bẫy để bẫy đàn ông. Vì thế, vua rất sợ phụ nữ, thậm chí không dùng phụ nữ trong cả việc nấu ăn cho mình. Toàn bộ công việc bếp núc vua giao cho một chàng trai đảm nhiệm.

Một lần, vua vào rừng săn bắn. Suốt ngày hôm đó, vua không bắn được một con thú nào. Mãi tới chiều tối, ngài mới bắn được một con sếu rồi lên ngựa về cung. Vua đưa con sếu cho chàng trai nấu bếp làm món ăn cho mình. Vua nói:

- Thịt sếu ngon lắm đấy. Nhà ngươi nấu toàn bộ cả con đừng có cắt, xé ra từng mảnh đấy.

Chàng trai vội đun nước, vặt lông con sếu, rồi để nguyên cả con cho vào nồi nấu. Khi thịt đã chín, chàng trai bắc nồi ra, để cho thịt nguội rồi vớt con chim ra cho lên đĩa bung lên đức vua. Đúng lúc đó, cô người yêu của chàng trai bước vào bếp. Nhìn thấy con chim ngon quá, cô gái xin người yêu một cái chân để ăn. Chàng trai vội nói:

- Ấy chết, đây là con sếu của vua. Anh không thể cho em dù chỉ một mẫu cánh. Vua ra lệnh anh phải nấu nguyên cả con.

Cô gái nhìn chăm chăm vào chàng trai và nói:

- Chả, nhẽ em không xứng được ăn cái chân con sếu hay sao? Nếu anh không cho em ăn thì chúng ta không còn gì với nhau nữa.

Nghe thấy người yêu dọa như thế, chàng trai vội vàng vặt một chân con sếu đưa cho cô gái, rồi bung đĩa thịt lên cho vua. Nhìn thấy con chim thiếu một chân, nhà vua hỏi:

- Thế một chân chim nữa đâu? Ta đã bảo nhà ngươi là phải nấu nguyên cả con cơ mà.

Chàng trai vội đáp:

- Dạ, muôn tâu bệ hạ! Loài sếu chỉ có một chân thôi ạ.

Nhà vua quát:

- Thằng ngu! Mày nhìn thấy sếu một chân ở đâu?

Chàng trai thưa:

- Dạ, con xin thề là loài sếu chỉ có một chân. Nếu bệ hạ không tin, sáng mai hạ thần sẽ đưa bệ hạ đi xem.

Nhà vua có vẻ bối rối trước câu trả lời chắc chắn của chàng trai. Ngài nói:

- Thôi được, sáng mai ta với ngươi sẽ rõ.

Sáng hôm sau, nhà vua và người đầy tớ cùng cả đoàn tùy tùng ra bờ đầm, nơi có nhiều sếu. Lúc đó, trời mới tờ mờ sáng, nên lũ sếu còn đang ngủ. Và, theo thói quen, khi ngủ, sếu bao giờ cũng co một chân lên. Chàng trai chỉ vào đàn sếu và nói:

- Muôn tâu bệ hạ! Tất cả đàn sếu kia đều chỉ có một chân.

Nhà vua bực mình nói:

- Người thật là đồ ngu, khi ngủ thì sếu bao giờ chả co một chân lên, Hãy nhìn đây này.

Lập tức, nhà vua hét to lên một tiếng. Tức thì cả đàn sếu búng tỉnh buông cái chân co lên xuống.

- Thế nào, nhà người đã thấy chưa? Chúng đều có hai chân đấy chứ. - Nhà vua hỏi.

Chàng trai nhanh trí đáp:

- Dạ, khi mà bệ hạ hét lên thì chúng nó hai chân thật, còn bình thường chúng nó chỉ có một chân. Hôm qua, lúc hạ thần bung con chim lên sao bệ hạ không hét lên để con chim thò thêm ra một chân nữa.

Câu trả lời của chàng trai khiến nhà vua và cả đoàn tùy tùng bật cười. Nhà vua nhìn chàng trai rồi nói:

- Được, nhà người nói đúng. Đúng là hôm qua ta đã không hét lên. Có thể vì thế mà ta và người chỉ thấy con sếu có một chân.

Trên đường về, mọi người, từ vua đến quan đều khâm phục sự nhanh trí của chàng trai đầy tớ,

78. CÔNG VIỆC HÓC BÚA

(Dân tộc Hausa)

Có một người giàu đáng kính tên là Ap-đu-lax. Ông có mười bảy con lạc đà, mà con nào cũng to như con nào. Khi sắp chết, ông gọi các con và những người làm chúng đến rồi nói:

- Khi ta chết, đàn lạc đà sẽ được chia như sau: con cả một nửa, con thứ một phần ba và con út một phần chín.

Sau khi ông già chết, quan tòa cử đại diện của mình tới chia đàn lạc đà cho ba người con. Vị đại diện của quan tòa đếm lạc đà xong rồi lắc đầu:

- Không hiểu tại sao cha các anh lại muốn chia như vậy? Mười bảy con lạc đà không thể chia đôi, chia ba và chia chín được.

Không biết làm sao, ba anh em nhà kia đành phải mời quan tòa tới. Sau khi đếm số lạc đà xong, quan tòa nói với người đầy tớ của mình.

- Người hãy dắt con lạc đà của ta để vào đàn lạc đà kia.

Người đầy tớ làm theo lệnh chủ. Xong quan tòa quay sang hỏi người con cả:

- Bây giờ thì có tất cả bao nhiêu con lạc đà?

- Dạ, mười tám con ạ!

- Thế anh được chia bao nhiêu?
- Dạ, một nửa đàn.
- Thế một nửa của mười tám là mấy?
- Dạ, chín.
- Anh dắt chín con về đi. Nhớ là đừng bắt con của tôi nhé.

Anh con cả vui sướng dắt chín con lạc đà về. Anh nghĩ: "Thế là mình lợi được nửa con, vì nếu chia đôi mười bảy con mình chỉ được có tám con ruồi". Hai người em có vẻ bức mình vì nghĩ là quan tòa thiên vị.

Quan tòa quay sang người con thứ hai hỏi:

- Anh được bao nhiêu phần?
- Dạ, một phần ba đàn lạc đà ạ!
- Thế một phần ba của mười tám con là mấy con?
- Dạ, sáu con!
- Thế thì anh dắt sáu con về đi. Nhớ là đừng dắt con của tôi đấy nhé.

Anh con trai thứ hai sung sướng dắt sáu con lạc đà về. Anh nghĩ: "Thế là mình được lợi gần một nửa con lạc đà, vì nếu mười bảy con mà chia ba thì mình chỉ được hơn năm con ruồi".

Thế là trên bãi chỉ còn lại ba con lạc đà. Vị quan tòa nhìn anh con út và hỏi:

- Anh được bao nhiêu phần?
- Dạ, một phần chín của mười bảy con.
- Tức là mấy con?
- Dạ, tức là một con và tám phần chín của một con.

- Thế nếu được hai con thì anh nghĩ sao?
- Dạ, nếu được thế thì còn gì bằng!
- Anh dắt hai con về đi, nhớ để lại con của tôi nhé.

Anh con út vui sướng dắt hai con lạc đà về, lòng đầy vui sướng vì nghĩ là mình được lợi.

Xong mọi việc, vị quan tòa sai đầy tớ dắt con lạc đà của mình về. Mọi người đều khâm phục tài trí của vị quan tòa thông minh tài giỏi.

79. CHỌN RẺ

(Dân tộc Bura)

Ông già nọ có cô con gái tên là Sang-ba. Cô gái vừa ngoan lại vừa rất đẹp, nên rất nhiều chàng trai muốn hỏi nàng làm vợ. Thế nhưng, bao nhiêu chàng trai đến đều thất vọng trở về vì điều kiện ông bố đặt ra thật khó: "Ai muốn lấy Sang-ba, phải bắt sống được một con hươu mang về đây". Bắt được hươu còn dễ chứ đuổi bắt được hươu thì ai đủ sức.

Thế mà một hôm có hai chàng trai tên là Ni-la và Se-phu từ làng bên tới xin cầu hôn cô gái. Ông già nói:

- Các anh hai người, con gái ta chỉ có một. Vậy ai bắt sống được hươu mang về đây, thì sẽ được lấy con gái ta.

Hai chàng trai cùng vào rừng. Họ đi mãi, đi mãi, cuối cùng cũng phát hiện ra một con hươu. Lập tức, hai chàng trai lao đuổi theo con hươu. Đuổi được một đoạn dài, Se-phu mệt quá, ngồi xuống một gốc cây nghỉ. Chàng nghĩ: "Việc gì mà phải khốn khổ chỉ vì một cô gái, lấy ai làm vợ mà chẳng được. Thôi, cứ để Ni-la đuổi hươu, mình nằm đây đợi hấn vậy". Một lát sau, Se-phu ngủ thiếp đi dưới gốc cây. Khi chàng tỉnh dậy thì vừa lúc anh bạn Ni-la vai khoác con hươu bước tới. Gặp lại bạn Ni-la vui sướng reo lên:

- Con hươu đây rồi! Giờ thì nàng Sang-ba là của tôi.

Hai chàng trai hồ hởi trở về làng trình con hươu cho cha của người đẹp Sang-ba. Lập tức con hươu được làm thịt và mọi người trong làng được mời tới ăn tiệc. Khi mọi người đã ăn uống xong, ông bố của Sang-ba nói với các vị già làng:

- Các ông đã biết, Sang-ba là đứa con gái yêu quý của tôi. Cho nên tôi muốn nó có một người chồng dũng cảm và tốt bụng. Hai chàng trai này tới cầu hôn con gái tôi. Tôi đã ra điều kiện: "Ai bắt được hươu thì người đó sẽ được lấy Sang-ba". Và họ đã bắt được hươu. Giờ đây, xin các ông hãy chọn chồng cho con gái tôi.

Các vị già làng hỏi hai chàng trai:

- Các anh cùng đến và cùng cầu hôn cô gái. Thế sao giờ đây lại chỉ một người trong các anh bắt được hươu?

Ni-la đáp:

- Cả hai chúng tôi cùng vào rừng bắt hươu. Chúng tôi cùng nhìn thấy con hươu này và cùng đuổi. Một lúc sau thì Se-phu không đuổi tiếp nữa. Vì rất yêu cô Sang-ba, tôi quyết đuổi và bắt được con hươu. Xong, tôi vác con hươu về chỗ bạn tôi đợi, rồi hai đứa chúng tôi cùng về đây.

Sau đây Se-phu nói:

- Tôi chưa bao giờ nghe thấy nói có tục bắt hươu để hỏi vợ cả. Nhưng tôi thích Sang-ba và quyết định thử vận may. Tôi cùng Ni-la đi tìm bắt hươu, vì chạy lâu quá, tôi mệt và bỏ cuộc. Khi nằm nghỉ, tôi nghĩ: "Việc gì phải khổ cơ chứ? Đàn bà, con gái thiếu gì. Ta có thể lấy bất kỳ cô gái đẹp nào một cách đơn giản hơn nhiều so với việc lấy cô Sang-ba". Tôi nghĩ bên gốc cây đợi bạn tôi. Bây giờ tôi

tới đây đơn giản chỉ là bạn của Ni-la thôi chứ không phải vì cô Sang-ba.

Các vị già làng bàn bạc một lúc rồi quyết định:

- Chồng của Sang-ba sẽ là Se-phu, người không bắt được hươu. Chúng tôi không cần chàng rể như Ni-la, người đã bắt được hươu vì anh ta là một con người muốn gì là làm được. Nếu anh ta muốn giết ai, anh ta sẽ giết mà không cần phải hỏi ý kiến của ai cả. Chính Se-phu mới là chàng rể thích hợp. Anh ta sẽ nghe lời chúng tôi, sẽ phục tùng chúng tôi chứ không chỉ làm theo ý của mình. Se-phu sẽ là một chàng rể tốt và ngoan, do đó anh xứng đáng là chồng của Sang-ba.

80. TRANH NHAU LÀ NGƯỜI NGU

(Dân tộc Suahili)

Một hôm, trên đường đi lang thang, một người nọ gặp ba người đang ngồi bệt trên con đường đầy bụi. Người nọ cất tiếng chào:

- Xin chào những anh chàng ngu.

Cả ba cùng đáp lại:

- Xin chào!

Khi người kia vừa đi khỏi, ba chàng ngu bắt đầu cãi nhau:

- Anh ta chào tôi, - chàng thứ nhất nói.

- Không, anh ta chào tôi, vì tôi là người ngu. - Chàng thứ hai cãi lại.

Chàng thứ ba cũng nói vậy. Và không ai chịu nhường ai cả. Cuối cùng, một chàng lên tiếng:

- Thôi, khỏi phải cãi vã! Chúng ta gọi người kia lại để xem anh ta phán ai trong chúng ta là ngu.

Họ vội chạy đuổi theo gọi người kia lại và tranh nhau hỏi:

- Có phải anh chào tôi không? Có phải tôi là ngu không?

Người kia suy nghĩ một lát rồi hỏi một trong ba người:

- Anh hãy kể xem anh ngu thế nào?

Và anh chàng đó kể:

- Ngài có biết không, tôi là thằng ngu thật sự. Thế này nhé, hôm qua, tôi ra chợ mua thịt về cho vợ. Vợ tôi bắt đầu nấu thịt. Lúc thịt sắp chín thì vợ tôi đi vào nhà lấy muối. Lập tức tôi nhót luôn hai miếng cho vào mồm nhai. Chưa kịp nuốt thì vợ tôi trở lại; tôi phải ngậm hai miếng thịt trong mồm khiến cho hai bên má phồng to lên, thấy tôi như vậy, vợ tôi kêu lên: "Trời ơi, tôi vừa ra khỏi bếp một chút mà má chồng tôi đã sưng to lên thế kia. Phải dùng kim hồ lử chọc vỡ ra mới khỏi được". Thế là vợ tôi lấy kim hồ lên lử cho nóng rồi chọc vào má tôi. Đau quá, tôi phải nhả hai miếng thịt ra. Nhìn thấy thế, vợ tôi kêu lên: "Ôi, chồng ơi là chồng! Ai sẽ ăn mất miếng thịt cơ chứ mà phải vụng trộm để đến nỗi thế này! Thiệt là ngu". Đấy, ngài nói xem, tôi có phải là người ngu không?

Người đi đường đáp:

- Đúng, anh thật là ngu.

Lập tức chàng trai thứ hai lên tiếng:

- Tôi mới là người ngu chính hiệu. Hôm qua, tôi ra chợ mua thịt, dưa và các thứ gia vị khác cho vợ nấu ăn. Ở chỗ chúng tôi có luật là, vào mười giờ tối, nhà nào cũng phải đóng cửa. Nếu ai không đóng cửa vào lúc mười giờ sẽ bị bắt nhốt đêm đó, sáng hôm sau sẽ bị giải đi bêu diếu khắp thành phố rồi bị mang ra bờ sông hành hình. Thế mà chúng tôi ngồi mãi đến mười giờ mà quên mất đóng cửa vì thức ăn chưa làm xong. Tôi giục vợ: "Mang thức ăn ra đi!". Vợ tôi vội đem thức ăn ra. Ngồi bên bàn ăn, tôi nói với vợ: "Bà ra đóng cửa vào đã!" Vợ tôi không đi mà còn nói: "Ông tự đi mà đóng cửa!". Hai vợ chồng

tôi cứ thế đùn đẩy nhau không ai chịu ra khỏi bàn. Cuối cùng, tôi mới ra điều kiện: "Thế thì cùng ngồi, ai ăn trước hay nói trước thì phải đi đóng cửa". Hai vợ chồng tôi cùng ngồi nhìn nhau. Trong khi chúng tôi ngồi, một con chó chạy vào ăn hết cả thức ăn. Không dám đuổi chó vì sợ phải đi đóng cửa. Đến một giờ đêm thì lính tới nhà hỏi: "Sao ông bà không đóng cửa?". Chúng tôi vẫn ngồi im. Lính bắt chúng tôi nhốt vào tù. Sáng hôm sau chúng tôi bị đưa lên gặp quan. Quan ra lệnh: "Đem chúng tôi đi bêu diếu rồi treo cổ!". Khi bị giải qua nhà, vợ tôi đột nhiên nói: "Nhà mình kia rồi, sao mình lại không vào nhà?" Tôi hoảng quá kêu lên: "Vợ tôi đã nói rồi!" Mấy người lính lấy làm lạ bèn đưa chúng tôi trở lại gặp quan. Quan hỏi, chúng tôi kể lại toàn bộ đầu đuôi câu chuyện cho quan nghe. Nghe xong, quan thả chúng tôi về. Đấy, ngài xem, tôi có ngu không?

Người qua đường đáp:

- Đúng, anh còn ngu hơn cả anh kia.

Người thứ ba vội nói:

- Không, tôi mới là ngu! Tôi bị đau răng và tìm đến ông bác sĩ A-li và nói: "Tôi đau răng, ông có thể nhổ hộ tôi được không?". "Được", - ông bác sĩ đáp. Tôi hỏi: "Thế hết bao nhiêu tiền?" Ông ta nói: "Một đồng!" Tôi đưa một đồng và ông ta nhổ răng cho tôi. Về nhà, vợ tôi hỏi tôi: "Ông nhổ răng chưa?" Tôi đáp: "Nhổ rồi". Vợ tôi lại hỏi: "Hết bao nhiêu?" Tôi nói: "Một đồng!" Vợ tôi kêu lên: "Người khác nhổ chỉ mất có một hào". Tôi quay lại gặp ông bác sĩ và nói: "Người ta nhổ mỗi cái răng mất có một hào tôi đã trả ông một đồng. Vậy ông phải nhổ nốt những cái

răng còn lại của tôi đi cho hết số tiền!" Ông bác sĩ bèn nhổ hết luôn cả hàm răng của tôi. Về tới nhà, vợ tôi hỏi: "Đã lấy lại tiền chưa?" Tôi nói: "Tôi còn nợ ông ta nữa cơ!" Vợ tôi ngạc nhiên hỏi: "Sao?" Tôi đáp: "Mất một đồng mà được nhổ hết cả hàm răng đây này". Vợ tôi kêu trời: "Sao có người ngu đến thế!" Ông thấy, tôi có ngu không.

Người qua đường đáp:

- Đúng, anh là người ngu nhất! Lúc nãy tôi chỉ chào riêng anh thôi.

81. HAI NGƯỜI ĐÀN BÀ NGU

(Dân tộc Suahili)

Ngày xưa, tại một thành phố nọ, có một người đàn ông nghèo. Người đàn ông lấy vợ và họ sinh được một cô con gái. Người đàn ông nghèo không có của cải gì khác ngoài một con bò cái. Ngày ngày, người đàn ông phải đi làm ruộng ở một nơi cách thành phố không xa. Mỗi ngày, sau khi đi làm về, ông đều cắt cho con bò cái một bó cỏ.

Năm tháng trôi qua, và cô con gái đã lên tám tuổi. Một hôm, cô gái nằm mơ thấy mình đi lấy chồng rồi sinh ra một bé gái xinh đẹp. Sáng hôm sau, cô gái tỉnh giấc và khóc thét lên:

- Mẹ ơi! Con gái của con đâu?

Bà mẹ hốt hoảng chạy vào nhà hỏi con:

- Gì vậy, con gái của mẹ? Vì sao con lại khóc?

Cô con gái đáp:

- Con nằm mê thấy đi lấy chồng và sinh ra được một bé gái xinh đẹp. Bây giờ tỉnh dậy, không thấy con gái của con đâu, nên con khóc. Mẹ mang con gái của con đi đâu rồi phải không?

Nói xong, cô gái lại khóc lóc. Nhìn đứa con khóc, người mẹ cũng khóc theo. Nghe thấy có tiếng kêu khóc, hàng xóm láng giềng vội chạy tới hỏi xem có chuyện gì.

Người mẹ kể cho mọi người nghe về cô gái nằm mơ ra sao. Mọi người bật cười và nói:

- Xưa nay có ai vì giấc mơ mà khóc đâu!

Nhưng, cả hai mẹ con lại càng khóc to hơn. Thấy vậy, một ông già liền nghĩ ra mẹo để bắt hai mẹ con im. Ông đến gặp bà mẹ và nói:

- Nay, hai mẹ con còn khóc làm gì nữa? Đứa trẻ sinh ra đêm qua đã chết rồi. Dù nó mới sinh, nhưng vẫn phải làm lễ cúng cho nó. Cúng xong, mọi việc sẽ ổn.

Bà mẹ nghe ông già nói thế mừng lắm.

- Tôi sẽ làm theo lời ông. Nhưng không có chồng tôi ở nhà, tôi phải làm như thế nào hả ông?

Ông hàng xóm nói:

- Thế ở nhà có con gà con què gì không?

Bà mẹ đáp:

- Nhà không có gì cả ngoài con bò của chồng tôi. Ông ấy lại yêu quý nó lắm.

Mọi người nói:

- Có gì làm nấy. Nhưng nhất thiết bà phải làm lễ cúng, nếu không thì sẽ nguy lắm, hoặc bà hoặc chồng bà sẽ chết.

Nghe mọi người nói vậy, người mẹ sợ hãi nghĩ: "Thôi thì đành phải thịt con bò, không còn cách nào khác nữa rồi!" Thế là bà nhờ mọi người giết bò làm lễ cúng.

Chiều tối hôm đó, như thường lệ, sau khi làm việc xong, ông chồng cắt một ôm cỏ rồi về nhà. Vừa tới nhà, ông đi thẳng ra chuồng bò. Không thấy bò đâu, ông gọi vợ ra và hỏi:

- Con bò của tôi đâu?

Bà vợ nói:

- Ông hãy vào nhà đã rồi tôi sẽ nói.

- Tôi không đi đâu cả khi chưa thấy con bò của tôi,
- ông chồng gắt.

Biết là không còn làm gì được nữa, người vợ đành kể lại hết mọi chuyện cho chồng nghe. Nghe xong, ông chồng giận lắm, nhưng vẫn nén lòng. Tối hôm đó, ông mới nói với vợ:

- Tôi chưa hề thấy ai lại ngu hơn bà cả! Đời thuở nhà ai, chỉ vì giấc mơ mà lại làm thịt cả con bò? Giờ thì bà hãy chuẩn bị đồ ăn để tôi lên đường đi tìm một người đàn bà khác cũng ngu như bà. Nếu mà trên đời còn có người đàn bà khác cũng ngu như bà thì tôi sẽ về nhà. Còn nếu tôi không tìm thấy người thứ hai như bà thì tôi sẽ không về với bà.

Sáng hôm sau, ông chồng lên đường. Ông mang theo trong túi không chỉ đồ ăn mà còn cả giấy, bút và mực. Sau bảy ngày, bảy đêm, sau khi đã băng qua rừng, qua sa mạc, ông gần tới một thành phố lớn. Ông không vào thành phố ngay mà vào xin ngủ trọ tại nhà một bà cụ già. Ông hỏi bà cụ về thành phố, về những người cai trị ở đây. Sau đó, ông vào trong phòng viết một loạt thư: một cho quốc vương, một cho con gái quốc vương, một cho quan thượng thư và cho con gái quan thượng thư.

Sớm tinh mơ hôm sau, ông chồng lên đường đi vào thành phố và tới thẳng ngay nhà con gái quốc vương. Ông nhìn quanh và phát hiện ra một hố vôi cũ. Thế là, trong

đầu ông, bỗng nảy ra một ý. Đợi cho trời sáng rõ, ông nhảy xuống hồ rồi kêu lên:

- Cứu tôi với! Tôi là khách từ xa tới!

Nghe thấy tiếng kêu cứu, cô con gái quốc vương vội sai đầy tớ ra cứu người bị nạn đưa vào cung. Sau khi được tắm rửa, ăn uống xong, người bị nạn vừa rồi mới đòi gặp con gái quốc vương. Khi cô con gái quốc vương tới, người khách lạ mới nói:

- Thưa công nương! Tôi từ thế giới bên kia tới đây và có đem bức thư mà người bác của công nương nhờ tôi chuyển tới tận tay công nương.

Con gái quốc vương nhận thư mở ra đọc. Thư viết: "Cháu yêu của bác! Bác sống ở đây, trong vương quốc của người chết, không đến nổi nào. Tất cả họ hàng nhà ta đều mạnh khỏe. Bác chỉ có một nỗi khổ là đã phải vay của người ta quá nhiều tiền mà không có gì trả. Nếu cháu có, cháu gửi cho người mang thư này tới cho bác hai nghìn Rupì. Hãy nhớ đến bác nhé. Bác của cháu".

Đọc xong bức thư, con gái quốc vương oà khóc và sai đầy tớ mở hòm, tủ lấy hai nghìn Rupì và nhiều quần áo ra gói vào một gói để gửi cho ông bác. Nàng còn viết cho người quá cố một bức thư có nội dung như sau: "Cháu chào bác! Cháu đã nhận được thư của bác. Cháu rất mừng vì bác khỏe. Cháu gửi qua người đưa thư cho bác hai nghìn Rupì và một ít quần áo. Chúc bác khỏe. Cháu gái của bác".

Sau khi nhận tiền và thư của con gái quốc vương, ông chồng cảm thấy không cần phải gửi nốt ba bức thư kia và quyết định trở về nhà. Vừa đi ông vừa nghĩ: "Chà,

không chỉ vợ ta, mà trên thế gian này sao nhiều kẻ ngu thế không biết".

Đoán là thế nào cũng sẽ bị đuổi theo, ông chồng đi rất vội. Qua khỏi cánh rừng, tới một cánh đồng, ông nhìn thấy một cụ già đang cày ruộng. Ông tới bên cụ già và hỏi:

- Này cụ ơi! Cụ không biết có tin gì mới à?

Ông cụ thật thà đáp:

- Không, thế có chuyện gì vậy?

Người khách lạ bèn nói:

- Cụ ơi! Quốc vương vừa ra lệnh bắt các cụ già nông thôn làm lễ tế thần nhân dịp xây lâu đài mới. Thấy cụ là người hiền lành, nên tôi muốn giúp cụ. Cụ hãy cởi quần áo của cụ, mặc quần áo của tôi vào rồi trèo ngay lên cây cọ kia xem có ai tới hay không.

Ông cụ tưởng thật, làm đúng theo lời người khách lạ.

*

Sau khi người đưa thư vừa đi khỏi thì chồng của con gái quốc vương về. Thấy vợ có vẻ lo lắng, người chồng hỏi:

- Có chuyện gì vậy em!

Con gái quốc vương kể lại câu chuyện nhận được bức thư của ông bác ở thế giới bên kia ra sao cho chồng nghe. Nghe xong, người chồng tức giận nói:

- Cô điên hay sao? Cô hãy nói ngay, người kia đi về hướng nào?

Con gái quốc vương đáp:

- Ông ta đi theo con đường tới rừng.

Lập tức, người chồng lên ngựa để đuổi theo kẻ lừa đảo kia. Trước khi lên đường, người chồng nói với vợ:

- Nếu mọi chuyện đúng như cô nói thì cô còn là vợ tôi. Còn nếu không đúng như vậy thì cô sẽ không còn là vợ tôi nữa.

Người chồng con gái quốc vương phóng ngựa như bay băng qua rừng. Cụ già nông dân ngồi trên cây cọ thấy có người tới kêu to lên:

-Tôi thấy rồi, có ai đang phi ngựa tới.

Người khách lạ, giả làm người nông dân nói:

- Cụ thấy tôi nói có đúng không?

Tới khu ruộng, chồng của con gái quốc vương xuống ngựa, đi tới chỗ người nông dân và hỏi:

- Ông có thấy ai đeo túi đi qua đây không?

Người nông dân giả trả lời:

- Dạ, không! Nhưng ngài có thấy người ngồi trên cây cọ kia không. Ông ấy vừa từ thành phố tới đây. Tôi có hỏi tại sao ông lại trèo lên cây, ông ấy bảo là vì sợ. Có thể chính ông ta là người mà ngài cần tìm chăng?

Con rể quốc vương nói với người nông dân giả:

- Ông có thể trèo lên cây cọ kia được không?

- Thưa ngài! Tôi không trèo được đâu.

Tức mình, anh chàng con rể quốc vương cởi hết cân, đai, mũ, kiếm đưa cho ông nông dân giả giữ hộ rồi leo lên cây. Vừa leo, anh chàng vừa hét:

- Đồ chết toi, ta sẽ cho mày biết tay.

Nghĩ là người kia là lính của quốc vương muốn giết mình, cụ già nông dân cũng tức giận nói:

- Mày cứ lên đây, tao sẽ cắt cổ mày bằng cái liềm của tao.

Trong khi đó, người nông dân kia đang hoảng lên ngựa phóng đi mang theo tất cả quần áo, mũ, gươm của chàng rể quốc vương. Nhìn thấy thế, cụ già nói:

- Này quan lớn! Quan hãy nhìn xuống dưới mà xem.

Chàng rể quốc vương vội tụt xuống, nhưng không kịp nữa rồi. Chàng gọi ông già xuống. Ông cụ nói chàng trai phải hứa là không giết mình thì mới xuống, chàng trai hứa và cụ già tụt xuống. Chàng rể của quốc vương hỏi cụ già về người kia. Cụ già kể lại đầu đuôi câu chuyện cho chàng nghe và chàng cũng kể cho cụ già nghe chuyện vợ mình bị lừa ra sao. Hai người ôm bụng cười ngất. Cụ già hỏi chàng trai:

- Thế giờ anh tính sao?

Chàng rể quốc vương đáp:

- Còn sao nữa hả cụ! Cháu sẽ nói với vợ cháu là đã gặp người đưa thư, đã biết mọi chuyện đều là thật và đã cho người đưa thư đó áo quần, mũ, kiếm và con ngựa để người đó đi cho nhanh tới nhà.

Còn ông chồng kia, sau khi lấy được ngựa, đã phóng thẳng một mạch về quê mình. Tới nhà, ông gặp vợ và nói:

- Tôi đã thấy một người đàn bà đại ngu. Bà ấy còn ngu hơn bà nhiều. Thế nhưng, dù sao thì từ nay, mỗi khi có mơ mộng gì thì phải nói với tôi nhé.

Từ đó hai vợ chồng lại sống đầm ấm, thuận hòa và sung túc hơn xưa.

82. SAI CHỒNG ĐI TÌM SỮA TRÂU

(Dân tộc Etiôpia)

Có một người nông dân cần cù và tốt bụng. Một hôm vợ anh ta cùng người bạn tình bày ra một mẹo. Người vợ nói với chồng:

- Minh ơi! Tôi bị đau mắt. Người ta nói rằng chỉ có sữa trâu mới chữa được mắt tôi. Minh đi kiếm sữa trâu về cho tôi nhé.

Người chồng tốt bụng kia tin là thật và lên đường đi tìm sữa trâu về chữa mắt cho vợ. Trên đường, người chồng gặp một vị tu sĩ. Vị đạo sĩ hỏi:

- Anh đi đâu đấy. Con trai của ta!

Người nông dân đáp:

- Vợ con nói rằng cô ấy bị đau mắt và chỉ có sữa trâu mới chữa được. Con đang trên đường đi tìm sữa trâu về chữa mắt cho vợ.

Vị tu sĩ lập tức hiểu ra đây là mưu mẹo của cô vợ kia và quyết định giúp anh chồng tốt bụng. Ông nói:

- Khỏi phải đi đâu cả! Ta cùng con trở về nhà con và ta sẽ mách con thuốc chữa bệnh cho vợ.

Người nông dân mừng rỡ nói:

- Thế thì thật là may cho con. Nhưng, từ đây tới nhà con đường xa lắm.

Hai người lên đường. Khi tới gần nhà người nông dân, vị tu sĩ nói:

- Hãy đợi một lát!

Nói xong, vị tu sĩ bảo anh chồng chui vào cái tải bằng da rồi vác chiếc bao tải đi thẳng tới nhà người nông dân. Gặp cô vợ người nông dân, vị tu sĩ nói:

- Xin cô làm ơn cho tôi nghỉ qua đêm.

Người phụ nữ đơn dả mời vị tu sĩ vào nhà và hỏi:

- Bố có khỏe không? Bố vác cái tải gì vậy?

- Đồ của nhà thờ ấy mà.

Khi đưa vào trong nhà, vị tu sĩ nói với bà chủ:

- Xin cô đừng có thắp đèn vì tôi sợ kẻ trộm nhìn thấy rồi lấy trộm những đồ quý của tôi.

Người phụ nữ lấy thức ăn dành cho người tình ra đãi khách. Vị thầy tu mở chiếc bao tải và cùng người nông dân ăn bữa cơm tối trong bóng tối.

Sau bữa cơm, người phụ nữ yêu cầu vị tu sĩ:

- Cha ơi! Chúng ta cùng hát đi.

- Được, con gái ạ! con mở đầu đi.

Người phụ nữ bắt đầu hát và vị thầy tu hát theo. Không khí thật vui vẻ. Khuya hôm đó, khi vị thầy tu đã vào phòng ngủ, người phụ nữ gọi người tình tới ngủ với mình. Đợi cho đôi tình nhân ngủ say, anh chồng mới lén ra chặt đầu người tình của vợ mình. Anh ném cái đầu vào hũ rượu rồi bỏ đi ra khỏi nhà. Sáng hôm sau, tỉnh dậy thấy người bạn tình mất đầu, người phụ nữ sợ hãi kêu lên:

- Đức cha ơi! đêm qua người này ngủ với con hãy còn sống, thế mà giờ đã mất đầu rồi.

- Biết làm thế nào được? Con hãy đem chôn cái xác kia đi để nó về với cái đầu của nó. - Vị tu sĩ đáp.

Để không ai biết việc này, người phụ nữ đem xác người tình vùi vào đồng rác.

Lúc tỉnh dậy, thấy cái bao rỗng, vị tu sĩ nói với người phụ nữ:

- Tôi mất hết đồ thờ rồi! Có phải cô lấy không?

- Con không lấy! Nhưng con sẽ đền cha. - Người phụ nữ nói và lấy hết tiền của ra đền cho vị tu sĩ. Vị tu sĩ cho số tiền đó vào bao rồi xin phép chủ nhà đi tiếp.

Ngày hôm sau, người chồng mới trở về. Vừa tới nhà, người chồng hỏi luôn:

- Mình cảm thấy thế nào rồi?

- Hôm nay có đỡ hơn! - Người vợ đáp rồi đem bát ra rửa.

Đột nhiên cái bát lên tiếng:

- Bà vùi xác chết ở đồng rác. Bà hãy nhìn vào bình rượu mà xem cái gì ở đó.

Người phụ nữ mở bình rượu ra và thấy cái đầu người tình ở đó. Bà ta sợ quá chạy ra đồng rác bới cái xác không đầu lên. Người chồng thấy thế, nói với vợ.

- Chúng ta phải đem cái xác ném xuống vực.

Khi hai người tới bên bờ vực, người chồng nói:

- Cô nên đi theo người tình của mình cho có đôi.

Nói xong, người chồng đẩy vợ rơi xuống vực rồi ném cái xác xuống.

Ai sống bằng mưu mô sẽ chết bằng chính mưu mô mà mình bày đặt ra.

83. KẺ KEO KIỆT KHÔN NGOAN

(Dân tộc Xômali)

Xưa kia có một người keo kiệt nhưng rất khôn ngoan. Anh ta không hề cho ai gì cả, thế nhưng lại không hề từ chối khi người khác cho mình. Chẳng mấy chốc mà tiếng đồn về kẻ keo iệt này đã bay ra khắp nơi.

Bốn vị thầy tu quyết định tới gặp kẻ keo kiệt đó để xem thực hư ra sao. Tới nơi, việc đầu tiên mà bốn vị thầy tu làm là hỏi:

- Có phải ông chính là người mà mọi người đồn đại không?

Kẻ keo kiệt đáp:

- Chả nhẽ các ông lại tin những lời nói xấu về tôi ư? Các ông cứ hỏi xin bất cứ thứ gì rồi các ông sẽ thấy tôi không tiếc các ông một thứ gì cả.

Các vị thầy tu nhìn nhau và nghĩ: "Chắc là mọi người nói oan cho anh ta thôi!"

Kẻ keo kiệt gọi người vợ vốn hiểu chồng ngay từ nửa lời nói và nói:

- Mình đem da chó trải trên giường bỏ đi cho khách nghỉ.

Người vợ làm theo lời chồng. Còn bốn người khách thì cứ nhìn nhau không biết nói gì. Người chồng lại gọi vợ ra bảo:

- Mình lấy lông lạc đà rửa cái nồi "đáy bẩn".

Khi vợ rửa nồi xong, người chồng sai tiếp:

- Mình đem con bò cái mà tôi lấy trộm của nhà trẻ mồ côi ra biếu khách.

Nghe đến đây, bốn vị khách hốt hoảng vùng chạy khỏi nhà và hét lên:

- Hãy rút đi, đồ chó! Chúng ta không thể xin được gì của mày.

Ông chủ nhà keo kiệt đuổi theo và gọi:

- Các ông ơi! Sao lại vội đi thế! Các ông không thấy tôi hiếu khách sao?

84. AN-SI-GE KA-RAM-BA HÁU ĐÓI

(Dân tộc Karamba)

Tại đất nước nằm giữa Xê-nê-gan và Gam-bi-a, tại làng Mua-ku có một người tên là An-si-ge Ka-ram-ba. Nhờ tài sản của cha mà An-si-ge nổi tiếng là một người giàu có nhưng tham lam và keo kiệt. Ngoài ra, An-si-ge còn có một tính xấu nữa là háu ăn.

Trong nhà An-si-ge có rất nhiều đày tớ, nhưng bao giờ ông chủ cũng không hài lòng và luôn mắng chửi vợ và đày tớ. Không chịu nổi tính keo kiệt và luôn chửi mắng của chồng, Pa-ma - vợ của An-si-ge quyết định không ở lại nhà chồng nữa. Bà nói với chồng:

- Tôi về quê ngoại thăm cha đây.

Sau khi vợ đi, mọi việc trong nhà trở nên tồi tệ: bữa ăn không được ngon, đày tớ chảnh mắng... Cảm thấy không thể thiếu vợ được, An-si-ge lên đường đến nhà bố vợ đón vợ về.

Theo phong tục, khi con rể tới thăm, ông bố vợ giết cả một con dê để thết đãi. Nhìn thấy con dê đang thui, An-si-ge quên hết cả mọi thứ trên đời và ôm luôn cả con dê chạy ra ngoài đồng ăn một mình. Anh chàng ăn ngốn, ăn ngấu vì sợ người khác tới ăn mất phần. Ăn hết cả một con dê rồi mà An-si-ge vẫn cảm thấy chưa no bụng. Nhìn thấy một con cừu cái lớn đang gặm cỏ, chàng chạy tới bắt giết rồi đem thui.

Khi chồng đi khỏi làng được một lúc thì Pa-ma bắt đầu lo lắng nghĩ: "Mình phải đi xem có chuyện gì xảy ra với tính tham ăn của anh ta không". Và nàng vội chạy ngay ra đồng. Tới nơi, Pa-ma thấy chồng đang chuẩn bị nướng con cừu chứ không phải con dê. Nàng hét to:

- Đừng có ăn vội, đó là con cừu của tù trưởng đấy!

An-si-ge nổi cáu với vợ:

- Cô biết tính tôi rồi đấy, đừng có cản tôi. Con dê mà bố cô cho tôi, tôi đã ăn hết rồi, nhưng vẫn đói. Tôi phải bắt thịt con cừu này để ăn thêm cho no.

Cô vợ quát lại:

- Anh có biết điều gì sẽ xảy ra không? Tù trưởng sẽ trừng phạt anh về tội này. Nhưng dù sao thì tôi cũng sẽ giúp anh thoát khỏi tai họa này.

Nàng bảo chồng đem con cừu đã bị giết đến chỗ buộc con ngựa chưa dùng để cưới của vị tù trưởng. Họ đặt xác con cừu bên cạnh con ngựa rồi trở về làng. Pa-ma tìm đến gặp vị tù trưởng báo tin rằng là nàng nhìn thấy con cừu đến nằm cạnh con ngựa. Vị tù trưởng lập tức sai đầy tớ đi xem thực hư ra sao. Những người đầy tớ trở về báo:

- Đúng là con cừu đã đến chỗ con ngựa và bị con ngựa giết chết rồi. Thật là bất hạnh!

Ngày hôm sau, Pa-ma nói với bố:

- Bố ạ! Con biết là chồng con phải tới đây là vì đói. Con không biết làm thế nào để cho anh ấy hết đói đây? Bố khuyên con phải làm gì.

Ông bố khuyên:

- Sao con không nướng ngô cho nó ăn? Bố nghe nói ăn ngô đỡ đói lắm đấy.

Nghe lời bố Pa-ma ra ruộng bẻ đầy một gùi ngô non đủ cho hai chục người ăn đem về. Thế mà An-si-ge ăn hết cả gùi ngô mà vẫn thèm. Chàng ra ruộng bẻ một ôm bắp ngô to. Khi chàng trở về thì trời đã tối. Vì không nhìn rõ đường, An-si-ge rơi xuống một cái giếng.

Đợi mãi không thấy chồng về, Pa-ma đốt đuốc đi tìm. Tới chỗ cái giếng, nàng nghe thấy có tiếng kêu cứu. Pa-ma nhìn xuống và thấy chồng mình đang chơi với cùng với những bắp ngô nổi lềnh bềnh trên mặt giếng. Đoán được việc chồng đã làm, Pa-ma bèn nghĩ cách cứu chồng. "Mình phải làm sao xóa dấu vết bắp ngô trộm của chồng và phải gọi người kéo chồng mình lên khỏi giếng". Nàng bèn chạy ra chỗ nhốt bò của làng, mở cửa và xua tất cả đàn bò ra ruộng ngô. Đợi cho đàn bò phá trụi hết khu ruộng ngô, nàng mới kêu ầm lên. Nghe thấy tiếng kêu, dân làng chạy ra hỏi Pa-ma:

- Có chuyện gì vậy?

- Thật là đại họa - Pa-ma đáp, - nhìn thấy đàn bò phá ruộng ngô, chồng tôi vừa cố đuổi chúng đi, vừa cố nhặt hết những bắp ngô bị rơi vãi trên ruộng. Vì không quen đường, chồng tôi đã bị rơi xuống giếng.

Mọi người an ủi:

- Cô đừng lo, chúng tôi sẽ kéo anh ấy lên khỏi giếng.

Mọi người tỏa đi lừa bò về và kéo An-si-ge ra khỏi giếng. Vừa đi khỏi giếng, An-si-ge đã chạy vội về nhà bố vợ kiếm cái gì để ăn.

Ngày hôm sau, ông bố nói với con gái:

- Hôm nay con phải làm một món gì đó thật ngon mà chồng con thích nhất.

Pa-ma bèn lấy bột làm một ổ bánh nướng đủ cho hai chục người ăn. Thế mà An-si-ge chỉ ăn một loáng là hết sạch. Vẫn cảm thấy đói, chàng mò ra cối giã bột vét bột ăn tiếp. Vì cái cối quá sâu, nên An-si-ge bị kẹt luôn đầu trong đó, không rút ra được.

Đợi cho chồng ăn xong, Pa-ma ra dọn, nhưng không thấy chồng đâu. Nhìn quanh, thấy chồng mình mắc kẹt trong cối giã bột. Một lần nữa, nàng phải nghĩ mẹo cứu chồng. Nàng kêu lên gọi mọi người. Khi mọi người tới, nàng vờ đau khổ giải bày:

- Khổ quá đi mất! Tất cả đều là do tôi hết! Tôi nói là đầu chồng tôi rất to, còn anh ấy thì lại bảo đầu anh ấy không to. Tôi bèn bảo đầu chồng tôi to hơn cái cối. Thế là anh ấy đút đầu vào cối để thử và bị kẹt như thế này đây. Thật là khổ, tất cả đều do tôi gây ra cả.

- Không sao đâu! - Mọi người an ủi và dùng rìu bổ vỡ cái cối để giải phóng cho An-si-ge.

- Quả thật, đầu chồng cô quá to. - Mọi người công nhận.

Sau việc trên, An-si-ge cảm thấy ngượng và vội vã khăn gói trở về làng Ma-ku của mình. Về tới nhà, anh chàng mới nhớ là đã quên không đưa vợ về. Lập tức, chàng sai đầy tớ đi đón bà chủ.

85. ANH CHÀNG ĐỘC THÂN LẤY VỢ KHỈ

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa trong làng nọ có một anh chàng độc thân bị cả làng ghét bỏ. Anh chưa bao giờ được đàn bà - con gái chiếu cố đến. Một hôm, anh đi vào rừng khóc than cho nỗi bất hạnh của mình. Chợt có một khỉ cái đi tới, hỏi nguyên nhân làm sao mà than khóc thảm thiết như vậy. Khi đã rõ nguyên nhân chàng trai đau đớn, khỉ cái bèn biến thành một người đàn bà đẹp⁽¹⁾. Anh chàng sướng mê lên, ngỏ lời hỏi nó làm vợ⁽²⁾. Người đàn bà - khỉ bằng lòng, với điều kiện là anh ta không bao giờ để lộ được điều bí mật của mình ra. Anh chàng xin hứa.

Đám cưới được tổ chức không bao lâu sau đó. Người vợ làm việc nội trợ cũng giỏi. Nhưng đã quen thói, làm sao mà bỏ được! Mỗi khi đi ra sông lấy nước, người đàn bà khỉ lại khoác bộ da khỉ vào treo lên cây hái quả.

Nhưng rồi bà mẹ chồng bắt chợt nhận ra con dâu mình cứ biến hóa như thế. Tất nhiên bà ta không giữ miệng được, tin cứ thế mà lan đi khắp làng.

Lòng đầy hổ thẹn, người đàn bà - khỉ bèn quay về khu rừng cũ, không bao giờ trở lại nữa.

(1) Về quan niệm "quan hệ bà con" giữa các loài khỉ - vượn và loài người, xem lại chú thích 2 dưới tích 10.

- (2) Qua lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la), ta biết rằng nếu xã hội Kô-nô đặt người đàn bà không con vào một vị trí thấp kém (xem lại chú thích dưới tích), thì người đàn ông độc thân trong xã hội ấy bị xem là một "cá nhân bất thường, thậm chí đáng ghét". Vẫn theo người sưu tầm, hôn nhân có thể được coi là một "lễ nhập môn", mà là "lễ nhập môn cao đẳng": không được lấy vợ, người thanh niên, dù đã qua "lễ nhập môn", vẫn không thể trở nên "thành viên đầy đủ tư cách của xã hội người lớn", không thể "tham gia một cách tích cực vào công việc chung". Cho nên, B.Hô-la nói tiếp không có gì lạ nếu người ấy phải "tìm bạn đường bằng bất cứ giá nào, dù cho bạn đường là một ... con khỉ".

86. NGUỒN GỐC LOÀI TINH TINH

(Tộc người Kô-nô)

Một đôi vợ chồng ăn ở với nhau mãi mà chẳng con cái gì. Tuyệt vọng, một hôm họ tìm đến một thầy bói xin thầy cứu chữa. Thầy bói báo cho họ biết trước rằng họ sẽ có con trai nhưng suốt đời đứa con ấy không bao giờ được dẫm chân lên đá.

Lời tiên đoán của thầy thành sự thực. Ngay từ nhỏ, thằng bé đã trở thành một người đánh trống tuyệt vời. Một hôm làng bên có đám tang, chú được mời tới dự cùng với các nhạc công khác. Bố mẹ chú luôn ghi nhớ lời dặn của thầy bói nên đã nói trước cho những người cùng đi biết nổi nguy đe dọa con trai họ, nếu họ không tuân điều cấm kỵ.

Lễ đang ở lúc cao điểm, một đứa trong đám bạn nhỏ của chú đến mời chú ngồi lên lưng nó để nó kiệu đi, hứa sẽ không làm cho chú ngã xuống đất.

Mải chơi, cả bọn leo tới tận một hòn núi lớn. Đến đây, thằng bé làm hiệu đã quá mệt, nó đặt cả khối nặng trên lưng xuống một tảng đá để nghỉ. Vừa tụt xuống, chú đã thụt sâu xuống đất tới tận cổ, không làm sao lên được nữa. Đám bạn chơi vội chạy tới, chúng chỉ còn thấy chòm đầu chú là là mặt đất nữa thôi. Khủng khiếp trước tai nạn do chúng gây nên, bọn trẻ trốn biệt vào rừng, không bao giờ trở về làng nữa.

Những con vật ngày nay ta gọi là ô-rô-g'ba-hô (tinh tinh)⁽¹⁾ chính là lữ trẻ ấy đấy⁽²⁾.

(1) Nhắc lại: một loài vượn lớn Phi Châu.

(2) Qua lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) cho biết rằng, dưới mắt người Kô-nô, các loài vượn lớn đều "ít nhiều có quan hệ họ hàng" với loài người; hơn thế nữa, linh hồn những kẻ địch bị giết trong chiến tranh có khi biến thành tinh tinh.

Về mặt này, có thể nhắc lại rằng kho văn học dân gian của nhiều tộc người ở nước ta thỉnh thoảng cũng phản ánh một quan niệm tương tự: chuyện đười ươi cầm tay con người bị nó bắt được, rồi cứ nhìn mặt trời mà cười cho đến khi mặt trời lặn, do người Việt kể; nhân vật "Chí Cáp nong" (Bác Đười Ưoi) trong chuyện "Đẻ đất đẻ nước" của người Mường...

87. NGƯỜI NGHIỆN THUỐC LÁ, NGƯỜI THỢ SĂN VÀ VỊ THẦN

(Tộc người Kô-nô)

Một người thợ săn sống ở đầu này thế gian. Anh thiếu thuốc súng.

Ở đầu kia thế gian, có một người khác lại thiếu thuốc hút.

Rồi một hôm hai người lên đường đi đổi cho nhau những thứ họ có. Mỗi người đi được nửa đoạn đường thì họ gặp nhau, kết thành đôi bạn.

Họ dựng một túp lều trong góc rừng, chung sống với nhau trong lều từ buổi đó.

Một hôm, người thợ săn bảo người nghiện thuốc đi lấy nước. Anh này từ chối: "Không đi được, tôi đang ngậm thuốc trong miệng".

Nhưng khi cơm đã dọn ra thì người nghiện thuốc cứ ăn, như chẳng có việc gì xảy ra cả⁽¹⁾.

Người thợ săn tức điên lên, bắn một phát chết tươi bạn mình.

Cùng lúc đó, một vị Thần đang nấp trong bóng tối của căn lều. Thần đến gần chỗ đặt thức ăn, bỏ thuốc độc vào đấy.

Không bao lâu sau, đến lượt người thợ săn lăn ra chết⁽²⁾.

Hãy nghĩ kỹ đi, rồi bảo cho tôi biết ai là kẻ phạm tội chính: Người nghiện thuốc, người thợ săn, hay vị thần?⁽³⁾

-
- (1) Thế là anh chàng Nghiện đã nói dối để khỏi phải làm việc (đi lấy nước): anh bảo bạn rằng anh đang ngậm thuốc trong mồm (vì có loại thuốc nhai, chứ không hút), thế mà anh vẫn ăn com được như thường.
 - (2) Qua lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) nhận xét rằng sự can thiệp của vị thần vào mâu thuẫn giữa hai người bạn là một "thủ thuật cần thiết để xây dựng nên vấn đề đạo lý" phải giải quyết. Quả vậy, nếu người thợ săn không bị vị thần giết chết (như anh ta đã giết bạn), thì tội lỗi của anh ta đã quá rõ, người kể chẳng có gì để đem ra đổ những người nghe.
 - (3) Vẫn theo lời của người sưu tầm, thì, đối với những tiêu chuẩn thông thường của đạo lý Kô-nô, vị Thần mà bỏ thuốc độc cho kẻ đã giết người có thể được xem như nhân vật cầm cân công lý (trị tội kẻ đã phạm tội), nhưng cũng có thể bị xem như một kẻ phạm tội (giết người vì một chuyện chẳng liên quan gì đến mình). Mà có thể thì mới có chuyện để đem ra đổ.

88. BA PHÁI VIÊN CỦA THỦ LĨNH

(Tộc người Hausa)

Một hôm, một thủ lĩnh phái Nhện, Ruồi Xê xê⁽¹⁾ và *Đin-ghe* (một loài lợn rừng⁽²⁾) tới nhà một thần dân giàu có của ông để đòi lại con bò mà trước đây ông đã giao cho bố người ấy chăn nuôi, hỏi ông bố còn sống.

Đường xa tấp. Sau bao ngày đi bộ, ba phái viên dùng chân trước một dòng sông rộng. Để vượt sông, Nhện giăng dây đưa các bạn qua.

Rồi tới một ngọn núi cao chắn ngang đường. Thế là *Đin-ghe* đào một lỗ xuyên qua núi. Không bao lâu sau, cả ba đã đến phía bên kia.

Cuối cùng họ cũng tới nơi.

Họ đến gặp người nhà giàu, báo cho hắn biết lý do khiến họ tới đây.

Nhưng hắn ta không chỉ giàu có, mà còn keo kiệt nữa. Hắn tìm cách mời ba phái viên ăn một bữa ăn có bỏ thuốc độc.

Song vì Ruồi bị mùi thức ăn trong bếp quấy rầy, nên nó bất chợt thấy được mụ đầu bếp đang bỏ thuốc độc vào thức ăn. Và nó báo ngay cho các bạn biết. Thế là cả ba từ chối không ăn lấy có không đói.

Sáng hôm sau, Ruồi Xê-xê nhận ra con bò của chủ mình. Nó dùng vòi châm mà xua bò ra khỏi đàn.

Không chậm trễ, cả ba lên đường về, dắt bò theo.

Gã nhà giàu ra lệnh cho đám chăn bò đuổi theo những kẻ chạy trốn. Không bao lâu sau, bọn chúng đã đuổi kịp bộ ba, bao vây họ lại.

Để thoát khỏi vây, *Din-ghe*, một lần nữa, lại đào một con đường ngầm dưới đất, nhờ đó mà Nhện, Ruồi, Lợn và Bò về được tận nhà thủ lĩnh.

Thấy công việc mình giao đã được hoàn thành tốt đẹp đến như vậy, thủ lĩnh, để khao thưởng ba phái viên trung thành của mình, cho hạ bò, làm tiệc lớn.

Nhưng phái viên nào cũng đòi đuôi bò về phần mình⁽³⁾. Nên cho ai đây?

-
- (1) Loài ruồi đặc biệt ở châu Phi, có khả năng truyền bệnh ngủ (người mắc bệnh cứ ngủ mãi, rồi chết.)
 - (2) Loài lợn hoang sống trên đồng cỏ Tây Phi, tai dài như tai lừa, hai cẳng sau thì ngắn nhưng lại có vuốt dài (do đó mà người bản địa gọi hai chân là "tay"), dùng "tay" đào được đường ngầm dài dưới đất để di chuyển trên những chặng đường dài (theo lời chú giải của người suu tầm, B.Hô-la).
 - (3) Đuôi bò được người Kô-nô và nhiều tộc khác ở Tây Phi sử dụng trong nhiều trường hợp; để đuổi ruồi; làm biểu tượng cho người già; làm biểu trưng cho người có chức phận trong xã hội; trong một số nghi lễ tôn giáo. Ở đây, ba con vật đều đòi đuôi bò, vì con nào cũng tự xem mình là xứng đáng nhất, có công nhất (theo lời chú giải của người suu tầm).

89. HAI TAY HÁU ĂN

(Tộc người Hausa)

Hai anh em Phê-nê-ông và Phe-ne-ông, cùng sống trên đỉnh núi Nim-ba.

Một hôm cả hai cùng đi săn, mang về hai con bò to.

"Bây giờ thì chúng ta có cái để mà chén rồi", hai chàng háu ăn bảo nhau rồi bắt tay vào xẻ thịt bò.

Thịt quay tròn rồi, Phê-nê-ông bảo em: "Chú đi tìm nước uống đi". Vì là em, nên Phe-ne-ông chỉ có vâng lời: vui lòng hay không, chàng ta cứ là lên đường vào con suối ở trong khe núi sâu.

Nhưng đáng lẽ bước đi như mọi người, thì Phe-ne-ông cứ lo ông anh xoi hết thịt khi mình vắng nhà, nên xuống dốc mà chàng ta lại đi giật lùi.

"Đi như thế này thì mình nhìn thấy tất", chàng tự bảo.

Vừa mới dứt lời, chàng ta rơi tòm xuống một vực sâu, chết ngay tắp lự.

Còn Phê-nê-ông thì lợi dụng số phận rủi ro của em, xông vào chén một mình, tự bảo: "Giờ thì ta ăn cả".

Hắn chưa kịp ăn hết một nửa, bụng đã nổ tung.

Hai anh em, đứa nào háu ăn nhất?

90. BA CHÀNG PHÙ THỦY

(Tộc người Kô-nô)

Ba thầy phù thủy trẻ cùng sống trong một làng. Chủ làng rất ganh ghét tiếng tăm ngày càng vang dội của ba chàng trai, tìm cách gạt họ đi.

Cuối cùng, dịp đó đã đến, và ba chàng trai phải rời bỏ mái nhà chung.

Song họ mang bùa theo: người thứ nhất mang theo cái gương, người thứ hai tấm thảm bay⁽¹⁾, người thứ ba một đuôi bò.

Cái duy nhất họ không thể mang theo là một cô gái trẻ mà cả ba đều theo đuổi.

Tối một hôm, trên đường du hành qua xứ sở, người thứ nhất trong bọn đem gương thần ra chất vấn. Chàng bảo hai người kia: "Vị hôn thê của chúng ta ồm nặng lắm, không bao lâu nữa thì chết".

Thế là người thứ hai trải thảm ra, mời hai bạn ngồi lên. Chỉ trong nháy mắt họ đã có mặt giữa nơi chôn rau cắt rốn.

Cả ba vội lao tới ngôi nhà cô gái đang nằm.

Đúng lúc đó, người thứ ba nắm lấy đuôi bò, đập ba lần vào thi thể đã cứng đờ của người con gái. Cô ta mở mắt ra, đứng dậy cảm ơn những người đã cứu mình.

Trong số ba vị phù thủy, ai làm được phép thần diệu nhất⁽²⁾?

-
- (1) Ảnh hưởng Ả Rập (tắm tắm bay trong Một nghìn lẻ một đêm).
(2) Một câu đố "hoàn chỉnh", vì "không có đáp số" (theo nhận xét của người sưu tầm, B.Hô-la, qua lời chú giải).

91. ANH THỢ SẴN VÀ HAI NGƯỜI PHỤ NỮ CÔ ĐƠN

(Tộc người Kô-nô)

Cũng một dòng nước ấy, có hai người đàn bà sống trên bờ: một người ở đầu nguồn, người kia ở cửa sông.

Suốt đời họ, hai người chưa hề gặp nhau. Người ở đầu nguồn chỉ ăn cơm sông mà sống, còn người ở cửa sông chỉ dùng nước gia vị⁽¹⁾. Rồi đến một ngày kia hai người cũng gặp nhau. Họ nấu một bữa ăn chung, một người góp cơm, người kia chan nước gia vị vào cơm.

"Đây là bữa cơm ngon lành nhất tôi được ăn từ trước đến giờ", người thứ nhất bảo thế.

"Đây là bữa cơm tuyệt vời nhất đời tôi", người kia nhận thêm.

Đúng giữa lúc đó một người thợ săn đi qua. Anh chào hai người, rồi bắt chuyện.

Thế là họ mời anh thợ săn cùng ăn với họ: người thứ nhất lấy trong nồi ra một nắm cơm có chan nước gia vị, để người thứ hai đưa cho anh thợ săn.

Trong hai người, ai có công hơn?⁽²⁾

(1) Để dễ quan niệm, có thể nói theo lối ta: Một người chỉ ăn cơm, người kia chỉ ăn thức ăn.

(2) Lại một câu đố "hoàn chỉnh", vì "không có lời đáp" (vẫn theo nhận xét của người sưu tầm, B.Hô-la, qua lời chú giải).

92. NGƯỜI ĐÀN ÔNG, BA NGƯỜI ĐÀN BÀ VÀ CON CÁ SẤU

(Tộc người Kô-nô)

Một người đi cùng với vợ, mẹ và mẹ vợ từ Bốt-xu tới Xô-rô-mi-an-ta.

Đang mùa lũ, phải dùng thuyền độc mộc để qua sông.

Cả bốn người đang ở giữa dòng, thì một con cá sấu lớn chặn thuyền lại, trèo lên thuyền cùng họ.

"Ta sẽ để cho anh đi, cá sấu bảo người đàn ông, nhưng anh phải cho ta một trong ba người đàn bà này."

Nếu các bạn ở vào địa vị của người đàn ông ấy, thì bạn xử sự như thế nào?⁽¹⁾

(1) Nhận xét của người sưu tầm (B.Hô-la), qua lời chú giải: "Làm sao đây? Nên cho cá sấu ăn thịt vợ, mẹ, hay mẹ vợ? Lần này thì cách giải quyết, theo ý của chúng tôi, sẽ phụ thuộc vào những điều kiện thuần túy cá nhân...".

TRUYỆN LOÀI VẬT

93. ĐÚA CON TRÂU

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa, trong một làng ở xứ Kô-nô có một người đàn bà không con. Bà luôn than vãn vì số phận hẩm hiu của mình. Tìm đủ mọi cách chống lại vận hạn, bà đi hỏi các thầy bói nổi tiếng nhất về việc này, nhưng chẳng được gì. Còn các vị thần đã giáng trừng phạt lên bà cũng đều làm ngơ, không thương xót⁽¹⁾.

Một hôm, đi một mình trong rừng, bà thấy một đàn trâu đang gặm cỏ trên một khoảng trống giữa rừng. Một con đẹp nhất, đứng tách khỏi đàn.

Xiêu lòng trước bộ lông rộng phủ lên thân con vật và đôi sừng đẹp, bà bèn bảo trâu: "Ta là một người đàn bà khốn khổ không con không cái. Con mà biến thành một đứa con trai xinh xắn về làm con ta thì ta sướng ới là sướng⁽²⁾."

Trâu nhận lời suy nghĩ kỹ chuyện đó và hẹn bà hôm sau trở lại chốn này thì nó sẽ trả lời.

Người đàn bà làm đúng lời trâu dặn, bà đến đúng hẹn. Trâu trả lời đồng ý, chỉ đặt ra mỗi một điều kiện: Con sẽ là con của mẹ, con cứ làm con của mẹ mãi chừng nào mẹ không nhắc tới tên của con, tên Lan (Trâu).

Lòng tràn ngập vui sướng, người đàn bà hứa với trâu là sẽ giữ lời. Trâu hóa thành một chàng trai đẹp, theo bà về làng.

Hai mẹ con vừa về tới nơi, người đàn bà vội chạy đi tìm mẹ mình lúc đó đang làm đồng, báo ngay cho mẹ biết nỗi vui sướng của mình, xin mẹ giữ bí mật tên gọi đứa con nuôi.

Thời ấy trong làng có một hội những trai trẻ chuyên biểu diễn vật. Thủ lĩnh của họ là một chàng trai khỏe mạnh, nhanh nhẹn, không hề biết thua ai.

Đứa con trâu cũng tham gia ngày hội vật tiếp sau đấy. Được đám phụ nữ cổ vũ, nó dễ dàng hạ đối thủ gục xuống, tất thấy khán giả khâm phục.

Bà ngoại của Lan ghen tức trước thắng lợi của cháu, đã thế bà lại định thả đàn trả thù con gái mình vì vừa có chuyện hiểu lầm giữa hai mẹ con với nhau. Bà bèn cất lời hát như sau: *Nô-nông-gô-lan-gô, d'gia-k'lin k'lin lan-gô...* (cháu tôi, đứa con trâu, đứa con nhặt được, đứa con trâu...)

Vừa nghe tên mình bị gọi ra trước mọi người, Lan, lòng buồn rười rượi, bỏ ra đi, trở lại khu rừng nơi đó đã sinh ra. Mẹ nó, lòng tuyệt vọng, chạy theo con, van xin nó ở lại với mình. Vô ích: Hóa lại thành trâu, đứa con ra lệnh cho người đàn bà, bà khốn khổ kia trở về làng ngay, nếu không thì nó sẽ giết bà ngay tại chỗ vì tội đã không biết giữ bí mật.

Thế là bà ta cứ ở vậy, không con không cái, cho tới lúc qua đời.

(1) Theo lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la), thì dưới mắt người Phi Châu đen nói chung, có con là "điều kiện đầu tiên của hạnh phúc con người": người phụ nữ không con bị xã hội coi thường

(thường bị chống ruồng bỏ) bị xem là từng phạm tội nên phải chịu trừng phạt của thần linh.

- (2) Trâu ở Châu Phi đen là loài trâu to, sừng rất rộng ngang, tính hung dữ, đặc biệt là chỉ sống hoang (người không thuần dưỡng được) thành đàn trên thảo nguyên. Người suu tầm nhận xét rằng chọn một con trâu vật như thế làm biểu tượng cho sức mạnh của nam giới là điều tự nhiên, "chẳng đòi hỏi phải giải thích gì cho lắm".

94. NGƯỜI ĐI SĂN, CON LINH DƯƠNG VÀ NGƯỜI ĐÀN BÀ THÓC MÁCH

(Tộc người Kô-nô)

Có một ông giàu lắm, quanh ông có bao nhiêu là bà con, họ hàng. Đến mùa khô, lửa bắt vào cỏ, vùng bờ bụi cháy sạch, chỉ sót một góc không cháy: nơi đây, toàn bộ thú săn đến ẩn. Một tối, ông nhà giàu leo lên mái bằng⁽¹⁾, hô to tiếng gọi mọi người lắng nghe: "Ngày mai, ông nói, ta đi đốt nơi ấy đi!". Mờ sáng, mọi người săn bắn ra đi. Ông nhà giàu thổi tù và ai nấy châm lửa vào rơm, lửa khói bốc lên.

Các linh dương⁽²⁾ mới sinh nở đã đi xa ăn cỏ, bỏ con lại ổ. Bỗng thấy lửa, chúng vội chạy về tha con đi, còn người thì đón đường chúng mà bắn.

Có một linh dương con chưa đứng được. Nó nằm trong rơm mà than khóc "Các mẹ khác đều tha con đi, còn mẹ mình thì bỏ mình, lửa sắp đốt mình rồi. Mình mà chết, thì không vì lửa, mà vì mẹ mình ra đi ăn cỏ non".

Anh đi săn Xa-mê qua thấy: nghe lời than khóc, anh dừng chân, nhìn linh dương con, bế nó lên, đưa nó đến chỗ tránh được lửa. Con vật tí hon hỏi anh: "Sao ông không làm như mọi người khác, ông cứ giết tôi đi". "Không, ta cũng có con ở nhà, nếu một đứa chết đi thì mẹ nó đau đớn lắm, ta không muốn mẹ mày phải khóc mày chết".

Nói thế, anh đặt con vật sơ sinh dưới bóng một cây rậm, rồi anh nấp vào trong đám cành lá.

Không bao lâu linh dương mẹ chạy đến, chẳng còn hi vọng gì gặp lại con nữa. Thấy con, nó mừng run lên. Con kể cho mẹ hay nó đã được cứu thoát như thế nào, và ai đã cứu nó thoát. Linh dương mẹ nói to lên rằng nó muốn thưởng cho người đi săn. Anh này từ trên cây tụt xuống. Linh dương mẹ bảo: "Anh nằm xuống đất đi, tôi cho sữa của tôi vào tai anh, anh sẽ hiểu được tiếng nói của loài vật, cả vật chạy bốn chân, cả vật bay trên trời. Nhưng nhớ đừng hỏ cho ai biết chuyện đặc biệt đó, cả cha đẻ ra anh nữa, cũng không hỏ, anh mà hỏ ra thì anh chết đấy. Còn biết kín mồm kín miệng, thì anh sẽ giàu có".

Anh đi săn về nhà ngủ. Hôm sau, vào lúc mới sáng ra, anh đã dậy, khoác súng đi vào bờ bụi. Hai con linh dương qua gần chỗ anh nấp, anh nghe chúng bảo nhau: "Muốn tránh tay đi săn ấy, ta cứ chạy đến trốn sau tảng đá đen kia". Anh đi đường vòng đuổi kịp hai con linh dương tại nơi đó, hạ sát chúng. Anh mang thịt về ăn, rồi ngồi nghỉ trước nhà.

Mấy người Phu-la⁽³⁾ dắt một đoàn gia súc qua. Bọn bò đang nói chuyện với nhau. Một con bảo: "Này, xem này, cả một khối vàng to đến thế đấy". Một con khác mắng: "Câm đi nào! Nhỡ lũ người hiểu được tiếng lũ ta nói!". "Bọn họ chả nghe được tiếng lũ ta nói đâu. Họ mà biết được điều lũ ta biết, thì họ chỉ cần bắt một gà trắng, lấy một hạt kô-la trắng⁽⁴⁾, làm lễ tế sinh ngay tại chỗ tớ đang đứng đây, rồi đào đất ở đấy lên, là tìm ra được khối vàng".

Anh đi săn nghe được tất lời bò nói. Đoàn gia súc đi xa rồi, anh nhờ cha anh đưa cho anh mấy đồ dùng cần thiết, thêm vào đó còn có nước và một quả bầu lớn, dăng vật tể và hạt kê-la, rồi đào đất đúng vào chỗ có vết chân bò. Anh tìm ra được nhiều vàng lắm.

Thấy anh trở về nhà, với những gì anh vừa đào lên được, cha anh hỏi: "Con tìm ở đâu ra thế, con đi ăn cắp đấy à?". "Không. Trời cho con đấy". Thế là cửa cái kéo vào nhà: cha anh đi mua bò, mua ngựa, mua cừu, mua dê, mua áo quần, mua chiến tù. Trong số chiến tù ấy, có một cô gái xinh đến mức cậu con trai làng nào cũng xin cưới làm vợ. Nhưng ông bố từ chối, dành cô ta cho con trai mình.

Một hôm, ông gọi anh đi săn lại: "Báo trước cho bạn bè của con biết, để họ chuẩn bị đến ngày kia thì đi cướp vợ cho con⁽⁵⁾". Người con trai làm đúng lời cha dặn, rồi lại khoác súng vào bờ bụi⁽⁶⁾: nghe tiếng mấy con kê-ba (7) nói với nhau, anh rón rén đến gần, hạ ba con. Xong, anh về báo cha biết, để cha cho đủ số người đi khiêng thịt về. Cha bảo: "Ngon đấy, bao giờ người ta cướp được vợ con về đây, con có thể mời nó ăn thịt này, với nước chấm nữa". Thịt được cất trong buồng của anh đi săn.

Các bạn bè của anh đưa vợ anh về đến nhà. Đến nửa đêm, mọi người có mặt ra về, chồng vào với vợ. Hai vợ chồng nằm đấy, lửa đã tắt, mọi vật lặng yên. Đến lúc này, chuột bố mới từ trong hang nhẹ nhàng bò ra để ăn cắp thịt. Chợt thấy đôi nam-nữ, chuột bố gọi vợ: "Mình ơi, ra mà xem, người đàn ông ở buồng này đang nằm với một người nào khác". Chuột mẹ gọi các con, thế là cả bảy chuột bò ra xem. Chuột mẹ bảo các con: "Anh chàng đã cướp được cô gái này về, giờ anh đang sờ soạng chỗ kín của cô

ta". Anh chồng quả đang thế thực: nghe chuột mẹ nói, anh bật lên cười. Có điều là vợ anh lại không có lông ở chỗ ấy, mà cô đâu có hiểu tiếng loài vật nói, nên cô không thể hiểu được việc gì lại làm cho chồng mình buồn cười, cứ tưởng chồng mình nhạo mình: "Sao anh lại cười em?". "Anh đâu có cười em". "Anh nói dối. Anh thấy em không có lông ở đấy, vì thế mà anh đùa em".

Anh chồng chối phất, nhưng vợ anh đâu có tin anh, thế là hai người cãi nhau mãi. Anh đi sẵn biết quá, anh biết anh không thể để hở ra chuyện anh nghe được tiếng loài vật, hở ra thì anh phải chết, do đó không thể nói cho vợ rõ bằng cách nào anh đã hiểu được ý tứ của chuột mẹ. Còn vợ anh thì cứ day đi day lại, cứ đòi biết cái gì đã làm cho anh phải bật cười. Mà anh không chịu nói, thì cô sẽ bỏ anh ra đi lúc giữa đêm như thế này⁽⁸⁾. Anh chồng van nài vợ, xin cô đừng làm cho anh phải nhục nhã như vậy, còn anh thì anh không thể thanh minh mấy may, vì đây là chuyện bí mật, mà anh để lộ ra thì anh phải chết. Cô vợ uất quá, hét lên: "Toàn chuyện bịa cả". Rồi cô đứng dậy, chuẩn bị ra đi.

Đến đây, anh đi sẵn đành kể lại đầu đuôi câu chuyện: anh đã cứu một linh dương con khỏi chết cháy, và mẹ con linh dương đã rót sữa vào tai anh, để anh hiểu được lời loài vật nói. Anh nhắc lại lời con chuột, rồi ngã xuống chết.

Người vợ bất cẩn nhìn xác chết sóng soài dưới chân mình, sờ vào xác, cố thức cho xác tỉnh lại, rồi kêu cứu. Hàng xóm, láng giềng đều nghe tiếng cô kêu, nhưng chẳng ai động chân động tay: cô gái trinh nào chả thế, họ còn lạ gì nữa. Nhưng tiếng kêu cứu cứ tiếp tục, khiến mẹ anh đi sẵn phải bước vào buồng xem thử có chuyện gì. Bà hỏi

cô gái, cô bảo cô không hay biết gì cả: chồng cô chết rồi, chỉ có thế.

Trước khi chôn cất, người ta làm lễ chất vấn thi thể⁽⁹⁾. Người chết lên án vợ anh đã giết anh. Cô vợ có tội thú nhận tất cả. Thế là ông bố chồng ra lệnh bắt lại, rồi giết cô chết: đó là hình phạt đối với kẻ nào đã giết người. Cất tiếng trước đám trai trẻ, ông bảo: "Hãy nhìn con kia: nó đã giết chết một người chồng quá tin vợ. Các người đừng quên chuyện đã xảy ra: hãy giữ kỹ các điều bí mật của mình, nếu không thì bị phản bội đấy".

Từ vụ này về sau, người Đi-ăng⁽¹⁰⁾ hiểu rõ rằng thực là nguy hiểm nếu đem tiết lộ với đàn bà những gì phải giữ kín⁽¹¹⁾.

(1) Nhà ở kiểu xưa nhất nay còn biết được của các tộc người ở Tây Phi là lều tròn: vách nhà là một hình trụ bằng đất nện, mái nhà lợp tranh, rạ... là một hình chóp (nom như cái nón lá ở ta). Kiến trúc này vẫn rất phổ biến ở nông thôn ngày nay. Nhưng từ khi Tây Phi tiếp xúc với luồng buôn bán xuyên Xa-ha-ra của người Bắc Phi (theo đạo Hồi), đã hình thành tại miền giáp biên (ven Xa-ha-ra, dọc vòng cung sông Ni-gie) một kiến trúc mới mà các nhà sử học gọi là kiến trúc "Xu-đăng Hồi giáo": nhà hình chữ nhật, với vách bằng đất nện, mái bằng cũng bằng đất nện, làm cốt cho đất nện là gỗ. Kiến trúc này đã để lại tận nay, trên đất Cộng hòa Ma-li, một số lâu đài và đền đài lớn, nhiều tầng, ra đời từ thế kỷ XVI, XVII... Từ miền giáp biên, kiểu nhà mái bằng có lan xuống phía Nam, nhưng chỉ đứng được ở những vùng khô, rất ít mưa.

(2) Nhắc lại một loài hươu lớn sống trên đồng cỏ.

(3) Hay Pu-lô, một tộc người rất đặc biệt ở Tây Phi: nước da trắng, vốn du cư trên đồng cỏ, chuyên chăn nuôi lớn.

- (4) Về hạt Kô-la, xem lại chú thích dưới tích 10. Còn màu trắng thì được nhiều tộc người ở Tây Phi xem là có liên quan đến thế giới các tinh linh: trong nhiều trường hợp gà làm lễ vật cúng tinh linh phải là gà lông trắng; gà trắng tạt qua đường giữa trưa nắng được xem là hiện thân của tinh linh nào đó... Màu của ánh sáng, của mặt trời chẳng?
- (5) Theo tập tục cưới xin của nhiều tộc người ở Tây Phi, kể cả tộc Lô-bi, lễ đón dâu diễn ra dưới hình thức "cướp vợ": chàng rể, cùng với bạn bè của mình (những người phù rể), xông vào nhà bên gái, thường là vào lúc tối trời, "cướp" cô dâu đem về nhà trai. Tất nhiên, đấy chỉ là một tấn kịch, một lễ thức. Tục đón dâu theo cung cách này từng có mặt tại rất nhiều vùng trên thế giới, cả ở ta (người H'mông, hay Mèo, chẳng hạn).
- (6) Nhắc lại: cách nói thông thường của nhiều tộc người ở Tây Phi để chỉ vùng đồng cỏ, vùng thảo nguyên khô.
- (7) Người suu tầm (nhà dân tộc học Hăng ri La-bu-rê) không chú thích là loài vật gì. Căn cứ vào diễn biến của tích chuyện, có thể đoán rằng đấy là một loài thú mồi.
- (8) Đối với người Lô-bi cũng như nhiều cộng đồng ở Tây Phi cô dâu mà bỏ về nhà cha mẹ vào đêm tân hôn là một điều nhục nhã cho chú rể: nó nói lên sự "bất lực" của chú.
- (9) Đó là trường hợp chết bất thường, có nghi vấn. Không phải "chết bất thường" theo nghĩa đen, mà thông qua bói toán.
- (10) Một nhánh của tộc Lô-bi
- (11) Nhận xét chung đối với toàn bộ tích chuyện - Một tích, nhưng, thực ra, là hai chuyện. Nửa đầu: quan hệ giữa người (chàng thợ săn) và loài vật (mẹ con linh dương). Nửa sau: loài vật cũng có mặt (gia đình chuột), nhưng, ở đây, quan hệ chủ yếu diễn ra giữa người và người (chàng đi săn và vợ mới cưới của chàng), mà lời răn dạy ở cuối tích cũng nói lên điều đó.

95. THỎ CUỐI VOI

(Tộc người Kô-nô)

Một hôm, Voi, vua của muôn loài thú trong rừng, chuẩn bị đi dự đám tang một vị trong họ.

Voi tập hợp tất cả thần dân lại. Ông vua huênh hoang này cứ đòi lễ tang được tiến hành sao cho huy hoàng.

Thỏ cũng có mặt trong đám đông. Đám súc vật con nào cũng trình lên Vua ý của mình, nhưng Voi ta tỏ ra chưa hài lòng.

Cuối cùng, Thỏ tiến lên thưa: "Tâu Vua, ngài nên mặc bộ quần áo đẹp đẽ nhất, sang trọng nhất, và sau đó ngài còn phải đội một thứ mũ từ trước tới nay chưa ai từng thấy: muốn vậy ngài hãy khoác cho tôi tấm áo choàng rực rỡ nhất của ngài, rồi ngài hãy đặt tôi lên đầu. Có thể mới làm cho ai nấy giật mình kính phục".

Voi ta thích mê lên cứ lâm bầm: "Ý kiến tuyệt vời đó. Phải làm y lời bạn Thỏ của chúng ta".

Thế là trong không khí xa hoa rầm rộ, Thỏ ta bước lên đầu Vua, rồi cả đoàn tang lên đường đi về phía đám lễ. Tới nơi đám đông súc vật hoan hô Thỏ, còn Voi thì bị buộc vào một gốc cây lớn.

Lòng tràn ngập kiêu căng, Thỏ tự xưng là vua của muôn vật.

Thấy vậy, Voi nhục quá, nổi điên lên, lồng lộn đến đứt cả dây trói, rồi sẵn đuôi Thỏ khắp rừng. Từ ngày đó, nó không ngừng đào rễ cây, cứ nghĩ rằng có thể tìm thấy kẻ thù của mình đang ẩn trong một cái hốc nào đó.

96. THỎ LẤY CON GÁI SƯ TỬ

(Tộc người Kô-nô)

Sư tử, vua đồng cỏ, có một cô con gái rất đẹp. Ngài muốn gả chồng cho cô ta.

Ngài bèn cho gọi tất cả các loài vật trong xứ sở tới để thử thách họ. Ngài chỉ cho họ xem một nồi nước đang sôi sùng sục trên lửa mà bảo: "Con gái ta sẽ về tay kẻ nào uống một hơi mà hết sạch nước trong nồi này".

Tất cả mọi chàng muốn lấy cô gái làm vợ đều thử câu may. Ai cũng thất bại. Thỏ kẻ thử sau rốt, đứng dậy, ung dung bung nồi đang bốc hơi lên mà nói: "Tôi thích uống nóng".

Nhưng trước khi bắt đầu, nó đi một vòng, đến từng con vật một, bảo từng con: "Này anh bạn, anh thấy cái nồi này đầy nước đang sôi đấy, anh làm chứng cho tôi nhé".

Cứ vậy đến khi Thỏ phân bua xong với con vật cuối cùng thì nước đã nguội. Thế là Thỏ uống một hơi cạn cả nồi giữa tiếng hò reo của mọi kẻ có mặt.

Vua sư tử chúc mừng kẻ thắng cuộc, gả con gái cho anh chàng này theo như lời đã hứa⁽¹⁾.

(1) Qua lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) đánh giá rằng tích chuyện này cực kỳ "tinh xảo", chẳng kém gì "những sản phẩm tốt nhất của văn học dân gian chúng ta" (tức văn học dân gian Pháp, vì ông là người Pháp). Nhưng, trước chuyện tổ chức đua tài để kén rể, ông cứ ngờ ngợ rằng, ở đây, có chút ít ảnh hưởng của văn học Ả Rập.

97. VUA BÁO

(Tộc người Kô-nô)

Có lần Báo được bầu làm vua của muôn loài trong chốn bụi bờ⁽¹⁾. Nhưng Báo ra tay khủng bố đến độ cuối cùng rồi mọi thần dân cứ phải ẩn vào nơi kín đáo khiến nhà vua không gặp lại họ được nữa.

Vậy là Báo quyết định đi tìm một thầy bói. Ông thầy này biết hết mọi chuyện, ông chỉ cho Báo biết rõ nơi ẩn náu của những kẻ đi trốn.

Nhà vua đến ngay tại chỗ, chờ lũ súc vật đi ra, lần lượt giết từng con một. Xong nó chuyển tất cả những nạn nhân của nó tới bờ sông Giô-gô mà ăn thịt hết⁽²⁾.

(1) Nhắc lại một lần nữa: nhiều tộc người ở Tây Phi gọi đồng cỏ hay thảo nguyên khô là "bờ bụi".

(2) Lần này thì nhân vật phản diện không vì ngu dốt mà bị một nhân vật chính diện nào đánh lừa cả, trái lại chỉ phơi bày ra bộ mặt độc ác đến cực độ thôi, diễn biến lại quá đơn giản, đến mức người sưu tầm (B.Hô-la) đánh giá là "ngây thơ về mặt ý thức hệ". Chính vì thế mà, trong lời chú giải, ông tỏ ý nghi ngờ rằng tích chuyện này đã bị biến dạng qua thời gian.

Dù không có bằng chứng gì để phản bác mối ngờ đó, chúng ta vẫn có thể nghĩ rằng nội một chuyện lên án ông "vua xấu" (như chính người sưu tầm gọi nhân vật phản diện) cũng đủ làm động cơ cho tích chuyện hình thành. Đừng quên rằng Châu Phi đen, đặc biệt Tây Phi, đã trải qua ba thế kỷ chiến tranh cướp người giữa các vùng, nhằm cung cấp nô lệ cho luồng buôn người giữa Âu và Mỹ, mà những người bản địa duy nhất được hưởng lợi qua đó chính là các "ông vua" địa phương, tức thủ lĩnh chiến tranh vùng.

98. THỎ, CỎ VẤN CỦA BÁO

(Tộc người Kô-nô)

Thuở xưa, Báo sống hòa hợp với tất cả các loài vật khác trong một làng lớn.

Nhưng rồi một hôm, không hiểu tại sao, nó bắt đầu tấn công các bạn bè của nó.

Khi nó đã nuốt chửng vài con, loài vật bèn quyết định di chuyển chỗ ở, và chúng lập ra một làng mới. Báo ta ở lại một mình trong làng cũ.

Chỉ còn có Thỏ vẫn đánh bạn với Báo. Đến một hôm, đói quá, Báo quyết tâm sang làng bên kiếm mồi. Chuyển đi được tổ chức theo lời khuyên của Thỏ: Báo cứ nấp kín trong bụi, còn Thỏ sẽ cho tất cả loài vật trong làng điếu qua, con nhỏ nhất đi đầu, con lớn nhất đi sau. Như vậy, Báo sẽ dễ dàng chộp được kẻ chậm chân.

Báo ta vội vã chấp nhận lời bàn ấy. Nhưng Thỏ ranh lắm: nó lại cho những con vật lớn nhất đi trước những con nhỏ, còn chính nó thì đi cuối cùng đoàn điếu hành. Có điều là khi đi ngang qua nơi Báo nấp, nó đảm bảo với Báo rằng con vật to nhất còn đi sau nó.

Báo chờ mãi mà chẳng được gì, rồi đành vác bụng rỗng trở về. Nỗi căm ghét của nó đối với Thỏ mở đầu như thế đấy.

99. CHÓ, DÊ VÀ BÁO

(Tộc người Kô-nô)

Một hôm Chó và Dê cùng đi câu. Thành linh Báo xuất hiện bên sông, cất tiếng hát: "Câu được nhiều, ta sẽ có phần, câu được ít ta cứ có phần".

Thế là Chó hát đáp giọng chế nhạo: "Được nhiều cá ai chẳng có cẳng để chạy? Được ít cá, ai không có cẳng để chạy?". Đến lượt Dê hát nối: "Được nhiều cá ai chẳng tinh anh? Được ít cá ai chẳng tinh anh?".

Báo uất quá gầm to lên. Chó và Dê chạy trốn, Báo đuổi theo sát.

Khốn thay, Dê trượt chân rơi xuống một cái hố, còn Báo ngã bổ lên trên, bị sừng Dê chọc thành vết thương. Cáo quá Báo lòi con mồi ra khỏi hố, nhưng Dê bảo nó: "Báo làm sao ăn thịt tôi được, khi tôi đang bắn thủ như thế này. Phải để tôi tắm đã chứ!".

Báo đồng ý. Nhưng Dê chưa kịp tắm xong, thì những đám mây to kéo tới, bắt đầu che khuất bầu trời.

Thế là Dê cất giọng rên rỉ: "Trời sắp mưa, rồi ra bao nhiêu da sư tử, da báo, da voi của mình ướt hết mất thôi!".

Nghe lời ấy mà lo, Báo bối rối hỏi: "Này, mày làm thế nào mà giết được tất cả đám đó?". Dê bảo: "Bằng râu của tôi ấy mà. Bác có muốn tôi thử vào bác không?".

Báo không nghe tiếng nữa. Khiếp quá, nó trốn biệt vào rừng.

100. THỎ, BÁO VÀ TRẬN ĐÓI LỚN

(Tộc người Kô-nô)

Ngày trước, Thỏ và Báo là bạn của nhau, cùng cày chung một mảnh ruộng. Hai bên số con tương đương nhau.

Một ngày kia, trời gây đói kém lớn. Báo không chịu nổi, bèn bàn với Thỏ cứ lần lượt mỗi ngày mỗi bên lại bỏ ra một đứa con làm thức ăn chung.

Thỏ chấp nhận, thế là Báo giết một trong những đứa con của nó. Hai bạn cùng ăn.

Nhưng khi tới lượt Thỏ thì cậu ta bí mật săn con thú khác, giấu hết con cái mình đi.

Sau một thời gian, tất cả đám con Báo đều bị ăn thịt hết. Còn gia đình Thỏ vẫn còn nguyên, vẫn khỏe mạnh.

101. LỪA VÀ BÁO

(Tộc người Kô-nô)

Lừa đã phát quang một góc rừng để dựng lều.

Hôm sau, nhân đạo chơi buổi sáng như thường lệ, thấy chỗ này đã được dọn dẹp sạch sẽ, Báo sướng mê lên, kêu to: "Hẳn là các bậc thần linh đã làm việc này cho ta đây". Rồi nó đi chặt cành, dựng lều ở đó. Ngày sau nữa, Lừa trở lại, thấy chỉ còn phải lợp mái lều nữa thôi. Nó tự bảo: "Hẳn là các bậc thần linh tốt bụng đã giúp y một tay đây". Lều lợp xong Lừa quyết định hôm sau đem cả gia đình tới ở. Báo cũng định như vậy. Thế là cả hai con vật và hai gia đình gặp nhau trước ngôi nhà mới. Mọi việc đã hai năm rõ mười cả rồi, Báo với Lừa trở thành bè bạn.

Thế nhưng có hôm Lừa và Báo đi săn. Báo giết được sáu con thú, nhưng không sao chở về nhà được.

Lừa xin nhận việc đó, hứa sẽ chở những thú săn được lên lưng mà đem về. Nhưng đáng lẽ chở về nơi ở chung. Lừa lại đem thú mỗi về làng cũ của nó, rồi cùng cả gia đình chén sạch.

Tình bạn của Báo và Lừa đã đứt lìa như vậy⁽¹⁾.

(1) Theo lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la), thì tích chuyện này vẫn "có vị trí trong loạt ngụ ngôn kể chuyện Báo bị đánh lừa". Mà kẻ đánh lừa được Báo, ở đây, lại là Lừa, con vật mang tiếng đầu óc chậm chạp, lại là nạn nhân của Báo qua nhiều tích khác.

102. BÁO VÀ ỐC SÊN

(Tộc người Ma-lin-kê)

Một hôm, giữa lúc dạo chơi, Báo bỗng gặp Ốc Sên đang khó nhọc trườn trên mặt đất. Báo điều đáng đi nước bước của Sên. Nhưng Sên bình tĩnh trước mọi lời chế nhạo của Báo, rồi đề nghị: "Bác có muốn chạy đua với tôi không?".

Báo lập tức nhận lời thách. Trước ngày chạy đua, Sên triệu tập tất cả anh em bè bạn của mình lại. Xếp họ đứng dọc cả quãng đường đua.

Hôm sau, hiệu lệnh vừa mới ra, Báo đã cắm đầu chạy thực mạng. Tới gần sát đích, nó vừa thở hỗn hển vừa quay đầu lại xem đối thủ của mình ở đâu. Đúng lúc ấy một giọng nhỏ nhỏ đáp lại từ bên chân Báo: "Tôi đây".

Thế là Báo thu hết sức còn lại mà chạy tới đích.

Ở đây con Sên thắng cuộc đã chờ sẵn, nụ cười nở rộng.

103. KHỈ VÀ RÙA

(Tộc người Ma-lin-kê)

Ngày trước, Khỉ và Rùa chơi với nhau rất thân. Rùa luôn vui vẻ chịu đựng hết mọi lời điều cợt của Khỉ, cả những thói độc ác lật vặt của hắn.

Một hôm, Rùa được bạn mình mời tới ăn cơm tối. Khỉ dọn cho Rùa một mâm cơm thịnh soạn trên đỉnh một ngọn núi. Trèo lên núi đó đối với Rùa là cả một chuyện vất vả kéo dài hàng bao nhiêu ngày mới xong. Vậy Rùa đành chịu. Khỉ ăn cơm một mình. Theo đúng phép lịch sự, đến lượt Rùa mời lại Khỉ, chuẩn bị cho Khỉ một món ăn cực ngon.

Nhưng Rùa lại khuyên Khỉ rửa tay sạch trước khi sờ vào thức ăn. Khỉ ra vũng nước rửa tay. Khi trở về tay vẫn đen xì. Rùa mời Khỉ rửa lại, mà cho sạch hơn. Mãi tới giờ ăn rồi mà Khỉ vẫn không thể rửa sao cho sạch. Rùa xoi một mình hết sạch thức ăn⁽¹⁾.

(1) Nếu mượn ngôn ngữ phổ biến hiện nay ở nước ta, thì đây không còn là chuyện lên án một kẻ xấu xa "đứng bên trên quần chúng" nữa, mà đã là chuyện diễn ra "trong nội bộ quần chúng". Dù sao, để cho "chuyện ra chuyện" nhất là để chuyện dẫn đến một kết thúc có tác dụng răn dạy, vẫn phải có mâu thuẫn, vẫn phải có nhân vật tích cực và nhân vật tiêu cực. Cái lý thú trong chuyện này, theo nhận xét của người sưu tầm (B.Hô-la), qua lời chú giải của ông, là người kể đã biết đối lập với nhau, một bên "con Rùa" chậm chạp và vụng về "bên kia", con Khỉ nhanh nhẹn và khéo léo", từ chỗ khác nhau nổi bật đó về tính cách nhân vật mà tạo ra "hiệu quả răn dạy tối đa".

104. GÀ MÁI VÀ CHIM CẮT

(Tộc người Ma-lin-kê)

Ngày xưa, Gà Mái và chim Cắt lấy chung một chồng. Gà Mái nhiều con cái, mà chim Cắt chẳng hề sinh nở lần nào.

Cả hai bà vợ cùng trông trọt trên mảnh đồng của chồng.

Trong lúc Cắt ngủ trưa, thì Gà Mái, vốn là một bà nội trợ chăm chỉ, thường cùng con cái vun lá khô lại, đốt ngay dưới gốc cây trên đó Cắt thường ngủ trưa.

Ngày nào mùi khói khó chịu đó cũng xông lên mũi Cắt, gây nên nhiều vụ cãi lộn. Mặc cho Cắt kêu ca, Gà Mái vẫn cứ tiếp tục làm công việc của mình.

Thế là một hôm Cắt bỏ nhà ra đi. Ngày nay, gặp họ nhà Gà ở đâu Cắt cũng trả thù⁽¹⁾.

(1) Qua lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) nhận xét rằng tích chuyện này (mà ông thu được từ cửa miệng một em bé nữ học sinh Kô-nô) nêu lên một cách khá rõ cái mà ông gọi là "âm lý phụ nữ" trong môi trường gia đình Kô-nô.

105. CHÓ VÀ RẮN

(Tộc người Ma-lin-kê)

Ngày xưa, Chó và Rắn là bạn của nhau, cả hai cùng sống trong rừng. Để nấu nướng, đã từ lâu chúng giữ gìn một thứ rất quý, khó kiếm cho ra: một ngọn lửa.

Một hôm Chó sơ ý để lửa tắt. Thế là Rắn bắt nó đi kiếm một ngọn lửa khác.

Chó lên đường. Đi hàng tháng trời rờn rã, nó tới một làng, nơi những con người có lửa.

Họ đón tiếp Chó nhiệt tình đến mức Chó quyết định từ nay ở mãi bên con người, bên ngọn lửa của con người⁽¹⁾.

(1) Người sưu tầm (B.Hô-la) đã tập trung lời chú giải của mình vào một khía cạnh thôi: "Xạ ảnh thần thoại" trong tích chuyện. Theo ông, trên bình diện thần thoại mà nói, vào buổi khởi nguyên của Trời-Đất, Người không phải là loài duy nhất hưởng đặc quyền có lửa: vốn bình đẳng với người về mọi mặt, các loài khác cũng có lửa. Và chỉ khi nào nhát cắt giữa con người và con vật đã hiện lên (theo diễn biến của thần thoại) thì chuyện có lửa hay không có lửa trở thành một biểu hiện của nhát cắt ấy. Ở đây vẫn theo lời B.Hô-la, Chó, "con vật ở trong nhà" tất nhiên được gắn với ý niệm lửa (bếp). Cho nên nó phải đi theo "số phận" của con Người, một khi nhát cắt nói trên bắt đầu xuất hiện. Còn Rắn thì được thần thoại gắn với nước (ngược với lửa). Và vì lẽ đó nó không theo Chó được, phải nằm lại bên này "đường phân cách".

106. G'BÔ-KÔ-BA CANH ĐỒNG LẠC

(Tộc người Ma-lin-kê)

Có lần nhà vua ra lệnh cho tất cả các loài vật ở chốn bụi bờ trông cho ngài một đồng lạc.

Ít lâu sau, khi lạc bắt đầu chắc củ, nhà vua chỉ định G'bô-kô-ba⁽¹⁾ làm kẻ canh đồng.

Tối nào bạn bè của G'bô-kô-ba cũng tới ăn cắp lạc, mà kẻ canh gác không hề tâu lên nhà vua một tiếng.

Cuối cùng linh dương, kẻ thù truyền kiếp của các đồng lạc cũng tới.

G'bô-kô-ba cất tiếng nhỏ nhẹ chào linh dương rồi nói: "Bạn linh dương này, tôi có nghe Lang vằn⁽²⁾ bảo rằng bạn không thể nào bước vào trong căn nhà này được". Vừa nói nó vừa chỉ cho Linh dương một cái chuồng thường nhốt gà vịt. "Dễ như bốn ấy mà". Linh dương đáp, rồi chui ngay vào đấy.

G'bô-kô-ba nhanh tay đóng sập cửa chuồng lại. Thế là Linh dương bị nhốt chặt. Nó bèn lên tiếng van vỉ G'bô-kô-ba cho nó ra. "Chỉ với một điều kiện, G'bô-kô-ba trả lời, từ nay trở đi mi không được ăn cắp lạc nữa".

Được thả ra, Linh dương xấu hổ quá, trốn biệt. Từ đó chẳng bao giờ có ai thấy nó bén mảng tới cánh đồng này nữa.⁽³⁾

-
- (1) Loài chưa xác định được. Qua điều tra tại chỗ, người sưu tầm (B.Hô-la) mới biết được rằng con vật này bé nhỏ thôi, nhưng được xem là rất khôn ranh, mà ông ngờ là một loài chuột đồng.
 - (2) Loài thú hoang, ăn thịt, lông màu xám bẩn điểm vệt nâu tiếng kêu như rống, bé hơn chó sói một tí. Lang vằn nhát gan chỉ xuất hiện ban đêm, ít dám tấn công, chủ yếu sống bằng xác chết, kể cả xác người đã chôn (mà nó đào dưới đất lên) và vì thế cứ xuất hiện trong văn học dân gian của nhiều cộng đồng Á-Phi với tư cách một nhân vật đê hèn, dối trá.
 - (3) Một lần nữa, chuyện diễn ra "trong nội bộ quần chúng". Nhưng người kể định "răn dạy" người nghe điều gì? Không nên ăn cắp chẳng? Hay là tích chuyện không hàm ý "răn dạy", mà chỉ là một "thiên phóng sự" nhằm nêu bật trí khôn ranh của G'ô-bô-kô-ba như một lời ca tụng? Tiếc rằng lời chú giải của người sưu tầm tại chỗ không đi vào khía cạnh này.

107. CÁC NGÓN TAY

(Tộc người Kô-nô)

Gặp lúc đói, các ngón tay sẵn sàng ăn cắp. Bốn ngón đầu, ngón út, ngón Nhấn, ngón Giữa, và ngón Trỏ bảo nhau: "Chúng mình đi ăn cắp đi".

Nhưng ngón cuối, tức ngón Cái, ngón duy nhất xử sự thực thà, thì từ chối không tham gia vào việc xấu.

Chính vì thế mà nó cứ thận trọng, luôn đứng cách các ngón kia⁽¹⁾.

(1) Tóm tắt nhận xét chung của người sưu tầm (B.Hô-la) đối với toàn bộ tích chuyện. Về ý nghĩa tượng trưng của từng bộ phận trong cơ thể con người, các tộc ở Châu Phi đen, nói chung nhích ngón tay lại gần dương vật. Riêng trong trường hợp tích chuyện này, người kể Kô-nô lại mượn hình ảnh ngón tay, và vị trí đặc biệt của ngón cái so với ngón khác, để đi đến một kết luận mang chất đạo lý.

Nhân đây ta cũng có thể nhận xét thêm một khía cạnh mà người sưu tầm không đề cập đến: Nếu như mười hai tích Kô-nô tiếp sát trên đây đều mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, thì, với tích chuyện này, người kể Kô-nô, cũng để nói chuyện con người, lại không mượn hình ảnh loài vật nữa, mà mượn hình ảnh những bộ phận trong cơ thể con người. Chỉ có ngón tay một tích mang đặc điểm ấy thôi, nên chúng tôi đành tạm xếp vào chung một mục với mười hai tích tiếp sát trên. Nhưng vấn đề muốn nêu không phải là cách sắp xếp. Chúng tôi muốn nhắc

lại ở đây một trong những nguyên tắc làm nền cho phương thuật (hay phù phép thì cũng thế), mà dân tộc học đã rút ra được từ khá lâu rồi: Bộ phận có giá trị như tổng thể (tác động vào tóc rối hay móng tay đã cắt, thậm chí áo quần, của một người, thầy phù thủy có thể gây hại cho người ấy). Phải chăng người kể Kô-nô đã xuất phát (một cách vô thức thôi, đương nhiên) từ nguyên tắc ấy, để ví những mẫu người khác trong xã hội với những ngón tay khác nhau trong một bàn tay?

108. CON THỎ VỚI LÁ BÙA MUU MEO

(Tộc người Kô-nô)

Một con Thỏ đến gặp An-la⁽¹⁾ xin một lá bùa muu meo. An-la bảo: "Được, nếu người mang đến cho ta một con trăn buộc vào một cây tre, sữa sư tử cái, một bầu đầy muỗi, một bầu đầy ruồi, một con lang vằn đực".

Thỏ bảo Trăn: "Anh dài hơn cây tre của tôi, hay cây tre của tôi dài hơn anh?". Trăn đọ thân với cây tre, Thỏ buộc Trăn vào đấy.

Thỏ cầm bầu đến gặp sư tử cái. Thỏ bảo Sư tử: "Tất cả sữa của chị cũng chẳng đầy cái này". Sư tử cho sữa vào bầu, Thỏ nút lại.

Thỏ đến gặp bọn Muỗi, bảo chúng tập hợp tất cả lại cũng chẳng đầy cái bầu con. Bọn Muỗi kéo vào bầu, Thỏ nút lại.

Thỏ đến gặp bọn Ruồi, bảo chúng có tập hợp tất cả lại cũng chẳng đầy cái bầu này. Bọn Ruồi kéo vào bầu, Thỏ nút lại.

Thỏ đến gặp Lang vằn, bảo Lang vằn mà theo Thỏ đi gặp An-la, thì An-la sẽ cho Lang vằn trăm thứ. Hai con cùng đi.

An-la bảo đưa cho người sữa Sư tử. "Sữa sư tử đây". "Mang đến đây, anh bạn ơi". An-la bảo: "Đưa cho ta con trăn buộc vào cây tre. "Mang đến đây, anh bạn ơi". An-la

bảo Thỏ: "Còn cái bầu con đây muối?". "Cái bầu con đây muối đây ạ". "Mang đến đây, anh bạn ơi". An-la bảo Thỏ đưa cho người cái bầu con đây ruồi. "Bầu con đây ruồi ạ". "Mang đến đây, anh bạn ơi". An-la lại bảo Thỏ đưa cho người con Lang vằn đực. "Lang vằn đực đây ạ". "Mang đến đây, anh bạn ơi".

Rồi An-la bảo Thỏ: "Người đi đi, với lá bùa mưu mẹo của người"⁽²⁾.

(1) Nhắc lại: Thượng đế của đạo Hồi

(2) Nói một cách khác, sau khi đã được Thỏ nộp những thứ mà ngài đòi, Thượng đế bảo Thỏ đi đi, mà không trao cho Thỏ lá bùa như Thỏ mong đợi. Lý do đã rõ: Những thứ Thượng đế đòi là những bài thực tập cho Thỏ, mà Thỏ đã thành công qua thực tập, và như vậy Thỏ chứng tỏ rằng hắn đã sẵn nhiều mưu mẹo, chả cần phải bùa bèn gì nữa. Nhưng phải chăng tích chuyện này lại đả kích vào Thượng đế (vì ngài nhận được đủ thứ ngài đòi Thỏ, nhưng lại không giữ lời hứa với Thỏ)? Chúng tôi không tin thế: tín đồ Hồi giáo, như người Kô-nô không thể tự cho phép mình đả kích vào Thượng đế, nhất là trước công chúng đông đảo (những người nghe kể chuyện) Thỏ trong văn học truyền miệng của người Kô-nô và nhiều tộc khác ở Tây Phi, là điển hình của trí thông minh, tài khôn ranh, và tích chuyện này chỉ nhằm đề cao một lần nữa đặc điểm ấy của Thỏ. Huống chi những con vật bị Thỏ đánh lừa lần này (từ sư tử đến Lang vằn) chẳng phải thuộc loại nhân vật được người nghe kể chuyện bênh vực gì, nhất là Lang vằn, con vật nổi tiếng là hiểm độc mà hèn nhát.

109. NGƯỜI ĐI SĂN, KÊN KÊN VÀ TRÂU

(Tộc người Ma-lin-kê)

Một người tên Hê-rê-bê Rê-xu-mông cứ luôn đi săn bắn. Có hôm anh gặp giữa đám bụi bờ một con kên kên. Kên kên bảo:

- Tôi cho anh một lá bùa để anh dùng khi săn bắn. Anh chỉ cần vừa bắn vừa nói: Kên Kên.

Vừa nói, kên kên vừa trao bùa cho người đi săn, rồi biến đi đâu mất. Anh này bèn ra sức tìm trâu, nhờ lá bùa và lời chú mà hạ trâu nhiều đến nỗi rốt cuộc rồi chỉ còn sót lại mỗi một con. Kên kên tìm gặp trâu cuối cùng ấy mà rằng:

- Tôi đã trao cho anh chàng đi săn ấy một lá bùa và dạy cho hắn ta một lời chú, nhờ đó mà hắn đã hạ rất nhiều anh em của anh. Đáng ra hắn trả ơn tôi mới phải, thế mà nó chẳng biếu tôi thịt ngon. Cho nên tôi mới tìm đến anh. Bao giờ anh gặp người đi săn đang theo vết anh, cứ để cho hắn bắn, xong, anh xông đến, vừa xông vừa nói: "Kên kên".

Trâu đáp:

- Được lắm, tôi hiểu rồi.

Có hôm trâu gặp anh đi săn đang bước về phía nhà thợ rèn. Trâu liền biến thành người, cùng anh vào nhà, ngồi xuống. Người đi săn bảo thợ rèn:

- Làm cho tôi một mũi giáo.

Trâu hỏi:

- Rèn mũi giáo để làm gì thế?.

- Để đâm trâu.

- Nhưng anh gặp trâu, anh bắn, mà trâu lại xông đến báng anh, thì anh làm thế nào?.

- Trâu mà xông đến báng tôi, thì tôi nói: Kên kên. Thì tôi trèo lên cây.

- Nhưng nếu trâu cũng trèo lên cây, thì anh làm thế nào?

- Thì tôi tụt xuống đất.

- Nhưng nếu trâu cũng tụt xuống?

- Thì tôi nhảy xuống nước.

- Nhưng nếu hăn cũng theo anh xuống nước?.

Anh đi sẵn sắp trả lời, vừa đúng lúc thợ rèn đang bốc lên, tay thì rèn mà mồm cứ: "Kít, kít, kít, kít, kít, kít". Cứ tưởng thợ rèn ra hiệu ngăn mình nói, anh đi sẵn ngâm tằm. Thợ rèn làm xong mũi giáo cho anh đi sẵn, tiếp đó rèn cho trâu một con dao. Xong việc, anh đi sẵn và trâu cùng ra về. Đi được một đoạn trâu nói:

- Tôi ngủ lại đây thôi, nhưng chỉ e anh lại đến giết tôi khi tôi đang ngủ.

Anh đi sẵn cứ cầm như thóc, trâu nhắc lại câu hăn nói hai lần. Anh đi sẵn bèn to tiếng hỏi:

- Anh nói sao?

- Tôi nói tôi sẽ ngủ lại đây thôi, chỉ e anh lại đến giết tôi khi tôi đang ngủ.

Lập tức anh đi săn cầm giáo đâm trâu, trâu liền biến trở lại dạng trâu. Anh đi săn đuổi theo trâu, mồm hét to: "Kên kên". Trâu cũng hét "kên kên", và thế là anh đi săn bỏ chạy, rồi leo lên cây. Trâu theo lên cây, anh đi săn buông mình rơi xuống đất. Trâu cũng làm thế, anh đi săn nhảy xuống nước. Trâu theo xuống nước, nhưng anh đi săn bước vào ổ của một con cua nước ngọt, rồi cua khép cổ lại. Còn trâu thì cứ lung tìm kẻ thù khắp nơi, vừa lung vừa nói: "Kên kên đã bảo ta làm cách sao bắt cho được thằng đi săn này, ta đã đuổi theo hấn, mà không truy kịp hấn. Thế là cả loài trâu chỉ còn tro trọi lại mỗi mình ta". Nói rồi, trâu ngã xuống chết.

110. TẠI SAO DÒNG CÁC THỦ LĨNH ĐÔ- RÊ LẠI CHE CHỖ LOÀI ỐC SÊN LỚN

(Tộc người Kô-nô)

Thuở trước, thời mà vị tổ mang tên Du-mát-xa-k' rô rời khỏi Mút-xa-đu-gu, hiện thuộc hạt Bâ-y-la, để tới định cư tại vùng Lô-la, thì dòng họ Đô-rê chẳng bao giờ ăn con kô-rê, (dế mèn lớn) cả.

Về sau, một trong những bậc kế vị Du-mát-xa-k' rô, một thủ lĩnh thừa thế lực và quyền uy, vì ngày càng già đi, nên có hôm bỏ đi vào chốn bụi bờ, rồi chết ở đó.

Cả gia đình bỏ đi tìm xác ông ta để chôn cất cho đúng tập tục.

Sau mấy ngày tìm kiếm vô ích, một người thuộc dòng họ Đô-rê chợt thấy ngoài rìa làng có một dãy *ku-lê* (loài ốc sên lớn, con trước con sau xếp theo hàng dọc xếp theo. Anh ta bèn nhặt từng con một, tới cuối dãy, thì phát hiện ra thi thể người chết.

Anh vội cầm đầu cầm cổ chạy về làng báo tin cho người trong họ.

Thế là thi thể người quá cố được hưởng mọi nghi thức tang lễ đúng với quy định.

Từ đó, tất cả mọi người thuộc dòng họ Đô-rê đều không được giết và ăn thịt loài sên này.

Cho tới tận ngày nay, mỗi khi một người họ Đô-rê đi đường mà gặp một con ốc sên thuộc loài đó, thì anh ta ngắt ngay một chiếc lá xanh, rồi vừa đặt lá lên vỏ của con vật vừa khấn lời tri ân như sau: "Thưa tổ xưa, con xin dâng tổ một chiếc lá tươi".⁽¹⁾

(1) Tục kiêng không giết và ăn một loài động vật nào đó, hoặc không hái và ăn một loài thực vật nào đó, hơn thế nữa, có thái độ kính trọng đối với loài ấy, thậm chí thờ cúng nó thường không phải là tục chung của cả một tộc người, mà là tục riêng của từng cộng đồng huyết thống trong phạm vi tộc người (từng thị tộc, trong trường hợp chế độ bộ lạc; từng tông tộc hay dòng họ, trong các trường hợp khác). Một số nhà dân tộc học có xu hướng quy lại cấm kỵ đang bàn vào phạm trù "tô-tem giáo", và loài phải kiêng được gọi là "tô-tem" hay vật tổ". Thực ra, chuyện các xã hội cổ truyền ở Tây Phi có thời nào theo "tô-tem giáo" hay không là chuyện chưa ngã ngũ. Dù sao, tục kiêng nói đây không khỏi có tác dụng củng cố mối liên kết giữa các thành viên của từng cộng đồng huyết thống. Và mỗi cộng đồng huyết thống lại dự trữ cho mình một tích chuyện để cố định cấm kỵ của mình, ví như tích chuyện này của dòng họ Đô-rê thuộc tộc người Kô-nô.

111. TẠI SAO NGƯỜI HỌ N'GI-NA-B'LA KHÔNG ĂN THỊT CÁ SẤU

(Tộc người Kô-nô)

Từ lâu, lâu lắm rồi, có hôm một người thợ săn chuyên nghiệp thuộc dòng họ N'gi-na-b'la đi vào rừng rậm thú tìm mồi.

Trên đường, anh chợt thấy một con báo đói sắp sửa tấn công vào anh. Cuộc đấu diễn ra, người thợ săn sắp bị móng vuốt của con dã thú xé tan xác.

Đúng vào lúc nguy nan đó, một con cá sấu lớn từ dưới nước đi lên, tiến về phía hai đối thủ. Thế là báo thả ngay con người ra, đâm bổ vào cá sấu. Trong lúc hai con thú tiếp tục đánh nhau, người thợ săn thừa cơ chuồn thẳng.

Về tới làng, anh kể lại câu chuyện cho họ hàng nghe. Để tỏ lòng biết ơn cả họ quyết định không bao giờ đi săn *pân* (cá sấu) nữa, mà cũng không bao giờ ăn thịt *pân*.

112. TẠI SAO NGƯỜI HỌ N'GI-NA-B'LA KHÔNG SĂN LINH DƯƠNG VẦN

(Tộc người Kô-nô)

Thuở xa xưa, dòng họ N'gi-na-b'la thường đánh nhau với một làng bên. Một hôm mấy người trai trẻ trong họ đang đi trên đường rừng, chợt nghe thấy một con Lu-mô (linh dương vần) kêu lên một tiếng sợ hãi, vừa kêu vừa tạt qua đường.

Họ ngạc nhiên xiết bao khi nghe thấy có tiếng vang vọng lại do rất nhiều miệng người phát ra ngay trước mặt. Đó, người làng thù nấp dưới tán cây con rậm rạp mà rình họ.

Trước nỗi hiểm nguy đang chờ mình, lũ trai N'gi-na-b'la cầm đầu cầm cổ chạy trốn.

Vừa về tới làng, lũ chúng kể cho họ hàng nghe mối nguy vừa đe dọa chúng và chính nhờ Lu-mô báo hiệu cho mà chúng thoát chết. Hội đồng gia tộc quyết định từ đó trở đi thôi không bao giờ săn loài thú này nữa.⁽¹⁾

(1) Lại tục cấm kỵ đã được nêu qua chú thích 1 dưới tích 111. Như vậy, dòng họ N'gi-na-b'la không những kiêng săn và ăn cá sấu, mà còn kiêng cả linh dương vần nữa.

Linh dương là loài hươu lớn, sừng nhọn mà cong vắt ra đằng sau, sống trên đồng cỏ Phi Châu, chạy rất nhanh. Có linh dương xám và linh dương vần.

113. TẠI SAO NGƯỜI HỌ GA-MA-B'LA KHÔNG ĂN CÁ

(Tộc người Kô-nô)

Ngày xưa, người trong dòng họ Ga-ma-b'la cũng ăn cá như mọi người khác. Nhưng có hôm một chàng trai trong họ đã gặp rủi ro trên đất của người Ma-na.⁽¹⁾

Anh chàng này đi câu cá bên sông gần làng, cứ mỗi lần giật lên là anh có năm con cá đẹp.

Cứ thế anh ngồi câu suốt sáng, đã bắt được hai túi cá đầy.

Cuối cùng, anh định ra về. Nhưng đúng lúc anh ta thu dọn những gì đã câu được, thì tất cả cá còn sống dưới nước bỗng nhảy lên bờ, vây quanh người câu mà cất tiếng hát như sau: "Chúng tôi đến đây cả rồi, hỡi con trai của N'gia-le⁽²⁾, để cho người giết chúng tôi.."

Nghe tiếng hát đó, thần bảo hộ mặt nước, đánh anh đi câu như tử cho đến chết.

Suốt bao ngày, bố mẹ anh ta nóng ruột chờ con trai trở về, rồi đi tìm khắp mọi nơi. Một vài hôm sau họ mới tìm thấy anh nằm chết cứng trong một đồng cá.

Để ghi nhớ câu chuyện đáng buồn này, mọi người trong dòng họ Ga-ma-b'la đều kiêng ăn cá⁽³⁾.

(1) Một tộc người láng giềng của tộc Kô-nô: Ma-na (hay ma-nô) là tên tự xưng: còn tên dùng trong công văn và sách báo là Ma-nông. Dòng họ Ga-ma-b'la nói trong tích này, tuy là người Kô-nô, nhưng lại cư trú trên địa bàn của tộc Ma-na.

(2) Tên mẹ anh chàng đánh cá

(3) Qua lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) cho biết rõ thêm rằng mọi người thuộc dòng họ Ga-ma-b'la đều kiêng ăn cá, nhưng đa số dù giải thích cấm kỵ ấy bằng những lý do thực tế (sợ sung môi, sợ đau dạ dày, sợ điên...); và riêng chỉ có người họ Ga-ma-b'la, nhưng cư trú trên địa bàn của tộc Ma-na (xem lại chú thích 1, mới kể tích chuyện này mà B.Hô-la cho là mang tính cách "thần thoại").

Trước chi tiết trên, ta có quyền nghĩ rằng biệt lệ ấy nói lên ý thức bảo vệ sắc truyền thống của một thiểu số người đã tách khỏi gốc, có cơ bị hòa vào nếp sống của những người xa lạ.

114. TẠI SAO NGƯỜI HỌ G'BA-B'LA KHÔNG ĂN THỊT DÊ

(Tộc người Kô-nô)

Thuở xa xưa, người họ G'ba-b'la cũng ăn thịt dê như tất cả mọi người Kô-nô. Họ chỉ kiêng ăn cà tím và thịt rắn thôi.

Một trong các vị tổ của dòng họ G'ba-b'la, tên là Lu-mô⁽¹⁾ ở tổng Lô-la, luôn luôn xích mích với các vị láng giềng ở G'bê-ke, tổng Lô-na, hiện thuộc tổng Gu-ăn.

Đám láng giềng này mạnh hơn, nên đã chiến thắng ông, đuổi ông ra khỏi làng⁽²⁾.

Trên đường chạy trốn, Lu-mô và gia đình dừng chân tại nhà của vị thủ lĩnh lớn Gô-nô G'ba-na ở Ka-ha-ta.

Lu-mô ở lại đó ít lâu, luôn luôn tận tụy với người bảo trợ mình. Vị thủ lĩnh rất hài lòng về Lu-mô, nên đã cho phép ông lấy một nữ nô thuộc dòng họ Đu-na-b'la, nguyên từ làng Ghê-rê-ma-ta tới.

Sau đó, Lu-mô từ giã thủ lĩnh Gô-nô G'ba-na, ra đi lập một làng cách xa Ka-ha-ta một quãng, lấy tên là làng Tê-a-hu.

Tới lượt làng Tê-a-hu cũng bị kẻ thù của Lu-mô đến đốt phá. Sau việc này, Lu-mô chạy trốn cùng người vợ bấy giờ đang có mang.

Rồi cả gia đình tới định cư trên núi Đì-k'pa. Rút kinh nghiệm lần trước, giờ họ dựng lều trên một mỏm đá cheo leo. Ngày nay núi này đã trở thành núi thiêng.

Tại Đì-k'pa, Lu-mô sinh ba con Mê-a-dăn-ga-đa-nô-ga, Xô-k'pô-rô và Kô-lu. Khi lũ con đã lớn, Lu-mô bảo chúng: "Những người anh em của ta đã đuổi ta ra khỏi nơi chôn rau cắt rốn, bởi lẽ họ chẳng yêu mến gì ta. Vì lòng tận tụy của ta đối với Gô-nô G'ba-na, ông ấy đã cho ta lấy mẹ của các con. Mẹ các con thuộc dòng họ Đu-na-mu, mà vật tổ là con dê. Vì lẽ đó các con và ta cùng tất cả những người họ G'ba-b'la sẽ kế vị chúng ta theo dòng chính, từ nay cũng coi con dê là vật tổ. Hơn thế nữa, chúng ta sẽ ăn thịt rắn, ăn cà tím⁽³⁾ vì những người anh em của ta đã không tôn trọng dòng máu G'ba-b'la chảy trong huyết quản ta".⁽⁴⁾

(1) Qua tích 113 ta đã biết rằng "lu-mô", trong tiếng Kô-nô có nghĩa là linh dương vằn (theo chú thích của người suu tầm)

(2) Đọc tiếp, ta sẽ thấy rằng "đám láng giềng" nói đây là người cùng dòng họ với Lu-mô (dòng họ G'ba-b'la). Như vậy, tích chuyện này mở đầu bằng một cuộc chiến tranh trong nội bộ dòng họ, khiến nhóm yếu thế phải bỏ đất ra đi.

(3) Tức bỏ cấm kỵ cổ truyền của dòng họ mình.

(4) Tóm tắt nhận xét chung của người suu tầm (B-Hô-la) đối với toàn bộ tích chuyện. - Đây không còn là chuyện nguồn gốc một cấm kỵ cổ truyền nữa, mà là chuyện một nhóm di cư chấp nhận một cấm kỵ mới trên vùng đất lạ, qua đó mà thắt chặt một mối "liên minh xã hội - chính trị mới" với một cộng đồng khác.

115. TẠI SAO NGƯỜI HỌ G'BÊ-B'LA KIÊNG ĂN CHUỐI

(Tộc người Kô-nô)

Thời xưa thời xưa, có lần một chiến binh thuộc dòng họ G'bê-b'la bị bắt làm tù binh.

Giữa lúc cuộc chiến đang diễn ra một trận đối kháng khiếp lan tràn khắp xứ, đối kém cũng chẳng tha làng thắng trận. Nó dữ dội tới mức có hôm người thắng trận phải đem người tù binh ra đổi cho một tộc xa lạ để lấy một buồng chuối.

Khi hay tin buồn này, cha mẹ của người bị mất tích ấy thề không bao giờ đụng tới chuối nữa.

Tới cả ngày nay, người họ G'bê-b'la vẫn nói: "Chúng ta mà ăn chuối thì chẳng khác nào ăn thịt tổ ta vị tổ của ta".⁽¹⁾

(1) Các loài thực vật làm đối tượng cho cấm kỵ khắp nơi đều hiếm. Trên địa bàn của tộc người Kô-nô, cũng vậy. Theo lời chú giải của người suu tầm (B-Hô-la), thì ông mới gặp cả trường hợp kiêng cà tím và, tất nhiên, cả trường hợp được tích này phản ánh: kiêng chuối.

116. TẠI SAO NGƯỜI LÀNG ĐÔ-RÔ-MU LẠI CHE CHỖ LOẠI TINH TINH

(Tộc người Kô-nô)

Trước khi lên đường chinh chiến với bọn láng giềng Gia-cu-ba⁽¹⁾, N'bô-rô, vị thủ lĩnh thiện chiến đồng thời là người thành lập làng Đô-rô-mu đi xem bói.

Trao đổi một hồi lâu với các thần linh, thầy bói mới bảo N'bô-rô: "Người mà muốn thắng kẻ thù, thì từ nay trở đi phải kiêng ăn thịt tinh tinh. Kiêng thế thì chắc chắn người sẽ chiến thắng".

Cuộc chiến thật là tàn khốc, mà quả vậy, kết quả là N'bô-rô đã thắng. Ông ta còn đánh bật cả bọn Gia-cu-ba ra khỏi đất đai của chính họ.

Để cho con cháu tưởng nhớ chiến thắng đầy vinh quang này từ đó trở đi N'bô-rô cấm tất cả mọi dân làng mình không được làm hại, giết hoặc ăn thịt tinh tinh.

Đối với người làng Đô-rô-mu, thì tinh tinh là loài vật hiền trí nhất, mưu mẹo nhất, mạnh nhất, trong các loài vật ở núi rừng⁽²⁾

(1) Một tộc người láng giềng của tộc Kô-nô.

- (2) Theo lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la) thì, trong vùng mà tích chuyện này đề cập đến, người Kô-nô không ngại gì mà không săn bắt và ăn thịt tinh tinh, riêng làng Ê-rô-mu nói đây thì không. Tại làng này, người sưu tầm từng bắt gặp một sọ tinh tinh cỡ to, trong số những vật thờ của gia đình thủ lĩnh làng. Vẫn theo lời B.Hô-la, cũng trên địa bàn tộc Kô-nô, nhưng qua một vùng lân cận, thì cấm kỵ săn và ăn tinh tinh lại phổ biến khắp mọi làng, y như tại làng Ê-rô-mu vậy (xem tích).

117. LOÀI CHIM OA, ĐỒNG MINH CỦA DÒNG HỌ OA-LE-B'LA

(Tộc người Kô-nô)

Thuở xưa, khi xứ sở đang bị chiến tranh tàn phá, có một người thuộc dòng họ sau này sẽ mang danh hiệu Oa-le-b'la. Anh ta bị một bọn thù đáng gờm bắt làm tù binh.

Anh chờ mãi dịp trốn. Thế rồi có một hôm anh cũng thoát được. Đang trên đường chạy trốn bất chợt anh gặp một người cầm vũ khí thuộc dòng họ những kẻ đã đánh thắng anh. Người ấy đang trên đường về làng. Hắn hỏi người chạy trốn: "Mày đi một mình, hay còn có những thằng khác đi theo mày đó?".

Không vũ khí trên tay, anh chàng bị bắt bèn giở ngay mẹo ra. Anh trả lời kẻ thù: "Có chứ, Anh em của tao đang đi theo tao. Họ đông lắm. Mày không nghe thấy tiếng họ đó à?"

Đúng lúc đó, từ trong rừng có tiếng một con chim Oa⁽¹⁾ kêu lên. Tưởng tiếng chim là mật hiệu quy định, kẻ thù bỏ anh chàng chiến tù đó cầm đầu cầm cổ chạy mất.

Chim Oa đã cứu mạng một người bà con của mình cho nên, để tỏ lòng biết ơn, dòng họ bèn lấy tên Oa, và từ đó trở đi, họ hết lòng bảo vệ loài chim ấy.

(1) Loài chim chưa phân định được, có thể là một dạng gà rừng lông đỏ sống trên cây (theo chú thích của người suu tầm, B.Hô-la)

118. NHẬN, VỊ Đ'CÔ-GÔ-MU GIA

(Tộc người Kô-nô)

C chuyện này đã xảy ra vào những ngày làm lễ cất hạt Chông cho phụ nữ⁽¹⁾. Xi-gi (nhận) vẫn bị đói như thường lệ, mà chẳng có gì cho vào bụng.

Thế là nó nảy ra một ý định tuyệt vời: hóa thành một vị Đ'cô-gô-mu⁽²⁾, mặc áo lễ đột nhập vào trong rào thiêng.

Tại đây, phụ nữ mời nó ăn một món ngon lắm. Xi-gi nuốt chửng trong chớp mắt.

Sau bữa tiệc, Xi-gi đi ra sau. Nhưng lúc nó trút bỏ lớp áo ra, thì một cô gái trẻ chợt nhìn thấy, vội vã loan tin cho cả làng biết.

Thế là Xi-gi bị trừng phạt nặng nề: bị kết tội chỉ được sống tại các góc tối tăm nhất trong lều.

(1) Túc "lễ nhập môn" cho phụ nữ (xem lại chú thích dưới tích 33)

(2) Vì là người điều khiển nghi lễ "nhập môn" cho cả làng, kể cả cho nữ giới, cho nên ông Đ'cô-gô-mu là người đàn ông độc nhất được (và phải) có mặt tại nơi thiêng dành riêng cho lễ "nhập môn" của nữ giới. Theo lời chú giải của người suu tầm (B.Hô-la), thì đây là một nhân vật được cộng đồng xem là thiêng liêng, mà uy quyền vượt ra xa khỏi lĩnh vực tôn giáo, lan đến cả lĩnh vực xã hội-chính trị: ông là người "cầm lái" trong việc bảo giữ tập tục của làng và của tộc người; ngược lại ông được hưởng một số đặc quyền kinh tế.

119. NHỆN VÀ SÂU

(Tộc người Kô-nô)

Nhện và Sâu vốn chơi thân với nhau, thường ngày giúp đỡ lẫn nhau. Cho nên có hôm Nhện tới làm đồng giúp Sâu.

Mặt trời đã lên cao, vợ của Sâu bỗng hỏi to: "Nước gia vị⁽¹⁾ để nấu thức ăn cho người làm dâu rồi nhỉ?"

Đúng là không có, người ta đã quên lại trong làng mất rồi.

Nhưng Sâu tìm ra ngay phương kế cứu chữa. Nó nhóm bếp, đặt nồi lên, rồi nhảy vào đấy. Hơi nóng làm cho mỡ của nó chảy ra chút ít, đủ để sau đó dùng mà nấu thức ăn. Đám người làm, ai ăn cũng thấy ngon miệng⁽²⁾.

Hôm sau, đến lượt Sâu đến giúp Nhện.

Đến giờ ăn, vợ của Nhện kêu lên: "Nước gia vị để chan com cho người làm ở đâu nhỉ?"

Không ngần ngại, Xi-gi cũng nhảy vào nồi đặt trên bếp lửa, để cho mỡ mình chảy ra chút ít.

Nhưng rồi dưới đáy nồi chỉ còn lại di hài của Nhện đã cháy thành than⁽³⁾.

(1) Thức ăn mà tuyệt đại đa số các tộc người ở Tây Phi dùng trong hai bữa ăn hàng ngày cơ bản là một chất cốm (Gạo, kê, phô-ni-ô...), hoặc để nguyên hạt, hoặc giã thành bột, đã được nấu chín, trong

đó người ta trộn vào một chất nước sền sệt này được tạo ra từ nhiều nguyên liệu khác nhau, tùy từng món ăn, có thể là thịt, cá... nhiều khi là các thứ lá, củ... nhưng trong trường hợp nào cũng được nấu cùng với một chất béo thực vật (thường là dầu cọ). Đúng về mặt quan niệm mà nói, khác với chúng ta, người Tây Phi không tách biệt các "món ăn khỏi "com": đối với họ, "món ăn" chỉ thực sự hiện hình khi chất cốt đã được trộn nhuyễn bằng chất nước sền sệt có hương vị nói trên. Tiếp xúc với người Tây Phi, người Âu không có cách gì để chỉ định bằng lời chất nước sền sệt đó, đành xuất phát từ hình thức bên ngoài của các món ăn Châu Âu mà gọi một cách không chính xác là "nước xốt". Ở đây, người sưu tầm cũng dùng từ ấy. Chúng tôi xin tạm diễn ra thành "nước gia vị" (vì không có nó thì "món ăn" không có "vị", khó nuốt.

- (2) Người Kô-nô xem sêu là một chất ngon, và đưa sêu vào món ăn (theo lời chú giải của người sưu tầm).
- (3) Đúng như người sưu tầm (B.Hô-la) đã nhận xét qua lời chú giải, trong diễn biến của tích truyện, Nhện đã "tự nguyện" chấp nhận một "thử nghiệm cay đắng". Như vậy, còn đâu là bản chất "tham lam", "ích kỷ" của nhân vật phản diện này nữa (xem lại chú thích 2 dưới tích)? B.Hô-la không trực tiếp giải đáp câu hỏi, nhưng ông nhấn mạnh chất "nhổ nhằng dễ dãi", chất "lố bịch tất yếu" khiến tích truyện có thể gây cười cho quần chúng nghe kể. Phải chăng, theo ý ông, cái được nêu bật lên ở đây không phải là tính độc ác cố hữu của Nhện, mà là hành động đại dột đến "lố bịch" của nó?

120. NHỆN VÀ CHUỘT

(Tộc người Kô-nô)

Một ngày thứ năm⁽¹⁾ Chuột mời ông bạn Nhện tới nhà ăn cơm tối. Xi-gi đương nhiên, sốt sắng nhận lời.

Bữa đó chuột luộc sẵn lên, làm nước gia vị⁽²⁾ thực ngon.

Sắn đã chín rồi, Chuột đưa lưng ra thay cối giã để cho vợ Chuột giã sắn mà mời khách.

Xi-gi ăn thấy ngon quá. Hắn mời lại Chuột đến ăn cơm tối.

Ngày hẹn đến, Xi-gi bảo vợ làm món sắn chan nước gia vị.

Hắn cũng bảo vợ giã sắn trên lưng hắn: hắn từng thấy Chuột làm thế.

Nhưng vợ hắn vừa đặt sắn lên lưng chồng, Xi-gi đã hét toáng lên: "Bỗng hết người tôi rồi!". Chẳng nói thêm một lời, hắn trốn biệt vào rừng.

Khách khứa chờ mãi không thấy chủ nhà quay về, đành ôm bụng rỗng trở lại làng mình⁽³⁾.

(1) Ngày họp chợ hàng tuần ở vùng B.Hô-la suu tầm được tích chuyện này. Mời bạn ăn cơm tối vào đúng ngày chợ họp hàng tuần, chi tiết này rõ ràng nói lên tính hiếu khách của Chuột.

(2) Xem lại chú thích 1 dưới tích 119.

- (3) Thế là cuối cùng Nhện được ăn mà không phải trả: mưu vật của hắn đã thành công. Theo lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la) thì tích truyện như vậy, thiếu chất "đạo lý". Và ông muốn nhấn mạnh hơn chất gây cười. Nhưng chẳng phải gây cười (dù nhẹ nhàng thôi) cũng là một cách đả kích, ở đây là đả kích thái độ bần tiện của nhân vật phản diện.

121. NHỆN, SÓI VÀ THỎ

(*Tộc người Kô-nô*)

Có hôm Xi-gi (Nhện) thấy đói bụng. Hắn bèn lang thang trong rừng xem có gì ăn được không.

Thình lình nó thấy một hòn Sỏi lớn treo lơ lửng trên một cây to. Ngạc nhiên, nó hét toáng lên: "Ê! cô-lu-bu-cu-lô!"⁽¹⁾.

Nghe tiếng ấy, Sói tụt xuống, giáng cho Nhện một cú suýt vỡ cả đầu. Xi-gi không nói năng gì, nhưng lại đi tìm Linh dương, dắt lại chỗ ấy, rồi mời Linh dương nói đúng lời hắn đã nói. Bị Sói cho một cú choáng váng, Linh dương nằm bẹp xuống, không bao giờ dậy nữa.

Xi-gi khoái chí lắm, cứ giờ trò này ra cho mọi thú vật trong rừng thử, từ những con lớn nhất tới những con nhỏ nhất. Bấy giờ, Thỏ đang đi vắng, không có mặt trong làng. Nhưng Thỏ vừa về tới nhà, Nhện đã vội vàng mời nó đến thăm Sói ngay. Tới gốc cây, Thỏ bảo Xi-gi: "Mà này, phải nói thế nào nhỉ, tớ quên bég cả rồi..."

Xi-gi thì thầm những lời thần chú vào tai Thỏ. "Cái gì cơ". Thỏ hỏi hắn lại. Tức quá, Xi-gi hét váng lên: "Tao đã nói với mày rồi cơ mà: "Ê! Cô-lu-bu-cu-lô".

Sói roi ngay xuống, đè Nhện bẹp gí. Thỏ quay về làng, thắng lợi⁽¹⁾.

(1) "Nhện tham ăn... Nhện ranh mãnh, Nhện ngu ngốc, Nhện bị trừng phạt..." đấy, lời chú giải ngắn gọn (mà đầy đủ) của người sưu tầm (B.Hô-la).

122. CON NHỆN THAM ĂN

(Tộc người Kô-nô)

Trong một trận đói lớn, Xi-gi (Nhện) cùng vợ hăn chẳng có gì để ăn. Trong nhà chỉ còn lại mỗi một đấu bột gạo.

Thế là Nhện ăn một nửa, rồi ra lệnh cho vợ phải đem phần còn lại cho một kẻ chột mắt sẽ qua nhà lúc Nhện đi vắng. "Giờ thì tôi đi làm đồng đây", Xi-gi bảo vợ. Thực ra, nó nấp vào trong vườn, ngay cạnh lều. Nó nhấc một con mắt ra, đặt vào một chạc cây, rồi bỏ đi.

Sau đó, vợ nó ra vườn hái quả bắp cày⁽¹⁾ về nấu, nhận ra con mắt của chồng, hiểu ngay cái trò hăn ta định đem ra bịp mình. Mụ ta bèn bôi ốt vào con mắt của chồng, đem phơi nắng cho khô, rồi lại để vào chỗ cũ.

Có một khách lạ chột mắt đến nhà thật, nhưng mụ vợ chẳng khó khăn gì mà không nhận ra chồng mình dưới lớp cải trang. Chẳng nói một lời, mụ trao cho hăn chỗ thức ăn còn lại.

Thỏa mãn với mưu mẹo của mình. Xi-gi đi tìm con mắt, tra lại vào hốc mắt. Nhưng con mắt đã hoàn toàn hỏng.

Còn Xi-gi khốn khổ, giờ thì chột mắt thực, lại trở về nhưng chỉ khi trời đã tối mịt mới đến nhà. Sợ bị lộ mặt nạ, nó vút bég con mắt vô dụng đi, rồi bảo cho vợ hay rằng nó bị mất mắt trong lúc đặt bẫy, vì: cái bẫy bắt vào làm mất nó bị thương.

Cô vợ trả lời: "Tôi đã biết cả rồi. Khách chột mắt đến ăn phần com của tôi chính là anh đấy chứ gì? Phần thưởng cho anh đấy!"⁽²⁾

-
- (1) Loài dưa quả hơi giống quả dưa chuột, nhưng dài hơn, mà nhiều tộc người ở Tây Phi dùng để nấu thức ăn, hay để trộn vào gạo nấu cho dẻo cơm.
- (2) Qua lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) nhân tích truyện này mà thử sơ kết mọi tích chuyện Kô-nô xung quanh nhân vật Nhện thành một sơ đồ như sau: Nhện là một kẻ "tham lam bừa bãi", một đứa "ích kỷ chỉ nghĩ đến chuyện nhét đầy bụng mình". Trong quan hệ vợ chồng, mà cư xử như thế thì quả là phạm vào một "tội lỗi xã hội đích thực" và đáng bị "trùng trị nghiêm khắc". Đó là đòi hỏi của đạo lý chung, mà cũng là đòi hỏi của phía bị thiệt hại, cụ thể là của vợ Nhện. Và chính chị ta lĩnh trách nhiệm trùng trị chồng. Trừ vài trường hợp ngoại lệ ra, còn, nói chung, nghĩa là tuyệt đại đa số các tích về Nhện, kẻ tham bị vợ trùng trị đến nơi đến chốn.

123. NHỆN VÀ CHỊ VỢ MANG THAI

(Tộc người Kô-nô)

Mùa màng bận rộn. Sáng nào Xi-gi (Nhện) cũng ra đồng cùng người vợ đang mang thai⁽¹⁾. Tối giữa trưa, chị vợ nấu cơm, rồi hai vợ chồng cùng nhau ăn dưới bóng cây. Thế nhưng Xi-gi chỉ nghĩ cách làm sao một mình ăn hết thức ăn.

Có hôm hăn tự bảo: "À, kế hay đây rồi. Mụ vợ ta mang bầu nặng đến thế, thì chẳng động đậy được mấy nổi. Ta sẽ thách mụ ấy chạy thi. Phần thưởng cho kẻ thắng cuộc: toàn bộ thức ăn".

Nghĩ sao làm vậy. Không cách gì chối lời thách của chồng, chị vợ buộc lòng chấp nhận. Cuộc đua được định vào ngày hôm sau.

Đầu hôm đêm đó, chị ta đi hỏi một thầy phù thủy. Thầy cho chị một chất bột đen, dặn chị, rắc bột xuống gốc cây, nơi hai vợ chồng thường ngồi ăn cơm.

Hôm sau, chị vợ dọn một bữa cơm ngon chưa từng thấy.

Ngây ngất vì mùi thức ăn, lại bị ám vì chất bột ma quái kia Xi-gi mới vào vòng đua đã chạy chân xiêu chân vẹo. Chị vợ dễ dàng thắng cuộc. Chị chén sạch thức ăn trước mặt chồng.

Tuyệt vọng, Xi-gi gieo mình xuống một cái hốc, nằm chết đói dưới đó.

-
- (1) Theo ý của người sưu tầm (B.Hô-la), mà ông trình bày qua lời chú giải, thì chi tiết "mang thai" chỉ có nghĩa là to lớn, vì nhện cái bao giờ cũng to hơn nhện đực, có khi to hơn khá nhiều. Nhân đó, người sưu tầm ca tụng con mắt quan sát tinh vi của người Kô-nô. Nếu cách hiểu của B.Hô-la là sát thực, thì việc gán vai trò trừng trị Nhện cho vợ hắn (xem lại chú thích 2 dưới tích 122) càng có lý do, dù cho lý do này chỉ xuất phát từ một gợi ý hết sức hình thức.

124. NHỆN VÀ BÙ NHÌN

(*Tộc người Ma-lin-kê*)

Có hôm Xi-gi (Nhện) nói với vợ đang có thai⁽¹⁾: Tôi mà chết đi, mình chôn tôi vào cánh đồng sắn và khoai mài của nhà, nhớ chôn theo mọi dụng cụ nấu nướng".

Quả hôm sau Nhện chết thực, được chôn đúng theo ý nguyện cuối cùng của hắn.

Ngày sau nữa, chị vợ thấy cánh đồng bị phá hoại. Cái xác của ông chồng đã quá cố không còn trong mộ nữa.

Chuyện đó cứ lặp đi lặp lại ngày này qua ngày khác.

Chị vợ bèn đến gặp một bà phù thủy già. Bà khuyên: "Cô về khoác một tấm áo choàng lên một cọc gỗ, rồi đội mũ vào cho nó giống một người đàn ông. Xong phết nhựa cây vào cọc, đem ra cắm giữa cánh đồng cho tôi".

Chị vợ làm đúng như vậy. Đêm hôm sau, như thường lệ, Nhện đi vào trong cánh đồng, nhổ lên bao nhiêu là khoai mài, rồi chuẩn bị nấu ăn. Đúng lúc đó, Xi-gi mới nhận ra có một người đàn ông ở đây. Nhện hỏi xem ông ta là ai. Nhưng người lạ không trả lời gì sất.

Xi-gi cáu quá, đến gần người lạ, cho hắn một tát. Nhện dính chặt vào đấy. Tức điên lên, Xi-gi cứ tay trái mà đánh, cứ hai chân mà đạp tiếp. Thế là ngày hôm sau vợ hắn thấy Xi-gi đã dính chặt vào cọc.

(1) Về chi tiết "mang thai", xem lại chú thích 1 dưới tích 123

125. NHỆN CÙNG VỢ LÀM ĐỒNG

(Tộc người Ma-lin-kê)

Nhện chung với vợ trồng trọt trên một mảnh đồng, nhưng hấn muốn giữ riêng cho hấn mọi thứ thu hoạch được.

Thế là đến vụ gặt hấn cho một con chim canh lối ra vào.

Bao lần vợ thử tìm cách vào, nhưng đều bị chim ngăn lại.

Mụ vợ bèn đi hỏi một thầy bói. Thầy cho mụ một chất bột đen để rắc lên đường ra đồng.

Cứ thế mà làm.

Lúa chín, Xi-gi đi gặt.

Ra tới đồng, hấn bắt đầu gặt. Nhưng hấn vừa đụng tới là tất cả những bông lúa đều dính chặt vào tay, vào đầu, vào thân hấn, đến nỗi chỉ một chốc thôi mà hấn đã gục xuống dưới sức nặng gãy cả lưng.

Vừa rên vừa khóc, Xi-gi bò lê về làng.

126. MỒ CÔI, CÁI SÙNG, NHỆN VÀ CON ROI

(Tộc người Ma-lin-kê)

Xưa kia, Mồ Côi và Nhện chung sống với nhau. Rồi có lần một trận đói lớn hoành hành trên cả xứ.

Giữa cảnh khốn cùng ấy, vào một sáng đẹp trời Mồ Côi và Nhện ra đi đặt bẫy bên bờ suối, nơi thú mỗi thường đến uống nước sau một ngày nóng nực.

Đêm vừa ập xuống, Xi-gi đã trốn Mồ Côi, một mình lẻn ra xem có con gì mắc bẫy không. Hắn thấy một cái sùng mắc trong bẫy của hắn, và một con Roi ngựa đẹp trong bẫy của bạn.

Không hài lòng với thứ mình bắt được, Xi-gi bèn trao hai vật mắc bẫy, rồi trở về nhà.

Gà vừa gáy lượt đầu, hai bạn ra nơi đặt bẫy. Nhện hỏi hả vô lấy con Roi, còn Mồ Côi thì cầm cái sùng lên thổi. Mồ Côi ngạc nhiên biết mấy, khi tiếng thổi đầu tiên vừa dứt thì vô vàn thức ngon lành đã hiện ra trước mắt. Nhện trông mà thèm đến sùng sờ.

Thế là Mồ Côi nhặt nhanh thức ăn đem về nhà. Rồi anh mở một bữa tiệc lớn mời toàn thể dân làng đến dự.

Về phần mình, Xi-gi không phải không làm được phép lạ với ngọn Roi của hắn: Những thứ hắn thu được lại không phải là thức ăn, mà là những cú roi quất.

Sau lần thử ấy, Xi-gi cũng quyết định cho dân làng cùng hưởng.

Cả làng vừa họp lại, Xi-gi ra lệnh cho ngọn Roi: trong phút chốc Roi đã làm mọi người chạy tán loạn cả.

Bản thân Xi-gi cũng không được trăn mưa đòn buông tha. Hấn phải ba chân bốn cẳng nhảy lên nóc nhà mà trốn. Đến nay, hấn vẫn còn sống ở đó⁽¹⁾.

(1) Về nhân vật Mồ Côi xuất hiện trong tích này và nhiều tích tiếp sau đây, lời chú giải của người sưu tầm (B.Hô-la) cho biết rằng đó là "bạn đời phiêu lưu" của Nhện, thường có mặt bên cạnh Nhện để đóng vai nhân vật khôn ranh, qua đó mà càng nêu bật trí óc đần độn của Nhện. Đi xa hơn một tí, ông cho rằng cặp Mồ Côi - Nhện gọi lên "thời thần thoại", thời khởi nguyên của muôn loài, khi quan hệ giữa loài người và loài vật còn là quan hệ "cộng đồng", dù cho, vẫn theo lời ông, những "khủng hoảng" của thời nay, cụ thể là cuộc "đấu tranh sinh tồn" (giữa Nhện và Mồ Côi), đã in dấu ấn lên bối cảnh "thời hoàng kim" đó. Mồ Côi không chỉ có mặt trong truyện Kô-nô, mà còn là nhân vật quen thuộc trong kho văn học của nhiều tộc người khác ở Tây Phi: B.Hô-la muốn đọc lên ở đây "ảnh hưởng của văn hóa Ả Rập".

127. MỒ CÔI, NHỆN, NHỮNG QUẢ ĐU ĐỦ

(Tộc người Ma-lin-kê)

Có lần, Mồ Côi lấy một đoạn tre ngắn quấn vào vải, Cra đứng dưới một cây đu đủ lớn mà nói: "Đu đủ ơi, hãy rơi xuống con tôi. Nếu con tôi khóc, thì hãy lên cây lại. Mà nó không khóc, thì cứ ở dưới này".

Thế là những quả đu đủ chín mọng cứ tới tấp rơi xuống. Mồ Côi cùng người nhà xoi đến thỏa thích thì thôi. Xi-gi cũng được một miếng. Có điều là hấn muốn được nhiều hơn, mà cho một mình hấn thôi. Thế là hấn hỏi Mồ Côi phải làm thế nào. Mồ Côi thổ lộ với hấn điều bí ẩn, duy chỉ không cho hấn biết rằng đứa bé thực ra chỉ là một đoạn tre.

Xi-gi thực hiện ý định của hấn ngay. Túm lấy một trong mấy đứa con của hấn. Nhện lấy vải quấn con lại dâu vào đấy, rồi đặt đứa bé gần cây đu đủ. Tại đó, hấn xướng lên câu nói Mồ Côi đã dạy cho hấn.

Quả rơi xuống nhiều quá, nhiều đến nỗi cuối cùng dập chết Xi-gi, cả con hấn nữa⁽¹⁾.

(1) Vì Mồ Côi cố tình giấu Nhện một chi tiết mấu chốt, nên Nhện đã thất bại thảm hại. Như vậy, hóa ra tích truyện đề cao một hành động thiếu đạo lý xã hội hay sao? Thực ra, tấn "bi hài kịch" này không hướng về mặt đó, trái lại, chỉ thông qua mưu

mẹo của Mồ Côi mà cứ nêu bật, một lần nữa, tính tham lam, lòng ích kỷ, cũng như trí óc đần độn của Nhện. Dù sao, kết thúc bi thảm của tích chuyện không khỏi nhắc ta nhớ lại nhận xét của người sưu tầm (B.Hô-la) về xạ ảnh của cuộc "đấu tranh sinh tồn" thời hiện đại lên quan hệ Mồ Côi - Nhện (xem lại chú thích 1 dưới tích 126).

128. NHỆN VÀ MỒ CÔI ĐI BẮT CÁ

(Tộc người Ma-lin-kê)

Có hôm Mồ Côi cùng anh bạn Xi-gi ra đi bắt cá. Cả hai đều nghèo, chỉ chung nhau có một cái đó. Họ đặt đó xuống nước, rồi trở về nhà.

Mờ sáng hôm sau, họ trở ra sông, thấy trong đó có mỗi một con cá. Một con cá thôi, làm sao mà chia cho hai người được?

Mồ Côi bàn với Xi-gi: "Tớ lấy con cá này. Còn cậu sẽ lấy tất cả những gì bắt được ngày mai".

Xi-gi cứ tưởng sẽ bắt được nhiều cá. Hắn vui vẻ nhận lời.

Nhưng Mồ Côi ranh lắm, lần nào cũng đi trút đó thật sớm, Xi-gi cứ tay không⁽¹⁾.

(1) Xem lại chú thích 1 dưới tích 126 và chú thích 1 dưới tích 127.

129. XI-GI GIÃ CÁC VỢ HẮN ĐẾN CHẾT

(Tộc người Ma-lin-kê)

Nhện và Mồ Côi đều là dân đánh cá. Vào mùa lằm cá, bao giờ Mồ Côi cũng trích ra vài con phơi khô để dành. Trái lại, Xi-gi thì bắt được bao nhiêu cũng xoi sạch.

Khi cả làng lâm nạn đói, Mồ Côi nghiền cá khô thành bột, rồi cứ dè xén nấu dần.

Thế nhưng một tối Mồ Côi cũng mời anh bạn đã đói lả tới cùng ăn với mình. Xi-gi ăn thấy ngon miệng quá, bèn hỏi xem Mồ Côi làm cách nào ra được thứ bột này. Mồ Côi đùa rằng chính các bà vợ anh đã bị anh giã ra thành bột (lúc này các chị ấy đang nấp trên trần nhà).

Xi-gi cũng nhiều vợ. Nghe lời Mồ Côi khuyên, hấn khoái lằm. Vừa về đến nhà, không chần chừ phút nào, hấn gọi đủ các vợ đến, đem giã tất. Nhưng thay vì bột, hấn chỉ thấy có máu chảy từ cối ra.

Phạm phải tội ác này, Nhện bị đuổi ra khỏi làng.⁽¹⁾

(1) "Tội ác" này, nói cho cùng, xuất phát từ Mồ Côi, dù cho người kể chuyện đã cố tình nói trước rằng Mồ Côi chỉ nói "đùa" thôi. Một lần nữa, tích chuyện không nhằm răn dạy, mà chỉ nhấn thêm trí óc dần độn của Nhện.

130. NHỆN, MỒ CÔI VÀ CÁC VỊ THẦN Ở TRONG HANG

(Tộc người Ma-lin-kê)

Cả xứ lâm nạn đói. Mồ Côi đi vào rừng kiếm chút gì ăn.

Bất chợt anh đối mặt với túp lều nhỏ dựa vào một thân cây to.

Trước đây, anh chưa hề thấy túp lều này, nên anh cứ tò mò, muốn biết có gì ẩn bên trong ấy không. Nhưng một tảng đá lớn chắn ngay lối ra vào.

Thế là Mồ Côi quyết định chờ xem binh tình ra sao. Anh nấp vào trong đám lá rậm của cây to.

Đêm xuống, vị Tinh linh lớn trấn rừng cùng đám tùy tùng đi tới⁽¹⁾. Đứng trước cửa lều, Tinh linh này hô mấy tiếng: "Kông-pa pha-gia"⁽²⁾. Tảng đá chặn lối vào tự nó xê ra⁽³⁾. Rồi tất cả các vị biến vào bên trong.

Mồ Côi thấy đủ hết, anh trở về nhà. Nhưng hôm sau, từ sáng sớm, anh đã quay lại nơi đấy, lặp lại đúng lời và cử chỉ của thần, rồi cứ thế mà vào trong lều, chẳng khó khăn gì. Tại đây, anh bắt gặp mọi thứ thực phẩm, cả những quả trứng do các vị thần đẻ ra. Anh nhét đầy một túi xách. Về phần anh, thế là hết đói.

Vốn sức sạo khắp nơi, chẳng bao lâu Nhện đã phát hiện ra bí mật của Mồ Côi. Hấn thuyết phục bạn cùng hấn đi vào rừng để chỉ cho hấn túp lều của các vị Thần.

Theo lời chỉ dẫn của Mồ Côi, Xi-gi vào được trong lều, mà cũng chẳng khó khăn gì. Trước cảnh thừa mứa bát ngờ ấy, hấn choáng người, muốn mang ngay một lần tất cả đồ đạc chiến lợi phẩm ấy về. Thế nhưng trời đã gần tối, Mồ Côi bèn bỏ ông bạn Xi-gi lại đấy mà quay về nhà.

Còn Xi-gi thì tham quá, cứ ra sức vơ vét, cho tới khi hấn nghe tiếng chân của các vị thần bước tới gần.

Chẳng biết thế nào bây giờ, hấn vơ vội một nắm phô-ni-ô, vài búi bông, rồi vội vã nấu mình dưới mái của ngôi nhà chứa kế bên âm ấy. Đến nay, hấn vẫn còn ở đó.

-
- (1) Tức những tinh linh thuộc loại Giê-u-hin-ga trong tích 12 (theo lời chú giải của người sưu tầm, B.Hô-la).
 - (2) Có nghĩa, nhưng người sưu tầm chưa dịch được hoàn toàn: "Đá ơi, hãy đến...?" (theo chú thích của người sưu tầm).
 - (3) Câu thần chú làm tảng đá xê dịch, mở lối vào lều. Chi tiết này nhắc nhở đến câu thần chú giúp A-li-ba-ba, một nhân vật của Một nghìn một đêm lẻ, vào được hang chứa của. Do đó, trong lời chú giải, người sưu tầm mới nói đến "ảnh hưởng Đông Phương".
 - (4) Tóm tắt nhận xét chung của người sưu tầm đối với toàn bộ tích truyện - Nhện thích ở nơi tăm tối, và tích truyện cố tìm ra nguồn gốc của thói quen ấy, do đó mà đã thuộc loại truyện "suy nguyên". Nhưng cái chính là nó vẫn nêu bật thói tham lam xấu xa của Nhện, và vẫn gắn Nhện với Mồ Côi, dù gắn một cách "có phần cầu kỳ".

131. NHỆN, MỒ CÔI, BUỒNG CHUỐI

(Tộc người Ma-lin-kê)

Ít lâu nay, Xi-gi cứ bị Mồ Côi chơi cho nhiều vết đau. Hắn rấp tâm trả thù.

Trước đây, hắn may mắn bắt gặp ở bờ sông nhỏ, không xa thửa ruộng của hắn là bao, một buồng chuối đẹp soi bóng xuống dòng nước.

Nhện ta cứ để nguyên đó, rồi về làng rủ Mồ Côi ra để cho anh bạn cũng có phần vào việc phát hiện của hắn.

Tới bờ sông, hắn cấm bạn không được ngược mắt nhìn lên. "Bụi sẽ rơi vào mắt cậu đấy", hắn giải thích như vậy.

Rồi hắn chỉ cho Mồ Côi xem buồng chuối đẹp đang in bóng vào dòng nước trong.

"Này nhé", Xi-gi nói, "chỉ phải nhào xuống hái thôi mà". Để làm mẫu cho bạn, Xi-gi nhảy lên, bứt lấy một quả chuối chín trước khi xuống nước. Rồi, mặt rạng rỡ, hắn nổi lên cùng với quả chuối.

Đến lượt Mồ Côi. Anh chàng này ngụp đi ngụp lại mãi mà chẳng được quả nào.

Trái lại mỗi bước ra khỏi nước, Xi-gi đều cầm một quả chuối đẹp trong tay. Hắn cứ làm như vậy cho đến khi ăn hết cả buồng chuối.

Trả thù được rồi, Xi-gi thỏa mãn trở về làng. Cùng đi tắm với hấn, anh bạn mặt mày cứ tiu nghỉu⁽¹⁾.

(1) Trong chuỗi quan hệ dài hơi giữa Mồ Côi và Nhện, qua bao tích truyện Mồ Côi cứ luôn thắng Nhện. Nhưng rồi có lúc Nhện cũng trả thù được, thắng lại Mồ Côi. Năm thì mười họa thôi, nhưng có, ví như qua tích truyện này. Biệt lệ ấy được người sưu tầm (B.Hô-la) quy vào nhu cầu biến đổi của người kể và người nghe: theo ông, "lôgích của truyện kể" đòi hỏi "xả hơi trong chốc lát cho trí óc", đòi hỏi "đưa cái bất ngờ đột nhập vào", nếu không "chuỗi chuyện" có cơ trở nên "quá đơn điệu và vô hiệu".

132. XI-GI VÀ CÁC VỊ THẦN

(Tộc người Ma-lin-kê)

Từ thuở xa xưa, dân trong xứ bị cấm không được trồng trọt trên các sườn của ngọn núi thiêng. Ngọn núi ấy là chốn ở của thần linh.

Nhưng Xi-gi cứ phớt lờ điều cấm kỵ, làm đồng ngay tại vùng đất cấm.

Việc đồng áng xong, lúa bắt đầu chín, thì các thần đến ra lệnh cho Nhện chuyển thửa ruộng đi nơi khác. Các vị còn thêm: "Người phải đưa cây cối trở lại, cây nào vào chốn ấy".⁽¹⁾

Xi-gi đáp: "Chẳng khó gì chuyện đó. Nhưng trước khi tôi làm việc ấy, thì các ngài phải xóa sạch dấu chân của các ngài trên thửa ruộng của tôi đi đã"⁽²⁾.

(1) Cũng như tuyệt đại đa số các tộc khác ở Tây Phi, người Kô-nô làm nông nghiệp theo lối hỏa canh: khai phá mảnh đất trồng trọt bằng cách đốt sạch cây cỏ trên mảnh đất ấy. Nói một cách khác, lệnh của các vị thần là không thi hành được.

(2) Qua lời chú giải, người sưu tầm (B.Hô-la) nhận xét rằng đây là một "thắng lợi mới" của Nhện ("mới", hẳn vì Nhện đã thắng Mồ Côi một lần: tích 131), mà là "thắng lợi tinh thần". Thắng lợi ấy, một lần nữa, không khỏi ngược với bản chất xấu xa của một nhân vật thường được gán vai trò phản diện như Nhện. Ý kiến của người sưu tầm trước một mâu thuẫn cũng thuộc loại này đã được phản ánh qua chú thích 1 dưới tích 131).

133. NHỆN VÀ TRÂU CÁI

(Tộc người Lô-bi)

Nhện đi dạo chơi, gặp Trâu cái với nghé con. Nhện hỏi Trâu cái có đủ sức báng một cây bao-báp hay không. Trâu cái lấy đà, bổ nhào đến cây, đâm lút sừng vào thân cây. Từ xa, Nhện hoan hô, rồi bảo Trâu rút sừng ra. Trâu rút, rút mãi, cố hết sức mà chẳng ăn thua, mệt quá phải ngừng lại. Thế là Nhện đến bên con vật đã bị biến thành bất động, vắt hết sữa, bắt nghé dắt đi, nhốt nghé vào nhà mình, rồi uống sữa.

Hôm sau, Nhện lại dắt trâu con vào vùng bờ bụi gần cây *bao-báp*, đến sát Trâu cái, hỏi nó xem chùng, có thoát thân được không. Trâu cái cố hết sức mà chẳng ăn thua, không bao lâu đã quá mệt, phải ngừng lại. Nhện bước đến, vắt sữa, dắt nghé đi, rồi lại giam nghé trong nhà mình.

Hôm sau, nó lại đưa trâu con vào vùng bờ bụi cạnh Trâu mẹ, hỏi con mẹ có tự giải thoát cho đôi sừng được không. Để rút sừng ra, Trâu cái lại ra sức mà chẳng ăn thua, không bao lâu đã quá mệt, đành ngừng, Nhện lại vắt sữa, rồi dắt trâu con đi.

Qua ngày thứ tư, Nhện cũng làm như thế. Nhện đi rồi, Trâu cái lại bắt đầu rút, giải thoát được đôi sừng. Nó đi xuống nước, ăn cỏ, xong, quay lại cây *bao-báp*, dắt sừng vào chỗ cũ.

Hôm sau, Nhện lại dắt ghé đến. Chỉ trong liếc mắt, nó nhận thấy ngay Trâu cái đã khỏe lại rồi.

- Hôm nay, mày làm thế nào mà ăn cỏ được đây?

- Tao đã ăn gì đâu.

Nhện hét lên:

- Chỉ nói dối, chắc chắn mày đã thoát ra được, mày làm thế nào hở?

Trâu cái vẫn nói quyết rằng không phải thế. Rồi để chứng tỏ rằng mình không nói sai, nó lại cố gắng hết sức hòng thoát khỏi thế đứng khó chịu kia. Hoàn toàn yên tâm rồi, Nhện đến gần nạn nhân của mình để vắt sữa, nhưng con này lại hạ thấp sừng mà xông lên. Nhện nhảy lên, rồi rơi xuống phía sau con Trâu. Con Trâu quay lại tiếp tục đuổi theo, Nhện hết nhảy lên ngực Trâu, lại nhảy lên trán, lên vó, còn kẻ thù của nó thì cố dẫm bẹp nó. Rốt cuộc, kẻ thù cứ mặt đất mà cào, mà dậm, còn Nhện thì trốn vào lớp bụi do chuyển động của Trâu vục lên, rồi thoát mất. Trâu cái đành chịu, không đuổi theo nữa. Từ thuở ấy, Nhện mà bị đe dọa thì cứ trốn vào bụi bặm.

134. NHỆN VÀ KHỈ

(Tộc người Lô-bi)

Nhện kết bạn với Khỉ, có hôm Nhện rủ Khỉ cùng nó đi chợ. Khỉ hỏi: "Có gì ngoài chợ?". "Có hạt *ka-ri-tê*⁽¹⁾ tươi, có bột *nê-rê*⁽²⁾, có ngô, đủ mọi thứ". Khỉ nhận lời đi. Dọc đường, Nhện dừng lại đi ngoài. Nó vào một bụi rậm, bắt gặp sáu con báo con. Nó gọi bạn: "Đến xem này, có thú mới đây". Khỉ đến, Nhện bắt ba báo con bỏ vào túi da. Khỉ cũng bắt ba báo con, cũng bỏ vào túi da.

Vừa lúc ấy, Báo mẹ về. Nhện liền kêu: "Chị này, chúng tôi gặp các con chị ở đây, chúng tôi bắt chúng lên chơi đây". "Có hại gì đâu". Nhện rút một báo con ra khỏi túi: báo con lập tức chạy đến mẹ. Khỉ cũng rút một con ra khỏi túi mình, nhưng báo con đã chết, Nhện liền bảo: "Ôi chao, Khỉ ơi, chúng mình bắt mấy con nhỏ lên chơi, thế mà cậu lại giết mất một, cậu không biết thế là bậy sao". Vừa nói nó vừa rút ra một con khác nữa: cũng như con trước, con này vội chạy đến với mẹ. Khỉ lại thò tay vào túi mình, đặt xuống đất một xác chết khác, rồi một xác chết khác nữa. Trong khi đó Nhện thả con báo con thứ ba ra, rồi bỏ đi. Khỉ theo sau. Nhện gọi Khỉ: "Sao cậu không chờ Báo xử cho xong vụ này cái đã? Đừng đi theo tớ!".

Báo mẹ liền nổi cơn thịnh nộ. Nó vô lấy Khỉ, giết Khỉ chết. Còn Nhện thì đã trốn đi rồi. Trong khi con đã

thú đi tìm Nhện, định cho nó biết tay, thì Nhện quay lại, vô lấy xác Khỉ và xác con báo con, nấu lên ăn. Nó cứ tự khâm phục mãi về trí thông minh của nó: chính trí thông minh ấy đã ngăn nó giết mấy đã thú con.

-
- (1) Nguyên liệu để làm một thứ mỡ thực vật, Cây Ka-ri-tê mọc hoang ngoài thảo nguyên.
 - (2) Không thấy chú thích trong bản thảo

135. NHỆN VÀ SÓC

(Tộc người Lô-bi)

Sóc đang trông trọt trên thửa ruộng của mình, thì Nhện đi qua, cất tiếng hỏi: "Thửa ruộng này của ai đấy nhỉ?". "Của tôi", Sóc đáp. Nhện lùi ra xa, nhìn kỹ quanh mình, nhận thấy chẳng có lối mòn nào đi vào thửa ruộng của Sóc. Nó về nhà lấy một cái cuốc, phá một con đường rộng dẫn đến thửa ruộng ấy. Thời gian trôi qua, ngày nào Sóc cũng đến trông nom kê, chờ nó đi rồi thì Nhện mới đến. Có hôm hai con gặp nhau. "Nhện, anh làm gì đấy?". "Tôi đến làm cỏ cho kê tôi trồng", "cỏ dại chen ghê quá". "Nhưng thửa ruộng này có phải của anh đâu, của tôi đấy chứ". "Không thể thế được, từ bao năm rồi tôi trông trọt trên mảnh đất này. Vả lại, đây này: con đường dẫn từ nhà tôi tới đây. Còn nếu anh dám nói là của anh, thì hãy chỉ cho tôi xem anh đến đây bằng con đường nào". "Anh còn lạ gì nữa, tôi trèo lên cây, rồi tôi nhảy từ cành này qua cành kia. Xem này: vết móng của tôi trên vỏ cây còn đây". "Bịa. Thửa ruộng này là của tôi, tôi cứ giữ".

Sóc bèn đi hỏi một vị chuyên nói những điều bí ẩn⁽¹⁾, rồi vội vàng làm đúng những lời vị ấy khuyên nên làm. Nó thông đồng với Đa-đa, rưới nước cho con này ướt hết lông nhờ Đa-đa cứ ướt như thế mà đi vào lối mòn dẫn đến nhà Nhện, rồi ở đấy mà chờ Nhện đi qua. Một chốc sau, Nhện đến chỗ đó, hỏi Đa-đa: "Anh bị gì đấy mà có

vẻ ồm nặng thế?". "Tôi nguy đến nơi rồi, tôi bị bệnh Ka-ra-ra-kô"⁽²⁾. "Làm sao mà mắc phải bệnh ấy?". "Cãi nhau với Sóc. Thế là hấn gây cho tôi cái chứng này, chết là chắc".

Nhện không hỏi thêm gì nữa, vội đặt cuộc xuống, chạy đến nhà Sóc, bảo Sóc: "Tôi bỏ lại thửa ruộng cho anh đấy, nhưng bao giờ thu hoạch anh nhớ cho tôi hai thúng kê nhé".

Sóc cắt kê, chở về nhà. Nhện đến đòi hai thúng hạt, Sóc đuổi Nhện đi.

(1) Cách nói đẹp lời để chỉ thầy bói.

(2) Người suu tầm (Hăng-ri La-bu-rê) không chú thích là bệnh gì.

136. THỎ VÀ NGỰA VẦN

(Tộc người Ganda)

Có hai người bạn: thỏ Vahaima và ngựa vằn Vantulege. Vahaima chưa có vợ, còn Vantulege thì đã có vợ và sắp sửa có con. Vantulege phải đến nhà bố mẹ vợ để báo tin vui này. Vì nhà bố mẹ vợ ở xa, nên Vantulege không muốn đi đường một mình. Ngựa vằn bèn rủ thỏ, thỏ đồng ý, và cả hai cùng lên đường.

Bố mẹ vợ của ngựa vằn đón tiếp con rể và bạn của con rể rất chu đáo. Họ đem thức ăn mời hai chàng trai trẻ. Mâm cơm gồm: một bầu rượu, một con gà mái to và một con dê. Gà và dê được chia đôi: Vahaima một nửa và Vantulege một nửa. Loáng cái, Vahaima đã ăn hết phần thịt của mình; Vantulege chỉ ăn một nửa phần thịt gà của mình còn gói tất cả lại để đem về cho vợ.

Trên đường trở về, Vahaima cảm thấy ghen tị với bạn: nó có thịt mang về, còn mình thì về nhà tay không. Thỏ rất muốn ăn hết chỗ thịt của ngựa vằn. Nó vờ chạy lên trước rồi biến thành một cái thìa con. Nhìn thấy cái thìa đẹp, Vantulege biết ngay đấy chính là Vahaima.

- Này, cậu muốn tó nhét cậu vào túi thịt của tớ để cậu ăn hết phần thịt của tớ chứ gì! - Vantulege nói, - Không làm như vậy được đâu.

Vantulege không nhặt cái thìa lên mà cứ đi thẳng về nhà. Vahaima trở lại nguyên hình và bứt rùng chạy

đón đường Vantulege. Lần này, thỏ biến thành con dao. Nhìn thấy con dao, Vantulege cười và nói:

- Này, anh bạn ranh ma ơi! Cậu muốn ăn thịt của tớ chứ gì? Thôi, đừng làm như vậy nữa.

Vantulege không nhặt con dao lên mà đi tiếp. Thỏ trở lại nguyên hình và chạy thẳng tới khu ruộng nơi vợ Vantulege đang cuốc đất. Đợi cho vợ bạn ra về, thỏ biến thành hai chú ngựa vằn con. Tới khu ruộng của mình, nhìn thấy hai đứa con, Vantulege mừng lắm vì nghĩ vợ mình đã đẻ. Vantulege đưa cả túi thịt cho hai đứa con rồi về nhà.

- Sao mình lại để các con ngoài ruộng? Vantulege hỏi vợ.

Người vợ ngạc nhiên, không hiểu chồng hỏi con cái của ai. Vantulege bèn nhìn kỹ vợ và thấy vợ vẫn còn mang bầu. Lúc đó Vantulege mới biết là mình bị Vahaima lừa và chạy vội ra ruộng. Tới nơi, Vantulege thấy Vahaima đã ăn hết thịt rồi. Nhìn thấy Vantulege, Vahaima ném cái túi lại rồi bỏ chạy. Vantulege hét to lên:

- Mày chơi tao như thế nào, tao sẽ chơi lại mày như thế!

Và lao đuổi theo Vahaima, Vahaima trèo lên cây, Vantulege cũng trèo lên và tóm được chân thỏ.

Vahaima nói:

- Cậu tóm tớ như vậy không chắc đâu, hăng buông ra để tớ đuổi thẳng chân cho mà tóm.

Tưởng thật, Vantulege buông tay ra, và thả chạy biến vào bụi rậm. Vantulege đuổi theo và lại tóm được chân thả. Lần này, thả cười vang và nói:

- Cậu thật ngốc! Cái cành cây đấy chứ đâu phải chân của tớ.

Tưởng thật, Vantulege bỏ tay ra, và thả chạy chui vào tổ mối lớn đã bỏ đi. Vantulege đuổi theo và cũng chui vào tổ mối để bắt thả. Nhưng tổ mối quá bé, nên Vantulege bị nghẽn và chết trong đó. Thả chui ra, chạy về báo cho vợ bạn biết tin.

- Chồng của em chết rồi, anh sẽ là chồng em.

Và thả cưới vợ của bạn.

Hãy nhớ! Có thể có nhiều bạn, nhưng không nên tin hoàn toàn vào bất cứ người bạn nào.

137. HOÃNG, BÁO, SON DƯƠNG VÀ CÁ SẤU

(Tộc người Luba)

Trong khu rừng nọ, có hai gia đình của hai người bạn: báo và hoẵng Cabulucu. Cả hai gia đình đều không có đất để trồng trọt. Lần đó, do sự tử hòng hành, nên cả hoẵng và báo bị đói.

Trong khi đó thì Son dương Lusumbi có tới ba cánh đồng: một trồng sắn, một trồng ngô và một trồng đỗ và rất giàu có. Hoẵng bèn nói với báo:

- Vợ con chúng mình thì đang bị đói, còn Son dương thì lại rất giàu.

- Thật vậy sao? - báo hỏi.

- Tôi đã nói dối anh bao giờ đâu. - hoẵng đáp.

- Vậy thì chúng mình phải nghĩ cách gì đó đột nhập được vào kho của nó đi. - báo gợi ý.

Hoẵng nói:

- Chúng ta sẽ làm như thế này: tôi đến gặp Son dương nói với cô nàng là có muốn mua chó của tôi không. Nếu cô ta đồng ý thì tôi sẽ dẫn anh tới.

Mọi việc diễn ra đúng như hoẵng bàn. Son dương nói với hoẵng:

- Chú ơi! Từ lâu tôi đã muốn có một con chó khôn rồi. Thế con chó bao nhiêu tiền?

- Tiền thì tôi không cần, - hoẵng đáp, - hãy đưa cho tôi mười túi sắn, mười túi ngô và mười túi đỗ.

- Chú hãy mang chó tới đây đã, - Sơn dương đề nghị.

Hoẵng trở về nhà và đưa báo tới. Nhìn thấy con chó to, Sơn dương mừng rỡ và đem đưa cho hoẵng tất cả những gì mà hoẵng đã đòi. Hoẵng nhận đủ các thứ rồi nói:

- Tôi muốn nói với cô một điều là, khi đi sắn, nếu thấy con chó vô mỗi ăn thì đừng có cắn nó. Nếu cắn nó thì không tốt đâu.

Nghe hoẵng nói, báo hiểu ngay ý của bạn.

Từ khi có chó, suốt một tháng trời, ngày nào Sơn dương cũng đi sắn và ngày nào cũng sắn được rất nhiều.

Một hôm, trong lúc đi sắn, nhìn thấy con chó của mình xé thịt con mỗi ăn, Sơn dương bèn dùng gậy đánh chó. Báo tức quá xông vào cắn chết và ăn thịt Sơn dương. Xong, báo đem tất cả số thú vật sắn được về nhà mình. Hoẵng đòi báo chia đôi số thịt đó. Báo quyết định lừa hoẵng. Nó nói:

- Cần gì phải chia đôi, cứ để tất cả ở nhà tôi. Khi nào vợ cậu cần thịt thì cứ sang đây mà lấy.

Hoẵng đồng ý. Nhưng mỗi khi vợ hoẵng sang lấy thịt đều bị báo dọa và không cho. Hoẵng bèn đánh bạn với cá sấu và kể lại chuyện cho người bạn mới nghe. Một hôm, hoẵng nghĩ ra một mẹo. Nó tìm gặp cá sấu và nói:

- Cá sấu ơi! Con chó của nhà tôi hư lắm, tôi cho anh ăn thịt nó đây. Mai anh tới ăn thịt nó nhé.

Hoẵng trở về nói với báo:

- Ngày mai tôi sẽ đưa đến cho anh một con chó to. Khi nó tới, anh phải vô ăn thịt luôn nhé.

Sáng hôm sau, hoẵng đưa cá sấu về nhà mình rồi chạy sang gọi báo:

- Chó đang trong nhà tôi rồi, anh sang mà ăn thịt. Đợi cho báo vào trong phòng, hoẵng đóng sập cửa lại. Và hai con thú quần nhau chí tử, vì con nào cũng tưởng con kia là chó. Cuối cùng thì cá sấu cũng giết và ăn thịt được báo.

Ai không trung thực sẽ gặp hậu họa.

138. GÀ TRỐNG THẮNG CỰ ĐÀ NHƯ THẾ NÀO

(Tộc người Camba)

Cự đà kết bạn với gà trống. Lần đó, cự đà làm rượu và mời gà trống sang uống. Sau đấy, gà trống cũng làm rượu và mời cự đà đến uống với mình. Đôi bạn còn mời nhau uống rượu nhiều lần nữa. Sau một lần uống rượu ở nhà cự đà, gà trống mời bạn.

- Ngày mai sang nhà tôi uống rượu nhé!

Về tới nhà, gà trống bảo vợ:

- Ngày mai, khi cự đà tới, mình nói là mình đã cắt cái đầu của tôi và cái đầu đó đã đi uống rượu rồi. Mình phải nói như vậy để cự đà không có cơ gì ở lại nhà ta.

Sáng hôm sau, cự đà tới nhà gà trống.

- Chào anh gà trống! - Cự đà nói.

Gà trống không đáp. Vợ gà trống chạy ra nói.

- Tôi đã cắt cái đầu của anh ấy để cái đầu đi uống rượu. Ở nhà chỉ còn mỗi cái thân của anh ấy thôi.

Bác đợi một lát, cái đầu anh ấy sẽ về ngay đấy mà.

Cự đà ngồi đợi. Một lúc lâu sau, gà trống mới thò đầu ra và chào:

- Chào anh cự đà! Anh đến khi nào vậy?

- Tôi đến đã lâu rồi và ngồi đợi anh.

Gà trống và cự đà cùng ngồi uống rượu. Khi đứng dậy để về nhà, cự đà mời gà trống ngày mai sang nhà uống rượu. Hôm sau, gà trống sang nhà cự đà uống rượu và khi về không quên mời bạn ngày hôm sau tới nhà mình cùng uống rượu. Sáng hôm sau, cự đà đến và lại thấy gà trống không có đầu. Một lúc sau, gà trống mới thò đầu ra chào bạn.

- Chào anh cự đà!

- Chào anh! Anh từ đâu về vậy?

- Tôi đi uống rượu và vừa mới về. Dem cả cái thân đi thì nặng nề, nên tôi bảo vợ tôi cắt đầu tôi khỏi thân. Chỉ cái đầu đi thì vừa tiện vừa dễ uống rượu.

Hai người bạn lại ngồi với nhau uống rượu và khi ra về, cự đà lại mời bạn ngày mai sang uống rượu.

Về đến nhà, cự đà nói với vợ:

- Hãy cắt đầu tôi đi. Ngày mai, khi gà trống đến thì mình hãy nói là cái đầu của tôi đã đi uống rượu chưa về.

Người vợ cự đà đã làm theo lời chồng và khi cái đầu vừa đứt thì cự đà cũng chết luôn. Gà trống đến và cất tiếng chào:

- Chào anh cự đà!

Vợ cự đà chạy ra nói:

- Chào bác! Chồng tôi bảo tôi cắt đầu anh ấy để anh ấy đi uống rượu. Tôi đã cắt rồi, đầu anh ấy đây này. Cái đầu chả đi đâu cả mà vẫn cứ ở nhà.

Gà trống bèn kêu lên:

- Thế là chị đã giết bạn tôi rồi! Vì chuyện này, tôi phải đánh chị!

- Thế giờ tôi phải làm gì? - Vợ cự đà rầu rĩ nói.

- Hãy đứng lên và cùng đến nhà tôi! - Gà trống ra lệnh.

Và thế là gà trống có thêm một cô vợ nữa - vợ của cự đà.

139. CHÚ CHÓ THÔNG MINH

(Tộc người Bu-ra)

Lần đó, chín con chó cùng lên đường đi săn. Dọc đường chúng gặp sư tử cũng đang đi săn mồi. Sư tử đề nghị cùng phối hợp săn bắt mồi và bày chó đồng ý. Đến chiều tối, sư tử và bảy chó săn được mười con sơn dương.

Sư tử nói:

- Giờ thì chúng ta đã có trong tay mười con mồi rồi, công việc còn lại là chia sao cho đều.

Một chú chó nhanh nhẩu nói:

- Có gì khó đâu! Chúng ta săn được mười con sơn dương và chúng ta lại có mười người. Còn gì phải nghĩ nữa, mỗi người một con mồi là quá đẹp rồi.

Chú chó chưa kịp dùng lời thì sư tử đã gầm lên và tát cho chú một cái làm chú mù luôn cả hai mắt. Những con chó còn lại run cầm cập, chờ sự trừng phạt của sư tử. Đúng lúc đó, chú chó nhỏ nhất đàn dũng cảm nói:

- Chia như thế không được! Anh tôi đã nói không đúng. Ngài là chúa sơn lâm, vì thế ngài phải được chín con mồi. Còn chúng tôi chín người chỉ xin được một con mồi thôi. Chia như vậy là gọn và đúng nhất ạ.

Sư tử khoái chí cười và nói:

- Mày không đến nỗi ngu như anh mày. Ai dạy mày cách chia thông minh như vậy?

Chú chó đáp:

- Dạ, thưa chúa Sơn Lâm! Chính bài học của người anh vừa bị ngài làm mù mắt đã dạy tôi ạ.

140. CỐC VÀ TẮC KÈ

(Tộc người Luba)

Lần đó, cốc đang làm việc trên ruộng của mình. Tắc kè tới thăm và thấy cây hồ đào của cốc đầy quả chín. Tắc kè nói với cốc:

- Anh bạn ơi! Hồ đào chín đầy cây rồi, sao không hái đi?

- Anh nói đúng đấy! - Cốc đáp, - biết là vậy, nhưng tôi lại không biết trèo cây.

Lúc đó, tắc kè mới nói ý định của mình:

- Tôi sẽ trèo lên hái quả giúp anh!

Và tắc kè trèo ngay lên ngọn cây. Nó hái hết quả hồ đào này đến quả hồ đào khác cho vào túi mình chứ không ném xuống cho cốc.

Cốc nhìn tắc kè và hỏi:

- Anh ở trên cây đã lâu rồi mà sao không ném một quả nào xuống cho tôi.

Tắc kè đáp:

- Loài tắc kè chúng tôi, khi đã leo lên cây, thì không bao giờ nghĩ tới người ở dưới.

Cốc tức lắm, bèn gọi các con đến và nói:

- Các con hãy chất củi rác đốt gốc cây hồ đào!

Thấy lửa, khói bốc lên, tắc kè kêu lên:

- Anh bạn ơi! Tắt lửa đi! Tắc kè xuống ngay đây!

Nhưng cóc đáp:

- Loài cóc chúng tôi, mỗi khi làm việc gì ở dưới, thì không bao giờ nghĩ tới người ở trên.

Khói bốc lên làm tắc kè ngạt và rơi xuống đồng lửa chết thui.

141. VÌ SAO BÀN CHÂN ẾCH LẠI DỆT

(Tộc người Libêria)

Ếch có một khu đất rộng. Đến mùa làm đất và gieo hạt, ếch vào làng của người nhờ người đến làm giúp, vì một mình ếch thì không làm nổi. Đã thành lệ của con người, đến mùa gieo trồng hoặc gặt hái, dân làng thường tới giúp nhau.

Tất cả dân làng đều tới giúp ếch. Khi mọi việc đã xong, ếch làm một bữa liên hoan thết đãi để cảm ơn những người tới giúp. Lúc mọi người đã ra về hết, ếch mới sực nhớ:

- Mình phải cảm ơn mọi người bằng cách gì chứ? À, nghĩ ra rồi: mình phải bắt tay tất cả mọi người.

Và ếch chạy vội ra đón đầu đoàn người đang đi về làng. Ếch giơ tay bắt tay từng người và nói:

- Cảm ơn, cảm ơn!

Cứ thế, ếch bắt tay và nói lời cảm ơn tất cả mọi người. Trong số dân làng, có không ít những người khỏe mạnh. Cho nên họ bắt tay ếch rất chặt và mạnh, khiến tay ếch bẹp gí.

Trở về nhà, ếch mới thấy bàn tay của mình vừa bị đau và vừa bị dệt. Ếch bèn tìm gặp thần trời Niama. Nghe ếch nói xong, thần trời Niama nói:

- Dành vậy thôi, nhưng con nhớ là, từ nay khi muốn bày tỏ lòng cảm ơn tới nhiều người thì chỉ cần nói với người đại diện để người đó nói lại với tất cả mọi người.

Thần chỉ làm cho bàn tay ếch hết đau chứ không nắn lại như cũ được. Thế là từ đó, bàn chân của ếch mới bị dẹt như hiện nay chúng ta thấy.

142. VÌ SAO ẾCH KHÔNG CÓ ĐUÔI

(Tộc người Asanti)

Thuở ấy, loài vật không chơi với ếch vì ếch không có đuôi. Ếch bèn tìm gặp thần trời Niama để xin đuôi. Thần nói:

- Ta có một cái giếng không bao giờ cạn nước. Nếu người đồng ý tới canh giữ cái giếng ấy cho ta, ta sẽ cho người cái đuôi.

Ếch nhận lời và được thần Niama cho một cái đuôi.

- Này ếch! - Thần trời dặn, - hãy giữ cái giếng cho sạch để ai cũng có thể uống nước được.

Ếch trở về làm việc canh giữ cái giếng của thần trời.

Năm đó, trời hạn hán kéo dài khiến tất cả các giếng đều cạn nước. Chỉ cái giếng của thần Niama là có nước. Bởi thế ếch rất vênh váo, mỗi khi có con vật nào đó tới uống nước. Con vật đầu tiên tới xin nước là trâu. Ếch hỏi:

- Ai đến xin nước giếng của thần trời đó hả?

- Tôi, trâu đây! - Trâu đáp.

- Hãy cút đi chỗ khác! Không có nước cho anh, giếng cạn rồi. - Ếch quát.

Trâu đành bỏ đi, không được uống một giọt nước nào. Sau đó cừu đến xin nước và cũng đành phải chịu khát mà đi như trâu. Rồi bò, voi, lợn, linh dương tới giếng xin nước. Ếch đều nói là không có nước và đuổi chúng đi.

Không có nước uống, các loài thú vật chết rất nhiều. Thấy thảm cảnh như vậy, thần trời vô cùng ngạc nhiên. Thần bèn tới cái giếng của mình xem sự thể ra sao.Ếch hỏi xằng:

- Ai đến xin nước!

- Ta, thần Niama đây.

Đã thành thói quen, ếch quát.

- Cút đi, không có nước cho mày, nước cạn rồi.

Thần trời tức giận, tóm lấy ếch, vặt cái đuôi của nó rồi đuổi nó đi. Từ đấy ếch mất đuôi. Khi mới nở, nòng nọc còn có đuôi, nhưng khi thành ếch thì đuôi đứt.

143. THỎ, SƯ TỬ VÀ LINH CẦU

(Tộc người Bambara)

Lần đó, sư tử, vị chúa sơn lâm bị ốm. Ngài phái sứ thần của mình đi tìm thuốc chữa bệnh. Sứ thần linh cầu tới gặp thỏ và nói:

- Nay thỏ, chúa bị đau, tất cả các loài vật phải tới gặp chúa để xem ai có cách chữa cho chúa khỏi bệnh.

Thỏ đáp:

- Tôi không đến đâu. Phương thuốc chữa bệnh cho chúa thì tôi có, nhưng chúa bị bệnh già đấy. Chỉ khi nào chúa chết, chúng ta mới được thoải mái.

Linh cầu chạy vội về nói cho sư tử biết về thỏ. Sư tử tức giận sai lính đi bắt thỏ tới. Trong khi đó, các loài vật thay nhau mách chúa cách chữa bệnh. Cá sấu nói:

- Chúa nên ra sông tắm cho mát là sẽ khỏe.

Trăn nói:

- Vì nơi chúa ở bóng cây nhiều nên dễ sinh bệnh. Chúa hãy ra sa mạc phơi nắng thì sẽ khỏe lên.

Vừa lúc đó, thỏ bị đưa đến. Sư tử quát:

- Nay thỏ, hãy lại gần đây! Ta sẽ bóp người bằng một tay thôi để ngươi biết là chúa của ngươi già hay trẻ!

- Ai nói với chúa là chúa già? - Thỏ hỏi.

- Linh cầu nói là chính nhà ngươi nói...

- Linh cầu nhầm đấy, dạ thưa chúa! Nó chưa nghe hết lời đã vội chạy đi nên đã hiểu sai ý của tôi. Tôi nói là tôi không thể đến ngay được vì còn phải đi gặp một thầy lang để hỏi thuốc cho chúa đã.

- Thế thầy lang nói sao?

- Dạ, thầy lang nói, chúa chỉ cần lấy óc linh cầu trộn với muối rồi ăn thì sẽ khỏi bệnh ngay.

Linh cầu sợ quá bỏ chạy. Các loài vật tóm được nó đưa cho sư tử. Sư tử sai giết linh cầu làm thuốc cho mình, như lời thỏ nói.

Trên đời này, không gì cao hơn trí tuệ.

144. CUỘC CHIẾN GIỮA CHIM VÀ THÚ

(Tộc người Hausa)

Gà trống và voi sống bên cạnh nhau. Một hôm, voi tạt lưng vào nhà của gà trống làm ngôi nhà bị đổ. Trả thù lại, gà trống đổ rác vào nhà của voi. Thấy vậy, voi nói:

- Hai chúng ta phải đánh nhau để giải quyết cuộc cãi cọ này.

- Được, - gà trống đáp, - mỗi chúng ta phải gọi họ hàng tới.

Thế là, voi đi gọi các loài thú, còn gà trống thì đi gọi các loài chim. Hai bên dàn hàng để chuẩn bị giao đấu. Các loài thú chọn linh cẩu làm thủ lĩnh và các loài chim thì chọn điều hâu làm chỉ huy.

Hai người ra giao đấu đầu tiên là linh cẩu và đà điểu. Đà điểu bước ra nói:

- Cho người đánh ta ba đòn trước, sau đó đến lượt ta đánh người ba đòn.

Linh cẩu lao vào đánh đà điểu ba đòn. Đến lượt mình, đà điểu dùng mỏ mổ cho linh cẩu ba đòn làm linh cẩu sưng vù cả mắt, thâm tím cả người. Nhìn thấy linh cẩu trở về đầy thương tích, bầy thú hỏi đối phương ra sao. Linh cẩu đáp:

- Chúng đông lắm!

Vừa lúc đó, điều hâu bay tới, ném trứng gà lên đầu voi và nói:

- Kìa, voi bị vỡ đầu rồi.

Voi đưa vòi lên sờ đầu thấy lầy nhầy. Voi sợ quá kêu lên:

- Trời ơi! Tôi bị vỡ đầu rồi.

Điều hâu ném tiếp cái thùng xuống bên chân voi rồi hét to lên:

- Voi bị đánh rụng vòi rồi!

Nhìn thấy cái thùng, cả voi và các loài vật đều tưởng thật. Và tất cả bỏ chạy tán loạn.

Sau chiến thắng, gà trống đến gặp điều hâu cảm ơn:

- Từ nay, để trả ơn anh, anh có thể bắt các con của tôi ăn thịt bất kỳ lúc nào anh thích.

XUN-GIA-TA
(*Sử thi Tây Phi*)

1. CÁC VUA ĐẦU TIÊN TRÊN ĐẤT MĂNG-ĐÌNH

Hãy nghe đây, hỡi con trai của đất Măng-đình, hỡi con cái của dân đen ta. Hãy nghe lời ta kể, ta sẽ nói chuyện với các người về Xun-gia-ta, người cha của xứ sở Sáng, của đất thảo nguyên, tổ tiên của những kẻ giương cung, ông chủ của trăm vua bại trận.

Ta sẽ nói về Xun-gia-ta, Măng-đình Đi-a-ra, con su tử xứ Măng-đình, Xô-gô-lông Gia-ta, con trai của Xô-gô-lông, Na-rê Ma-găng Gia-ta, con trai của Na-rê Ma-găng, Xô-gô Xim-bông Xa-la-ba, người anh hùng mang vô vàn tên.

Ta sẽ nói với các người về Xun-gia-ta, bậc mà chiến công sẽ còn làm cho người đời kinh ngạc lâu dài. Giữa các vua, người là vua lớn. Giữa người đời, không ai sánh được với người. Người được Thượng Đế yêu, vì người là bậc chinh phạt cuối cùng.

Thoạt đầu, Măng-đình là một vùng trên đất các vua Băm-ba-ra. Những người nay gọi là Ma-nin-ka, cư dân xứ Măng-đình, không phải là người bản địa: họ vốn từ phương Đông đến. Bi-la-li Bu-na-ma, vị tổ dòng Kây-ta, là tôi tớ trung thành của vị tiên tri Mô-ham-ma-đu (cầu Thượng Đế cho người được An Bình). Bi-la-li Bu-na-ma có bảy con trai: con cả, La-oa-lô, từ thành phố Thiêng ra đi, rồi đến định cư ở Măng-đình; La-oa-lô sinh con trai là La-tan Ka-la-bi;

La-tan Ka-la-bi sinh con trai là Đa-man Ka-la-bi; rồi ông này sinh con trai là La-hi-la-tun Ka-la-bi.

La-hi-la-tun Ka-la-bi là vị vua đen đầu tiên đến Mếch-ca hành hương. Trên đường về, ông bị bọn cướp trên sa mạc trấn lột, tùy tùng của ông tán loạn hết, một số khát mà chết. Nhưng Thượng Đế cứu La-hi-la-tun Ka-la-bi, vì ông là con người trung thực. Ông cầu đấng Tối uy, thế là một số Gin hiện lên, nhận ông là Vua của họ. Sau bảy năm vắng mặt, nhờ ân phúc của An-la tối uy mà vua La-hi-la-tun Ka-la-bi về được xứ Măng-đinh, nơi không còn ai chờ đợi ông nữa.

La-hi-la-tun Ka-la-bi sinh hai trai, con cả là Ka-la-bi Bem-ba, con thứ là Ka-la-bi Đô-măng. Người con cả chọn vương quyền: ông lên ngôi vua. Còn người con thứ thì thích làm giàu, thích của cải: ông là tổ đầu của những kẻ đi từ xứ này qua xứ kia cầu vận may.

Ka-la-bi Bom-ba sinh con trai là Ma-ma-đi Ka-ni. Ma-ma-đi Ka-ni là Vua săn bắn, hết các vua đầu tiên xứ Măng-đinh. Chính Ma-ma-đi Ka-ni phát minh ra cái *Xim-bông*, tức còi huýt của người đi săn: ông giao tiếp được với các vị thần trấn rừng rú, trấn bụi bờ. Với ông, rừng rú, bụi bờ chẳng có gì bí ẩn, ông được Kông-đô-lông Ni Xa-nê yêu mến. Môn đệ của ông đông đến mức ông tập hợp họ lại thành một đạo quân, và đạo quân ấy trở nên đáng gờm. Ông thường họp họ lại trong vùng bờ bụi, truyền cho họ nghệ thuật săn.

Chính ông đã chỉ cho người săn bắn biết các loại lá thuốc chữa được vết thương, được bệnh hoạn. Nhờ sức mạnh của đám môn đệ, ông trở thành vua một xứ sở rộng

lớn. Cùng họ, Ma-ma-đi Ka-ni chiếm cứ mọi xứ trải dài từ sông Xăng-ka-ra-ni cho đến vùng Bu-rê. Ma-ma-đi Ka-ni sinh bốn trai: Ka-ni Xim-bông, Ka-ni-nhô-gô Xim-bông, Ka-ba-la Xim-bông, và Xim-bông Ba-ma-ri Ta-nhô-gô-ke-lin. Cả bốn người đều được nhập môn vào nghệ thuật săn bắn, đều xứng đáng với danh hiệu Xim-bông. Dòng dõi của Ba-ma-ri Ta-nhô-gô-ke-lin chính là dòng nắm giữ vương quyền: con trai ông là M'Ba-li Ne-ne; ông này sinh con trai là Ben-lô; ông này sinh con trai là Ma-găng Kông Phát-ta, cũng gọi là Ph'ra-kô Ma-găng Ke-ga, tức Ma-găng người đẹp.

Ma-găng Kông Phát-ta là cha đẻ ra Xun-gia-ta vĩ đại. Ma-găng Kông Phát-ta có ba vợ, sáu con. Vợ thứ nhất, tên Xát-xu-ma Bê-rê-tê, là con gái của một vị Giáo sĩ lớn: bà sinh ra vua Đăng-ka-răng Tu-măng và công chúa Na-na T'ri-băng. Vợ thứ hai, Xô-gô-lông Ke-giu, bà mẹ đẻ ra Xun-gia-ta, cùng hai công chúa Xô-gô-lông Kô-lông-kăng và Xô-gô-lông Gia-ma-ru. Vợ thứ ba là một người thuộc dòng họ Ka-ma-ra, tên Na-măng-giê: bà sinh ra Măng-đinh Bô-ri, hay Măng-đinh Ba-ka-ra, em trai mà cũng là người bạn thân nhất của Xun-gia-ta.

2. NGƯỜI ĐÀN BÀ CẨM TINH CON TRÂU

Ma-găng Kông Phát-ta, cha đẻ ra Xun-gia-ta, nổi tiếng đẹp người khắp mọi xứ. Nhưng ông cũng là vị vua tốt, được toàn dân mến yêu. Trong kinh kỳ Ni-a-ni-ba, ông cứ thích ngồi dưới gốc một cây gạo lớn, tán cây vươn cao trên cung Căng-cô, nơi vua ở. Ma-găng Kông Phát-ta trị vì đã lâu rồi. Con trai cả của ông, Đẳng-ka-răng Tu-măng, đã lên mười, thường đến ngồi cạnh cha, trên tấm da bò.

Thế rồi có hôm, theo thường lệ, vua đã yên vị dưới gốc cây gạo, quanh ông là những người thân quen, bỗng vua thấy có người ăn mặc áo quần đi săn đang tiến về phía ông. Anh ta mặc quần bó ống, kiểu quần của những người được Kông-dô-lông Ni-xa-nê ưu đãi; áo khoác ngoài đính đầy ốc tiến cho biết đây là một bậc thầy trong nghệ thuật săn bắn. Mọi người quay lại nhìn kẻ lạ mặt: chiếc cung để lâu ngày đã lên nước bóng cứ ngời lên dưới ánh mặt trời. Người ấy tiến thẳng đến trước mặt vua: anh nhận ra nhà vua giữa các thị thần. Anh rạp người xuống: "Xin chào nhà vua xứ Măng-đinh, xin chào tất cả các vị trên đất Măng-đinh. Tôi là người đi săn đuổi theo thú mồi. Tôi từ Xăng-ga-răng đến. Một con hươu cái táo bạo đã dẫn tôi đến chân thành Ni-a-ni-ba. Nhờ Ba-ra-ka của Thầy tôi, một vị Xim-bông lớn, mũi tên tôi bắn đã dính vào con thú. Nó nằm kia, bên thành của các vị. Tâu vua, làm đúng

nghĩa vụ, tôi xin đến nộp phần chia cho ngài. Rồi anh rút từ túi da ra một đùi thịt. Vội nắm lấy đùi thịt, G'năng-ku-măng Đu-a, vị G'ri-ô của nhà vua bèn lên tiếng: "Hỡi khách đường xa, dù anh là ai, thì anh vẫn là khách của nhà vua đây, vì anh biết tôn trọng tập quán. Xin mời anh ngồi lên chiếu bên cạnh chúng tôi. Nhà vua hài lòng, vì ngài mến những con người thẳng thắn". Vua gật đầu tỏ ý đồng tình, đám thị thần cũng thế. Với giọng nói thân tình hơn, vị G'ri-ô lại tiếp: "Anh đến từ Xăng-ga-răng, từ xứ sở của những người được Kông-đô-lông Ni-xa-nê ưu đãi. Chắc hẳn anh từng học với một bậc thầy đầy Hiểu Biết. Xin anh vui lòng mở túi hiểu biết ra trước mắt chúng tôi. Bằng lời nói, xin anh vui lòng dạy dỗ chúng tôi, vì chắc hẳn anh đã ghé qua nhiều xứ sở".

Nhà vua vẫn lặng im, nhưng gật đầu đồng ý. Một thị thần thêm vào:

- Những người săn bắn ở Xăng-ga-răng là những người bói toán giỏi nhất. Nếu khách đường xa vui lòng, chúng tôi có thể học hỏi khách rất nhiều điều.

G'năng-ku-măng Đu-a nhường một đầu chiếu cho khách đến ngồi. Khách nói:

- Thưa vị G'ri-ô của nhà vua, tôi không thuộc loại người đi săn khéo lười hơn khéo cánh tay. Tôi không kiếm ăn bằng nghề thầy bói. Tôi không thích lạm dụng lòng tin dễ dãi của những người tốt bụng. Nhưng nhờ hiểu biết của Thầy tôi đã truyền cho, tôi dám tự hào là người bói toán số một giữa những người bói toán.

Khách rút từ Xát-xa ra mười hai vỏ ốc tiền, ném xuống chiếu. Vua và mọi người ngồi quanh ông đều quay

nhìn người Khách xa đang trộn mười hai vỏ ốc bóng ngời trong bàn ta thô ráp. G'năng-ku-măng Đu-a kín đáo ra hiệu cho nhà vua lưu ý: thầy bói này quen dùng tay trái. Tay trái là tay ác hiểm, nhưng, trong nghề bói toán đây, người ta lại cho rằng những người bói giỏi nhất thường quen dùng tay trái. Người đi sẵn lăm bắm những lời không ai hiểu. Tay anh trộn đi trộn lại mười hai vỏ ốc, khiến chúng cứ thay đổi vị trí: anh nhìn các vỏ ốc chuyển động mà suy ngẫm mãi. Bỗng anh ngược mắt nhìn vua:

- Tâu vua, trời đất đầy bí ẩn, mọi điều đều ẩn kín, con người thấy được gì thì biết được chừng ấy đấy thôi. Cây gạo mọc lên từ một hạt bé tí tẹo: cây dám thách thức bão táp, mà mầm cây chẳng nặng hơn một hạt gạo, các vương quốc cũng như cây cối: có vương quốc sẽ là cây gạo, còn cây khác cứ lùn tịt mãi để cho bóng gạo trùm lên. Ồi, nhìn một đứa trẻ, ai mà nhận ra được vị vua lớn sau này, nhận ra được số kiếp lớn của đứa bé. Chân lý và dối trá từng bú chung một vú. Chẳng có gì là chắc cả đâu. Nhưng kìa, tâu vua, tôi thấy đằng xa có hai người Khách lạ tiến đến thành phố của ngài.

Anh lặng đi, mắt nhìn hồi lâu về phía cổng thành. Mọi người cũng im lặng, hướng mắt về phía tây.

Người bói lại quay về nắm vỏ ốc.

Anh nhanh nhẹn đảo các vỏ ốc trong lòng bàn tay, rồi tung ra:

- Hồi nhà vua xứ Măng-đinh, định mệnh đang rảo dài bước. Xứ Măng-đinh sắp ra khỏi vòng đêm tối. Ni-a-ni-ba đang sáng lên. Nhưng ánh sáng gì mà lại từ phương Đông chiếu đến?

G'ňăng-ku-măng lên tiếng:

- Hỡi chàng đi săn, lời anh nói tối tăm quá. Anh vui lòng cho lời ấy lọt được đến chúng tôi. Hãy nói bằng tiếng nói trong sáng của chốn đồng cỏ quê anh.

- Hỡi vị G'ri-ô, có ngay đây. Hãy nghe lời tôi thông báo. Tâu vua, xin ngài nghe lời tôi nói đây:

- Ngài đã trị vì vương quốc đo tổ tiên ngài để lại. Ngài không nuôi tham vọng nào khác, chỉ muốn truyền lại cho con cháu vương quốc này nguyên vẹn, nếu không phải là được mở rộng thêm. Nhưng, hỡi vị Ma-găng Đẹp người, kẻ kế vị ngài chưa ra đời.

- Tôi thấy hai người đi săn tiến đến thành phố của ngài: họ từ xa đến, có một người đàn bà đi cùng. Ôi, người đàn bà kia! Nàng xấu lắm, xấu đến rùng rợn, lưng gập lại vì cục bướu, đôi mắt lồi như chỉ đặt tạm lên mặt. Nhưng, ôi, có bí ẩn nào bằng bí ẩn này. Người đàn bà kia, tâu vua, ngài phải cưới nàng làm vợ, vì đấy là mẹ đẻ ra bậc sẽ làm cho tên tuổi xứ Măng-dinh đời đời bất diệt. Đứa bé ấy sẽ là ngôi sao thứ bảy, sẽ là bậc chinh phạt thứ Bảy trên mặt đất này. Đứa bé ấy sẽ hùng mạnh hơn cả Giu-lu Ka-ra Nai-ni. Nhưng, tâu vua, để cho định mệnh dẫn người đàn bà kia đến tận ngài, cần phải dâng lễ tế sinh: ngài sẽ hạ sát một con bò đực đỏ, vì bò đực là sức mạnh. Khi máu bò thấm xuống đất rồi, thì không gì ngăn được vợ ngài đến đây nữa. Đấy, tôi đã nói hết những gì tôi phải nói. Nhưng mọi chuyện đều trong tay của Đấng Tối Uy.

Người đi săn dón các vỏ ốc lại, cất vào *xát-xa*:

- Tôi chỉ là khách qua đường, tâu nhà vua xứ Măng-đinh, giờ tôi trở lại Xăng-ga-răng. Vĩnh biệt.

Người đi săn mất hút, nhưng cả vua Na-rê Ma-găng lẫn vị G'ri-ô G'năng-ku-măng Đu-a không quên những lời tiên tri của anh. Người bói toán trông rộng thấy xa, lời họ nói không phải bao giờ cũng là chuyện trước mắt. Con người thì vội, thời gian lại dài, nhưng chuyện nào phải vào lúc ấy.

Thế rồi có hôm nhà vua cùng tùy tùng vẫn còn ngồi dưới gốc cây gạo lớn ở Ni-a-ni-ba như thường lệ, bỗng mắt họ bị hút về phía mấy người lạ mặt đang đi vào thành phố. Cái triều đình nho nhỏ cứ nhìn, như kinh ngạc.

Hai người đi săn trẻ tuổi, vừa đẹp người vừa đẹp dáng đi, đang bước tới đi trước họ là một người con gái. Họ hướng về phía Cung vua. Hai người trai mang trên vai chiếc cung bạc ngời sáng. Người có vẻ trẻ hơn bước đi với dáng tự tin của một bậc Thầy Xim-bông. Đến cách nhà vua mấy bước, họ rạp mình xuống. Rồi người lớn tuổi nhất lên tiếng:

- Chúng tôi xin chào nhà vua Na-rê Ma-găng Kông Phát-ta và các vị tả hữu. Chúng tôi từ xứ Đô đến, nhưng hai anh em tôi là người xứ Măng-đinh, thuộc dòng họ T'ra-ô-rê. Lênh đênh trên đường săn bắn, chúng tôi đã đến tận xứ Đô xa xôi, nơi trị vì nhà vua Đô Măng-đô G'ne-mô Đì-a-ra. Tôi tên là U-lăm-ba, em tôi là U-la-ni. Người con gái này là người xứ Đô. Chúng tôi đưa nàng đến đây dâng lên nhà vua, vì anh em tôi đánh giá rằng nàng xứng đáng làm vợ vua.

Nhà vua và các thị thần cố nhìn mặt người con gái, nhưng không sao nhìn được. Nàng quỳ đấy, đầu cúi xuống, cố tình để cho chiếc khăn phủ lên khuôn mặt. Mặt thì che được, nhưng nàng không sao giấu nổi cục bướu làm cho nàng u cả vai, u cả lưng. Nàng xấu lắm. Một vẻ xấu mạnh khỏe: các bắp thịt nổi rõ trên cánh tay, đôi vú căng nhô lên dưới làn vải chắc của chiếc váy thắt ngang tầm nách. Vị Ma-găng Đẹp người ngắm nàng một chốc, rồi quay mặt đi. Ông đưa mắt nhìn G'năng-ku-măng hồi lâu, rồi cúi đầu. Vị G'ri-ô hiểu hết nỗi hoang mang của nhà Vua:

- Các vị là khách của nhà vua. Hỡi những người đi săn, chúng tôi xin chúc hai anh được an bình trọng hậu cho người đi săn nào hạ được con trâu.

- Anh em chúng tôi quyết định cũng thử vận may một phen xem sao, thế là chúng tôi đặt chân vào trong xứ Đô. Mắt cứ nhìn ngang liếc dọc, chúng tôi cẩn thận tiến bước. Rồi bên bờ một con sông chúng tôi gặp một lão đang khóc lóc, than thở: bà bị con đói dẫn vạt. Cho đến lúc ấy, chưa một khách qua đường nào thềm dừng lại bên bà. Nhân danh đáng Tối Uy, bà van chúng tôi cho ăn. Thấy bà khóc mà thương, tôi bước đến, rút từ xát-xa ra mấy miếng thịt khô. Ăn no rồi, bà mới bảo:

- Nay anh đi săn, cầu Thượng Đế trả lại cho anh những gì anh vừa bố thí cho tôi.

Anh em chúng tôi sắp sửa lên đường đi tiếp, thì bà chặn tôi lại:

- Tôi biết, tôi biết các anh sắp đi đánh con trâu xứ Đô, cầu may một chuyến. Nói cho các anh rõ, trước các anh biết bao người đã liều lĩnh như thế mà bỏ mạng đấy,

vì tên bắn ra chẳng làm gì nổi con trâu đâu. Nhưng mà, anh chàng đi săn trẻ tuổi kia ơi, lòng anh rộng rãi, và chính anh sẽ là người chiến thắng con trâu. Ta là con trâu anh đang tìm đấy, nhưng lòng tốt của anh đã thắng được ta. Ta là con trâu đang tàn phá xứ Đô, ta đã hạ sát một trăm linh bảy người đi săn, bảy mươi bảy người đi săn khác đã bị thương vì ta. Mỗi ngày ta giết chết một người dân xứ Đô, vua G'ne-mô Đi-a-ra không còn biết phải mang lễ vật đi cầu thần nào nữa.

Này, chàng trai kia, hãy cầm lấy con quay kéo sợi này đây, hãy cầm lấy quả trứng này đây. Rồi đi đến cánh đồng U-răng-tăm-ba, nơi ta đang ăn lúa trên đất trồng của nhà vua. Trước khi dương cung bắn, hãy nâng con quay lên, ngắm ta ba lần. Ta sẽ dính tên của anh, ngã xuống. Rồi ta lại chồm dậy, ta sẽ đuổi anh trên cánh đồng khô. Anh cứ ném qua vai quả trứng này đây, một đầm lầy rộng sẽ mọc ra, ta không bước tới được nữa. Bấy giờ, anh sẽ hạ sát ta.

Để có bằng chứng rằng anh đã thắng, hãy cắt lấy đuôi con trâu, đuôi ấy bằng vàng đấy, rồi mang đến cho vua mà đòi phần thưởng nhà vua nợ anh.

Còn ta, thời của ta đã hết rồi. Ta đã trừng phạt xong ông anh ta, vua xứ Đô, về nỗi đã cắt mất phần gia tài ta được hưởng.

Mừng ron, tôi vội vợ lấy con quay và quả trứng. Bà lão đưa tay ra ngăn tôi lại:

- Có điều kiện đấy, anh chàng đi săn ơi.

Tôi sốt ruột:

- Điều kiện gì thế?

- Nhà vua hứa gả cô gái đẹp nhất xứ Đô cho người chiến thắng. Khi toàn dân xứ Đô đã tập hợp lại, và người ta mời chàng chọn cô gái chàng muốn lấy làm vợ, hãy tìm trong đám đông. Chàng sẽ thấy một cô gái ngồi riêng một mình trên chòi canh: cô cực xấu, xấu đến mức chàng không tưởng được. Đây, người con gái chàng phải chọn. Tên cô là Xô-gô-lông Két-giu, gọi Xô-gô-lông Kông-đu-tô cũng được vì cô gù lưng. Chàng sẽ chọn người con gái ấy: vía của ta đó. Nó sẽ trở thành một người đàn bà diệu kỳ, nếu chàng ăn nằm được với nó. Chàng đi sẵn oi, hứa với ta đi: chàng sẽ chọn nó.

Giữa hai bàn tay của bà lão, tôi trịnh trọng thề. Chúng tôi lại đi tiếp.

Cánh đồng U-răng-tăm-ba cách đây nửa ngày đường. Dọc đường đi, chúng tôi gặp những người đi săn đang chạy thoát thân: họ nhìn chúng tôi, mắt cứ sừng sốt. Con trâu ở đằng kia cánh đồng. Thấy chúng tôi, nó nhào đến, đôi sừng đe dọa. Làm đúng lời bà lão dặn, tôi giết được con trâu, cắt đuôi, rồi hai anh em vào thành phố Đô lúc trời đã sẩm tối. Sáng hôm sau, chúng tôi mới đến trình nhà vua. Vua cho nổi trống: mặt trời chưa kịp đứng bóng, mọi người dân xứ này đã tề tựu trên quảng trường lớn. Thân trâu không còn nguyên được đặt chính giữa quảng trường. Đám đông như hóa đại cú nhè vào nó mà chửi rủa, còn tên anh em chúng tôi thì được ca lên qua trăm nghìn điệp khúc. Nhà vua bước ra, mọi người im lặng như tờ:

- Ta đã hứa gả người con gái đẹp nhất xứ Đô cho người đi săn dũng mãnh nào trừ nổi cái tai họa đã giáng xuống xứ này. Con trâu xứ Đô chết rồi, và đây, người đi

săn đã hạ sát nó. Ta giữ lời hứa. Hỡi chàng đi săn, đây, tất cả con gái xứ Đô. Chàng chọn đi.

Đám đông đồng tình, hô vang một tiếng.

Hôm ấy, các cô gái xứ Đô đều mặc lễ phục. Vàng rực lên trong tóc họ. Các cổ tay thon trịu xuống dưới những vòng tay bạc nặng. Chưa hề có quảng trường nào tập hợp được nhiều người đẹp đến thế. Tôi hãnh diện đeo ống tên trên lưng, ngẩng cao đầu bước qua trước mặt các cô gái đẹp xứ Đô: họ cười với tôi, răng cứ trắng muốt như hạt gạo xứ Măng-đinh. Nhưng tôi vẫn định ninh lời bà lão dặn. Cứ thế, tôi đi quanh quảng trường rộng mấy vòng, và, cuối cùng, tôi nhìn thấy Xô-gô-lông Két-giu ngồi riêng một mình trên một chòi canh. Rẽ đám đông, tôi bước đến, cầm tay nàng kéo ra giữa vòng người. Trước mắt nhà vua, tôi chỉ vào nàng mà nói:

- Tâu vua G'ne-mô Đì-a-ra, đây là người con gái tôi chọn giữa các cô gái xứ Đô, đây là người tôi muốn lấy làm vợ.

Cách chọn của tôi, nó ồm ờ quá, khiến nhà vua không nhìn được cười, thế là mọi người cười ran lên, có người cười lăn lộn. Người ta cho tôi là thằng điên, và tôi trở thành một anh hùng nhăng nhố. Trong đám đông, người ta bảo nhau: "Chỉ có người họ T'ra-ô-rê mới xử sự kiêu đó". Thế rồi cùng ngày hôm ấy, anh em chúng tôi từ già xứ Đô, dưới bao lời chế giễu của người họ Kông-đê.

Vị Ma-găng đẹp người, Vua Na-rê Ma-găng, muốn tổ chức hôn lễ với mọi thủ tục thường lệ, để rồi đây khỏi có ai bài bác quyền của đứa con trai sẽ ra đời. Hai người đi săn được xem là họ hàng của Xô-gô-lông: họ đứng ra nhận

các hạt kô-la truyền thống do G'năng-ku-măng Đu-a dẫn đến. Cùng hai người đi sẵn, bên nhà trai định hôn lễ vào ngày thứ tư đầu tiên của tuần trăng mới. Mười hai làng thuộc xứ Măng-dinh xưa, cùng mọi tộc kết giao, đều được báo tin. Đến ngày đã định, các đoàn từ mọi hướng rầm rộ kéo về Ni-a-ni, thành phố của Ma-găng Kông Phát-ta.

Xô-gô-lông được xếp ở tại nhà một bà cô già của nhà vua. Từ hôm đến Ni-a-ni, nàng không hề ra khỏi cửa, nên ai cũng muốn xem mặt người đàn bà đang được Na-ra Ma-găng chuẩn bị cưới hỏi linh đình. Người ta cũng biết nàng không đẹp, nhưng trí tò mò của mọi người đã thức dậy rồi. Người ta rỉ tai nhau hàng nghìn chuyện bên lề, phần lớn đều do Xát-xu-ma Bê-rê-tê, người vợ cả của nhà vua, tung ra.

Từ mờ sáng, các trống triều ở Ni-a-ni báo tin ngày hội. Tiếng trống cứ đối đáp nhau từ khu phố này qua khu phố kia, khiến cả thành phố thức giấc. Giữa các đám đông, các vị G'ri-ô cất tiếng ca tụng vua Na-rê Ma-găng.

Tại nhà bà cô già của nhà vua, người làm tóc cho cả thành Ni-a-ni đang tết tóc cho Xô-gô-lông Két-giu. Nằm dài trên chiếu, đầu đặt lên đùi của người làm tóc, nàng cứ rỉ rỉ khóc. Theo tập quán, các em gái của vua đến trêu nàng:

- Hôm nay là ngày tự do cuối cùng của nàng đấy. Từ nay về sau, nàng sẽ là vợ của chúng ta.

- Vĩnh biệt tuổi trẻ đi, nàng ơi.

- Thôi, nàng sẽ không còn ra quảng trường múa cho bọn con trai trầm trồ nữa. Hết tự do rồi, nàng đẹp của ta ơi.

Xô-gô-lông chẳng nói chẳng rằng. Chốc chốc, bà già làm tóc lại bảo:

- Thôi, đừng khóc nữa, con bước vào một cuộc đời mới đây. Con có biết không; cuộc đời mới đẹp hơn con tưởng. Con sẽ làm mẹ con sung sướng làm bà hoàng giữa đám con cái. Đừng, con ạ, đừng có nghe lời lẽ độc địa của các cô em chồng.

Trước lều, mấy bà G'ri-ô của các công chúa ca vang tên cô dâu trẻ.

Giữa lúc đó, hội hè diễn ra rầm rộ trước Hoàng thành: mỗi làng đã cử đến đây một đoàn vũ nhạc. Giữa sân, các bậc bô lão đang hạ bô để cho tôi tớ pha thịt, trong khi mấy con kên kên to xác cứ đậu trên cây gạo cao mà theo dõi cuộc hạ sát.

Ngồi trước Hoàng cung giữa các thị thần, Na-rê Ma-găng lắng nghe tiếng đàn Bô-lông trầm trầm. Đứng giữa các vị chức sắc, Đu-a cầm giáo lớn trong tay mồm hát bài ca tụng các vua xứ Măng-đinh. Khắp nơi trong làng, người người ca múa. Làm đúng bốn phận, họ hàng nhà vua phát ngũ cốc, phát đồ mặc, phát cả vàng, để tỏ ý vui mừng. Cả ghen như Xát-xa-ma Bê-rê-tê, mà cũng tỏ lòng rộng rãi như thế: bà phát váy đẹp cho các G'ri-ô nữ.

Chiều về, mặt trời xuống nấp sau núi, đã đến lúc đoàn đưa dâu xếp thành hàng trước lều của bà cô nhà vua. Trống đã cầm tiếng. Các bà già trong họ vua đã tắm và xoa dầu thơm cho Xô-gô-lông. Nàng được họ mặc cho tuyền đồ trắng, họ phủ lên đầu nàng một tấm tràng mạng lớn.

Xô-gô-lông đi đầu, có hai bà già đỡ hai bên. Phụ nữ trong họ nhà vua nối bước. Sau cùng là các cô gái Ni-a-ni hát bài nường dâu xuất phát, vừa hát vừa vỗ tay giữ nhịp. Trên đoạn đường từ nhà bà cô đến cung vua, dân làng và khách khứa xếp hàng xem đoàn đưa dâu đi qua. Xô-gô-lông vừa đặt chân đến trước thềm của phòng ngoài, thì một em trai vua bất thần nâng nường lên khỏi mặt đất, cứ thế mà ôm chạy vào trong cung, giữa tiếng hoan hô liên tiếp của đám đông.

Mãi sau đó, đàn bà - con gái vẫn múa trước Hoàng cung. Người trong họ vua đưa thêm đồ biếu, rồi đám đông giải tán. Đêm đã tối um.



"Nó sẽ là một người đàn bà diệu kỳ, nếu chàng ăn nằm được với nó". Đây, lời bà lão xứ Đô. Nhưng người chiến thắng được con trâu lại không thắng nổi cô gái. Chính sau đó thì hai người đi săn U-ba-ni và U-lăm-ba mới tính chuyện trao Xô-gô-lông cho vua xứ Măng-dinh.

Đêm ấy, Na-ra Ma-găng định hoàn thành nhiệm vụ làm chồng. Nhưng vua xáp vào lần nào cũng bị Xô-gô-lông đẩy bật ra. Nhà vua cứ ra sức nhưng mọi cố gắng đều vô hiệu. Sáng sớm hôm sau, Đu-a thấy nhà vua mất cả hồn vía, như người vừa đại bại trong chiến trận.

Vị G'ri-ô hỏi:

- Sao thế, tâu vua?

- Ta không ăn nằm được với nường. Mà đứa con gái này làm ta hoảng đấy. Ta cứ ngỡ nó không phải là người. Đêm, ta đến gần nó, thì lông dài mọc đầy người nó, sợ

lắm. Suốt đêm qua, ta cứ cầu vía bản mệnh, nhưng vía ta không trị nổi vía Xô-gô-lông...

Cả ngày liền, vua không ra mặt, duy chỉ có một mình Đu-a-ra vào cung. Toàn dân Ni-a-ni lo lắng. Các bà già vội đến từ sớm để lấy tấm váy tiết trinh, nhưng người trong cung kín đáo xua họ về. Cứ thế suốt cả tuần.

Na-rê Ma-găng đã nhờ mấy vị phù thủy cao tay ẩn giúp, nhưng mọi phép đều vô hiệu, không trấn nổi vía của Xô-gô-lông.

Thế rồi một đêm kia, khi mọi vật đã ngủ yên, Na-rê Ma-găng đứng lên, lấy cái *xát-xa* treo trên vách xuống. Ngồi bệt xuống giữa lều, ông đổ cát đựng trong *xát-xa* ra đất. Vua bắt đầu vạch những dấu bí ẩn lên mặt cát. Ông vạch, rồi xóa, cứ vạch xóa thế mãi. Xô-gô-lông tỉnh dậy. Cát biết nói, nàng cũng hiểu thế, nhưng điều khiến nàng băn khoăn là làm sao nhà vua lại cứ trầm ngâm, lắng sâu đến vậy giữa đêm khuya. Na-rê Ma-găng không vạch nữa. Tay đỡ cằm, ông như đang suy nghĩ các dấu. Bỗng ông vùng dậy, vợ lấy thanh kiếm treo trên giường:

- Xô-gô-lông, Xô-gô-lông, dậy đi em. Ta đang ngủ, thì một giấc mộng làm ta chột tỉnh: vị thần bảo hộ dòng vua xứ Măng-đinh đã hiện lên...

Ta hiểu lắm rồi lời của người đi săn đã đưa em đến tận ta. Vị thần đã lộ cho ta rõ đích xác nghĩa của lời người ấy nói. Xô-gô-lông, ta phải hy sinh em cho danh thế lớn của triều ta. Máu một gái trinh thuộc dòng Kông-đê phải chảy. Chính em là người ái trinh dòng Kông-đê mà định mệnh đã dẫn đến dưới mái nhà ta.

Em tha lỗi cho ta. Ta phải làm tròn sứ mệnh của ta. Tha lỗi cho bàn tay sắp làm cho máu em tuôn đổ.

- Không, không, sao lại phải tôi, không, tôi không muốn chết...

- Vô ích, em ạ. Điều này đâu phải do ta quyết định.

Một bàn tay cứng như sắt nắm lấy tóc Xô-gô-lông. Sợ quá, nàng ngất đi. Nàng ngất đi, vĩa thoát ra, chỉ còn lại thân thể cứng đờ của con người. Tỉnh dậy, cô gái đã thành đàn bà.

Đêm ấy, nàng thụ thai.

3. ĐỨA BÉ CẦM TINH SƯ TỬ

Đàn bà chóng quen cảnh mới. Giờ thì Xô-gô-lông Két-giu đi lại không chút ngượng nghịu trong vòng thành rộng của nhà vua. Về ngoài xấu xí của bà vợ cả. Xát-xu-ma Bê-rê-tê, thì rõ là không chịu nổi. Bà ta chẳng ngồi yên được. Thấy con Xô-gô-lông xấu xí cứ hãnh diện mang bụng chứa qua lại trong cung, bà đau khổ: bà sẽ ra sao, nếu người ta cất quyền kế vị của đứa con trai bà giờ lên tám rồi dành ngôi báu cho đứa con sắp ra đời của Xô-gô-lông! Nhà vua thì cứ đem hết tâm sức ra chăm sóc người sắp làm mẹ. Chiến trận về, ông mang đến cho nàng phần chiến lợi phẩm quý nhất: váy đẹp, đồ trang sức hiếm. Chẳng bao lâu đâu, bao âm mưu đen tối đã dấy lên trong đầu Xát-xu-ma Bê-rê-tê: bà có ý định giết Xô-gô-lông. Bà bí mật vờ đến những phù thủy cao tay nhất xứ Măng-đinh, nhưng thầy nào cũng thú nhận không đủ sức đương đầu với Xô-gô-lông: quả vậy, trời mới nhập nhoạng tối, đã có ba con cú đến đậu trên mái lều của nàng, canh gác cho nàng. Chán rồi Xát-xu-ma đành tự nhủ:

- Được, cứ để cho đứa bé ấy ra đời cái đã, rồi sẽ xem sao.

Xô-gô-lông đến kỳ sinh nở. Nhà vua đã mời đến Ni-a-ni chín bà đỡ giỏi nhất xứ Măng-đinh: giờ thì chín bà luôn túc trực bên người con gái xứ Đô.

Có hôm vua đang ngồi giữa các thị thần bỗng có người đến báo Xô-gô-lông bắt đầu trở dạ. Ông cho các thị thần đi ra hết, chỉ giữ lại cạnh mình có G'năng-ku-năng Đu-a. Ông lập cập, lo lắng, cứ như lần đầu tiên mình sắp làm bố. Cả Hoàng cung im lặng như tờ. Đu-a ôm cây đàn độc huyền lên, cố làm cho nhà vua khuây khỏa đi, nhưng không được. Vị G'ri-ô đành thôi: tiếng đàn chỉ làm cho vua khó chịu. Trời tối sầm lại. Đang giữa mùa khô, mà từng đám mây to từ phương Đông kéo đến, che khuất mặt trời. Sấm ran lên, chớp loang loáng xé rách màn mây. Vài hạt mưa to rơi xuống, giữa lúc một cơn gió dữ dội bùng lên. Từ phía đông, một tia chớp chiếu sáng bầu trời đến tận phía tây, kèm theo là một tràng sấm ầm ỉ. Mưa ngớt đi, mặt trời xuất hiện. Chính giữa lúc đó một bà đỡ ra khỏi lều của Xô-gô-lông, chạy đến phòng ngoài của Hoàng cung, báo tin cho Na-rê Ma-găng: ông đã là cha của một đứa bé trai.

Nghe tin, vua cứ như ngơ ngác, không nói không rằng. Hiểu được cơn xúc cảm của ông, Đu-a đứng dậy, ra hiệu cho hai người nô lệ đang chực sẵn bên cỗ *ta-ba-la*⁽¹⁾ của nhà vua. Tiếng dồn dập của cỗ trống ngự báo cho xứ Măng-đinh biết tin một đứa con trai đã ra đời. Các trống làng đáp lại, thế là ngay hôm ấy toàn xứ Măng-đinh bắt được tin vui. Mới ban nãy, còn im phăng phắc, mà, tiếp theo đó giờ là những tiếng reo mừng, tiếng trống, tiếng *ba-la-phông*⁽²⁾. Mọi nhạc sĩ ở Ni-a-ni kéo về cung vua. Nỗi cảm động ban đầu đã qua, nhà vua đứng dậy. Ra khỏi phòng ngoài, ông được giọng ồm của G'năng-ku-măng Đu-a đón chào:

- Xin chào ngài, người làm cha, xin chào ngài, vua Na-rê Ma-găng, xin chào ngài Ma-găng Kông Phát-ta, Phra-kô Ma-găng Ke-gu. Đứa bé đã ra đời, đứa bé mà cả thế gian chờ đợi. Ma-găng, hỡi người cha sung sướng, xin chào ngài. Nó đã ra đời, đứa bé cầm tinh sư tử, đứa bé cầm tinh con trâu. Để báo tin ấy cho cả thế gian, đấng Tối Uy đã cho sấm rền, cả bầu trời đã rực sáng, đất đã động. Xin chào người làm cha, xin chào vua Na-rê Ma-găng.

Mọi vị G'ri-ô đều có mặt: họ đã làm xong một khúc tụng ca về đứa bé con vua. Lòng hào hiệp của vua chúa khiến các vị G'ri-ô càng hùng biện: chỉ riêng hôm ấy, Ma-găng Kông Phát-ta đã phân phát cho dân mười kho gạo. Xát-xu-ma Bê-rê-tê cũng tỏ ra rộng rãi trước mắt mọi người, nhưng điều đó chẳng đánh lừa được ai: trong thâm tâm, bà đau khổ, nhưng bà không muốn để lộ tí gì ra ngoài.

Sinh được tám ngày, thì đặt tên. Đây là lễ lớn: từ mọi làng trên đất Măng-đinh, người người kéo về, từng tộc lán giềng mang tặng phẩm đến dâng vua. Từ sáng, người đã đứng thành vòng rộng trước Hoàng cung: giữa vòng, các tôi tớ gái già gạo trắng để làm bánh mì, các con bò đã bị hạ thì nằm sổng soài dưới gốc cây gạo lớn.

Trong lều Xô-gô-lông, bà cô của nhà vua cạo tóc máu cho cháu bé, còn các G'ri-ô nữ thì cầm quạt to phe phẩy cho người mẹ đang uể oải nằm dài trên đệm êm.

Từ trong phòng ngoài, vua bước ra, theo sau là Đu-a. Đám đông lặng im. Đu-a hô to:

- Con của Xô-gô-lông sẽ mang tên Ma-găng: đó là theo tên cha. Còn có tên Ma-ri Gia-ta nữa: chưa một ông

Hoàng nào từng mang tên này trên đất Măng-đinh, con trai của Xô-gô-lông sẽ là người đầu tiên mang tên ấy.

Lập tức, các vị G'ri-ô hô to tên đứa bé, tiếng trống lại nổi lên. Bà cô của nhà vua đã bước ra ngoài để nghe tên cháu. Bà trở về lều thăm thì vào tai đứa trẻ sơ sinh hai tên Ma-găng và Ma-ri Gia-ta để cháu khắc vào trí nhớ.

Phân phối thịt xong cho các chủ gia đình, thì lễ tan, mọi người vui vẻ giải tán. Họ hàng gần kéo từng người một vào lều người mẹ để xem mặt đứa trẻ sơ sinh.

(1) Nhắc lại: trống lệnh.

(2) Loại đàn gõ rất phổ biến trong nhiều tộc ở Tây Phi và Châu Phi đen, gần hết đàn "to-rung" của các tộc Thượng ở ta, nhưng với một số nét riêng sau đây: các thanh phát âm là những thanh gỗ ngắn dài khác nhau (chứ không phải là những ống trúc); bên dưới mặt phẳng do các thanh phát âm hợp thành, là một số vỏ bầu đóng vai hộp âm.

4. TUỔI ẤU THƠ

Thượng Đế có những bí ẩn mà chẳng ai thấu nổi. Anh sẽ làm vua, anh không cách gì cưỡng lại. Anh sẽ khổ sở, anh cũng không cách gì cưỡng lại. Con đường của từng người đã được vạch sẵn, người ấy không thể thay đổi mấy may.

Con trai của Xô-gô-lông trải qua một thời ấu thơ vừa chậm chạp, vừa gian khó. Đến ba tuổi, nó còn bò lê bốn chân, trong khi trẻ con cùng tuổi đã biết đi. Cha nó Na-rê Ma-găng đẹp người là thế, mà nó chẳng thừa hưởng được tí gì: đầu nó to đến nỗi xem chừng nó chẳng có cái gì đội lên; mắt nó thì lồi, đã thế lại cứ mở to mà nhìn trừng trừng mỗi khi có ai bước vào lều của mẹ nó. Tính ít nói, đứa bé con vua cứ ngồi suốt ngày giữa lều. Vắng mẹ, nó cứ bốn chân mà bò đến lục lọi các quả bầu tìm thức ăn. Nó tham ăn lắm.

Những người xấu mồm xấu miệng bắt đầu ngồi lê mách lẻo. Đứa trẻ nào lên ba rồi mà chẳng biết đi chập chững? Đứa trẻ nào lên ba rồi mà chẳng làm khổ làm sở bố mẹ, nay đòi cái này, mai đòi cái kia, tính khí thì khi thế này, khi thế nọ? Đứa trẻ nào lên ba rồi mà chẳng bập bẹ nói làm mẹ cha vui thích? Còn Xô-gô-lông Gia-ta người ta gọi nó như thế: thêm tên mẹ vào trước tên nó - thì khác hẳn bọn trẻ con cùng tuổi: nó ít nói, khuôn mặt

khắc khổ chẳng bao giờ giãn ra được nhờ một nụ cười. Cứ tưởng như nó đã biết suy, biết nghĩ: trẻ con cùng tuổi vui trò gì, thì trò đó làm nó chán. Xô-gô-lông thường gọi bọn trẻ đến chơi với con mình: bọn kia đều biết đi, người mẹ cứ mong con mình thấy các bạn đi thì cũng thử tập. Chẳng ăn thua. Đã thế, hai cánh tay nó lại sớm to khỏe, nó cứ thế mà dấn vào bọn trẻ tội nghiệp kia, nên chẳng còn đứa nào muốn đến chơi với nó.

Thấy Xô-gô-lông Gia-ta tàn tật, người vui mừng nhất là vợ cả của nhà vua. Con trai bà, Đăng-ka-răng Tu-măng, giờ đã mười một tuổi. Một đứa con trai đẹp, nhanh nhẹn: nó chạy suốt ngày trong làng với trẻ con cùng tuổi. Nó cũng đã bước đầu thụ lễ nhập môn ngoài chốn bụi bờ. Vua cha sai làm cho nó một chiếc cung: nó cùng bầu bạn ra sau thành tập bắn. Xát-xu-ma sung sướng hết đổi. Bà coi thường Xô-gô-lông ra mặt: con nàng thì cứ dưới đất mà bò. Mỗi khi Xô-gô-lông có việc gì đi qua trước lều của bà, bà lại lên tiếng:

- Con trai ta ơi, đến đây nào, đi đi, nhảy đi, nhảy nhót đi nào. Thần linh chẳng hứa cho con cái gì khác thường. Nhưng thà ta sinh ra đứa con trai biết đi hai chân, còn hơn là một con sư tử cứ bò dưới đất.

Cứ thế bà nói, mỗi khi Xô-gô-lông qua trước nhà bà. Bà cứ ám chỉ thẳng thùng. Rồi bà cười phá lên, cái tiếng cười ác hiểm mà đàn bà cả ghen biết chêm vào đúng lúc xiết bao.

Con trai nàng tàn tật, lòng Xô-gô-lông Két-giu trĩu nặng. Nàng đã đem tất cả tài phù phép của mình ra cố

làm cho đôi chân con cứng lên, nhưng các thứ lá hiểm nhất đều vô hiệu. Cả nhà vua cũng thất vọng.

Con người cứ là sốt ruột! Na-ra Ma-găng lạnh nhạt dần khi nào không hay. Nhưng G'năng-ku-năng cứ nhắc đi nhắc lại với ông lời người đi săn đã nói. Xô-gô-lông lại có mang. Nhà vua mong lần này nàng cũng sinh con trai, nhưng rồi lại là con gái. Con bé được đặt tên Kô-lông-kăng. Nó giống mẹ lắm, chẳng được chút đẹp người của cha. Thất vọng, vua cấm cửa Xô-gô-lông: trong một thời gian, nàng như bị ruồng bỏ. Na-rê Ma-găng lại lấy con gái của vua dòng Ka-ma-ra, một đồng minh của ông. Tên nàng là Na-măng-giê, tiếng đẹp của nàng dậy như huyền tích. Một năm sau, nàng sinh con trai. Thầy bói cho biết số phận con của Na-măng-giê sẽ là cánh tay phải của một ông vua đầy uy lực. Nhà vua đặt tên Bu-ka-ri cho đứa trẻ sơ sinh; về sau, người ta sẽ gọi nó là Măng-đinh Ba-ka-ri hay Măng-đinh Bô-ri.

Na-rê Ma-găng quá đổi hoang mang: có thể nào đứa con què quặt của Xô-gô-lông lại là bậc mà người đi săn kiêm thầy bói đã báo trước?

- Đấng Tối Uy chứa bao bí ẩn, G'năng-ku-măng Đu-a đáp lại. Rồi, dẫn lại lời của người đi săn kiêm thầy bói, ông nói thêm: "Cây gạo mọc lên từ một hạt bé tí tẹo".

Có hôm Na-rê Ma-găng đến chơi nhà Nun Phai-ri, một ông già mù làm nghề thợ rèn kiêm bói toán ở Ni-a-ni. Lão tiếp vua trong phòng ngoài mà cũng là xưởng rèn của lão. Nghe vua hỏi, lão đáp:

- Khi hạt nảy mầm, đâu phải bao giờ cây cũng dễ dàng mọc lên. Cây đó cứ từ từ là lớn, nhưng lại cắm rễ sâu xuống đất.

Vua bảo:

- Hạt đã nảy mầm thực rồi đấy ư?

Thầy bói mù đáp:

- Chắc chắn đấy. Có điều cây không lớn nhanh như ngài mong muốn. Chao ôi, con người sao mà cứ là sốt ruột!

Cuộc gặp gỡ này, cùng với lòng tin của Đu-a vào số mệnh của con trai Xô-gô-lông, khiến nhà vua thêm tin chắc. Điều làm cho Xát-xu-ma Bê-rê-lê hết sức khó chịu, Xô-gô-lông lại được vua ưu ái như trước. Rồi một đứa con gái thứ hai ra đời, được đặt tên là Gia-ma-ru.

Tuy vậy, cả thành phố Ni-a-ni chỉ bàn tán về đứa con què quặt của Xô-gô-lông: giờ nó đã lên bảy rồi, mà đi lại cứ phải bò dưới đất. Dù được nhà vua quyến luyến, nàng vẫn phiền muộn trong lòng. Na-rê Ma-găng thì già rồi: ông cảm thấy thời mình sắp qua. Còn Đăng-ka-răng Tu-măng, con trai của Xát-xa-mu, đã là một thiếu niên tuấn tú.

Thế rồi có hôm Na-rê Ma-găng cho gọi Ma-ri Gia-ta đến. Ông nói với đứa bé như với người lớn:

- Ma-ri Gia-ta, cha đã già rồi: chẳng bao lâu đâu, cha không còn có mặt với các con nữa. Nhưng, trước khi cái chết cuốn cha đi, cha muốn biếu con món quà mà vua nào cũng trao cho người kế vị mình. Ở Măng-đinh đây, ông Hoàng nào cũng có người G'ri-ô của mình: bố đẻ ra Đu-a từng là G'ri-ô của cha ta; Đu-a là G'ri-ô của ta; còn

con trai của Đu-a, anh Ban-la Phát-xê-kê này đây, sẽ là G'ri-ô của con. Từ hôm nay trở đi, hai con phải là bạn nối khố của nhau: qua miệng anh, con sẽ biết được lịch sử của tổ tiên, con sẽ học được nghệ thuật cai trị xứ Măng-đinh theo những nguyên tắc tổ tiên ta truyền lại. Cha đã qua thời của cha, cha cũng đã làm tròn bổn phận của cha, cha đã làm tất cả những gì một ông vua xứ Măng-đinh phải làm: cha trao lại cho con một vương quốc đã được mở rộng. Cha để lại cho con những bạn đồng minh đáng tin cậy. Cầu cho số mệnh của con được hoàn thành. Nhưng con đừng quên rằng Ni-a-ni là Kinh đô của con, đừng quên rằng xứ Măng-đinh là nơi xuất phát của tổ tiên con.

Cứ như đã hiểu hết ý lời vua nói, chú bé ra hiệu cho Ban-la Phát-xê-kê đến gần, nhường chỗ cho anh ngồi xuống tấm da chú đang ngồi. Rồi chú nói:

- Ban-la, anh sẽ là G'ri-ô của ta.

Ban-la Phát-xê-kê đáp:

- Vâng, hỡi con trai của Xô-gô-lông, nếu Thượng Đế muốn thế.

Nhà vua và Đu-a đưa mắt cho nhau: lòng tin ánh lên trong cái liếc mắt của họ.

5. SỰ TỬ TÌNH GIẤC

Ít lâu sau cuộc gặp gỡ giữa Na-rê Ma-găng và con trai Ông, nhà vua băng hà. Con trai Xô-gô-lông mới lên bảy. Hội đồng các bô lão họp trong Hoàng cung. Đưa ra sức bảo vệ di chúc của nhà vua: dành ngôi cho Ma-ri Gia-ta. Nhưng Hội đồng chẳng tính gì đến ý nguyện của Na-rê Ma-găng. Lại thêm những mưu kế của Xát-xu-ma Bê-rê-tê, nên hội đồng tuyên bố Đãng-ka-răng Tu-măng lên kế vị. Một hội đồng phụ chính được thành lập, trong đó Hoàng Thái hậu nắm hết quyền hành. Không bao lâu sau, Đưa cũng qua đời.

Trí nhớ của con người ngắn ngủi lắm kia, giờ mà có nghĩ đến con trai Xô-gô-lông thì người ta chỉ còn lên giọng mỉa mai, khinh miệt. Tuy từng có vua chột một mắt, vua cụt một tay, vua thọt một chân, nhưng chưa ai nghe nói có ông vua nào què cả hai chân. Số mệnh người ta tiên đoán cho Ma-ri Gia-ta có ghê gớm đến thế nào chẳng nữa, cũng không thể đưa lên ngôi một người chân bại liệt. Nếu quả thực hần được thần linh yêu mến, thì xin các vị thoát tiên hãy hóa phép cho hần đi được bằng hai chân cái đã. Những lời lẽ như thế ngày nào cũng lọt vào tai Xô-gô-lông. Mà gốc gác của mọi lời lẽ lại là Hoàng Thái hậu Xát-xu-ma.

Thu nắm hết quyền hành rồi, Xát-xu-ma Bê-rê-tê ra tay hành hạ Xô-gô-lông: chả là nàng từng được nhà vua

Na-rê Ma-găng đã băng hà quý hơn bà. Bà đuổi Xô-gô-lông và con trai nàng ra ở ngoài sân sau của Hoàng cung: giờ thì mẹ đẻ ra Ma-ri Gia-ta ở trong một cái lều nát từng được Xát-xu-ma dùng làm nơi chứa đồ bỏ.

Bà Hoàng Thái hậu độc ác cho phép mọi kẻ hiếu kỳ được tự do và xem đứa bé đã lên bảy mà còn bò lê dưới đất. Hầu hết dân Ni-a-ni đều điếu qua cung vua. Bị đem ra làm trò cười cho công chúng, Xô-gô-lông khóc ròng, còn Ma-ri Gia-ta thì găm ghè trước đám đông tò mò. Xô-gô-lông chỉ tìm được chút an ủi nơi tấm lòng yêu quý mẹ của đứa con gái đầu, Kô-lông-kăng. Nó mới lên bốn nhưng, về phần nó, thì nó đi lại được. Hình như nó hiểu hết mọi nỗi khổ nhục của mẹ. Chuyện nội trợ, nó giúp đỡ được mẹ rồi. Đôi khi Xô-gô-lông túi bụi lo công này chuyện kia: những lúc ấy, chính nó ngồi đấy trông con em gái Gia-ma-ru còn bé tí tẹo.

Xô-gô-lông Két-giu sống bằng đồ thừa của Hoàng Thái hậu. Đằng sau làng, nàng chăm một mảnh vườn con giữa đồng. Hầu hết thời gian của mình, nàng ở đấy mà vun bụi hành, xới khóm *g'nu-g'nu*. Có hôm nàng thiếu gia vị, phải đến xin Hoàng Thái hậu vài lá *bao-báp*.

Bà Xát-xu-ma độc ác bèn lên tiếng:

- Đây, tôi sẵn một bầu đầy đây này. Bà mẹ tội nghiệp, bà cứ lấy đi. Tôi ấy à, con trai tôi, hồi lên bảy, đã biết đi, biết đứng. Chứ con trai bà đâu có được thế, làm mẹ mà tội nghiệp quá đi mất, bà lấy thêm đi nào.

Rồi Xát-xu-ma cười gằn, cái cười gằn cứ xuyên qua cả thịt, thấm đến tận xương.

Xô-gô-lông Két-giu như mất hết hồn vía. Con người mà cảm hận độc địa đến thế kia, nàng đâu có ngờ. Cỗ xe lại, nàng ra khỏi nhà Xát-xu-ma. Trước lều nhà, Ma-ri Gia-ta đang ngồi xếp trên đôi cẳng liệt, bình thản bốc ăn trong bầu. Không kìm được nữa, Xô-gô-lông oà lên khóc, rồi vơ một thanh gỗ, cứ con mình mà đánh:

- Thằng con trai chết tiệt kia, bao giờ rồi mày mới chịu đứng dậy mà đi! Vì mày, vì lỗi mày cả, mà tao vừa phải nuốt cái nhục lớn nhất đời tao! Tôi đã phạm tội gì mà Thượng Đế phạt tôi như thế này?

Ma-ri Gia-ta giật lấy thanh gỗ, rồi vừa nhìn mẹ vừa hỏi:

- Chuyện gì thế, hở mẹ?

- Mày cảm mồm đi, chẳng có cách gì rửa sạch cho tao vết nhơ này.

- Nhưng mà chuyện gì thế chứ?

- Chỉ có mấy cái lá *bao báp* thôi, mà Xát-xu-ma vừa làm nhục tao đấy. Vào tuổi mày bây giờ con trai bà ta đã biết đi, biết hái lá *bao báp* về cho mẹ.

- Ngươi đi, mẹ ơi, ngươi đi mẹ!

- Không, quá đáng lắm rồi, tao không chịu được nữa.

Ma-ri Gia-ta nói:

- Thế thì hôm nay con sẽ đi. Mẹ bảo bọn thợ rèn của cha rèn cho con một cái gậy bằng sắt, càng nặng càng tốt. Mẹ ơi mẹ chỉ đòi lá *bao báp*?

- Con ơi! Để rửa vết nhơ này, mẹ đòi con mang về cho mẹ toàn cây *bao báp*, cả rễ nữa, đặt dưới chân mẹ đây, trước lều ta đây.

Ban-la Phát-xê-kê đang ở đây. Anh vội chạy đến lò rèn của Pha-ru-ku-ru đặt rèn một cây gậy sắt.

Xô-gô-lông ngồi xuống trước lều: hai tay ôm đầu, nàng ri rỉ khóc. Còn Ma-ri-a Gia-ta thì bình thản quay lại bầu com ăn nốt như chẳng có việc gì xảy ra cả. Chốc chốc nó lại ngẩng đầu lên, kín đáo liếc mẹ đang thăm thì một mình: "Mẹ muốn cả cây, trước lều ta, mẹ muốn cả cây".

Bỗng có ai cười vang bên sau lều. Đây, Xát-xu-ma độc ác đang kể lại cảnh nhục mạ vừa rồi cho một gái hầu nghe, kể xong lại phá lên cười, cốt cho Xô-gô-lông nghe tiếng. Xô-gô-lông chạy vội vào lều che mặt dưới chăn để khỏi phải nhìn thấy thằng con trai lì lợm kia chỉ lo ăn trên hết. Đầu chui vào chăn, Xô-gô-lông khóc nức nở, thân run bần bật. Con gái nàng, Xô-gô-lông Gia-ma-ru, đến ngồi bên mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ ơi, đừng khóc nữa, sao mẹ lại khóc?

Ma-ri Gia-ta ăn xong rồi. Bò cả bốn chân, nó lê đến ngồi dưới vách lều, tránh ánh mặt trời đã nóng như thiêu, như đốt. Nó suy nghĩ gì? Chỉ có nó biết.

Các xưởng rèn của nhà vua ở bên ngoài thành: hơn một trăm thợ rèn làm việc tại đây: cung, giáo, tên, mộc của các chiến binh Ni-a-ni đều xuất xưởng từ đây. Ban-la Phát-xê-kê đến đặt một gậy sắt, Pha-ra-ku-ru bèn hỏi:

- Thế là ngày lớn đã đến rồi ư?

- Đúng thế, ngày hôm nay chẳng khác gì những ngày khác, nhưng ngày hôm nay sẽ chứng kiến những điều chưa ngày nào từng thấy.

Quản các lò rèn là Pha-ra-ku-ru, con trai lão Nun-phai-ri, cũng là thầy bói như bố. Trong các xưởng ở

đây, có một thanh sắt to lắm do Nun-phai-ri rèn, mà chẳng ai biết để dùng vào việc gì cả. Pha-ra-ku-ru gọi sáu người thợ học việc, sai họ mang thanh sắt đến nhà Xô-gô-lông.

Khi bọn thợ rèn đặt thanh sắt trước lều, tiếng bập vào đất kinh hãi đến nỗi Xô-gô-lông đã đi nằm mà phải giật mình đứng lên. Đến lúc này, Ban-la Phát-xê-kê, con trai của G'năng-ku-măng Đu-a, mới lên tiếng:

- Ma-ri Gia-ta, ngày lớn đến rồi. Tôi nói với người, hỡi Ma-găng, hỡi con trai của Xô-gô-lông. Nước sông Giô-li-ba có thể rửa sạch vết nhơ trên thân, nước sông Giô-li-ba không thể rửa sạch vết nhục. Hỡi con sư tử trẻ, hãy đứng dậy hãy găm lên, cho chốn bụi bờ biết rằng từ nay trở đi nó đã có chủ.

Bọn thợ học việc đang còn đó. Xô-gô-lông cũng đã bước ra. Mọi người nhìn Ma-ri Gia-ta. Chú bé bò bốn chân đến bên thanh sắt. Dựa trên hai đầu gối, trên một bàn tay, chú đưa bàn tay kia ra, dễ dàng nâng thanh sắt lên, dựng nó đứng thẳng. Chỉ còn hai gối tì xuống đất, chú bám thanh sắt bằng cả hai bàn tay. Mọi người có mặt cứ cảm như chết. Xô-gô-lông Gia-ta nhắm nghiền mắt mà bám chặt, các bắp thịt căng thẳng trên hai cánh tay. Bất thành linh, chú cong người lại, hai đầu gối tách khỏi mặt đất. Xô-gô-lông Két-giu cứ nhìn trân trân: hai cẳng chân của con trai nàng run lên như bị điện giật. Gia-ta vã hết mồ hôi: từ trán chú, mồ hôi ròng ròng chạy xuống. Cố gắng đến tận lực, chú bắn người lên, bất thần đứng thẳng trên hai chân. Nhưng thanh sắt đã cong lại như cánh cung.

Đến đây, Ban-la Phát-xê-kê cất to tiếng vang ca bài tụng cánh cung:

*Cầm cung lên, hỡi Xim-bông.
Cầm cung lên, ta tiến bước.
Cầm cung lên, hỡi Xô-gô-lông Gia-ta.*

Thấy con trai mình đứng lên rồi, mà Xô-gô-lông cứ lặng người đi một chốc. Rồi nàng bỗng nhiên cất giọng ca lời cảm ơn Thượng Đế đã cho con trai nàng dùng được đôi chân:

*Chao ôi, ngày gì mà ngày đẹp.
Chao ôi, ngày gì mà ngày vui.
Hỡi An-la, Đấng Tối Uy.
Người chưa hề làm gì đẹp đến thế:
Con trai tôi sắp bước đi.*

Đứng thẳng trong tư thế người chiến binh đang nghỉ, Ma-ri Gia-ta cứ dựa vào chiếc gậy to tày vồ mà vãi mồ hôi hột. Lời ca của Ban-la Phát-xê-kê như lời cấp báo cho mọi người trong Hoàng cung. Từ mọi phía, người ta chạy đến xem thử chuyện gì: ai nấy sững lại khi nhìn thấy đứa con trai của Xô-gô-lông. Hoàng Thái hậu cũng vội đến: thấy Ma-ri Gia-ta đang đứng hai chân, bà run lên như cây sậy. Thở dốc hồi lâu, con trai Xô-gô-lông mới thả cho chiếc gậy rơi xuống đất, dám đông tránh ra. Những bước đi đầu tiên của chú bé là những bước đi của người khổng lồ. Ban-la Phát-xê-kê nổi gót, vừa giơ tay chỉ vào Gia-ta vừa hô vang:

*Tránh ra, tránh ra, tránh ra nào.
Con sư tử đã biết đi.
Đồ dê núi, hãy tìm chỗ ẩn.
Hãy lánh xa lối người đi.*

Đằng sau thành Ni-a-ni, có một cây bao báp còn non: trẻ con cả thành phố đến đây hái lá về cho mẹ. Vung

mạnh hai tay, con trai Xô-gô-lông giật băng cây lên, đặt lên vai, rồi trở về với mẹ. Chú ném cây xuống trước lều:

- Mẹ ơi, lá *bao báp* cho mẹ đấy. Từ nay, các bà ở Ni-a-ni sẽ đến trước lều mẹ mà hái lá.

Xô-gô-lông Gia-ta đã đi được rồi. Từ hôm ấy Hoàng Thái hậu không yên lòng được nữa. Nhưng làm sao mà cưỡng lại được số mệnh? Chịu. Chỉ vì một vài ảo ảnh nào đó mà con người cứ tưởng mình có khả năng thay đổi con đường Thượng Đế đã vạch ra, nhưng mọi việc con người làm đều thuộc một trật tự cao cấp mà hần đâu có hiểu được. Cũng bởi lẽ đó mà những cố gắng của Xát-xu-ma nhằm làm hại đứa con trai của Xô-gô-lông đều vô hiệu: mọi hành động của bà đều nằm trong số mệnh của đứa bé. Mới hôm qua đây, con trai của Xô-gô-lông còn bị khinh bỉ, còn bị dư luận đem ra làm trò cười, nhưng trước nó bị khinh bao nhiêu thì giờ nó được yêu bấy nhiêu: đám đông yêu và sợ sức mạnh. Toàn Ni-a-ni chỉ bàn về Gia-ta, bà mẹ nào cũng xui con trai cố trở thành bạn sẵn sẵn của Gia-ta, tham gia các trò chơi của Gia-ta, chẳng khác nào các bà muốn cho con cái được thom lây chút vinh quang buổi đầu của con trai người đàn bà cầm tinh con trâu. Người ta nhớ lại lời Đu-a nói hôm làm lễ đặt tên chú bé. Giờ thì Xô-gô-lông được mọi người kính trọng: chuyện trò với nhau, người ta thích đem thái độ khiêm tốn của nàng ra đối lập lại thái độ kiêu căng và tính độc ác của Xát-xu-ma Bê-rê-tê. Chính vì Xô-gô-lông là người vợ, người mẹ, gương mẫu mà Thượng Đế đã trả lại sức khỏe cho cặp chân của con trai nàng: theo lời họ nói, một người đàn bà càng yêu chồng, kính chồng bao nhiêu, càng đau khổ vì con bao nhiêu thì một ngày kia đứa con ấy sẽ

dũng cảm bấy nhiêu. Người nào chả là con trai của mình: bà mẹ đáng giá đến đâu, đứa con đáng giá đến đấy. Có gì là lạ nếu vua Đẳng-ka-răng Tu-măng nom nhặt nhẽ đến thế. Người mẹ sinh ra ông chưa hề mảy may tỏ ý kính chồng: trước mặt nhà vua đã quá cố, bà chưa bao giờ giữ thái độ khiêm nhường mà mọi người vợ phải có trước mắt chồng mình. Người ta nhắc lại những trận bà đánh ghen, những lời độc địa bà tung ra về người lấy chung chồng với bà và đứa con của nàng. Rồi người ta nghiêm trọng kết luận: "Chẳng ai biết được bí ẩn của Thượng Đế. Con rắn không có chân, mà nhanh chẳng kém bất cứ con vật bốn chân nào".

Tiếng tăm của Xô-gô-lông Gia-ta ngày càng vang to. Quanh chú ta là một bầy trẻ cùng tuổi: nào Ph'răng Ka-ma-ra, con trai vua xứ Ta-bông; nào Ka-măng-giăng, con trai vua xứ Li-bi; còn nhiều Hoàng tử khác nữa cũng được các vua cha gửi đến trú tại triều đình Ni-a-ni. Cả Măng-đinh Bô-ri, con trai của Na-măng-giê, cũng nhập bọn mà chơi. Ban-la Phát-xê-kê cứ bám sát Xô-gô-lông Gia-ta. Về phần mình, anh đã quá hai mươi rồi, và chính anh là người giáo dục, dạy dỗ chú bé đúng với những nguyên tắc của xứ Măng-đinh. Đang đi săn hay ở ngoài phố, anh chẳng bỏ lỡ một cơ hội nào để dạy dỗ học trò. Nhiều trẻ khác ở Ni-a-ni cũng đến cùng chơi với chú bé con vua.

Chú thích nhất là đi săn, Pha-ra-ku-ru, người quản các lò rèn, đã thừa cho Gia-ta một cánh cung đẹp. Và Ma-ri Gia-ta tỏ ra chú là một tay bắn cung cừ. Cùng với cả đoàn bầu bạn, chú hay ra đi săn bắn, và, chiều đến, cả thành phố Ni-a-ni có mặt trên quảng trường để xem những người săn bắn trẻ tuổi trở về. Đám đông hát khúc

tụng cánh cung do Ban-la Phát-xê-kê sáng tác. Tuổi còn ít, mà Xô-gô-lông Gia-ta đã được phong danh hiệu *Xim-bông*, tức bậc thầy trong nghệ thuật săn bắn, danh hiệu chỉ dành cho những người săn bắn giỏi từng chứng tỏ tài ba của mình.

Tối nào, Xô-gô-lông Két-giu cũng tập hợp Gia-ta cùng bầu bạn của chú trước lều nhà. Nàng kể cho bọn trẻ nghe chuyện các con vật sống giữa chốn bụi bờ, những anh em không biết nói của loài người. Con trai của Xô-gô-lông qua đó mà học cách phân biệt loài thú này với loài thú kia. Chú cũng rõ vì lẽ gì sư tử lại bảo hộ cho dòng họ của cha chú. Chú nghe Ban-la Phát-xê-kê kể lịch sử các vua. Chú say mê theo dõi chuyện Gia-lu Ka-ra Nai-ni, nhà vua lớn, vua vàng vua bạc, nhà vua mà mặt trời rực sáng trên cả nửa thế giới. Xô-gô-lông cho con trai mình nhập môn vào một số bí ẩn: nàng dạy cho chú tên những cây thuốc mà người săn bắn giỏi nào cũng phải biết. Cứ thế, sống giữa mẹ đẻ ra chú và vị G'ri-ô của chú, đứa bé học được tất cả những gì phải biết.

Giờ thì con trai của Xô-gô-lông đã lên mười rồi. Người Ma-nin-ka vốn nói nhanh, tên Xô-gô-lông Gia-ta biến thành Xun-gia-ta, hay Xông-gia-ta. Chú bé khỏe lắm, hai cánh tay chú khỏe bằng mười cánh tay, bầu bạn thấy các bắp tay của chú mà khiếp. Giọng nói của chú có uy, đúng giọng của những kẻ sinh ra để hạ lệnh. Em trai chú, Măng-đinh Bô-ri, trở thành người bạn thân nhất của chú: cứ gặp Gia-ta, là lập tức thấy Măng-đinh Bô-ri hiện đến. Ph'răng Ka-ma-ra và Ka-măng-giu là những bạn thân thiết nhất của hai Hoàng tử nhỏ. Ban-la Phát-xê-kê cứ bám sau bọn trẻ như thiên thần bảo vệ.

Nhưng tiếng tăm Xun-gia-ta vang rộng quá, khiến Hoàng Thái hậu cứ lo lắng cho ngôi vua của con trai bà. Còn Đẳng-ka-răng Tu-măng thì quá là nhọt nhạt, đã mười tám tuổi rồi mà còn bị mẹ và vài lão gian thần điều khiển. Dưới danh hiệu của ông, người trị vì chính là Xát-xu-ma Bê-rê-tê. Hoàng Thái hậu muốn giết chết Xun-gia-ta để chấm dứt tiếng tăm của chú. Thế là có đêm bà tiếp tại nhà chín bà phù thủy cao tay nhất xứ Măng-đinh.

Toàn bà già cả, riêng bà già nhất, cao tay nhất, là bà Xu-mốt-xô Kông-kom-băng. Khi chín mẹ đã xếp thành nửa vòng ngôi quanh giường Hoàng Thái hậu rồi bà mới bảo họ:

- Các bà trị vì giữa đêm tối, các bà là uy lực ban đêm, các bà nắm các bí ẩn của đời sống, các bà có khả năng chấm dứt đời sống một con người, các bà có thể giúp ta chăng?

Xu-mốt-xô Kô-kil-ba thưa:

- Hoàng Thái hậu ơi, đêm tối đầy uy lực, xin Hoàng Thái hậu cứ cho chúng tôi biết phải đưa lưỡi dao oan nghiệt đến kẻ nào đây.

Xát-xu-ma đáp:

- Ta muốn trừ tên Xun-gia-ta, số mệnh hắn ngược lại số mệnh con trai ta, phải giết hắn khi còn kịp thời. Các bà mà làm được việc đó, ta xin hứa thưởng các bà hết sức hậu. Trước hết, ta cho mỗi bà một bò cái với một con bê. Chỉ ngày mai đây thôi, các bà cứ đến kho của nhà vua, nói tên ta mà nhận mỗi bà trăm hộc gạo, trăm hộc cỏ khô.

Xu-mốt-xô Kông-kom-ba lại thưa:

- Thừa bậc sinh thành ra nhà vua, cuộc sống chỉ phụ thuộc vào một sợi dây mỏng dính. Nhưng, dưới trần gian này, mọi vật đều bị ràng buộc vào nhau cả, sống có nguyên nhân của nó, chết cũng vậy. Cái này từ cái kia mà ra. Nỗi căm của ta có nguyên nhân của nó, hành động của ta cũng phải có nguyên nhân. Thừa bậc sinh thành ra nhà vua, mọi điều đều có cái lẽ của chúng, hành động của chúng tôi chỉ có hiệu quả chừng nào bản thân chúng tôi có liên quan. Nhưng Ma-ri Gia-ta đã làm gì hại chúng tôi đâu, chúng tôi khó lòng mà động đến hấn được.

Hoàng Thái hậu đáp:

- Các bà có liên quan quá đi chứ. Con trai của Xô-gô-lông sẽ là tai họa cho tất cả bọn ta đấy.

Một bà xen vào:

- Hiếm khi rấn cắn bàn chân không nhấc bước.

- Đúng, nhưng lại có loại rấn bả ai cũng cắn. Cứ để cho Xun-gia-ta lớn lên, rồi tất cả bọn ta đều hối hận đấy. Ngày mai, các bà cứ đến vườn rau của Xô-gô-lông, vờ hái vào lá l'ma-g'nu mà xem. Ma-ri Gia-ta canh vườn đấy. Các bà sẽ thấy hấn ác đến mức nào. Hấn chẳng trọng gì tuổi tác các bà đâu, hấn sẽ nhè các bà mà phang cho mà xem.

Một mục xác nhận:

- Ý hay đấy.

- Nhưng thế thì nguyên nhân khiến bọn ta bức tức lại chính là bản thân bọn ta mất rồi. Vì thế là bọn ta động vào thứ không phải của bọn ta.

Một mục khác nữa góp vào:

- Được rồi, hái xong một lần, bọn ta lại hái lần nữa. Mà nếu hấn đánh bọn ta lại, thì có thể quy cho hấn tội

độc ác, tội xấu bụng. Đến đây, tôi chắc rằng bọn ta có liên quan quá đi chứ?

Xu-mút-xô Kô-kom-ba bảo:

- Ý hay đấy. Ngày mai, bọn ta đến vườn rau của Xô-gô-lông đi.

Hoàng Thái hậu mừng rơn, vừa cười vừa nói lời cuối:

- Kế hay lắm. Ngày mai đến vườn rau, các bà sẽ thấy thằng con trai của Xô-gô-lông độc ác thực đấy. Nhưng, trước khi đến đó các bà hãy trình diện ở kho của nhà vua để lĩnh số hạt tôi đã hứa. Còn bò cái với bê thì đã về tay các bà rồi đó.

Mấy mụ già rập mình chào, rồi biến đi trong đêm tối như bung. Còn lại một mình, Hoàng Thái hậu sung sướng nếm trước hương hoa thắng lợi. Con gái bà, Na-ra Tri-băng bỗng tỉnh giấc:

- Mẹ nói chuyện với ai đấy, hử mẹ? Con cứ ngỡ có nghe tiếng người.

- Ngủ đi, con ạ, chẳng có gì đâu. Ngủ đi, con có nghe thấy gì đâu.

Buổi sáng, theo thường lệ, Xun-gia-ta tập hợp bầu bạn trước lều của mẹ chú:

- Hôm nay, ta đi săn con thú gò nào?

Ka-măng-giăng góp ý:

- Tôi cứ muốn bọn ta giờ tấn công vào loài voi. Ph'răng Ka-ma-ra tán thành:- Đúng, tôi đồng ý thế. Có vậy, ta mới có dịp đi sâu vào bờ bụi.

Và cả đoàn trẻ ra đi, sau khi Xô-gô-lông đã nhét lương ăn vào đầy các xát-xa.

Trễ lắm, Xun-gia-ta và bầu bạn mới về đến làng. Nhưng trước khi vào làng, Gia-ta, theo thói quen, muốn liếc một cái vào vườn rau của mẹ. Trời đã nhá nhem tối. Đến vườn chú gặp chín mụ phù thủy đang hái trộm lá g'nu-g'nu. Các mụ giả vờ chạy trốn y như kẻ cắp bị bắt quả tang.

Gia-ta kêu to:

- Dừng lại, các bà già tội nghiệp kia ơi, dừng lại đi. Việc gì phải chạy trốn như thế? Mảnh vườn này là của mọi người kia mà.

Lập tức, chú cùng bầu bạn bỏ dây lá, dây cà, dây hành vào các bầu đựng của mấy mụ:

- Khi nào thiếu, các bà cứ đến đây mà hái nhé, đừng sợ.

Một mụ lên tiếng:

- Chú làm cho chúng tôi đành phải bó tay.

Một mụ khác thêm vào:

- Lòng tốt của chú làm chúng tôi lạng cả người rồi.

Xu-mút-xô Kô-kom-ba bèn nói:

- Này, Gia-ta ạ, chúng tôi đến đây để thử chú đấy, chúng tôi nào có cần đến gia vị. Nhưng tấm lòng rộng rãi của chú làm cho chúng tôi phải bó tay. Hoàng Thái hậu sai chúng tôi đến đây gây sự với chú, để đổ lên đầu chú con giận dữ của các uy lực trấn đêm tối. Nhưng chẳng thể làm gì trước một tấm lòng quá tốt. Thế mà chúng tôi đã lĩnh một trăm học gạo một trăm học kê rồi đấy. Đó là chưa nói chuyện Hoàng Thái hậu hứa cho mỗi người một bò cái với một con bê, con trai của Xô-gô-lông ơi, hãy tha thứ cho chúng tôi.

Gia-ta đáp:

- Tôi không giận các bà đâu. Nay, tôi vừa cùng bầu bạn đi săn về. Chúng tôi đã hạ mười voi. Thế thì xin biếu mỗi bà một con, có thịt cho các bà rồi đấy nhé.

- Con trai của Xô-gô-lông ơi, xin cảm ơn chú.

- Con đẻ của công lý ơi, xin cảm ơn chú.

Xu-mút-xô Kô-kom-ba nói lời cuối:

- Từ nay, chúng tôi sẽ canh giữ cho chú.

Rồi chín mù phù thủy mất hút trong đêm.

Xun-gia-ta lại cùng bầu bạn đi tiếp về Ni-a-ni, đến nơi thì trời đã tối hẳn.

Em trai của Gia-ta, Xô-gô-lông Kô-lông-kăng hỏi anh:

- Anh vừa bị một mẻ sợ đấy à. Chín mù phù thủy ấy làm anh hãi lắm, phải không?

Xun-gia-ta ngạc nhiên quá:

- Làm sao em biết được?

- Đêm qua, em thấy họ đang tính mưu lập kế, nhưng em biết trước anh chẳng việc gì đâu.

Kô-lông-kăng đã đi sâu vào nghệ thuật phù phép. Cô canh giữ cho anh mình, mà anh cô không ngờ chuyện đó.

6. THA HƯƠNG

Xô-gô-lông là người mẹ biết lo xa. Nàng biết tất cả những gì Xát-xu-ma có thể làm để hại gia đình nàng. Một tối, chờ cho các con ăn xong, nàng họp chúng lại, rồi bảo Xun-gia-ta:

- Ta đi khỏi nơi này thôi, con ạ. Măng-đinh Bô-ri và Gia-ma-ra dễ bị hại lắm, vì hai đứa đầu có nắm được các bí ẩn của đêm tối: chúng không biết phù phép. Không có cách gì hại con được Xát-xu-ma sẽ nhắm vào em trai con, hoặc em gái con. Ta đi khỏi nơi đây thôi. Rồi sau này, khi đã khôn lớn, con sẽ trở về đây mà trị vì, vì số mệnh của con phải được hoàn thành trên đất Măng-đinh.

Đấy, cách chọn lựa hợp với hiền trí. Măng-đinh Bô-ri, con trai bà Na-măng-giê, vợ thứ ba của Na-rê Ma-găng, không hề có tí khiêu cốn con về phù phép. Xun-gia-ta yêu chú bé này lắm. Từ khi Na-măng-giê mất đi, chú được Xô-gô-lông đem về nuôi. Ở đứa em khác mẹ của mình, Xun-gia-ta đã tìm thấy một người bạn thân thiết. Người ta đâu có chọn họ chọn hàng, nhưng có thể chọn bè chọn bạn. Măng-đinh Bô-ri và Xun-gia-ta quả là bạn bè nối khố với nhau: để cứu thoát em mình, Gia-ta đành chấp nhận cảnh lưu vong.

Ban-la Phát-xê-kê, G'ri-ô của Gia-ta, chuẩn bị chuyển đi chu đáo lắm. Nhưng Xát-xu-ma Bê-rê-tê theo dõi sát Xô-gô-lông và gia đình nàng.

Rồi một sáng, vua Đăng-ka-răng Tu-măng họp hội đồng lại. Ông báo cho hội đồng biết ý định của mình: phái một đoàn đi sứ đến triều nhà vua hùng mạnh trị vì xứ Xốt-xô, vua Xu-mao-rô Kăng-tê. Mà để làm tròn một sứ mệnh phức tạp như thế, vua đã nhằm Ban-la Phát-xê-kê, con trai của Đu-a, con trai vị G'ri-ô trước kia của cha mình. Hội đồng tán thành quyết định của nhà vua: đoàn sứ được thành lập cầm đầu đoàn là Ban-la Phát-xê-kê.

Khéo léo thực: có thể mới giật được khỏi tay Xun-gia-ta người G'ri-ô mà cha chú trước kia đã trao cho chú. Gia-ta đang đi săn: tối về, chú mới được Xô-gô-lông báo tin, còn đoàn sứ thì đã lên đường ngay từ sáng hôm ấy. Xun-gia-ta nổi khùng lên:

- Thế nào! Cướp mất người G'ri-ô cha ta đã cho ta à! Không được, phải trả G'ri-ô của ta lại cho ta.

Xô-gô-lông ngăn:

- Dừng, con ạ, cứ để họ làm. Xát-xu-ma ra tay như thế đấy. Nhưng bà ta đâu có biết rằng làm thế chỉ là tuân theo lệnh từ trên cao.

Xun-gia-ta bảo Măng-dinh Bô-ri:

- Đi với anh.

Hai Hoàng tử bước ra. Gia-ta gạt qua một bên mấy người lính canh nơi Đăng-ka-răng Tu-măng ở. Giận quá chú không nói nên lời được nữa. Măng-dinh Bô-ri phải nói thay:

- Anh Đăng-ka-răng Tu-măng, anh đã hót mất phần gia tài của chúng tôi. Mỗi ông Hoàng đã được trao người G'ri-ô của mình rồi. Anh đã giật mất Ban-la Phát-xê-kê, mà đâu phải là G'ri-ô của anh. Nhưng, dù ở đâu, thì Ban-la vẫn luôn luôn là G'ri-ô của Gia-ta. Anh không thích thấy

chúng tôi ở gần anh nữa, thế thì chúng tôi sẽ già từ xứ Măng-đinh này, chúng tôi sẽ đi xa khỏi nơi đây.

Con trai Xô-gô-lông lớn tiếng thêm vào:

- Nhưng tôi sẽ trở về. Tôi sẽ trở về, anh hiểu chưa?

Vua đáp:

- Anh biết chú ra đi, nhưng chú đâu có biết rồi sau ra chú có về hay không.

Gia-ta nhắc lại:

- Tôi sẽ trở về, anh hiểu chưa.

Giọng chú dứt khoát. Toàn thân vua run run, rồi tay chân Đăng-ka-răng Tu-măng cứ thế mà bần bật lên. Hai Hoàng tử bước ra. Hay tin, Hoàng Thái hậu vội đến. Con trai bà muốn gục hấn:

- Mẹ ơi, hấn ra đi, nhưng hấn bảo hấn sẽ trở về. Mà tại sao hấn ra đi kia chứ. Còn con, con muốn trả G'ri-ô của hấn lại cho rồi. Tại sao hấn ra đi?

- Được rồi, con muốn thì hấn sẽ ở lại thôi. Thế thì nhường ngôi cho hấn đi, chứ người đâu mới bị trẻ con lên mười dọa mà cũng run lên thế kia. Không trị vì nổi, thì nhường chỗ cho nó cho xong. Còn mẹ thì mẹ sẽ trở về làng quê của mẹ, mẹ không thể nào sống dưới ách tàn bạo của thằng con Xô-gô-lông. Mẹ đi sống nốt những ngày tàn cạnh bà con họ hàng, có ai hỏi mẹ sẽ bảo rằng con trai mẹ sinh ra lại nhút nhát, không dám trị vì.

Cứ thế, Xát-xu-ma khóc lóc, than thở mãi, khiến Đăng-ka-răng Tu-măng bỗng nhận ra rằng lòng mình cũng rắn như sắt. Giờ thì vua chỉ mong hai thằng nhóc chết đi cho rồi. Được, đã thế thì chúng cứ cút đi! Cần quái gì! Mà chúng đừng có ló mặt trên đường vua đi nữa! Vua sẽ

trị vì, mà trị vì một mình. Vì uy quyền đâu có chịu bị chia sẻ.

Thế là Xô-gô-lông cùng các con sống cảnh tha hương.

Tội nghiệp cho chúng ta quá! Những tưởng hại được kẻ khác, mà, thực ra, ta chỉ hành động theo hướng của định mệnh.

Hành động của ta đâu có thuộc ta, nó bị áp đặt lên ta.

Xút-xu-ma Bê-rê-tê tưởng mình đã thắng rồi: Xô-gô-lông và các con nàng đã trốn khỏi xứ Măng-đinh! Chân của họ đã vục bụi đường lên rồi. Họ đã chịu đựng những nỗi gian nan mà ai bỏ xứ ra đi cũng phải chịu. Họ từng bị người ta đóng sập cửa lại trước mặt mình, họ từng bị những nhà vua đuổi khỏi triều đình của các vị.

Nhưng mọi gian khổ ấy đều nằm trong định mệnh lớn của Gia-ta. Bảy năm đã trôi qua, bảy mùa khô đã nối tiếp nhau, nhưng thời gian cứ đều bước mà đi: cũng bầu trời ấy, mà hết tuần trăng này lại đến tuần trăng kia; trong lòng sông nước vẫn xuôi chảy, không mệt mỏi.

Bảy năm đã trôi qua. Xun-gia-ta giờ đã lớn. Thân thể chú to khỏe lên rồi; những nỗi bất hạnh khiến trí óc chú tinh khôn ra. Chú đã thành người, Xô-gô-lông thì cảm thấy tuổi tác và cục bấu càng đè nặng lên vai; còn Gia-ta lại như cây non, cứ vươn thẳng lên trời.

Từ Ni-a-ni ra đi, Xô-gô-lông và các con dùng chân lại Đ'giê-đê-ba, tại triều của Măng-xa Kông-kông, một phù thủy cao tay ấn. Thành phố Đ'giê-đê-ba nằm trên bờ sông Đ'gion-li-ba, cách Ni-a-ni hai ngày đường. Vua tiếp họ, mà

lòng cứ ngờ ngờ thế nào ấy. Nhưng đâu đâu đều thế, đâu thì chủ nhà cũng có bốn phận cho khách xa trú lại: Xô-gô-lông và các con được xếp ở ngay bên trong vòng Hoàng thành. Qua hai tháng, Xun-gia-ta và Măng-đinh Bô-ri cứ nhập bọn với các con vua mà chơi. Một tối kia, lũ trẻ đang chơi cờ xương dưới ánh trăng, trước Hoàng cung, bỗng con gái vua, mới mười hai tuổi, bảo Măng-đinh Bô-ri:

- Anh biết rồi chứ, cha em là phù thủy cao tay ấn đấy.

Chú Măng-đinh Bô-ri ra dáng ngây thơ hỏi lại:

- Thế à?

- Chứ sao, anh không biết thực đấy à? Tay ấn cao của cha em ẩn trong trò chơi *nô-ri*⁽¹⁾ ấy. Anh cũng đánh [nô-ri] đấy mà.

- Anh tôi cũng là phù thủy cao tay ấn đấy chứ.

- Hẳn không cao bằng cha em.

- Thế cơ à? thế cha em có chơi *nô-ri* không?

Đúng lúc ấy, Xô-gô-lông gọi các con về trăng vừa lặn. Ngồi riêng một chỗ, Xun-gia-ta lên tiếng với em:

- Mẹ gọi ta đấy. Ta về đi, Măng-đinh Bô-ri. Này, nếu anh không nhầm, thì em yêu con gái Măng-xa Kông-kông, có phải không nào?

- Phải, anh ạ. Nhưng anh đừng quên: muốn dắt bò cái về chuồng, thì phải bắt bò con trước đã.

- Đúng lắm. Bò cái sẽ đi theo người bắt. Nhưng mà cẩn thận, em ạ. Bò cái mà lồng lên, thì người bắt coi chừng đó.

Hai anh em đi về, vừa đi vừa đối đáp nhau bằng ngôn ngữ. Trí khôn ngoan của con người ở cả trong ngôn ngữ: mà trẻ con lại dùng ngôn ngữ, thì đây là dấu hiệu cho thấy chúng đã học được nhiều qua những người lớn ở cạnh chúng.

Sáng hôm sau, Xun-gia-ta và Măng-đinh Bô-ri không ra khỏi vòng hoàng thành: hai anh em cùng các con của nhà vua chơi dưới bóng cây hội đồng.

Đến đầu buổi chiều, Măng-xa Kông-kông cho gọi con trai Xô-gô-lông vào Cung.

Nơi vua ở cứ như mê cung: vòng qua quanh lại mãi dọc những hành lang tối om, rồi người hầu đưa Gia-ta đến một căn phòng mờ mờ ánh sáng. Chú nhìn quanh, không chút sợ hãi. Sợ hãi chỉ nhập vào tâm kẻ nào không nắm vững số mệnh của mình. Còn Gia-ta thì biết rõ chú đang đến với một số mệnh lớn. Chú chẳng biết sợ là gì. Khi đôi mắt đã quen với cái cảnh tranh sáng tranh tối, Xun-gia-ta mới thấy nhà vua đang ngồi ngược lại ánh sáng, trên một tấm da bò lớn. Treo trên vách là những vũ khí tuyệt vời. Chú kêu lên:

- Tàu Măng-xa Kông-kông, vũ khí của ngài tốt ơi là tốt.

Rồi nắm lấy một thanh kiếm, chú cứ một mình mà múa, đánh nhau với một kẻ thù tưởng tượng. Vua ngạc nhiên quá, chăm chăm nhìn đứa bé lạ lùng.

Chú lại tâu:

- Nhà vua cho đòi tôi đến. Tôi đã đến đây. Rồi chú treo lại thanh kiếm lên vách.

Vua bảo:

- Chú ngồi xuống đi. Ở đây, ta có thói quen mời khách của ta đánh cờ. Thế thì chúng ta đánh cờ đi nào, chúng ta sẽ chơi *nô-ri*. Nhưng điều kiện ta ra không phải bình thường: nếu ta thắng - mà ta sẽ thắng thôi - thì ta giết chú.

Gia-ta bình tĩnh hỏi lại:

- Còn nếu tôi thắng?

- Thế thì chú xin gì, ta cho nấy. Nhưng chú phải biết rằng bao giờ ta cũng thắng.

Gia-ta chỉ thanh kiếm chú vừa cầm múa:

- Nếu tôi thắng, tôi chỉ xin ngài thanh kiếm này thôi.

Vua đáp:

- Được rồi. Mà chú có vẻ tự tin lắm nhỉ!

Ông lấy ra tấm gỗ có đục lỗ để đánh *nô-ri*, tra vào mỗi lỗ bốn hạt sạn.

Vua nói:

- Ta đi trước đây.

Rồi nhón bốn viên sạn ra khỏi một lỗ, vua vừa lần lượt tra từng hạt, vừa ngâm mấy câu sau đây:

Y đông đông, đông đông Kô-kô-gi.

Uô-ri-do một người đi săn phát mình ra.

Y đông đông, đông đông Kô-kô-gi.

Chơi trò này, chẳng ai thắng nổi ta.

Tên ta là "nhà vua tàn sát".

Đến phiên Xun-gia-ta nhón sạn ra khỏi lỗ, chú tiếp lời vua:

Y đông đông, đông đông Kô-kô-gi.

Xưa kia, khách đến nhà là thiêng là quý.

*Y đông đông, đông đông Kô-kô-gi.
Nhưng vàng thì chỉ mới hôm qua.
Còn tôi thì từ những hôm kia.*

Vua thét lên:

- Thôi, có đũa phản ta rồi, có đũa phản ta rồi.

Chú bé lên tiếng:

- Đừng, xin nhà vua đừng quy tội ai cả.

- Thế là thế nào, hử?

- Đã gần ba tháng rồi, tôi trú tại triều của ngài, mà có bao giờ ngài mời tôi chơi *nô-ri* đâu. Thượng đế nói qua lưỡi của khách. lời tôi nói hoàn toàn là thực, vì tôi là khách của ngài.

Thực ra, chính Hoàng Thái hậu ở triều Ni-a-ni đã gửi vàng đến biếu Măng-xa Kông-kông, nhờ ông hạ thủ Xun-gia-ta. "Vàng thì chỉ mới hôm qua", còn tại triều này Xun-gia-ta có mặt trước vàng. Nói thực nữa, chính con gái nhà vua đã lộ bí mật cho Măng-đinh Bô-ri hay.

Bẽ mặt, nhà vua đành phán:

- Chú thảng đấy, nhưng cái chú đòi, ta không cho chú đâu. Ta còn đuổi chú khỏi thành phố của ta nữa.

- Măng-xa Kông-kông, xin cảm ơn ngài đã cho chúng tôi trú ở đây hai tháng. Nhưng rồi tôi sẽ trở lại. Một lần nữa Xô-gô-lông lại cùng các con lên đường đi tha phương. Họ rời khỏi bờ sông, hướng về phía tây mà đi đến xin trú ngụ tại triều đình vua xứ Ta-bông, trong vùng này mang tên Phu-ta gia-lông: thời ấy, đấy là đất của dòng Ka-ma-ra làm thợ rèn và của người Gian-lông-kê. Nấp sau núi, Ta-bông là một thành phố chẳng ai chiếm nổi. Từ lâu rồi,

nhà vua ở đây đã kết liên với triều Ni-a-ni. Con trai ông, Ph'răng Ka-ma-ra, từng là bầu bạn của Xun-gia-ta. Sau khi Xô-gô-lông đi khỏi Ni-a-ni, các Hoàng tử vốn là bầu bạn của Xun-gia-ta đều được trả về cho gia đình họ.

Nhưng vua xứ Ta-bông già rồi, ông không muốn gây chuyện bất bình với kẻ đang trị vì ở Ni-a-ni. Ông tiếp Xô-gô-lông với thái độ ôn hậu, rồi khuyên nàng nên lánh càng xa càng tốt. Ông gợi ý nên đến triều Oa-ga-đu: chả là ông có quen nhà vua ở đấy. Ông gửi gắm mẹ con Xô-gô-lông cho cánh thương khách. Ông còn nhờ họ hoãn ngày lên đường vài hôm, để cho người mẹ lại sức đôi chút sau những nỗi nhọc nhằn trên đường.

Được gặp lại Ph'răng Ka-ma-ra, Xun-gia-ta và Măng-đinh Bô-ri mừng lắm. Còn chú bé thì hãnh diện đưa hai bạn đi thăm các đồn lũy ở Ta-bông, đến xem cửa sắt khổng lồ mà khâm phục, xem các xưởng vũ khí của nhà vua. Được đón tiếp Xun-gia-ta tại nhà mình, Ph'răng Ka-ma-ra quả là vui sướng. Đến cái ngày ác nghiệt hai bạn lại phải lên đường, chú đau buồn. Hôm trước đấy, chú đái hai hoàng tử xứ Măng-đinh một buổi đi săn. Giữa vùng bờ bụi, các chú bé đã trò chuyện cùng nhau như người lớn. Xun-gia-ta bảo:

- Bao giờ tớ trở về Măng-đinh, tớ sẽ ghé Ta-bông đón cậu, rồi chúng ta cùng đi Ni-a-ni với nhau nhé.

Măng-đinh Bô-ri thêm vào:

- Chúng đó, bọn mình thành người lớn cả rồi.

Ph'răng Ka-ma-ra nói rõ:

- Đến lúc ấy, tớ sẽ nắm trong tay toàn quân đội xứ Ta-bông. Dân thợ rèn và dân Gian-lông-kê là những chiến

binh tuyệt diệu. Đến nay, tớ đã được tham gia cuộc tập hợp vũ trang cha tớ tổ chức hàng năm.

- Tớ sẽ phong cậu làm đại tướng quân, bọn ta sẽ rong ruổi qua nhiều xứ, bọn ta sẽ là những kẻ hùng mạnh nhất. Các vua sẽ run sợ trước bọn ta, hết đàn bà run sợ trước đàn ông.

Con trai của Xô-gô-lông đã nói như thế đấy.

Rồi những kẻ lưu vong lại lên đường. Ta-bông còn xa Oa-ga-đu lắm. Cánh khách thương cũng tốt với mẹ con Xô-gô-lông. Nhà vua đã cung cấp vật cưới. Đoàn đi lên hướng Bắc bỏ lại xứ Ki-ta bên tay phải.

Dọc đường, các lái buôn kể cho hai Hoàng tử nghe bao chuyện đã xảy ra vào cái thời xưa ấy: Ma-ri Gia-ta đặc biệt lưu ý đến những tích có liên quan đến vị vua lớn đương thời, Xu-mao-rô Kăng-tê. Nơi ông đóng, ở Xốt-xô, chính là nơi Ban-la Phát-xê-kê đã đi sứ. Nghe kể chuyện, Gia-ta mới rõ Xu-mao-rô là vị vua mạnh nhất, giàu nhất: ngay cả vua xứ Oa-ga-đu cũng nộp cống cho ông ta. Ông cũng nổi tiếng cực kỳ độc ác.

Oa-ga-đu là vùng đất khô khan, thiếu nước. Xưa kia, dòng họ Xít-xê ở Oa-ga-đu là dòng vua mạnh nhất. Họ là con cháu của Giu-lu Ka-ra Nai-ni, ông vua vàng vua bạc. Nhưng, từ khi người họ Xít-xê phá bỏ lời cam ước của tổ tiên, thì uy lực của họ cứ thế mà tụt mãi. Đến thời Xun-gia-ta, con cháu của Giu-lu Ka-ra Nai-ni đã phải nộp cống cho vua xứ Xốt-xô rồi! Sau nhiều ngày đường, đoàn hành thương đến trước thành Oa-ga-đu. Các lái buôn chỉ cho mẹ con Xô-gô-lông xem khu rừng lớn ở Oa-ga-đu, nơi xưa kia con rắn khổng lồ Bi-da ở. Bao quanh thành phố

là những tường thành to, nhưng chẳng được bảo dưỡng chu đáo cho lắm. Khách đường xa gặp được tại Oa-ga-đu không thiếu gì những lái buôn da trắng. Quanh thành phố, bao người đã dựng trại: lạc đà thả rông cứ thò thẩn khắp nơi.

Oa-ga-đu là xứ sở của dân Xa-ra-khu-lê. Người ở đây không nói tiếng Măng-đinh, nhưng cũng lắm kẻ hiểu được, vì khối người Xa-ra-khu-lê là dân đi đường xa, là những tay buôn lớn. Mùa khô nào cũng vậy, các đoàn lừa của họ chở nặng hàng hóa đến tận Ni-a-ni: họ dựng trại đằng sau thành, người địa phương cứ ra đấy mà trao đổi.

Cánh lái buôn đến trước cổng vào đồ sộ của thành phố. Người quản cả đoàn hành thương nói chuyện với đám lính canh cổng: một người lính ra hiệu cho Xô-gô-lông cùng gia đình đi theo anh, thế là mẹ con nàng đặt chân vào thành phố của dòng họ Xít-xe. Nhà ở đây là nhà mái bằng, không lợp rạ, hoàn toàn khác với các thành phố trên đất Măng-đinh. Ở đây, lại có rất nhiều đền thờ Hồi giáo, nhưng điều đó không gây mảy may ngạc nhiên cho Xun-gia-ta: chú đã biết trong dòng họ Xít-xê có nhiều vị giáo sĩ lớn. Còn ở Ni-a-ni chỉ có mỗi một ngôi đền. Một người khách đường xa còn nhận thấy căn phòng ngoài ở vùng này là một phần của ngôi nhà, còn ở Măng-đinh thì phòng ngoài, tức bên-lông, lại là một công trình đứng tách riêng. Chiều tối rồi, người người kéo nhau đến các đền thờ. Thấy khách đường xa đi về phía Cung vua, họ cứ bàn tán những gì với nhau ấy, mà khách nghe chẳng thủng lầy được một lời.

Hoàng cung của vua Oa-ga-đu là một công trình nguy nga, tường cao vút, cứ như nơi ở của thần linh, không

phải của con người. Xô-gô-lông và các con của nàng được em trai nhà vua tiếp: ông này nghe được tiếng Ma-nin-ka.

Vua đang bận cầu kinh. Em vua mời khách đường xa yên vị trong một căn phòng rộng mênh mông, gọi bung nước lên cho khách giải khát. Cầu kinh xong, vua trở về cung tiếp khách. Em vua phiên dịch:

- Nhà vua có lời chào khách đường xa.

Xô-gô-lông đáp:

- Chúng tôi xin chào nhà vua xứ Oa-ga-đu.

- Khách đường xa đã an bình đặt chân vào Oa-ga-đu. Cầu cho các vị vẫn mãi được an bình trong thành phố của chúng tôi.

- A-men.

Nhà vua mời các vị khách xa cất tiếng.

Xô-gô-lông bắt đầu kể:

- Chúng tôi người xứ Măng-đinh. Cha đẻ ra các con tôi đây là vua Na-rê Ma-găng: cách đây vài năm, người có phái một đoàn sứ đến Oa-ga-đu tỏ tình bầu bạn. Nhà vua chồng tôi đã bằng hà, nhưng hội đồng phụ chính không tuân thủ nguyện vọng của người: họ gạt con trai cả của tôi đây (nàng chỉ Xun-gia-ta) khỏi ngôi báu. Thay vì con tôi, họ thích chọn con trai của người đàn bà chung chồng với tôi. Tôi đã sống cảnh lưu vong: vì lòng căm hận của người đàn bà kia, đến thành phố nào tôi cũng bị đuổi đi; cùng với các con, tôi đã lê chân khắp mọi nẻo đường. Hôm nay tôi đến đây xin các vị Xít-xê ở Oa-ga-đu một chỗ nương thân.

Một chốc yên lặng. Trong khi Xô-gô-lông đang nói, vua và em vua không hề rời mắt khỏi Xun-gia-ta. Bị người lớn nhìn chăm chăm đưa trẻ mười một tuổi nào mà chẳng

bối rồi, riêng Xun-gia-ta vẫn không mất bình tĩnh. Chú bình thần ngắm các đồ trang trí rực rỡ trong phòng tiếp khách của nhà vua: những tấm thảm sang trọng, những thanh kiếm cong treo trên đường, trang phục lộng lẫy của các cận thần.

Mẹ con Xô-gô-lông ngạc nhiên biết mấy khi nghe nhà vua cất giọng chính bằng tiếng nói của xứ sở Măng-đinh:

- Chưa một người khách lạ nào bắt lỗi được chúng tôi thiếu lòng hiếu khách. Triều đình của tôi là của các vị. Cung của tôi là của các vị. Đây là nhà của các vị. Từ Ni-a-ni đến Oa-ga-đu, xin cứ xem như các vị chỉ phải đổi buồng. Mối tình bạn giữa Măng-đinh và Oa-ga-đu ngược về một thời rất xa xôi: điều đó, các bậc bô lão và các vị G'ri-ô đều rõ. Các vị trên đất Măng-đinh là anh em cùng họ với chúng tôi.

Rồi quay qua Xun-gia-ta, nhà vua chuyển sang giọng thân tình:

- Ngồi xích lại đây đi, chú em trong họ. Chú tên gì nào?

- Tên tôi là Ma-ri Gia-ta. Tôi còn mang tên Ma-găng nữa, nhưng thông thường hơn là Xô-gô-lông Gia-ta. Còn em trai tôi là Măng-đinh Bu-ka-ri. Em gái bé nhất của tôi tên Gia-ma-ru, còn em lớn là Xô-gô-lông Kô-lông-kăng.

- Đấy, một vị vua lớn sau này đấy, anh chúng không bỏ quên một ai cả.

Thấy Xô-gô-lông đã quá mệt, nhà vua dặn:

- Chú ạ, chú lo cho các vị khách của chúng ta nhé, Xô-gô-lông và các con nàng phải được đối đãi theo lễ nhà

vua. Ngay từ ngày mai, các Hoàng tử xứ Măng-đinh phải có chỗ đứng chỗ ngồi giữa đám con cái chúng ta.



Không bao lâu sau Xô-gô-lông đã rũ sạch con mặt. Giữa triều vua Xu-ma-ba Xít-xê, nàng được đối đãi như một bà Hoàng. Các con nàng được ăn mặc theo kiểu Oa-ga-đu: Xun-gia-ta và Măng-đinh Bô-ri khoác áo chùng dài rực rỡ hình thêu. Hai chú được săn sóc chu đáo đến mức Măng-đinh Bô-ri cứ ngỡ cả người, còn Xun-gia-ta thì thấy đối đãi với chú ta như thế cũng đương nhiên thôi. Khiêm tốn là phận của con người trung bình, còn bậc hơn người không biết đến khiêm nhường. Thậm chí, Xun-gia-ta trở nên khó tính, mà chú càng khó tính bao nhiêu, thì kẻ hầu người hạ càng run sợ trước mặt chú bấy nhiêu. Nhà vua thích chú lắm, có lần ông bảo người em:

- Một ngày kia, nếu chú bé ấy cầm đầu một vương quốc, thì tất tất sẽ thần phục chú: chú ta biết sai khiến đấy.

Ấy thế mà tại Oa-ga-đu, Xô-gô-lông vẫn không được yên hàn lâu dài hơn, so với triều đại Giê-đê-ba hay ở Ta-bông: sau một năm trời, nàng đổ xuống ốm.

Vua Xu-ma-ba Xít-xê quyết định gửi Xô-gô-lông và gia đình nàng đến Mê-ma, tại triều vua Tum-ka-ra anh em cùng họ với ông. Mê-ma là kinh đô của một vương quốc lớn: thành phố nằm trên bờ sông Gi-li-ba, tiếp sau xứ Đô. Nhà vua cố làm cho Xô-gô-lông yên tâm về thái độ tiếp đón ở đây. Còn gió thổi từ sông lên ắt có thể trả lại sức khỏe cho nàng.

Bọn trẻ khổ tâm phải từ giã Oa-ga-đu: ở đây, chúng đã kết được bao nhiêu là bè bạn. Nhưng số phận ở nơi khác, nhất thiết phải ra đi.

Vua Xu-ma-ba Xít-xê gửi gắm mấy khách đi đường cho cánh lái buôn trở về Mê-ma. Đây là một đoàn hành thương lớn, người đi phải cuôi lạc đà: từ lâu bọn trẻ cũng đã làm quen với loài này vốn không có ở Măng-đinh. Theo lời giới thiệu của nhà vua, mẹ con Xô-gô-lông là người nhà của ông, nhờ vậy mà họ được khách thương đối xử hết sức trân trọng. Sẵn thói ham hiểu biết, Xun-gia-ta đem đủ chuyện trên đời ra chất vấn mấy bác dốt lạc đà. Họ là những người biết nhiều hiểu rộng, họ kể cho chú nghe bao nhiêu là chuyện. Họ nói với chú về các xứ sở ở xa hơn Oa-ga-đu nhiều, xứ của người Ả Rập, đất Hét-gia, cái nôi của đạo Hồi, mà cũng là nôi của tổ tiên Gia-ta, bởi lẽ Bi-la-li Bu-na-ma, kẻ tội tởm trung thành của vị tiên tri, chính từ Hét-gia đến. Chú được biết thêm nhiều tích về Giu-lu Ka-ra Nai-ni. Còn chuyện họ kể bằng giọng hời hợt là chuyện Xu-mao-rô, ông vua phù thủy, tay cướp đường, cứ nổi cơn cáu lên là bóc hết hàng của khách thương.

Một phu trạm đã ra đi sớm hơn từ Oa-ga-đu để báo được tin Xô-gô-lông đến Mê-ma. Một đoàn hộ tống lớn được cử đi đón khách đường xa. Lễ tiếp đãi long trọng diễn ra trước mặt thành Mê-ma: các cung thủ và các chiến binh cầm thương xếp thành hai hàng; thấy thế, cánh khách thương càng trân trọng hơn các bạn đường của họ. Lại một điều là nhà vua vắng mặt: lễ tiếp đãi long trọng này lại do em gái vua tổ chức. Toàn dân Mê-ma đều có mặt ngoài cổng thành, cứ như chính nhà vua trở về vậy. Tại đây,

lắm người nói tiếng Ma-lin-kê, nên mẹ con Xô-gô-lông hiểu được nỗi ngạc nhiên của họ. Người ta cứ hỏi nhau:

- Ủa, họ từ đâu đến nhỉ? Họ là ai thế?

Em gái vua tiếp Xô-gô-lông và các con nàng trong Hoàng cung. Nàng nói rất thạo tiếng Ma-lin-kê. Với Xô-gô-lông, nàng trò chuyện thân mật, cứ như đã quen biết từ xưa, rồi xếp chỗ ở trong một tòa bên của cung vua. Theo thói thường của chú, chỉ trong một thời gian rất ngắn Xun-gia-ta đã khiến cho các Hoàng tử nhỏ tuổi ở Mê-ma phải vì nể. Sau vài ngày thôi, chú đã thuộc mọi góc ngách trong Hoàng thành.

Tại Mê-ma, khí trời ở trên sông có lợi hẳn cho sức khỏe của Xô-gô-lông. Nhưng điều làm cho nàng còn cảm động hơn là thái độ bạn bè của em gái nhà vua. Tên nàng là Mát-xi-răng.

Qua lời tâm sự của Mát-xi-răng, Xô-gô-lông được biết nhà vua không có con: những bầu bạn mới của Xun-gia-ta đều là con trai của các chư hầu phụ về Mê-ma. Vua đang đi trận đánh dân vùng núi ở bên kia sông, mà năm nào cũng phải ra quân như thế: cứ để yên cho các tộc ấy, là y như họ kéo nhau từ trên núi xuống đi cướp khắp xứ.

Xun-gia-ta và Măng-dinh Bô-ri lại có dịp quay về với trò chơi hai chú thích thú: săn bắt. Hai chú đi săn cùng với các chư hầu nhỏ tuổi của triều Mê-ma.

Gần đến mùa khô, thì có tin báo vua về. Thành phố Mê-ma tung bùng đón tiếp vua mình. Mút-xa Tun-ka-ra, trong bộ trang phục rực rỡ, cưỡi trên một con ngựa hùng, đội kỵ binh đáng gờm của ông kéo theo sau thành một đoàn hộ tống uy nghi. Bộ binh xếp hàng bước đi, đội trên

đầu những chiến lợi phẩm đã tước được của địch. Trống trận nổi liên hồi. Còn tù binh thì hai tay bị trói sau lưng, cứ thế mà cúi đầu bước, dưới những tràng cười nhạo báng của đám đông.

Vua hồi cung, em gái ông, Mát-xi-răng, giới thiệu Xô-gô-lông cùng các con nàng, đồng thời trao lá thư của vua Oa-ga-đu. Thái độ của Mút-xa Tun-ka-ra hết sức hòa nhã. Ông bảo Xô-gô-lông:

- Xu-ma-la là anh em cùng họ với tôi. Ông ấy giới thiệu bà. Thế là đủ. Đây là nhà bà. Bà cứ ở đây, ở lâu chừng nào là tùy ý thích của bà.

Chính tại triều Mê-ma này, lần đầu tiên Xun-gia-ta và Măng-đinh Bô-ri dẫn thân vào con đường binh đao. Mút-xa Tun-ka-ra là bậc lừng danh chinh chiến: ông khâm phục sức mạnh. Kịp đến lúc Xun-gia-ta đã mười lăm tuổi, nhà vua đưa chàng cùng ông ra trận. Toàn quân phải ngạc nhiên trước sức khỏe của chàng, trước hung khí của chàng lúc xung phong. Trong một trận đụng độ nhỏ với dân vùng núi chàng cứ thế xông vào giữa kẻ địch, kịch liệt đến độ nhà vua cũng lo cho chàng. Nhưng vũ dũng là điều Mút-xa Tun-ka-ra hết mức kính phục, cho nên ông không ngăn con trai Xô-gô-lông lại. Ông theo sát gót chàng để bảo vệ chàng. Và ông say mê rồi theo người thiếu niên gây hãi hùng trong hàng ngũ địch: Chàng nhanh trí đến lạ lùng, tấn vào bên phải, tấn vào bên trái, cứ thế mà mở ra trước mặt mình một lối đi vinh quang. Khi kẻ địch chạy trốn hết rồi, các *xô-pha*⁽¹⁾ kỳ cựu cứ bảo nhau: "Đấy, con người này rồi ra thành vua lớn đấy". Mút xa tun-ka-ra ghì chặt con trai Xô-gô-lông trong tay mình:

- Cháu oi, chính định mệnh đã đưa cháu đến Mê-ma đây. Ta sẽ làm cho cháu trở thành một tay chiến binh cự phách.

Từ hôm ấy, Xun-gia-ta không rời nhà vua một bước. Canh chàng, các ông Hoàng trẻ khác mờ nhạt hẳn. Chàng được toàn quân yêu mến: trong trại, người ta chỉ kháo nhau về chàng. Điều làm cho mọi người còn ngạc nhiên hơn là trí óc trong sáng của chàng: trong trại, ai hỏi gì, chàng đều trả lời đâu vào đấy; những tình hình rắc rối nhất, người thiếu niên này đều sẵn lời giải đáp.

Chẳng bao lâu sau, ngay giữa thành phố Mê-ma người ta cũng bắt đầu bàn tán về con trai của Xô-gô-lông: phải chăng chính do ý trời mà cậu bé kia đã đến đây, đúng lúc Mê-ma thiếu người kế vị? Ngay giờ đây, người ta đã bắt đầu nói chắc rằng Xun-gia-ta sẽ mở rộng đế chế của mình từ Mê-ma đến Măng-đinh: chiến dịch nào, chàng cũng có mặt; kẻ địch ngày càng bớt xâm phạm bờ cõi; danh tiếng con trai Xô-gô-lông vang qua tận bên kia sông.

Sau ba năm, nhà vua cử Xun-gia-ta làm Kăng Kô-rô Xi-gi, phó vương: vắng mặt nhà vua, chàng đề xuất mọi việc. Giờ, Gia-ta đã qua mười tám mùa khô: một thanh niên cao lớn, cổ to, ngực nở; không ai căng nổi cánh cung của chàng. Mọi người cúi rạp trước chàng: người ta yêu mến chàng; còn ai không yêu thì sợ. Giọng chàng nói trở nên đầy quyền uy.

Việc chọn lựa của nhà vua được quân đội và dân chúng đồng tình: dân chúng yêu mến tất cả những gì khuất phục được họ. Các thầy bói ở Mê-ma lại tiết lộ số mệnh phi thường của Gia-ta. Người ta đồn chàng là người

kế vị Giu-lu Ka-ra Nai-ni, mà còn vượt cả Giu-lu Ka-ra Nai-ni nữa: binh lính bắt đầu xây dựng trăm nghìn giấc mơ chinh phạt. Được một con người dũng mãnh nhường ấy cầm đầu, có gì mà chẳng làm nổi! Bằng gương sáng bản thân, Xun-gia-ta chiếm được lòng tin của đám xô-pha, vì người lính thích người chỉ huy mình dám liều tính mệnh.

Nay thì Gia-ta đã nên người rồi. Từ thuở bỏ Ni-a-ni ra đi, thời gian đã trôi qua: giờ đây, định mệnh phải được thực hiện. Đã đến lúc rồi, Xô-gô-lông biết rõ điều đó: nàng đã làm xong nhiệm vụ, đã nuôi nấng đứa con trai mà cả thế gian chờ đợi. Nàng biết lắm, giờ thì sứ mệnh của nàng đã hoàn thành, còn sứ mệnh của Xun-gia-ta thì sắp bắt đầu. Có hôm nàng bảo con trai:

- Con đừng có mơ ước hão, số mệnh của con đâu phải ở đây, số mệnh của con ở Măng-đinh kia. Đã đến lúc rồi đấy. Về phần mẹ, mẹ đã làm xong nhiệm vụ, còn nhiệm vụ của con thì sắp bắt đầu, con ạ. Nhưng con phải biết chờ đợi: chuyện nào vào lúc đó.

-
- (1) Trò chơi đánh cờ gần hết đánh ô ăn quan ở ta, với vài chi tiết khác biệt: a) Số quân trong từng ô ít hơn; b) bàn cờ không phải được phác lên mặt đất, mà là một tấm gỗ bằng mặt, mỗi ô là một lỗ đục thủng; c) không phải là trò chơi của trẻ con, mà của người lớn.
- (2) Nhắc lại: lính hầu ngựa, và, mở rộng ra, lính (chiến binh) nói chung.

7. XU-MAO-RÔ KĂNG-TÊ, ÔNG VUA PHÙ THỦY

Ở nơi đất khách quê người, khi con trai Xô-gô-lông mới bước đầu đặt chân lên đường chinh chiến, thì chính lúc đó xứ Măng-đinh rơi vào tay một ông chủ mới: Xu-mao-rô Kăng-tê, vua xứ Xốt-xô.

Khi đoàn sứ của Đăng-ka-răng Tu-măng đến Xốt-xô, vua Xu-mao-rô đòi xứ Măng-đinh phải xin nhận làm bồi thần, nộp cống cho Xốt-xô. Tại triều của Xu-mao-rô, Ban-la Phát-xê-kê gặp đại diện của nhiều vương quốc khác.

Bằng đạo quân thợ rèn hùng hậu của mình, vua xứ Xốt-xô đã nhanh chóng bắt mọi người phải quy phục. Hai xứ Oa-ga-đu và Đi-a-găng bị đánh bại, từ đó không còn ai dám chống lại ông nữa. Xu-mao-rô là dòng dõi đám thợ rèn Đi-a-rít-xô, những kẻ đã thuần dưỡng lửa, đã dạy cho người đời rèn sắt. Nhưng, trong một thời gian dài, Xốt-xô chỉ là một làng nhỏ chẳng ra gì. Bấy giờ, nhà vua hùng mạnh ở Oa-ga-đu làm chủ xứ này. Từng bước một, vương quốc Xốt-xô cứ lấn quyền Oa-ga-đu mà lớn mạnh lên: giờ thì dòng họ Kăng-tê lại thống trị chủ cũ của mình.

Như mọi người làm chủ được ngọn lửa, Xu-mao-rô Kăng-tê cũng là phù thủy cao tay ấn. Các báu vật của ông có uy lực phi thường: chính do các báu vật đó mà tất cả các vua đều run sợ ông, vì ông có thể tung cái chết

lên đầu bất cứ ai ông muốn giết. Ông đã cho bao quanh Xốt-xô lại bằng ba vòng thành: từ trung tâm thành phố, cung ông vươn cao, trùm lên nhà lợp tranh của các làng. Còn cho bản thân thì ông đã cho xây một ngôi tháp menh mông cao bảy tầng: ông ở trên tầng thứ bảy giữa các báu vật của mình, và chính vì thế người ta gọi ông là "nhà vua không cách gì động đến". Xu-mao-rô cho đoàn sứ ra về, nhưng ông giữ Ban-la Phát-xê-kê lại.

Ông đã dọa sẽ phá sạch Ni-a-ni nếu Đẳng-ka-răng Tu-măng không chịu thần phục. Khiếp hãi, con trai của Xát-xu-ma xin qui phục ngay, thậm chí còn dâng cả em gái, Na-na T'ri-băng, lên vua Xốt-xô.

Một hôm, nhân vua đi vắng, Ban-la Phát-xê-kê tìm cách nhập được vào phòng kín nhất trong cung, nơi Xu-mao-rô cất các bí mật của mình. Đẩy cửa bước vào, Ban-la Phát-xê-kê khựng lại trước cảnh mắt thấy: các vách tường đều được phủ bằng da người; chính giữa phòng còn một tấm da người khác nữa làm chỗ vua ngồi; quanh một cái vò, chính đầu lâu xếp thành vòng tròn. Khi Ban-la mới mở cửa, nước trong vò cứ xao động, rồi một con rắn quái đản thò đầu ra. Vốn cũng thạo phù phép, Ban-la Phát-xê-kê niệm mấy câu chú, thế là trong buồng tất cả yên ả trở lại.

Con trai Đu-a xem xét tiếp: bên trên giường một cái giá đỡ ba con cú, con nào cũng như đang ngủ; trên vách trong cùng, những vũ khí dạng kỳ quặc, những thanh kiếm cong, những con dao ba lưỡi. Anh nhìn kỹ các đầu lâu; nhận ra đầu chín ông vua đã bị Xu-mao-rô hạ sát. Bên phải cửa ra vào, anh chợt thấy một cây đàn ba-la-phông cỡ lớn: ở Măng-đinh, anh chưa hề thấy cây nào lớn đến thế. Như bị bản năng kích thích, anh vội bước đến, ngồi

thụp xuống trước cây đàn. Cứ vậy thôi đã làm G'ri-ô là đam mê nhạc, mê không cưỡng lại được: nhạc là hồn của người G'ri-ô.

Anh bắt đầu đánh. Chưa bao giờ anh được nghe tiếng *ba-la-phông* du dương đến thế, cây sanh vừa khẽ chạm, từ tấm gỗ vang vang đã thoát ra những thanh êm không nói xiết, những âm sáng, trong như vàng cám: dưới bàn tay thành thục của Ban-la, cây đàn vừa tìm ra được một bậc thầy. Anh đem hết cả hồn ra mà đánh. Căn buồng như mê say: mấy con cú đang ngủ gật, mắt nửa nhắm, nửa mở, mà đầu bỗng động nhẹ, tỏ ý vừa lòng. Tiếng nhạc thần làm cho tất cả sống lại: chín đầu lâu trở lại hình dáng trần thế, vừa đập đập mi mắt vừa dõi theo âm thanh trầm trầm của "làn điệu chim Kên kên"; rắn nhô lên, gác đầu lên miệng vò, như cũng biết nghe tiếng nhạc.

Ban-la Phát-xê-kê sung sướng quá đổi: tiếng nhạc của anh động đến cả những kẻ kỳ quặc sống trong căn buồng rừng rợn này. Nhưng anh biết lắm: cây đàn anh đang chơi đây đâu có giống những cây *ba-la-phông* khác; nó là đàn của một phù thủy bậc thầy. Chỉ có vua Xu-mao-rô mới được chơi cây đàn này: sau mỗi lần chiến thắng, ông lại đến đây đàn, mình tự ca mình; chưa một G'ri-ô nào được động vào đấy. Không phải lỗi tai nào cũng đủ tư cách để nghe tiếng nhạc nó phát ra. Đã thế, lúc nào cũng vậy, Xu-mao-rô không bao giờ giao tiếp với cây đàn: dù có đi xa đến mấy, chỉ cần ai đó động vào đàn, là ông biết ngay có người nhập vào buồng kín của ông.

Lần này, vua chẳng xa thành phố là bao. Ông vội vã quay về cung, leo lên tầng bảy. Ban-la Phát-xê-kê nghe

tiếng chân dồn dập ngoài hành lang. Vua vung kiếm trong tay, Xu-mao-rô nhào vào buồng, miệng gầm lên:

- Ai đấy...? Mày đấy à, Ban-la Phát-xê-kê!!

Giận quá, vua xùi cả bọt mép, còn hai con mắt đỏ lừ như hai cục than hồng thì cứ nhướng lên nhướng xuống nom dữ dội.

Nhưng con trai của Đu-a không mất bình tĩnh. Anh chuyển âm, ứng khẩu ngay một bài hát dâng vua:

- Đây rồi, Xu-mao-rô Kăng-tê,

Xin chào ngài, bậc ngời trên da của các vua.

Xin chào ngài, vị Xim-bông có mũi tên dính đầu chết đấy.

Xin chào ngài, bậc mặc áo da người.

Làn điệu ngẫu hứng đó làm Xu-mao-rô vui lòng không nói đâu cho hết. Ông chưa hề được nghe lời ai đẹp đến thế. Vua cũng là người thôi: chừng nào sắt không làm gì được họ, chừng ấy lời nói lại làm được. Vua cũng cảm động trước lời ton hót: nổi giận của Xu-mao-rô dịu xuống, lòng ông tràn trề vui sướng. Và ông lắng tai nghe kỹ tiếng nhạc ngọt ngào:

- Xin chào ngài, hỡi bậc mặc áo da người.

Xin chào ngài, bậc ngời trên da của các vua.

Ban-la hát. Giọng anh tốt lắm, vua Xốt-xô vui sướng. Vua bảo:

- Nghe kẻ khác ca mình, mới êm tai làm sao. Ban-la Phát-xê-kê, mày chẳng bao giờ trở về Măng-đinh nữa đâu: từ hôm nay trở đi, mày là G'ri-ô của tao.

Ban-la Phát-xê-kê, người Gri-ô mà vua Na-rê Ma-găng truyền cho Xun-gia-ta, con trai của ông, đã có lần bị Đăng-ka-răng Tu-măng cướp trên tay. Lần này, vua Xốt-xô, Xu-mao-rô Kăng-tê, lại cướp người Gri-ô quý của con trai Xát-xu-ma Bê-rê-tê. Thế thì chiến tranh giữa Xun-gia-ta và Xu-mao-rô thành chuyện không tránh được nữa rồi.

8. LỊCH SỬ

Gìờ đã đến những thời điểm lớn trong đời Xun-gia-ta. Cuộc sống tha hương sắp chấm dứt, một mặt trời khác sắp mọc lên: mặt trời của Xun-gia-ta. Người Gri-ô biết lịch sử của vua, các vương quốc, cho nên họ là bậc cố vấn số một của các vua. Đã là vua lớn, ai cũng muốn có trong tay một nhà thơ, để cho tên tuổi mình còn được truyền mãi trong trí nhớ: chính Gri-ô là kẻ cứu vớt tên tuổi các vua, chứ trí nhớ của con người chỉ cụt ngắn.

Số mệnh của từng vương quốc cũng được vạch sẵn như số mệnh của con người: điều đó, các thầy bói, những người dăm dăm nhìn tương lai, đều biết rõ. Những người như thế, họ nắm được hiểu biết về tương lai, còn lũ Gri-ô chúng tôi, thì chúng tôi được ký thác hiểu biết về quá khứ. Nhưng ai mà biết lịch sử một xứ, thì cũng có thể nhìn ra tương lai của xứ ấy.

Có những tộc khác dùng chữ viết để cố định quá khứ lại. Nhưng phát minh ấy lại giết chết trí nhớ của họ: họ không còn cảm thấy quá khứ nữa, vì chữ viết thiếu hơi nóng của tiếng nói con người. Ở các tộc đó, ai ai cũng tưởng mình biết, mà thực ra hiểu biết phải là điều bí ẩn. Các bậc tiên tri có viết đâu, nhưng tiếng nói của họ, chính vì vậy, mà càng sống sót. Có thứ hiểu biết nào tôi cho bằng hiểu biết đọng cứng lại trong cuốn sách câm lặng.

Tôi đây, Giê-li Ma-mu-đu Ku-gia-tê, tôi là khâu cuối cùng một chuỗi dài truyền thống: qua bao thế hệ, lịch sử của vua được chúng tôi truyền cho nhau, cứ cha truyền lại cho con trai lịch sử các vua. Lời nói đã truyền đến tôi mà không hề bị biến đổi. Lời nói ấy, tôi sẽ nói lại, cũng không biến đổi: hồi tôi tiếp nhận nó, lời vốn không vắn mảy may đổi trá.

Giờ đây, hãy lắng nghe lịch sử Xun-gia-ta, bậc Ma Kam-ma, tức con người có một sứ mệnh phải làm tròn.

Vào lúc Xun-gia-ta chuẩn bị đòi lại vương quốc của cha ông mình, thì Xun-mao-rô đang là vua của các vua, nhà vua hùng mạnh nhất giữa các xứ ở về phía mặt trời lặn. Xốt-xô, thành phố hiểm yếu, là thành trì ngăn che các bá vật, chống lại lời của An-la. Trong một thời gian dài, Xu-mao-rô thách thức cả thế gian. Từ khi lên ngôi ở Xốt-xô, ông đã đánh bại chín vua: đầu chín vua ấy trở thành bá vật trong căn buồng rừng rợn của ông, da của họ thành chỗ ông ngồi; ông còn xén da người ta đóng giày ông đi. Xu-mao-rô đâu phải là người như mọi người khác: các thần linh từ đó uy lực của ông không thể cân đo. *Đám xô-pha của ông đông không ai tính nổi: họ chiến đấu rất dũng cảm, vì họ tin rằng không ai thắng được vua họ.*

Nhưng Xu-mao-rô là một ác thần. Ông chỉ dùng uy lực của mình vào những việc đầu rơi máu chảy. Đối với ông, chẳng có gì đáng phải kiêng kỵ: thú vui lớn nhất của ông là đưa những ông già ra quật roi trước công chúng; mọi gia đình đã ô uế vì ông; trên miền đất rộng lớn của ông, khắp đất nước làng nào cũng có các cô gái bị ông cướp khỏi gia đình, không cưới xin.

Cây sấp bị bão táp quật đổ, nhưng cây không thấy được con giông đang dòn ở chân trời; tán cây kiêu hãnh nhon nhon trước gió, mà đời cây sấp đến lúc tàn. Xu-mao-rô đã đến mức khinh thường tất cả thế gian. Ôi, quyền uy quá biết cách làm biến chất con người! Con người mà nắm được trong tay một Mit-kan thôi của uy quyền thần thánh, thì thế gian này đã tuyệt diệt từ lâu. Xu-mao-rô đã đến độ không còn lùi bước trước bất cứ gì nữa. Vị tổng chỉ huy của ông chính là cháu ông, người thợ rèn Pha-kô-li Kô-rô-ma, con trai của bà Kat-xi-a, em gái Xu-mao-rô. Vợ Pha-kô-li, nàng Kê-lê-gia, là một người đàn bà đặc biệt: cũng như chồng, nàng là phù thủy cao tay ấn; nàng lại nấu nướng giỏi hơn cả ba trăm vợ Xu-mao-rô cộng lại. Xu-mao-rô bèn cướp lấy Kê-lê-gia, giam tại nơi ông ở. Pha-kô-li nổi một cơn giận như điên như cuồng, rồi đến gặp cậu:

- Ông không biết xấu, dám phạm tội loạn luân dám bắt vợ tôi. Thế thì hôm nay tôi không còn chút gì bị ràng buộc vào ông. Từ nay, tôi đứng về phe các kẻ thù của ông. Tôi sẽ ghép bọn Ma-linh-kê nổi loạn vào quân của tôi, và tôi sẽ đánh nhau với ông.

Rồi anh làm như hiệu lệnh: mọi nỗi căm thù, mọi niềm chua xót bị dôn lại từ lâu, nay bỗng vỡ ra. Từ khắp nơi, mọi người hưởng ứng lời kêu gọi của Pha-kô-li; Đăng-ka-răng Tu-măng, vua xứ Măng-đinh, bèn động binh, rồi kéo quân đi, định nhập với quân Pha-kô-li. Nhưng Xu-mao-rô tạm bỏ qua thằng cháu cái đã, xông ngay đến vô Đăng-ka-răng Tu-măng: ông này bỏ cuộc chiến, thoát thân về xứ sở của quả Kô-la trong vùng rừng, lập ở đây thành phố Kít-xi-đu-gu. Trong khi đó, để hả cơn giận,

Xu-mao-rô trùng trị mọi thành phố đã nổi dậy trên đất Măng-đinh. Ông phá tan thành phố Ni-a-ni, đốt tất ra tro. Dân chúng oán trách ông vua đã bỏ trốn.

Có mắc phải tai họa, thì khi ấy con người mới tự vấn về số mệnh của mình. Đăng-ka-răng Tu-măng chạy trốn, thì Xu-mao-rô cứ việc dựa trên quyền của người chiếm được đất mà tự xưng là vua xứ Măng-đinh. Nhưng dân chúng không công nhận: kháng chiến được tổ chức giữa chốn bụi bờ. Người ta mời thầy bói, hỏi các thầy về số phận của xứ sở. Mười thầy như một đều bảo rằng kẻ cứu vớt được xứ Măng-đinh chính là người vốn có quyền kế thừa ngôi báu: người kế vị ấy là "con người mang hai tên". Bấy giờ các bậc bô lão của triều Na-a-ni mới sực nhớ đến con trai của Xô-gô-lông: người mang hai tên chính là Ma-găng Xun-gia-ta, chẳng phải ai khác.

Nhưng biết tìm đâu cho ra bây giờ? Chẳng ai biết mẹ con Xô-gô-lông giờ sống ở đâu. Từ bảy năm nay, không ai nhận được tin tức về mẹ con họ. Thôi, chỉ còn cách đi tìm họ lại. Người ta thành lập một nhóm người có trách nhiệm đi tìm. Trong nhóm, xin kể: Kun-tun Ma-ni-ăng, một vị Gri-ô già trong triều vua Na-rê Ma-găng trước kia; Măng-găng Bê-rê-tê, em trai của Xát-xu-ma, nhưng lại không chịu trốn theo Đăng-ka-răng Tu-măng; Xinh-bin Ma-ra Xít-xê, một giáo sĩ ở trong triều; Xi-ri-măng Tu-rê, một vị giáo sĩ khác nữa; sau rốt, một người đàn bà, Ma-nu-ma. Theo lời các thầy bói, thì phải đi về các xứ bên sông mà tìm, nghĩa là phải đi về phía đông. Nhóm đi tìm từ già xứ Măng-đinh giữa lúc chiến tranh đang dậy lên ào ạt giữa Xót-xô Xu-mao-rô và cháu ông, Pha-kô-li Kô-rô-ma.

9. LÁ BAO BÁP

Tại Mê-ma, Xun-gia-ta được tin Xu-mao-rô đã tràn vào chiếm đất Măng-đinh, còn anh trai chàng, Đăng-ka-răng Tu-măng, thì chạy trốn. Đồng thời, chàng được biết Pha-kô-li lại đương đầu với vua Xốt-xô. Năm ấy, vương quốc Mê-ma an bình, vị Kăng Kô-rô Xi-ghi của nhà vua lắm thì giờ rồi; theo thói cũ, chàng hay đi săn; nhưng từ khi nhận được tin tức xú Măng-đinh, Xun-gia-ta cứ dăm chiêu. Xô-gô-lông thì già rồi: bà ốm đau luôn. Măng-đinh Bô-ri đã mười lăm tuổi, giờ là một thiếu niên đầy sức sống hết Xun-gia-ta, người anh mà cũng là bạn của chàng. Hai em gái của Xun-gia-ta cũng đã lớn rồi, riêng Kô-lông-kăng giờ là một thanh nữ vừa tuổi cập kê: Xô-gô-lông già rồi, Kô-lông-kăng làm bếp thay mẹ; mẹ thường cùng các cô hầu ra chợ ngoài phố.

Thế rồi có hôm chợ bỗng lưu ý đến một người đàn bà đang chào lá *na-phi-ô-la* với lá *g'nu-g'nu*. Hai thứ gia vị này dân Mê-ma không hề biết; họ cứ ngạc nhiên nhìn người chào lá. Kô-lông-kăng bước đến; nàng nhận ra lá bao-báp, cùng nhiều thứ rau khác trước kia mẹ nàng từng trồng trong mảnh vườn ở Ni-a-ni.

Nàng thì thầm:

- Chao! lá Bao-báp...

Rồi cầm lá lên, nàng nói tiếp:

- Cả g'nu-g'nu nữa, tôi biết lá này.

Người chào lá hỏi:

- Thưa công chúa, sao nàng biết các thứ lá này? Mấy ngày rồi, tôi cứ chào trên chợ Mê-ma đây, mà nào có ai hỏi đến.

- Tôi người Măng-đinh ấy mà. Hồi còn ở nhà, mẹ tôi vẫn chăm một vườn rau, còn anh tôi cứ đi hái lá bao-báp về cho cả nhà.

- Thưa công chúa, thế ông anh của nàng tên là gì ạ?

- Anh ấy tên Xô-gô-lông Gia-ta, còn em trai tôi là Măng-đinh Bô-ri. Tôi còn một em gái nữa, tên Xô-gô-lông Gia-ma-ru.

Một người đàn ông bước đến. Ông nói với Xô-gô-lông Kô-lông-kăng:

- Thưa công chúa, chúng tôi cũng là người xứ Măng-đinh. Chúng tôi đi buôn, cứ hết thành phố này qua thành phố khác. Tôi, thì tôi chào hạt *kô-la*: đây, xin biếu nàng. Thưa công chúa, không rõ hôm nay bà sinh ra nàng có tiếp chúng tôi được không?

- Được quá đi chứ. Gặp người từ Măng-đinh đến, bà mừng lắm đấy. Đừng rời khỏi đây nhé, để tôi đi báo tin cho mẹ tôi hay.

Rồi không sợ tiếng chê cười của thiên hạ trước cảnh em gái của vị Kăng Kô-rô Xi-gghi mà lại chạy băng qua chợ, nàng cuộn thân áo dài lên buộc ngang bụng, rồi cứ thế mà ba chân bốn cẳng về phía Hoàng thành. Nàng hỗn hển bảo mẹ:

- N'na⁽¹⁾ oi, ngoài chợ con thấy có lá bao-báp, lá g'nu-g nu, nhiều lá khác nữa, mẹ xem đây này. Lái buôn xứ Măng-đinh chào các thức ấy đấy. Họ muốn gặp mẹ.

Xô-gô-lông cầm lá bao-báp với lá g'nu-g'nu trong tay, đưa lên mũi như để hít cho hết hương vị, rồi mở to mắt nhìn con:

- Họ từ Măng-đinh đến, hử con? Con chạy ra chợ bảo họ mẹ đang chờ họ đây. Chạy đi, con.

Còn lại một mình, Xô-gô-lông cứ đảo đi đảo lại mấy thứ gia vị quý trong lòng bàn tay. Bỗng bà nghe tiếng Xun-gia-ta và Măng-đinh Bô-ri vừa đi sẵn về.

Măng-đinh Bô-ri:

- Chào mẹ, chúng con đã về.

Xun-gia-ta:

- Chào mẹ, chúng con mang thịt thú mồi về cho mẹ.

- Các con vào đi. Ngồi xuống đây này.

Rồi bà đưa cho hai chàng xem những lá bà đang cầm trong tay.

Xun-gia-ta kêu lên:

Chao, lá g'nu g'nu đây này, mẹ tìm ở đâu ra thế? Người ở đây, họ có trồng thức này đâu.

- Đúng thế. Lái buôn người Măng-đinh chào các thức này ngoài chợ đấy. Kô-lông-kăng đang đi mời họ về đây, vì họ muốn gặp mẹ. Chúng ta sắp có tin tức Măng-đinh rồi đấy.

Không bao lâu, Kô-lông-kăng đã trở về, theo sau nàng là bốn người đàn ông, một người đàn bà. Xô-gô-lông nhận ra được ngay các vị chức sắc tại triều của chồng bà, hai

bên chào nhau. Họ chào nhau đúng kiểu cách phong nhã của nền nếp lịch thiệp trên đất Măng-đinh. Cuối cùng, Xô-gô-lông bảo:

- Các con tôi đây: chúng đã lớn lên xa xứ sở. Giờ thì các vị nói cho chúng tôi nghe về xứ Măng-đinh.

Khách đường xa đưa mắt vội hỏi thăm nhau. Rồi Măng-găng Bê-rê-tê, em trai của Xát-xu-ma, lên tiếng:

- Tôi xin tạ ơn Thượng đế Tối Uy: đây, chúng tôi đang được đứng trước mặt Xô-gô-lông và các con bà. Tôi xin tạ ơn Thượng đế: chuyến đi của chúng tôi không phải vô ích. Chúng tôi từ Măng-đinh ra đi đã hai tháng nay. Chúng tôi đi hết kinh kỳ này đến kinh kỳ kia: chúng tôi đóng vai lái buôn. Đến từng chợ, Ma-nhu-ma đưa các thứ rau xứ Măng-đinh ra chào khách, nhưng tại các xứ miền đông này, chẳng ai biết đến các loại rau ấy. Riêng ở Mê-ma, kể của chúng tôi hóa ra lại trùng: người mua rau *g'nu - g'nu* đã cho chúng tôi biết được số phận của các vị đây, mà người đó, sung sướng tột cùng cho chúng tôi, lại chính là nàng Xô-gô-lông Kô-lông-Kăng.

Tôi mang đến cho các vị những tin tức buồn thật là buồn: than ôi, đây là hai sứ mệnh tôi đảm nhiệm. Xu-mao-rô Kăng-tê nhà vua hùng mạnh ở Xốt-xô, đã gây chết chóc và hoang tàn khắp đất Măng-đinh. Vua Đăng-ka-răng Tu-măng đã trốn đi rồi: xứ Măng-đinh giờ không có chủ. Nhưng chiến tranh chưa chấm dứt, ngoài chốn bụi bờ những người can đảm vẫn chiến chinh không mệt mỏi chống lại kẻ địch. Pha-kô-li Kô-rô-ma, cháu vua Xốt-xô chiến đấu không nhân nhượng chống lại người cậu loạn luân đã cướp vợ của mình. Chúng tôi đã chắt vắn thần

linh: các vị cho biết chỉ có con trai của Xô-gô-lông mới giải thoát được cho xứ Măng-đinh. Thế là xứ Măng-đinh được cứu thoát rồi, vì chúng tôi đã tìm được người, hỡi Xun-gia-ta.

Măng-găng Xun-gia-ta, tôi xin chào người: Hỡi vua xứ Măng-đinh, ngôi báu của ông cha đang chờ người. Dù cho ở đây người đứng ở bậc nào, thì xin người cũng từ bỏ mọi chức cao quyền trọng, về mà giải thoát cho xứ sở của người, những người dưng cảm đang chờ người, hãy về mà thiết lập uy quyền hợp pháp trên đất Măng-đinh. Các bà mẹ nước mắt ròn ròn đang nhân danh người mà cầu nguyện, các vua đã tập hợp lại đang chờ đợi người: chỉ có tên người mới gây được niềm tin cho họ. Hỡi con trai của Xô-gô-lông, thời của người đã đến rồi. Lời nói của ông già G'năng-ku-măng Đu-a sắp được thực hiện: người là bậc khổng lồ sẽ quật ngã tên khổng lồ Xu-mao-rô.

Lời trên vừa dứt, căn buồng của Xô-gô-lông bỗng chìm sâu vào yên lặng: Xô-gô-lông cứ nhìn xuống, không nói một lời; còn Kô-lông-kăng và Măng-đinh Bô-ri thì chăm chăm nhìn Xun-gia-ta. Rồi Xun-gia-ta lên tiếng:

- Được. Giờ đây không còn là giờ nói nữa. Tôi sẽ xin nhà vua cho thôi việc, rồi chúng ta sẽ trở về ngay. Măng-đinh Bô-ri, em lo cho các vị được phái từ Măng-đinh đến nhé. Đêm nay, nhà vua về đến đây; đến mai đây thôi, chúng ta lên đường.

Xun-gia-ta đứng dậy, mọi người từ Măng-đinh đến cũng đứng dậy; chàng đã là vua.

Trời vừa tối, vua Mê-ma về đến kinh kỳ. Cả ngày, ông ở tại một trong vùng quanh đây, vị Kăng Kô-rô Xi-ghi không có mặt trong buổi tiếp khách của nhà vua; chẳng

ai rõ chàng ở đâu cả. Đến đêm, chàng mới trở về. Trước khi đi bà đang lên con sốt, cứ run dưới các lớp chăn. Giọng yếu lắm bà chúc con ngủ ngon. Khi chỉ còn một mình trong buồng riêng, Xun-gia-ta quay về hướng đông.

- Hỡi Thượng đế Tối Uy, thời hành động đã đến. Nếu tôi nhất định phải chiếm lại được xứ Măng-dinh, thì xin dâng Tối Uy cho tôi được chôn cất mẹ tôi trong an bình vào mảnh đất này.

Rồi chàng đi ngủ.

Sáng ra, Xô-gô-lông Két-giu, người đàn bà cầm tinh con trâu, thở hơi cuối cùng. Cả triều đình Mê-ma để tang cho mẹ của vị Kăng-kô-rô Xi-gi. Xun-gia-ta đến gặp nhà vua, vua chia buồn, chàng thưa.

- Tâu vua, hồi tôi còn không nơi nương tựa, ngài cho tôi trú lại triều của ngài. Dưới quyền của ngài, tôi đã tập sự đi vào con đường chinh chiến. Lòng ngài quá tốt, tôi chẳng đủ lời để nói lên cho được niềm tri ân của tôi. Mẹ tôi qua đời rồi. Còn tôi thì đã khôn lớn, tôi phải quay về Măng-dinh để đòi lại vương quốc của cha ông. Tâu vua, tôi xin gửi lại mọi quyền hành ngài đã trao cho, xin ngài cho phép tôi ra đi. Tuy nhiên, trước khi tôi lên đường, xin ngài cho tôi được chôn cất tại đây bà mẹ tội nghiệp của tôi.

Lời lẽ ấy làm nhà vua khó chịu. Xưa nay ông không hề ngờ rằng con trai của Xô-gô-lông có thể rời bỏ ông. Mà chúng ta đi tìm cái gì trên đất Măng-dinh kia chứ? Tại Mê-ma đây, không phải chàng đang sống sung sướng, đang được mọi người kính trọng đó sao? Chàng chẳng phải đã

là bậc kế vị ngôi vua ở Mê-ma này là gì? Đồ vô ơn bạc nghĩa, con kẻ khác rồi ra chỉ là con kẻ khác. Vua bảo:

- Đồ bội bạc, đã thế thì anh đi đi, dứt khỏi vương quốc của ta đi. Mà đã đi thì mang thi hài của mẹ anh theo luôn. Anh không được chôn mẹ anh tại Mê-ma đây.

Ngưng một lúc, vua nói tiếp:

- À, mà nếu anh nhất thiết đòi chôn cất mẹ anh tại đây thì anh phải trả cho tôi giá tiền mảnh đất bà yên nghỉ.

Xun-gia-ta đáp:

- Sau này tôi xin trả ngài. Tôi sẽ trả, bao giờ tôi về đến đất Măng-đinh.

- Không, phải trả ngay bây giờ. Không thì mang thi hài của mẹ anh theo.

Con trai của Xô-gô-lông bèn đứng dậy, bước ra ngoài. Một chốc sau, anh quay lại, mang đến trước mặt nhà vua một rổ đầy những mảnh gốm vỡ, lông gà sao, lông đà đà, những cọng rom:

- Tâu vua, thế thì đây, tiền đất tôi xin nộp.

- Xun-gia-ta, anh nhạo ai đấy, anh có mang cái rổ rác ấy đi ngay không nào. Tiền đất mà thế à. Nghĩa lý gì thế chứ?

Đến lúc ấy, một ông cố vấn già người Ả Rập mới bảo.

- Tâu vua, xin ngài cho người trai này một mảnh đất để mẹ chàng yên nghỉ. Thứ chàng ta mang đến trước mặt ngài có nghĩa đấy: Nếu ngài không cho đất thì chàng sẽ gây chiến với ngài. Lọ vỡ và rom là chàng sẽ phá tan

thành phố của ngài khiến người đời sau chỉ còn nhận được qua các mảnh lọ vỡ chàng sẽ biến nó thành phế tích, để cho đa đa với gà sao đến đó mà vầy vùng. Xin ngài cứ cấp đất cho chàng: nếu chàng chiếm lại được vương quốc cũ, thì chàng ta sẽ vì nể ngài, hai họ sẽ đời đời giao kết.

Vua hiểu ý. Ông cấp đất, và Xô-gô-lông được chôn cất theo đúng nghi thức long trọng của đám tang trong họ nhà vua.

(1) Mẹ, trong tiếng Ma-lin-kê

10. ĐƯỜNG VỀ

Người nào có đất nấy: nếu số kiếp của kẻ nào đấy phải được hoàn thành tại xứ này, thì ta đành chấp nhận, không sao cưỡng nổi. Măng-xa Tun-ka-ra không cách gì giữ Xun-gia-ta lại được, vì số mệnh của con trai Xô-gô-lông lại gắn chặt với số mệnh xứ Măng-đinh. Cả lòng ghen tuông của một bà mẹ ghẻ, lẫn tính độc ác của bà ta, đều không thể mảy may đổi dòng của mệnh lớn kia.

Con rắn là kẻ thù của con người, nó đâu có sống lâu được, nhưng con rắn sống ẩn thì chắc chắn được chết già. Gia-ta giờ đã đủ lực để đương đầu với kẻ thù của chàng. Vào tuổi mười tám, chàng có cái uy của sư tử và sức khỏe của con trâu. Giọng chàng nói là giọng hạ lệnh, đôi mắt chàng là hai cục than cháy bỏng, hai cánh tay là cánh tay sắt. Chàng là con người của quyền lực.

Mút-xa Tun-ka-ra, vua xứ Mê-ma, đem một nửa số quân của ông trao lại cho Xun-gia-ta: những người dũng mãnh nhất tự nguyện đi theo Xun-gia-ta trong chuyến thử thách lớn này; đội kỵ binh Mê-ma, do chính chàng đào luyện, là đội quân bằng sắt dưới tay chàng. Dẫn đầu đạo quân nho nhỏ nhưng đáng gờm ấy, lại ăn mặc theo kiểu Hồi giáo ở Mê-ma, Xun-gia-ta ra khỏi thành phố: toàn dân tiễn chân chàng bằng bao lời cầu chúc. Bao quanh chàng là năm vị được phái từ Măng-đinh đến, còn Măng-đinh

Bô-ri thì hãnh diện cưỡi ngựa bên cạnh anh mình. Bám ngay sau lưng Gia-ta, kỵ binh Mê-ma hợp thành một đội lỏm chồm những sắt. Đạo quân hướng về phía Oa-ga-du: Gia-ta không đủ quân để trực tiếp chạm trán với Xu-mao-rô, nên nhà vua Mê-ma khuyên chàng đến Oa-ga-du lấy nửa số quân của vua Xu-ma-la Xít-xê. Một phu trạm hỏa tốc đã được phái đến đây: vua Oa-ga-du thân hành kéo quân ra đón Gia-ta. Ông trao cho con trai Xô-gô-lông nửa số kỵ binh của mình, rồi cầu phúc cho quân sĩ. Bấy giờ, Măng-đinh Bô-ri mới hỏi:

- Gia-ta, theo anh giờ đã chạm trán với Xu-mao-rô được chưa?

Xun-gia-ta đáp:

- Cánh rừng có nhỏ mấy, thì bao giờ cũng tìm ra đủ dây để trói một con người. Số lượng chả là gì, dũng khí mới đáng kể. Với đội kỵ binh này, anh sẽ mở đường đến tận Măng-đinh.

Gia-ta hạ lệnh: đi bao quanh vương quốc của Xu-mao-rô mà về phía nam; nơi đến trước tiên là Ta-bông, thành phố cổng sắt sừng sững giữa núi. Xun-gia-ta đã hứa với Ph'răng Ka-ma-ra chàng sẽ ghé qua Ta-bông trước khi về Măng-đinh:

Chàng hi vọng người bạn tuổi thơ của mình đã lên ngôi. Hành quân cấp tốc. Tại các trạm nghỉ, hai vị giáo sĩ Xinh-bin Ma-ra Xít-xê và Măng-giăng Bê-rê-tê kể cho Gia-ta nghe lịch sử vua Giu-lu Ka-ra Nai-ni và nhiều vị anh hùng khác: Giữa mọi vị, Gia-ta vẫn thích Giu-lu Ka-ra Nai-ni nhất, vị vua vàng vua bạc, người từng đi xuyên qua thế gian này từ tây sang đông: chàng muốn vượt qua bậc

mà chàng vẫn lấy làm gương, vượt cả về chiều rộng đất đai của cái trong kho báu.

Nhưng Xu-mao-rô Kăng-tê lại là phù thủy cao tay: ông biết con trai Xô-gô-lông đã lên đường đến đòi đất Măng-đinh. Các thầy bói tâu vua nên tấn công ngay vào Xun-gia-ta để trừ hậu họa. Nhưng vận may cứ làm cho con người mù quáng: Xu-mao-rô cứ bện đối phó với Pha-kô-li, thằng cháu nổi loạn dám đương đầu với ông. Gia-ta chưa đánh một trận nào, mà tên tuổi của chàng đã lừng khắp vương quốc: người ở ven biên thùỵ phía tây đã thấy quân chàng kéo về nam, từ đó họ phao đủ thứ tin lạ. Ph'răng-Ka-ma-ra, bạn của Gia-ta, vừa mới lên ngôi năm ấy: đến lượt mình, chàng lại nổi dậy mở đường vào Ta-bông. Thung lũng đen ngòm những người là người: Xốt-xô Ban-la đã rải quân khắp thung, một số được đặt trên những điểm cao nhìn xuống lối đi. Nhìn thấy rõ cách bố trí của Xốt-xô Ban-la, chàng quay lại các vị tham mưu của mình mà cười vang.

- Sao lại cười thế, hử anh. Anh không thấy đường bị chặn lại rồi sao?

- Thấy chứ, nhưng đâu phải đám bộ binh kia mà chặn nổi anh trên đường cấp hành về Măng-đinh.

Đoàn quân dừng lại. Tất cả các vị chỉ huy đều đồng tình chờ đến mai rồi hẵng tấn công: theo các vị, quân đang mệt.

- Trận đánh không kéo dài đâu, rồi quân sẽ có thì giờ nghỉ ngơi. Không được để cho Xu-mao-rô có đủ thời gian mà tấn công Ta-bông.

Xun-gia-ta không nhân nhượng một li mệnh lệnh được ban ra, tiếng trống trận bắt đầu rộn rã. Cưỡi trên ngựa hùng Xun-gia-ta cứ vờn trước hàng quân; còn hậu vệ, gồm một phần của đội kỵ binh Oa-ga-du, thì chàng giao cho Măng-đinh Bô-ri, em trai chàng. Rồi tuốt kiếm ra, chàng xông lên đầu tiên, vừa xông vừa gào to tiếng hô chiến đấu.

Trước cuộc tấn công bất ngờ, quân Xốt-xô bối rối. Họ cứ tưởng trận đánh được hoãn đến hôm sau. Gia-ta sà xuống Xốt-xô Ban-la và đám quân thợ rèn của anh chàng này: so ra, chớp rạch bầu trời không nhanh bằng, sét gậy kinh hoàng ít hơn, còn nước lũ không làm ai sững sốt đến thế. Trong chốc lát, em trai Xô-gô-lông đã có mặt giữa đám quân Xốt-xô, như sư tử giữa đàn cừu: con ngựa cuồng cứ cả vó mà dẫm, quân Xốt-xô đau đớn thét lên. Chàng quay qua phải: hàng chục tên thợ rèn của Xu-mao-rô đổ xuống; chàng quay qua trái: dưới làn kiếm của chàng, đầu rụng như quả chín rơi xuống khi rung cây. Kỵ binh Mê-ma sát dịch đến khủng khiếp: các giáo dài xuyên qua thịt như dao đâm vào quả đu đủ. Cứ lao lên trước, Gia-ta cố tìm Xốt-xô Ban-la: nhận ra rồi, chàng giương cao kiếm mà phóng như con sư tử về phía con trai Xu-mao-rô. Đúng vào lúc ấy, một chiến binh Xốt-xô xen vào giữa Gia-ta và Xốt-xô Ban-la: hắn bị bổ đôi hết quả bầu. Không trừ trừ nữa, Xốt-xô Ban-la mất hút giữa đám thợ rèn: thấy người chỉ huy mình bỏ chạy, quân Xốt-xô cũng quay gót. Hoảng loạn đến ghê rợn. Trước khi mặt trời lặn sau núi, trong thung lũng chỉ còn có Gia-ta và quân của chàng. Măng-đinh Bô-ri trông nom số quân chốt trên cao: khi thấy anh mình đã thắng thế, chàng bèn cho vài kỵ binh phóng qua núi để

truy quân Xốt-xô ra cho hết. Việc truy lùng quân Xốt-xô vẫn tiếp tục cho đến lúc trời xẩm tối: bắt được nhiều tù binh.

Ta-bông Oa-na đến trễ quá: chiến thắng đã trong tay con trai Xô-gô-lông rồi. Hai đạo quân bạn gặp nhau: đây là dịp để tổ chức một hội trống đêm tung bùng, ngay trong thung lũng quân Xốt-xô vừa bị đánh bại. Ta-bông Oa-na Ph'răng Ka-ma-ra cho mang đến nhiều thức ăn đãi quân của Gia-ta. Múa nhảy suốt đêm. Đến mờ sáng, những người chiến thắng kéo vào Ta-bông, thành trì không ai chiếm nổi, giữa tiếng hoan hô của đàn bà con gái đông trên bờ thành cao.

Tin trận Ta-bông lan ra các cánh đồng của xứ Măng-đinh y như một vệt thuốc súng được châm lửa. Người ta cũng biết rằng Xu-mao-rô không có mặt trong trận đánh ấy; dù sao quân của ông ta đã lùi, mà từng ấy cũng đủ để đưa lại cho mọi tộc ở Măng-đinh một niềm hi vọng. Từ nay, Xu-mao-rô hiểu rồi: không thể xem thường cậu con trai này. Ông cũng từng nghe người ta kể những lời tiên tri về xứ Măng-đinh, nhưng bấy giờ ông quá tự tin. Đưa tàn quân ở Ta-bông về được đến nơi, Xốt-xô Ban-la bảo bố:

- Cha ạ, hấn còn kinh hơn con sư tử nữa kia, chả có gì cường lại hấn được.

Xu-mao-rô quát:

- Câm đi, thằng con chết tiệt kia. Mày run sợ trước một thằng bé bằng tuổi mày đấy à.

Quát vậy thôi, nhưng lời Ban-la cũng làm cho ông giật thót cả mình. Ông quyết định đưa phần lớn lực lượng của ông tiến về Ta-bông.

Con trai của Xô-gô-lông cũng đã lập xong kế hoạch: đánh bại Xu-mao-rô, phá tan Xốt-xô, thắng lợi trở về Ni-a-ni. Giờ chàng nắm trong tay năm đạo quân: kỵ binh và bộ binh Mê-ma, quân Oa-ga-du, quân ba tộc dưới quyền Ta-bông Oa-na, tức Ph'răng Ka-ma-ra. Phải chuyển gấp qua tấn công.

Xu-mao-rô kéo quân đến đón đầu Xun-gia-ta. Hai bên gặp nhau ở Na-gê-bô-ri-a trên đất Bu-rê. Theo thói quen của chàng, con trai Xô-gô-lông muốn giao chiến ngay. Xu-mao-rô thì có ý định dử địch ra đồng ruộng cái đã, nhưng Gia-ta không để cho ông rảnh tay làm thế. Buộc phải đụng độ ngay, vua Xốt-xô bố trí quân ông vắt qua thung lũng Na-gê-bô-ri-a hẹp ngang, hai cánh thì chiếm hai triền nghiêng của thung lũng. Xun-gia-ta chọn một cách bố trí thực độc đáo: chàng xếp quân thành đội hình vuông, người người cứ sát bên nhau, tuyến đầu là toàn đội kỵ binh, tuyến hậu gồm các cung thủ Oa-ga-du và Ta-bông. Xu-mao-rô ở trên một ngọn đồi ngó xuống thung lũng: ai ai cũng trông thấy ông, với khổ người cao lớn, với cái mũ lỏm chỏm những sừng. Dưới trời nắng gắt, tiếng kèn nổi lên, hàng ngũ hai bên đều vang tiếng trống, tiếng *bô-lông*: lòng từng *Xô-pha* thấm can đảm. Gia-ta tung quân ra đằng trước theo bước chạy: hàng ngàn chân người vó ngựa vục bụi đỏ lên che kín cả thung lũng như một màn mây: quân thợ rèn của Xu-mao-rô chặn làn sóng xung phong tại chỗ, không lùi một bước.

Từ trên đồi cao, Xu-mao-rô Kăng-tê cứ nhìn, như đứng ngoài trận đánh. Còn Xun-gia-ta và vua Ta-bông thì cứ vung tay kiếm, tay giáo. Từ xa ai ai cũng nhận ra mảnh khăn trắng Gia-ta chít trên đầu: Xu-mao-rô thấy rõ lối đột phá chàng mở ra giữa đám quân của ông; tuyến

giữa sắp sửa thủng dưới sức ép như trời giáng của Gia-ta. Xu-mao-rô bèn ra hiệu: từ các sườn đồi, quân thợ rền rền tràn xuống lòng thung bao Xun-gia-ta lại. Thế rồi, giữa lúc đang kịch chiến, mà không cần Xun-gia-ta phải ra một hiệu lệnh cõn con nào, đội hình vuông bỗng kéo dài ra, kéo dài ra mãi, thành hình chữ nhật lớn. Mọi chuyện đã được trù liệu sẵn: chuyển động kể trên quá nhanh, khiến quân của Xu-mao-rô đang lao xuống như điên không thể nào dùng đến vũ khí. Còn ở tuyến sau của Xun-gia-ta thì các cung thủ Oa-ga-du và Ta-bông lại quỳ cả hai gối xuống đất, ngửa mặt lên trời mà bắn: tên roi dày như một trận mưa sắt xuống hàng ngũ Xu-mao-rô. Hết một tấm cao su được kéo dài ra, tuyến quân của Gia-ta cứ thế mà xung phong lên các đồi. Gia-ta nhận ra Xốt-xô Ban-la: chàng lao đến. Ban la vội lánh: các chiến binh dưới quyền đưa con trai của con trâu hét vang một tiếng thắng lợi. Xu-mao-rô bổ đến ngay: ông có mặt ở tuyến trung rồi, điều đó nhen lại lòng can đảm cho quân Xốt-xô. Nhìn thấy Xu-mao-rô, Xun-gia-ta muốn mở đường đến sát ông: chàng chém bên phải, bên trái, xéo nát kẻ địch; các vó ác hiểm của con *Đáp-phê-kê* chàng cười giẫm vỡ ngực quân Xốt-xô. Xu-mao-rô đã trong tầm giáo của chàng rồi: Xun-gia-ta cho ngựa dừng hai chân trước mà lồng lên, rồi tung vũ khí. Ngọn giáo bay đi, rít lên, nảy trên ngực Xu-mao-rô như trên một tảng đá, rồi rơi xuống đất. Con trai Xô-gô-lông bèn giương cung, nhưng cánh tên đang bay thì Xu-mao-rô đã bắt ngay lấy, giơ lên cho Xun-gia-ta thấy, khác nào như muốn nói:

- Hãy nhìn đây, chẳng ai làm gì nổi ta.

Cáo đến tột độ, Gia-ta giật lấy giáo, cầm đầu lao đến Xu-mao-rô, nhưng khi giơ tay lên đâm thì chàng nhận

thấy Xu-mao-rô không còn đây nữa. Bấy giờ, Măng-đinh Bô-ri vốn bám sát bên anh, mới chỉ lên đồi:

- Xem kìa, anh.

Xun-gia-ta nhận ra Xu-mao-rô đang ở trên đồi, ngồi thẳng trên con ngựa ô. Mới đó, ông chỉ cách Xun-gia-ta có hai bước, mà làm sao, bằng sức mạnh nào ông đã đi được lên đồi! Con trai Xô-gô-lông ngừng đánh, nhìn vua Xốt-xô. Mặt trời sắp lặn, quân thợ rèn của Xu-mao-rô bỏ chạy, mà Gia-ta cũng chẳng ra lệnh cho quân mình đuổi theo. Bỗng Xu-mao-rô biến mất.

Làm sao thắng được con người có khả năng biến đi rồi hiện ra lại ở bất cứ nơi nào, vào bất cứ lúc nào tùy ý? Làm sao động đến con người mà sắt cũng chẳng làm gì nổi? Con trai Xô-gô-lông cứ thắc mắc không thôi. Chàng từng nghe khối chuyện về Xốt-xô Xu-mao-rô rồi, nhưng lời đồn quá nhiều, khiến chàng cũng chẳng lấy gì làm tin cho lắm. Người ta chẳng đã bảo rằng vua Xốt-xô có thể thay hình đổi dạng đến những sáu mươi chín cách khác nhau để thoát khỏi tay kẻ thù đấy ư! Có người lại nói rằng ngay giữa trận đánh, ông có thể biến dạng thành con ruồi, rồi bay đến trêu chọc địch thủ của mình, rằng ông có thể tan vào gió, nếu bị đối phương bao vây quá chặt..., rồi còn bao chuyện khác nữa!

Sau trận Na-ghê-bô-ri-a, Gia-ta mới nhận ra rằng có dùng loại vũ khí nào khác mới thắng được vua Xốt-xô.

Nối tiếp sau trận đánh, Gia-ta làm chủ được chiến trường, nhưng mặt mũi chàng cứ ảm đạm. Chàng ra lệnh hạ trại, rồi ra khỏi bãi chiến trường còn vang tiếng rên la đau đớn của quân bị thương. Măng-đinh Bô-ri và Ta-bông

cứ nhìn theo. Chàng đi về phía ngọn đồi, nơi chàng đã nhận ra được Xu-mao-rô, sau khi ông ta biến khỏi đám đông quân sĩ. Từ trên đồi, chàng thấy quân thợ rèn của Xu-mao-rô rút đi thành khối dày giữa đám mây bụi.

Chàng cứ tự hỏi:

- Làm sao hấn thoát khỏi tay ta được? Vì lẽ gì mà cả ngọn giáo lẫn mũi tên của ta đều không sát thương được hấn? Thần bảo hộ Xu-mao-rô là vị thần nào? Bí mật gì nấp sau uy lực của hấn?

Chàng xuống ngựa, lượm chút đất đã bị vó ngựa Xu-mao-rô giẫm. Trời tối hấn rồi, làng Na-ghê-bô-ri-a không xa, đông đảo dân Gian-lông-kê từ làng kéo đến chào Xun-gia-ta và quân dưới quyền chàng. Các trại đều lên lửa, quân sĩ chuẩn bị nấu ăn, nhưng họ vui mừng biết mấy khi thấy gái làng kéo đến thành cả đoàn dài, cô nào cũng đội trên đầu một quả bầu lớn đựng com: thế là tất cả các *xô-pha* đồng thanh lặp lại bài hát các cô đang hát. Tù trưởng làng và các chức sắc theo sau. Gia-ta xuống đồi tiếp vị tù trưởng người Gian-lông-kê ở làng Na-ghê-bô-ri-a: ông là bồi thần của Ta-bông Oa-na. Xu-mao-rô đã chạy trốn: đối với đám *xô-pha* hôm nay là ngày chiến thắng, và tiếng trống trận chuyển thành tiếng trống hội. Gia-ta mặc cho quân chàng ăn mừng cái họ gọi là chiến thắng đó. Trong lều riêng chàng ngồi một mình. Đời từng con người, thế nào rồi cũng có lúc bị hoài nghi xâm lấn: con người hoang mang trước số mệnh của mình. Nhưng đêm nay Gia-ta chưa phải đã bị hoài nghi tấn công đúng ra, chàng lo nghĩ về những lực cần viện đến để đánh cho trúng Xốt-xô Xu-mao-rô: cả đêm, chàng không chớp mắt.

Mờ sáng hôm sau, mọi người nhổ trại. Trên đường, Gia-ta được nông dân cho biết Xu-mao-rô và quân của ông đang cấp hành. Gia-ta cũng ra lệnh cứ đi không ngừng bước, tối đến mới cho quân dừng lại ăn nghỉ chút ít. Nơi đây gần làng Kăng-ki-nhê: quân hạ trại giữa đồng, lính gác thì giữ các điểm cao. Như thói thường, binh sĩ cứ tập hợp theo từng tộc: ai nấy lo tấu tít lo nấu ăn. Lều trận của Xun-gia-ta ở chính giữa trại, bao quanh là những lán tạm bợ do kỵ binh Mê-ma vội vã dựng lên.

Bỗng đâu có tiếng kèn báo động: binh sĩ chỉ kịp vơ lấy vũ khí, thì kẻ địch, từ đêm tối xông ra đã bao vây trại rồi. Quân Mê-ma không lạ gì các cuộc đột kích kiểu này: trong trại không bao giờ họ tháo yên ngựa. Nhưng trại lại phân tán: quân từng tộc phải tự vệ lấy, mà địch lại đông như châu chấu. Riêng Gia-ta và kỵ binh Mê-ma thì không thể bị bao vây, họ kéo đến cứu Ta-bông Oa-na và quân của chàng: cánh này hình như đang bị số đông đè bẹp. Đêm tối như bung, họ có Thượng đế mới biết được con người xử sự ra làm sao. Con trai Xô-gô-lông phá vỡ được sức ép đang chẹt Ta-bông Oa-na đến ngạt thở. Các cung thủ Oa-ga-du nhanh chóng trấn tĩnh lại: họ bắn tung lên trời những bó đuốc, những mũi tên rực lửa, cho rơi xuống kẻ thù địch, bất thần gây nên hoảng loạn: củi nóng cú thế mà bập xuống lưng trần các xô-pha của Xu-mao-rô, tiếng thét đau đớn vang cả trời. Quân Xốt-xô vội vã rút lui, mà vẫn bị kỵ binh đánh cho tan tác: ăn đòn nặng, họ chỉ còn chạy thoát, bỏ rơi lại nhiều tù binh trong tay các chiến binh của Xô-gô-lông Gia-ta. Mác Ta-bông lo việc tập hợp quân lại, Gia-ta cùng kỵ binh truy địch đến quá làng Kăng-ki-nhê. Khi chàng quay về, trận đánh đã xong:

cuộc tấn công về đêm của quân Xốt-xô gây sợ hãi nhiều hơn là thiệt hại thực sự. Cảnh lều của Ta-bông Oa-na, rải rác trên mặt đất bao nhiêu là sợ vỡ: bổ kiếm lên đầu một người, vua Ta-bông không bao giờ bổ hai lần. Trận Kăng-ki-nhê chẳng phải trận thắng lớn, nhưng cũng làm cho quân Xốt-xô nản lòng, còn quân sĩ của Gia-ta thì cũng trải qua một cơn khủng khiếp. Vì lẽ đó, các vị Gri-ô mới ca rằng:

Kăng-ki-nhê Ta-bê-ra-ra giu-gô-ni-a.

11. TÊN TUỔI ANH HÙNG

Trận đột kích ở Kăng-ki-nhê hóa ra lại bất lợi cho Xu-mao-rô, nó kích thêm lòng phẫn nộ của Xun-gia-ta, khiến chàng đập tan cả đội hậu vệ của quân Xốt-xô. Xu-mao-rô quay về Xốt-xô lấy lại sức, còn khắp nơi nơi các làng đều mở cửa đón Xun-gia-ta. Tại tất cả các làng ấy, con trai Xô-gô-lông đều mộ thêm xô-pha. Mặt trời chưa mọc, mà ánh sáng đã ló ra cũng vậy, vinh quang của Gia-ta đã vượt qua núi, lan khắp mọi cánh đồng trong vùng sông Giô-li-ba.

Tất cả các nhà vua đã nổi dậy trên xứ sở Thảo Nguyên đều tập hợp tại Xi-bi dưới quyền của Ka-măng-giăng, đúng người bạn thời thơ ấu của Xun-gia-ta, hiện đã lên ngôi ở Xi-bi Ka-măng-giăng và Ta-bông Oa-na là anh em họ: vị thứ nhất là vua dòng Ka-ma-ra cũng gọi là nhánh Đa-li-kim-bông; vị thứ hai là vua của cộng đồng thợ rèn thuộc dòng Ka-ma-ra, cũng gọi là nhánh Xi-ni-kim-bông. Thế là bộ ba hồi còn ở Ni-a-ni sắp gặp nhau lại. Còn Pha-kô-li, người cháu của Xu-mao-rô, thì về tận miền nam mộ thêm xô-pha: chàng quyết trả thù lại ông cậu, chiếm lại vợ mình, nàng Ka-lê-gia, mà người ta thường gọi bà "người đàn bà có ba trăm băm ba quả bầu đựng com".

Xun-gia-ta đã đặt chân vào xứ sở các cánh đồng rồi, xứ sở của vị *Gióp-ba* đầy uy lực: cây cối chàng gặp là cây

cối xứ Măng-đinh, mọi vật đều cho thấy xứ Măng-đinh xưa chẳng còn xa nữa.

Tất cả các bạn kết giao đã hẹn gặp nhau trên cánh đồng lớn Xi-bi: tất cả các đứa con của thảo nguyên đều có mặt ở đấy, quanh vua của họ. Họ đều có mặt đấy cả, những con trai dũng mãnh của xứ Măng-đinh, tất cả chờ đón con người mà định mệnh đã hứa hẹn với họ. *Băng-đa-ri*⁽¹⁾ đủ mọi màu phát phối trên đầu các *Xô-pha* xếp theo từng tộc.

Mở đầu, biết kẻ ai đây? Kết thúc, biết kẻ ai đây?

Mở đầu, tôi xin nêu Xi-a-ra Ku-măng Kô-na-tê. Xi-a-ra Ku-măng Kô-na-tê có mặt đấy: chàng với Xun-gia-ta là anh em họ. Xi-a-ra Ku-măng là ông tổ của dân xứ Tô-rông. Quân sĩ cầm giáo bao quanh chàng thành một hàng rào dày đặc.

Tôi cũng xin nêu Phao-ni Kông-đê, Phao-ni Đi-a-a, nhà vua xứ Đô, quê của Xô-gô-lông: thế là cậu đến gặp cháu. Phao-ni, nhà vua xứ Đô và xứ K'ri, đứng giữa các *Xô-pha* có những mũi tên dính đầu chết đấy: các cung thủ bao quanh *băng-đa-ri* của họ thành một bức tường đổ ai lay chuyển.

Tôi còn xin nêu Măng-xa T'ra-ô-rê, nhà vua dòng T'ra-ô-rê. Măng-xa T'ra-ô-rê, nhà vua mắt nhìn thấy gấp đôi kẻ khác, cũng có mặt ở Xi-bi: chàng thấy được chuyện xảy ra sau lưng, như kẻ khác thấy phía đằng trước. Các *Xô-pha* của chàng, toàn những cung thủ đáng gờm, cứ đeo ống tên trên vai mà chen chúc quanh chàng.

Còn người kia, Ka-măng-giăng, tôi làm sao quên người được, trong số những bậc mà tôi xưng tụng. Người là cha

của nhánh Ka-ma-ra Đa-li-kim-bông. Quanh Ka-măng-giăng, quân Ka-ma-ra dựng thẳng những ngọn giáo dài mũi nhọn ghê rợn.

Tóm lại, mọi con trai xứ Măng-đinh đều có mặt đây cả: tất cả những ai nói "N'kô", tất cả những ai nói tiếng nói trong sáng của xứ Măng-đinh, đều được đại diện tại Xi-bi đây.

Khi người con trai của con trâu và quân chàng xuất hiện, kèn, trống nhỏ, trống lớn vang lên, hòa vào giọng các Gri-ô. Quanh con trai Xô-gô-lông, là quân kỵ phi nhanh như gió; con ngựa chàng cuời bước tới, mà bốn chân như nhẩy múa. Mọi luồng mắt cứ dăm dăm hướng vào đứa con của đất Măng-đinh, đứa con rực rỡ vinh quang, rõ ràng vẻ đẹp. Chàng đến đủ gần để nghe được rồi, Ka-măng-giăng bèn ra hiệu: trống bé, trống lớn, tiếng người bỗng im bặt. Vua Xi-bi ra khỏi hàng quân bước mấy bước về phía Xun-gia-ta, hô to:

- Ma-găng Xun-gia-ta, con trai của Xô-gô-lông, con trai của Na-rê Ma-găng, cả xứ Măng-đinh tập hợp tại đây đang chờ người. Xin chào người, tôi là Ka-măng-giăng Ka-ma-ra, vua Xi-bi.

Ma-găng Xun-gia-ta giờ cao tay:

- Xin chào tất cả, những con trai của xứ Măng-đinh. Xin chào người, Ka-măng-giăng. Tôi đã về. Ngày nào ngực tôi còn thở, xứ Măng-đinh này không thể trở thành nô lệ. Thà chết hơn làm nô lệ. Chúng ta sẽ sống tự do, vì ông cha ta vốn sống tự do. Tôi sẽ báo lại mối nhục của xứ Măng-đinh.

Từ hàng nghìn bộ ngực, một tiếng hoan hô vui sướng dâng lên ngập cả trời. Trống to, trống bé ầm ì vang dội, còn các G'ri-ô thì cất giọng ca khúc tụng cánh cung của Ban-la Phát-xê-kê.

Như vậy đó, Xun-gia-ta đã gặp lũ trai của xứ Măng-đinh họp mặt tại Xi-bi.

(1) Cờ, cờ hiệu.

12. NA-NA T'RI-BĂNG VÀ BAN-LA PHÁT-XÊ-KÊ

Xun-gia-ta cùng quân binh hùng mạnh của chàng dừng lại Xi-bi vài ngày. Đường về Măng-dinh đã rộng mở, nhưng Xu-mao-rô chưa bị đánh bại. Vua Xốt-xô đã mộ được một đạo quân hùng hậu, kể đến hàng nghìn người: ông lấy quân khắp mọi xứ do ông kiểm soát, giờ thì ông chuẩn bị để bỏ nhào một lượt nữa vào đất Măng-dinh.

Tại Xi-bi, Xô-gô-lông Gia-ta cũng sắp đặt chu đáo lắm: chàng đã có trong tay đủ số *xô-pha* để đương đầu với Xu-mao-rô giữa đồng rộng. Nhưng đâu có phải cứ có đông quân là được: để thắng Xu-mao-rô, trước hết phải phá vỡ sức mạnh phù phép của ông. Tại Xi-bi, Xun-gia-ta quyết định bói một quẻ: các thầy danh tiếng nhất xứ Măng-dinh được mời đến.

Theo lời họ khuyên, thì Gia-ta phải tế trăm bò đực trắng, trăm cừu đực trắng, trăm gà sống trắng. Chính giữa lúc súc vật đang bị hạ sát rầm rộ thì có người báo tin cho Xun-gia-ta hay rằng chị của chàng, Na-na T'ri-băng, đã cùng Ban-la Phát-xê-kê thoát được khỏi Xốt-xô, và hai người đã đến đây. Xun-gia-ta bảo ngay Ta-bông Oa-na:

- Chị tôi và Ban-la mà thoát khỏi Xốt-xô được, thì Xu-mao-rô bại rồi đấy.

Ra khỏi nơi tế, Xun-gia-ta quay về Xi-bi gặp chị và G'ri-ô của mình.

Na-na T'ri-băng:

- Chào em.

- Em chào chị.

Ban-la Phát-xê-kê:

- Xin chào Xun-gia-ta.

- Chào vị G'ri-ô của ta.

Chào hỏi nhau mãi, rồi Xun-gia-ta mới yêu cầu hai người đi trốn kể lại cho chàng nghe bằng cách nào họ đã thoát khỏi con mắt cảnh giới của một ông vua như Xu-mao-rô. Nhưng T'ri-băng mừng quá, cứ khóc ròn. Thời cả hai chị em còn thơ ấu, nàng vốn rất thương cậu bé Xun-gia-ta tàn tật: nàng chưa hề chia sẻ mỗi cảm hờn của Xát-xu-ma Bê-rê-tê, mẹ đẻ ra nàng. Vừa khóc, nàng vừa bảo em:

- Gia-ta ơi, em cũng biết đấy, chị đây muốn em bỏ xứ ra đi. Tất cả là do nơi mẹ đẻ ra chị. Giờ, Ni-a-ni đã bị phá sập, dân thì, mỗi người mỗi ngả, nhiều người bị Xu-mao-rô bắt về giam tại Xốt-xô.

Đến đây, nàng càng nức nở. Nghe chị nói, Gia-ta cảm động lắm, nhưng chàng nóng lòng muốn biết đôi tí về Xốt-xô. Ban-la Phát-xê-kê hiểu ý chàng:

- T'ri-băng, nàng lau nước mắt đi, rồi hãy kể cho em nàng nghe, hãy nói chuyện với em nàng. Nàng cũng biết đấy, em nàng chưa hề nghĩ gì xấu về chị mình: và chẳng tất cả chuyện ấy đều trong vòng định mệnh.

Na-na T'ri-băng lau nước mắt:

- Sau khi em rời Măng-đinh ra đi, chị bị anh trai phái đến Xốt-xô làm vợ Xu-mao-rô: anh ta sợ hấn quá. Những hôm đầu, chị cứ khóc ròng, nhưng khi nhận ra rằng có lẽ không phải toàn cuộc đã bại, chị tạm thời cam chịu. Rồi chị cố chiều chuộng hấn, thế là chị trở thành người được sủng ái nhất trong đám bao nhiêu là vợ của hấn. Căn buồng xếp cho chị là một căn trong ngôi tháp cao, nơi ở của chính hấn. Chị biết cách ton hót hấn, biết cách kích cho hấn ghen tức. Không bao lâu, hấn đã tâm sự với chị. Chị cứ giả vờ căm ghét em, giả vờ chia sẻ mối thù của mẹ chị đối với em. Người ta bảo rằng một ngày kia em sẽ trở về, nhưng chị thì chị cứ nói như đinh đóng cột với hấn rằng em đâu dám nghĩ đến chuyện đòi một vương quốc mà em chưa hề lúc nào nắm được trong tay. Chị bảo rằng em ra đi là để chẳng bao giờ nhìn lại đất Măng-đinh. Nhưng chị lại thường xuyên gặp Ban-la Phát-xê-kê: cả ông lẫn chị đều muốn tìm ra bí ẩn nấp sau uy lực phù phép của Xu-mao-rô. Rồi một đêm chị tấn công đến cùng, chị bảo hấn: "Chàng ơi, các vua có gọi tên chàng cũng cứ vừa gọi vừa run, chàng ạ. Xu-mao-rô chàng ơi, nói đi cho em biết với, thế chàng là con người như mọi người, hay chàng ngang với các thần linh bảo vệ con người? Không ai đương nổi ánh mắt của chàng, cánh tay chàng khỏe bằng mười cánh tay kẻ khác. Hỡi chàng, vua của các vua, chàng cho em biết với, cho em biết vị nào là thần bảo hộ chàng, để rồi em cùng thờ phụng". Lời chị nói làm hấn tràn trề kiêu hãnh, chính hấn khoe với chị uy lực của Ta-na bảo hộ hấn: ngay đêm ấy, hấn dắt chị vào căn buồng phù phép của hấn, rồi kể tất tật cho chị nghe.

Thế là chị càng ra sức hơn nữa để tỏ lòng trung thành với sự nghiệp của hấn. Chị còn làm ra cái vẽ phiên muộn lo âu hơn cả hấn nữa, đến mức chính hấn lại bảo chị đừng ngã lòng: theo hấn, đã có gì gay cấn lắm đâu. Trong khi ấy, cùng với Ban-la Phát-xê-kê, chị chuẩn bị trốn: không thể dùng được nữa. Trong Hoàng thành, chị thuộc từng đường đi lối lại, đã thế lại chẳng còn ai theo dõi chị nữa. Thế là một đêm, nhân Xu-mao-rô vắng mặt, chị thoát khỏi ngôi tháp kinh khủng: chị đã có chìa khóa, Ban-la Phát-xê-kê chờ chị ngoài cửa. Em ạ, Ban-la và chị đã ra đi khỏi Xốt-xô như thế đấy.

Ban-la Phát-xê-kê tiếp lời ngay:

- Chúng tôi vội đến với người. Nghe tin chiến thắng ở Ta-bông, tôi hiểu ra ngay: con sư tử đã phá vỡ hết xiềng xích. Hỡi con trai Xô-gô-lông, tôi là lời nói, người là hành động. Giờ đây, số mệnh của người mở ra rồi.

Gặp lại chị, gặp lại G'ri-ô của mình, Xun-gia-ta sung sướng không nói đâu cho hết. Giờ đây, chàng đã có nhà thơ biết dùng lời nói mà vĩnh truyền tên tuổi của chàng. Làm gì có anh hùng, nếu hành động nhất thiết bị người đời quên lãng; mà ta hành động là để làm dấy lên niềm khâm phục của người đang sống, và để khiến người đời sau phải tôn thờ.

Gia-ta được tin Xu-mao-rô đang tiến quân dọc bờ sông, nhằm chặn đường chàng về Măng-đinh. Công việc chuẩn bị đã xong tất, nhưng, trước khi rời Xi-bi, Xun-gia-ta mở hội trống lớn trong trại, để Ban-la Phát-xê-kê lấy lời nói mà làm cho đám xô-pha thêm vững lòng. Quân binh xếp thành một vòng rộng, Ban-la Phát-xê-kê đứng giữa

vòng mà tán tụng các anh hùng của đất Măng-đinh. Với vua Ta-bông, ông bảo:

- Hỡi người, mà cánh tay sắt cứ một nhất bổ được mười đầu, hỡi người, Ta-bông Oa-na, vua của dân Xi-nin-kim-bông, vua của dân Gian-lông-kê, trước khi bước vào cuộc chiến lớn, người có thể nào chỉ cho tôi thấy khả năng của Người?

Lời vị G'ri-ô nói làm Ph'răng Ka-ma-ra bật ngay dậy: kiếm lăm lăm trong tay, thân vươn cao trên con ngựa nhanh, chàng dừng bước trước Gia-ta:

- Ma-găng Xun-gia-ta, tôi xin nhắc lại trước mặt mọi người Măng-đinh-ka tập hợp tại đây lời tôi đã thề: tôi thề phải chiến thắng hoặc chết bên cạnh người. Xứ Măng-đinh sẽ tự do, không thì dân thợ rèn Ta-bông sẽ chết.

Quân các tộc gốc Ta-bông vừa giơ cao vũ khí vừa hô vang đồng ý. Tiếng hô của đám xô-pha dưới quyền càng kích Ph'răng Ka-ma-ra: chàng giục ngựa xông về phía đằng trước. Các chiến binh rẽ hàng ra cho chàng qua: chàng lao đến một cây cao lớn, rồi chỉ một nhất kiếm chàng bổ dọc cây khổng lồ kia như bổ quả đu đủ. Toàn quân sùng sốt thét lên:

- Oát-xa Oát-xa... A-giê...⁽¹⁾

Trở lại chỗ Xun-gia-ta đứng, chàng giơ cao kiếm:

- Trên cánh đồng Giô-li-ba, quân thợ rèn Ta-bông sẽ chẻ quân Xốt-xô như thế đây.

Rồi người anh hùng đến xếp hàng cạnh Gia-ta.

Quay mặt về phía Ka-măng-giăng, nhà vua Xi-bi, mà cũng là anh em cùng họ với vua Ta-bông, Ban-la Phát-xê-kê hỏi:

- Người đâu rồi, hỏi Ka-măng-giăng, người đâu rồi, hỏi Pha-ma-giăng? Đâu rồi, nhà vua của dân Ka-ma-ra Đa-li-kim-bông? Hỏi Ka-măng-giăng ở Xi-bi, tôi xin chào người. Nhưng, về người, tôi biết nói gì với các thế hệ sau này?

Ban-la chưa kịp dứt lời, vua Xi-bi đã thét to tiếng hô chiến đấu, vừa hô vừa phóng con ngựa cuồng lên phía trước. Đám xô-pha cứ ngạc nhiên rồi theo người kỵ sĩ lạ lùng đang phi về hướng quả núi vượn cao trên thành Xi-bi... Bỗng một tiếng ầm rền vang cả trời: đất rung dưới chân quân sĩ, một đám mây bụi đỏ che khuất núi. Thế gian tuyệt diệt đây sao?... Bụi tan dần, đám xô-pha thấy Ka-măng-giăng quay về, chỉ còn một mẫu kiếm trong tay: ngọn núi Xi-bi bị đâm xuyên từ bên này qua bên kia, giờ để lộ ra cả một đường hầm rộng.

Niềm khâm phục dâng đến tột đỉnh: toàn quân cứ cầm phăng phắc, còn vua Xi-bi thì lẳng lẳng đến xếp hàng cạnh Xô-gô-lông Gia-ta.

Ban-la Phát-xê-kê nêu tên từng thủ lĩnh: hành động của thủ lĩnh nào cũng kỳ vĩ. Rồi toàn quân, với lòng tin vào những bậc chỉ huy mình, rời khỏi Xi-bi.

(1) Tiếng hoan hô reo vui của người Ma-lin-kê.

13. K'RI-NA

Xun-gia-ta đến hạ trại ở Đa-gia-la, trong thung lũng sông Giô-li-ba; giờ thì chính chàng chặn đường, không cho Xu-mao-rô đi về phía nam. Cho đến lúc này, Xun-gia-ta và Xu-mao-rô đánh nhau mà chưa tuyên chiến. Không thể đánh nhau mà không nói tại sao lại đánh. Đã đánh nhau, thì thoát tiên hai bên phải nêu rõ những mối bất bình của mình: Thầy phù thủy không thể ra tay làm hại người nào đó mà không quy sẵn cho hấn một hành động không tốt; cũng vậy, một ông vua không thể đi đánh mà không nói tại sao mình lại viện đến giáo guom.

Tiến quân đến tận K'ri-na gần làng Đa-gia-la bên bờ Giô-li-ba rồi, Xu-mao-rô quyết nêu rõ quyền của mình trước khi vào trận.

Biết Xun-gia-ta cũng là một tay phù phép, Xu-mao-rô không phái sứ giả đến, mà trao lời cho một trong ba con cú của ông. Con chim ăn đêm đến đậu trên nóc lều của Gia-ta mà lên tiếng. Đến lượt chàng, Xun-gia-ta lại phái con cú của mình đến nói với Xu-mao-rô. Đây là lời đối đáp giữa hai ông vua phù thủy.

- Dừng lại đi, hỡi gã trai kia. Giờ thì ta đã làm vua xứ Măng-dinh rồi. Anh có muốn yên thân, hãy quay về nơi anh ra đi.

- Hồi Xu-mao-rô, ta trở về chiếm lại vương quốc của ta. Ông mà muốn yên thân, thì hãy bồi thường cho các đồng minh của ta, rồi trở về Xốt-xô, nơi ông trị vì.

- Bằng sức mạnh của vũ khí, ta làm vua ở Măng-dinh: quyền của ta đã được thiết lập qua chinh phục.

- Thế thì ta sẽ dùng sức mạnh của vũ khí mà chiếm lại xứ Măng-dinh trên tay ông, ta sẽ đánh đuổi ông khỏi vương quốc của ta.

- Nói cho anh biết, ta là Khoai mài mọc trên đá tảng. Chẳng có gì khiến được ta rời khỏi đất Măng-dinh này đâu.

- Đã thế thì ta cũng nói cho ông biết: trong trại của ta có bảy thợ rèn bậc thầy, họ sẽ phá tan đá tảng ra; đến lúc ấy, hồi Khoai mài, ta sẽ ăn người.

- Ta là nấm độc làm cho kẻ liều lĩnh phải nôn ra.

- Còn ta là gà sống đang đói, nấm độc chả làm gì ta được.

- Ngoan ngoan lên nào, chú bé kia ơi, bàn chân chú bé sẽ cháy bỏng, vì ta là than hồng rực nóng.

- Ta lại là trận mưa dập tắt than hồng, ta là dòng nước xiết ào ạt cuốn ông đi.

- Ta là cây gạo hùng vĩ từ trên cao nhìn xuống tán các cây khác.

- Còn ta, ta là dây leo thít đến ngạt thở, cứ thế mà leo tận đỉnh cây khổng lồ trong rừng.

- Chẳng phải bàn cãi gì nữa, xứ Măng-dinh chẳng vào tay anh đâu.

- Nói cho ông biết, làm gì có đủ chỗ cho hai vua cùng ngồi chung một tấm da. Xu-mao-rô, ông sẽ nhường chỗ cho ta.

- Thế à, thế là anh muốn đánh nhau, vậy thì ta sẽ đánh cho biết mặt. Nhưng mà, đừng có quên rằng ta đã hạ sát chín vua: đầu của họ giờ đang trang trí cho căn buồng ta ngủ. Được rồi, mặc anh đấy, đầu của anh sẽ được đặt bên cạnh đầu những tay liều lĩnh cùng giống với anh.

- Chuẩn bị cho sẵn sàng đi, hỡi Xu-mao-rô: tai họa sắp giáng xuống đầu ông và gia đình ông rồi đấy, mà chẳng chóng chãm dứt đâu.

Xun-gia-ta và Xu-mao-rô đã nói với nhau như thế đó. Sau chiến tranh bằng mồm, đến lúc guom giáo phải đưa ra lời kết. Xun-gia-ta đang ở trong lều, bỗng được báo tin Pha-kô-li, người cháu nổi loạn của Xu-mao-rô, đã đến. Mọi người cầm lấy vũ khí, các thủ lĩnh chiến tranh cho quân xếp hàng. Khi trại đã vào trật tự cả rồi, Gia-ta cùng các thủ lĩnh Măng-dinh-ka tiếp Pha-kô-li có quân theo sau. Pha-kô-li dừng bước trước Xun-gia-ta:

- Xun-gia-ta, tôi xin chào người. Tôi là Pha-kô-li Kô-rô-ma, vua của dòng thợ rèn Kô-rô-ma: Xu-mao-rô là anh của mẹ tôi, bà Kát-xi-a. Tôi đã cầm vũ khí chống lại cậu tôi, vì Xu-mao-rô đã làm nhục tôi: không nể loạn luân, hắn đã cư xử vô liêm sỉ đến độ cướp mất vợ tôi, nàng Kê-lê-gia.

Còn người, người đến đây để đoạt lại vương quốc của cha ông người. Người chiến đấu chống Xu-mao-rô. Chúng ta cùng chung mục đích, nên tôi xin tự đặt mình dưới quyền chỉ huy của người. Tôi xin đưa đến cho người đạo

quân thợ rèn của tôi, những người có cánh tay khỏe; tôi đưa đến cho người những *xô-pha* lòng không biết sợ. Quân của tôi, cả tôi nữa, đều là của người.

Ban-la, vị G'ri-ô của Xun-gia-ta, bèn cất tiếng:

- Hỡi Pha-kô-li, hãy đến đây họp mặt cùng những anh em của người, cùng những người từng chịu bất công từ tay Xu-mao-rô. Hãy đến đây: tự đáy lòng kẻ xử vụ bất bằng này đã đồng tình với người rồi. Ủy thác vụ này cho con trai Xô-gô-lông, còn gì đúng hơn thế nữa.

Xun-gia-ta ra hiệu đồng tình với lời của vị G'ri-ô. Chàng nói thêm:

- Tôi bảo vệ kẻ yếu, tôi bảo vệ người vô tội. Hỡi Pha-kô-li, người đã phải chịu bất công, tôi sẽ lập lại công bằng cho người. Nhưng quanh tôi đây là các phó tướng: tôi muốn biết ý kiến của họ.

Tất cả các thủ lĩnh chiến tranh đều nhất trí: vụ bất bằng của Pha-kô-li cũng là của Gia-ta, phải lập lại công bằng cho người đến nài xin công lý.

Thế là Xun-gia-ta tiếp nhận Pha-kô-li Đa Ba, Pha-kô-li mồm to, vào hàng ngũ các thủ lĩnh chiến tranh của chàng.

Xun-gia-ta muốn xong xuôi mọi việc với Xu-mao-rô trước mùa khô: chàng cho nhổ trại, tiến quân đến K'ri-na, nơi Xu-mao-rô vừa hạ trại. Ông này cũng biết đã đến lúc đánh trận quyết định rồi. Xun-gia-ta sắp quân của mình trên ngọn đồi con ngó xuống đồng. Trận đánh lớn sẽ diễn ra hôm sau.

Tối đến, để nâng lòng can đảm cho quân sĩ, Gia-ta mở hội lớn: chàng quyết làm sao cho quân mình sáng sớm mai sẽ tỉnh giấc mà lòng hân hoan. Hạ nhiều bò. Đêm

ấy, trước toàn quân, Ban-la Phát-xê-kê gọi lại lịch sử xứ Măng-đinh xưa. Xun-gia-ta đang ngồi giữa các phó tướng, ông G'ri-ô bước lên, cất to giọng bảo chàng:

- Còn người nữa, Ma-găng Xun-gia-ta, giờ tôi mới nói với người. Tôi nói với người, hồi vua Măng-đinh, bậc mà các nhà vua mất đất đều nhanh chân tìm đến. Thời mà các thần linh đã báo trước với người, thời ấy giờ đây đang đến. Hồi Xun-gia-ta, các vương quốc, các đế chế đều sinh ra, lớn lên, rồi mất đi. Mỗi nhà vua lại là hiện thân của một thời trong cuộc đời ấy. Xưa kia, các vua Oa-ga-đu từng mở rộng vương quốc của họ ra mọi xứ sở có người đến ở nhưng vòng tròn đã khép lại rồi, ngày nay dòng Oa-ga-đu Xít-xê chỉ còn là những ông Hoàng nhỏ trị vì một mảnh đất hoang lương. Giờ, nổi lên một vương quốc khác, một vương quốc hùng mạnh, vương quốc Xốt-xô nhiều nhà vua bị hạ nhục đã phải mang đồ cống đến Xốt-xô; thói kiêu căng của Xu-mao-rô chẳng còn bến bờ nào nữa; mà càng tham vọng bao nhiêu, hấn càng độc ác bấy nhiêu. Thế thì Xu-mao-rô sẽ làm chúa tể cả thế gian này sao? Rồi ra lũ này, lũ G'ri-ô xứ Măng-đinh này, cứ buộc lòng phải truyền lại cho các thế hệ sau những nhục nhã mà vua Xốt-xô muốn áp lên xứ sở này sao? Không, hãy vui mừng lên nào, hồi con cái của xứ sở sáng: vương quyền Xốt-xô mới ra đời có hôm qua đây thôi, còn vương quyền Măng-đinh thì những từ thời Bi-la-li. Vương quốc nào cũng có tuổi thơ của mình, mà Xu-mao-rô lại đòi đi trước thời gian. Xốt-xô cũng sẽ sụp đổ dưới chân hấn, như con ngựa mất sức phải gục dưới sức nặng của người cưỡi.

Còn người, hồi Ma-găng, người là xứ Măng-đinh. Cũng như người, xứ sở này đã qua một thời thơ ấu dằng dặc,

gian lao: trước người, mười sáu vua đã lên ngôi ở Ni-a-ni, mười sáu vua đã trị vì, với thời may vận rủi khác nhau. Dù sao, từ từ trưởng làng, các vị đã trở thành tù trưởng tộc người, rồi hưởng ngôi vua: mười sáu thế hệ đã củng cố quyền lực. Người kết với đất Măng-đinh như cây gạo bám vào đất, bằng rễ to khỏe chịu sâu. Để đương đầu với bão táp, cây phải có rễ dài, phải có cành đầy máu: hồi Ma-găng Xun-gia-ta, cây đã chẳng cao lớn lên rồi đấy ư!

Hồi con trai Xô-gô-lông, người có biết không: quanh một bầu com đầu có đủ chỗ cho hai vua ngồi, và khi gà sống lạ đến giữa bầy gà, thì gà sống già phải gây sự với nó, trong khi đám gà mái bảo gì nghe nấy chỉ biết đợi chờ, xem kẻ mới đến có tự áp đặt được mình không, hay đành khuất phục. Người đã đến đất Măng-đinh này, thế thì người hãy tự áp đặt người đi: sức mạnh tự biến mình thành luật lệ, mà quyền uy thì không chấp nhận bị mảy may chia sẻ.

Nhưng người hãy nghe đây những gì cha ông người đã làm được: có nghe, người mới rõ những gì rồi đây người phải làm.

Vị thứ hai mang tên Bi-la-li là kẻ đã chinh phục xứ Măng-đinh xưa; còn La-tan Ka-la-bi lại chiếm được miền đất giữa sông Giô-li-ba và sông Xăng-ka-ra-ni. La-ki-la-tun Ka-la-bi, bậc đã lưu danh hậu thế, thì đi hành hương, nhờ vậy mà trời ban ân phúc cho xứ Măng-đinh. Ma-ma-đi Ka-ni, vua của dân săn bắn, đã đào tạo ra chiến binh, cung cấp lực lượng quân sự cho xứ Măng-đinh: bằng lực lượng ấy, con trai ông, Ba-ma-rin Ta-nhơ-ke-lin, nhà vua nổi tiếng không nhân nhượng đã khiến nơi nơi nghe tên Măng-đinh đều hoảng sợ. Còn Ma-găng Kông Phát-ta, cũng

gọi là Na-rê Ma-găng, bậc đã có công sinh thành ra người, thì làm cho khắp nơi trên đất Măng-đinh được hưởng an bình: các bà mẹ đã sinh cho xứ Măng-đinh một lớp trai đông đảo.

Người là con trai của Na-rê Ma-găng, nhưng cũng là con trai của mẹ người, Xô-gô-lông, người đàn bà cầm tinh con trâu, người mà các phù thủy bất lực cứ gặp là phải kinh hãi lùi bước. Người có sức khỏe và dáng oai của sư tử, nhưng người cũng có uy lực của con trâu.

Tôi đã kể cho người nghe những gì các thế hệ về sau phải học hỏi về ông cha của người. Nhưng lũ chúng tôi biết kể gì cho các con trai của chúng ta nghe, để tên tuổi của người còn sống mãi sống mãi trong trí nhớ bọn chúng? Những chiến tích không tiền khoáng hậu nào, những hành động phi thường nào, những công lao hiển hách nào sẽ làm cho các con trai của chúng ta cứ tiếc không được sống vào thời Xun-gia-ta?

G'ri-ô là người của lời nói: bằng lời nói, lũ chúng tôi làm sống lại sự nghiệp các vua. Những lời nói chỉ là lời nói, mà sức mạnh ở trong hành động: hãy làm con người hành động. Đừng lấy lời ra mà trả lời tôi ngay: ngày mai trên cánh đồng K'ri-na, hãy chỉ cho tôi thấy những gì người muốn tôi kể lại cho các thế hệ mai sau này. Ngày mai, hãy cho tôi? Cất tiếng ca làn điệu con kên kên trên xác chết của hàng nghìn quân Xốt-xô đã ngã xuống dưới làn kiếm của người trước lúc đêm về.

Đấy, đêm trước trận K'ri-na: Ban-la Phát-xê-kê nhắc lại cho Xun-gia-ta nghe lịch sử xứ Măng-đinh, để sáng hôm sau chàng xứng đáng với cha ông.

Mờ sáng, Pha-kô-li đến đánh thức Gia-ta dậy, báo cho chàng biết Xu-mao-rô đã bắt đầu đưa *xô-pha* ra khỏi thành K'ri-na. Con trai Xô-gô-lông xuất hiện trong trang phục vua sẵn bắn: quần bó ống màu vàng đất. Chàng ra lệnh bố trí quân xuyên ngang cánh đồng K'ri-na. Giữa lúc các thủ lĩnh đang bận rộn, thì Măng-đinh Bô-ri và Na-na T'ri-băng bước vào lều Gia-ta. Măng-đinh Bô-ri hỏi:

- Anh ơi, anh đã chuẩn bị cánh cung chưa?

- Rồi, em ạ, Gia-ta đáp. Em xem đây...

Chàng nhắc cánh cung trên vách xuống, cùng với mũi tên oan nghiệt. Mũi tên không phải bằng sắt, mà bằng gỗ, đầu cùng là cựa con gà sống trắng. Cựa gà sống là Ta-na của Xu-mao-rô: đầy, điều bí mật mà Na-na T'ri-băng đã moi được từ cửa miệng vua Xốt-xô.

Na-na T'ri-băng dặn:

- Em ơi, giờ thì Xu-mao-rô đã biết chị trốn khỏi Xốt-xô rồi. Em cố áp sát hẩn nhé: suốt cả trận này, hẩn sẽ cố tránh xa em cho mà xem.

Lời Na-na T'ri-băng không khỏi làm Gia-ta lo lắng. May mà Ban-la Phát-xê-kê vừa trở về lều lại: ông cho Xun-gia-ta biết thầy bói đã nằm mộng thấy Xu-mao-rô trút hơi thở cuối cùng.

Mặt trời đã mọc bên kia sông, soi sáng cả cánh đồng. Quân Xun-gia-ta giăng ngang đồng từ bờ sông triển ra. Nhưng quân Xu-mao-rô đông quá, trong thành K'ri-na vẫn còn lại một số *xô-pha*: họ leo lên bờ lũng xem trận đánh. Từ xa, ai ai cũng đã lưu ý đến Xu-mao-rô qua chiếc mũ cao ông đội: đạo quân của ông đông ỏi là đông, một cánh chạm đến bờ sông, cánh kia thì đến vùng đồi. Như ở

Na-ghe-bô-ri-a, Xun-gia-ta không triển hết lực lượng: cung thủ Oa-ga-đu và quân Gian-lông-kê ở lại sau, trận đánh càng mở rộng thì họ sẵn sàng tràn về bên trái, bọc vùng đồi lại. Pha-kô-li Kô-rô-ma và Ka-măng-giăng ở tuyến đầu, cùng với Xun-gia-ta và quân kỵ của chàng.

Giọng Xun-gia-ta vốn đã to khỏe, giờ chàng lớn tiếng hô: Ăng-nhê-oa⁽¹⁾! Lệnh được lặp lại từ tộc người này qua tộc người kia, rồi đạo quân chuyển động. Xu-mao-rô ở bên cánh phải, với kỵ binh.

Gia-ta cùng quân kỵ của chàng ào ạt xung phong, nhưng bị kỵ binh Đì-a-găng chặn lại: hai bên chiến đấu một mất một còn. Ta-bông Oa-na và các cung thủ Oa-ga-đu triển khai hàng ngũ về hướng vùng đồi, trận đánh lan khắp cánh đồng, mà mặt trời thì không chút thương hại, cứ thế lên cao trên bầu trời. Đám ngựa Mê-ma nhanh nhẹn lạ kỳ, giờ cao hai chân trước mà lồng đến, bổ xuống kỵ binh Đì-a-găng-ka⁽²⁾, làm kẻ địch ngã lăn xuống đất, rồi dẫm nát họ dưới vó. Không bao lâu, quân Đì-a-găng phải lùi bước, rồi vội vã rút về phía sau: tuyến giữa của đối phương đã thủng rồi.

Giữa lúc đó, Măng-đinh Bô-ri phi nước đại đến, báo cho Xun-gia-ta biết tin mới: sau khi đã tung hết quân dự bị ra Xu-mao-rô bổ nhào xuống Pha-kô-li và các thợ rèn của chàng, rõ ràng nhằm tròng phạt thẳng cháu; bị số đông lấy thịt đè người, quân của Pha-kô-li bắt đầu lùi bước. Trận đánh chưa thắng.

Mất đồ ngẫu vì tức giận, Xun-gia-ta kéo quân kỵ về phía bên trái, về phía vùng đồi, nơi Pha-kô-li đang anh dũng chịu đòn của ông cậu. Nơi nào con trai của con trâu

đi qua, cái chết mừng rơn. Xun-gia-ta có mặt ở đấy, thế thăng bằng trở lại được một hồi, nhưng đám xô-pha Xốt-xô đông quá sức. Con trai Xô-gô-lông tìm Xu-mao-rô: giữa trận giáp lá cà, chàng nhận ra ông ta. Chàng chém bên phải, bổ kiếm bên trái: quân Xốt-xô lánh qua một bên để chàng lướt tới. Vua Xốt-xô không muốn bị áp sát, ông lùi ra xa, đằng sau đám quân. Nhưng Xun-gia-ta vẫn đưa mắt dõi theo ông: chàng dừng lại, kéo cung. Cánh tên bay đi, dính vai Xu-mao-rô. Cựa gà sống chỉ làm ông sây da, nhưng gây hiệu quả tức tức: Xu-mao-rô cảm thấy sức lực thoát ra. Đôi mắt ông gặp đôi mắt Xun-gia-ta: giờ thì ông run như người lên cơn sốt. Kẻ bại trận đưa mắt hướng lên mặt trời: ông thấy một con chim to, lông đen đang lướt qua bên trên trận hỗn chiến. Ông hiểu rồi: con chim tai họa. Ông thì thầm:

- Con chim K'ri-na.

Vua Xốt-xô thét lên một tiếng, rồi quay ngựa chạy trốn. Thấy vua chạy, quân Xốt-xô cũng bỏ chạy. Tán loạn cả. Cái chết lượn trên cánh đồng rộng, máu chảy từ hàng nghìn vết thương. Ai mà biết được có bao người Xốt-xô đã bỏ mạng ở K'ri-na? Đại bại hoàn toàn. Thế là Xun-gia-ta phóng lên, đuổi theo Xu-mao-rô.

Mặt trời đã đi hết nửa đường, Pha-kô-li phi kịp Gia-ta. Cả hai phóng ngựa đuổi theo những kẻ đang chạy trốn Xu-mao-rô đã bỏ họ một quãng rất xa: ra khỏi cánh đồng, vua Xốt-xô cứ nhằm vùng bụi bờ khô mà phóng qua, theo sau là con trai ông, Ban-la, và vài thủ lĩnh Xốt-xô. Đêm xuống, Xun-gia-ta và Pha-kô-li dừng lại một xóm nhỏ, nghỉ ngơi ăn uống chút đỉnh. Tại đây, không một người dân nào thấy Xu-mao-rô qua. Chờ vài kỵ binh Mê-ma theo

kip, Xun-gia-ta và Pha-kô-li lại tiếp tục truy. Họ phi suốt đêm. Đến mờ sáng, Gia-ta mới được nông dân cho hay rằng có mấy kỵ sĩ qua đây khi trời còn tối. Vua Xốt-xô tránh tất cả những nơi có người ở: ông biết lắm, dân mà thấy ông chạy trốn thì chẳng ngần ngại gì mà không tóm ngay ông để lấy lòng vị chủ mới. Bây giờ, theo sau Xu-mao-rô chỉ còn có con trai ông, Ban-la. Vào lúc mờ sáng, họ thay ngựa, rồi vua Xốt-xô cứ nhắm phía bắc mà phi.

Xun-gia-ta khó lòng tìm dấu vết những kẻ chạy trốn, nhưng Pha-kô-li quyết tâm không kém Gia-ta, mà chàng thì thuộc vùng này hơn. Giữa hai con người này, thực khó mà nói ai căm Xu-mao-rô hơn ai: một người muốn trả thù cho xứ sở mình bị ô nhục, còn người kia thì được một mối tình kích lên. Đến giữa trưa, ngựa của Xun-gia-ta và Pha-kô-li đã hết hơi: họ dừng lại Băng-ku-ma-na ăn uống qua loa. Ở đây, Gia-ta hay tin Xu-mao-rô đi về hướng Ku-li-kô-rô: ông ta chỉ dành ít thì giờ để thay ngựa, rồi đi ngay. Xun-gia-ta và Pha-kô-li cũng lên đường lập tức. Pha-kô-li bảo:

- Tôi có biết một con đường tắt đi Ku-li-kô-rô, nhưng là đường khó đi, ngựa chúng ta rồi mệt lắm đấy.

- Đi đường ấy đi, Gia-ta đáp.

Họ rẽ vào một lối mòn khúc khuỷu, toàn những khe vói hổ: tắt qua đồng rôi, giờ thì họ đi giữa bụi bờ. Chỉ tay về phía trước, Pha-kô-li bảo:

- Ngài xem kìa, mấy ngọn đồi chắn trước Ku-li-kô-rô đấy, chúng mình tiết kiệm được thời gian rồi đó.

- Càng tốt, Xun-gia-ta chỉ đáp có thế.

Nhưng ngựa của họ mệt lắm rồi: chúng đi chậm hơn, cứ nặng nhọc cất vó khỏi mặt đất. Trước mắt, chẳng có làng mạc nào cả: Gia-ta và Pha-kô-li nhảy xuống cho ngựa thở. Sẵn một bao con đưng kê mang theo bên yên, Pha-kô-li cho ngựa ăn, rồi hai người ngồi nghỉ dưới bóng cây. Theo lời Pha-kô-li, thì Xu-mao-rô đã chọn một con đường dễ đi hơn, nhưng mà dài, cho nên phải vào đầu hôm ông ta mới đến Ku-li-kô-rô được: lời chàng nói là lời con người từng cưỡi ngựa rong ruổi khắp xứ này.

Họ lại lên đường, không bao lâu sau đã leo đồi. Lên đến đỉnh, họ nhận ra trong lòng thung lũng có hai kỵ sĩ đang hướng về phía núi. Gia-ta kêu lên:

- Chúng kia rồi.

Chiều đã tà, các tia nắng đã lướt qua đỉnh núi Ku-li-kô-rô. Thấy hai người cưỡi ngựa đuổi theo họ, cha con Xu-mao-rô bèn ngoắt qua đường tắt, bắt đầu leo lên núi. Hình như ngựa của vua Xốt-xô và của Ban-la, con trai ông, đều mới thay, so với ngựa những người đang truy họ. Gia-ta và Pha-kô-li phải ra sức bình sinh.

Đuổi kịp vừa tầm giáo, Gia-ta hô to:

- Dừng lại đi, các người, dừng lại đi.

Cũng như Gia-ta, Pha-kô-li muốn bắt sống Xu-mao-rô. Chồng nàng Kê-lê-gia bèn rẽ ngang bọc Xu-mao-rô về phía phải, rồi cho ngựa chồm lên. Chàng sắp vô được ông cậu, thì ông bắt thần ngoắt sang bên, thoát khỏi tay cháu. Trên đà lao tới, Pha-kô-li vấp vào Ban-la, cả hai ngã lăn xuống đất. Pha-kô-li đứng vụt dậy, vô ngay cậu em họ. Giữa lúc đó, Xun-gia-ta lấy hết sức phóng ngọn giáo ra, ngựa Xu-mao-rô gục xuống. Ông vua già chồm dậy, cắp chân

chạy. Xu-mao-rô già rồi, nhưng cực khỏe, sườn núi dốc thế mà cứ nhanh chân leo ngược. Còn Gia-ta thì không muốn làm ông bị thương, mà cũng chẳng muốn giết ông chết: chàng muốn bắt sống Xu-mao-rô.

Mặt trời khuất hẳn rồi. Đã hai lần vua Xốt-xô thoát khỏi tay Gia-ta. Lên đến đỉnh Ku-li-kô-rô, Xu-mao-rô cứ ba chân bốn cẳng lao xuống triền dốc, Gia-ta bám sát sau. Bên phải, ông nhận ra cái miệng há hốc của hang Xu-li-kô-rô: không ngần ngại, ông lao vào hang tối. Xun-gia-ta dừng lại trước cửa hang. Vừa đúng lúc ấy, Pha-kô-li theo đến, sau khi đã trối xong hai tay đứa em họ Xốt-xô Ban-la.

- Đó, Xun-gia-ta bảo, hẳn ta chạy vào hang này đó.

- Nhưng hang lại thông với sông đấy, Pha-kô-li cho biết.

Có tiếng vó ngựa: một phân đội quân kỵ Mê-ma. Lập tức Xun-gia-ta phái một vài kỵ binh đi về hướng sông, rồi cho bao hòn núi lại. Xun-gia-ta cùng Pha-kô-li vào Ku-li-kô-rô: tại đây, chàng chờ toàn bộ quân sĩ còn lại.

Trận K'ri-na là một chiến thắng rực rỡ. Tàn quân của Xu-mao-rô lánh vào thành Xốt-xô. Nhưng thế là để chế Xốt-xô đã đi đời nhà ma rồi. Từ khắp nơi, các vua phái người đến xin thần phục Xun-gia-ta. Vua xứ Ghi-đi-ma-khăng phái một đoàn sứ sang trọng đến yết Gia-ta, đồng thời lại gả con gái mình cho kẻ chiến thắng. Các phái bộ dồn dập kéo về Ku-li-kô-rô, nhưng khi quân binh đã đến đầy đủ thì Xun-gia-ta cho tiến quân ngay đi Xốt-xô, thành phố của Xu-mao-rô, thành Xốt-xô không ai chiếm nổi, thành phố của những thợ rèn thạo dùng giáo.

Vắng mặt nhà vua và con trai ông, một tù trưởng tộc người tên Nu-man-kê-ba chỉ huy việc phòng thủ thành

phố. Ông đã nhanh tay chắt vào thành tất cả lương thực vơ được trong vùng ven đấy.

Thành phố Xốt-xô hùng vĩ biết mấy: nó dựng lên giữa đồng ba vòng thành, với ngọn tháp đáng sợ. Thành phố gồm những một trăm tám mươi cứ điểm, còn cung của Xu-mao-rô thì vươn lên như một ngọn tháp khổng lồ bên trên tòa thành. Xốt-xô chỉ có mỗi một cổng vào ra, to phi thường mà bằng sắt, do đám con trai của lửa rèn ra. Nu-man-kê-ba hy vọng giữ chân được Xun-gia-ta trước Xốt-xô; hẳn còn đủ lương thực để đương đầu một năm nữa.

Mặt trời bắt đầu lặn khi Xô-gô-lông Gia-ta xuất hiện trước thành Xốt-xô uy hùng. Từ trên đỉnh một ngọn đồi, Gia-ta cùng các vị tham mưu ngắm thành phố rùng rợn của ông vua phù thủy. Quân binh hạ trại trên cánh đồng đối diện cổng lớn của thành phố: lửa bếp được nhen lên khắp trại. Gia-ta có ý định chiếm lấy thành phố trong vòng một buổi sáng: chàng cho quân ăn gấp đôi suất; tiếng trống gầm gừ suốt đêm, kích thích những con người đã chiến thắng ở K'ri-na.

Mới mờ sáng, các ngọn tháp dọc bờ thành đã nhung nhúc những *xô-pha*; một số *xô-pha* khác được bố trí ngay trên bờ lũy, họ là cung thủ. Người Ma-nin-ka là bậc thầy trong nghệ thuật công thành: Xun-gia-ta đặt các *xô-pha* người Măng-dinh lên tuyến đầu; tuyến hai gồm những người giữ thang, được khiên của quân cầm giáo che chở. Số đông quân sĩ có nhiệm vụ đánh vào cổng lớn của thành phố. Chuẩn bị đâu vào đấy rồi, Gia-ta ra lệnh tấn công: tiếng trống, tiếng kèn vang lên, thế là tuyến đầu gồm toàn quân Măng-dinh chuyển động, vừa đi vừa hò reo vang trời. Giơ cao khiên trên đầu, người Ma-nin-ka tiến đến chân thành,

đến lúc này, người Xốt-xô mới thả đá to rơi xuống như mưa lên quân tấn công. Còn ở tuyến sau thì các cung thủ Oa-ga-đu bắn tên về phía các bờ lũy. Cuộc tấn công kiên lan rộng: thành phố bị tấn công khắp mọi nơi. Xun-gia-ta nắm trong tay đội dự bị đáng gờm: những cung thủ do vua tộc Bô-bô gửi đến không bao lâu trước K'ri-na, họ là cung thủ số một trên thế gian này. Quỳ hai gối xuống đất, họ tung những mũi tên rực lửa qua các bờ lũy: bên trong thành, các lều lợp rá bắt phải lửa, khói dâng lên thành cuộn xoáy. Các thang được dựng sát quanh thành rồi, những xô-pha Ma-nin-ka đầu tiên đã leo đến bờ thành cao: trước cảnh thành phố rực lửa, quân Xốt-xô hãi hùng, ngập ngừng một chốc. Rồi quân trong ngọn tháp đồ sộ dựng sừng sững bên trên cổng bỗng chùn lại, và quân thợ rèn dưới quyền Pha-kô-li làm chủ được nơi này. Họ lọt vào thành phố: tiếng kêu la của đàn bà, trẻ con, khiến quân Xốt-xô hoàn toàn mất tinh thần; thế là quân thợ rèn mở cổng cho số đông quân binh kéo vào.

Cuộc chém giết bắt đầu. Lẫn giữa đám quân Xốt-xô đang bỏ chạy, đàn bà, trẻ con cứ van xin quân chiến thắng tha chết cho. Giờ, Gia-ta và quân kỵ của chàng đã đứng trước ngọn tháp ghê rợn, cung của Xu-mao-rô. Từ đây, Nu-mu-ke-ba xuất kích: vung cao kiếm, hấn lao đến Gia-ta. Chàng lách lẹ, vừa chộp cánh tay cầm kiếm của tên Xốt-xô, khiến hắn ngã quy xuống, còn thanh kiếm thì rơi xuống đất. Chàng không hạ sát, mà giao hắn cho Măng-đinh Bô-ri.

Giờ đây, cung của Xu-mao-rô đã hoàn toàn trong tay của Xun-gia-ta. Trong khi khắp mọi nơi quân Xốt-xô van xin tha chết, thì Xun-gia-ta, có Ban-la Phát-xê-kê đi đầu

dẫn đường, bước vào ngọn tháp của Xu-mao-rô. Vị G'ri-ô thuộc lòng từng góc ngách của vùng này, nơi ông bị giam cầm. Ông đưa Xun-gia-ta đến căn buồng phù phép của Xu-mao-rô.

Ban-la Phát-xê-kê mở cửa. Căn buồng đã biến dạng từ khi Xu-mao-rô dính mũi tên oan nghiệt: những kẻ sống ở đây mất hết cả sinh lực rồi, rấn hấp hối trong vò, còn mấy con cú vốn đỗ trên cao thì nay đạp chân đến thảm thiết dưới sàn. Trong nhà của lão phù thủy, tất cả đang chết đi: uy lực của Xu-mao-rô thế là bị quét sạch. Xun-gia-ta cho đưa xuống tất cả những báu vật của Xu-mao-rô. Tất cả các bà vợ của Xu-mao-rô các công chúa từng bị cướp khỏi gia đình của họ, cũng được tập hợp trước hoàng cung. Tù binh, tay bị trói sau lưng, đã được tập trung lại. Đúng với ý muốn ban đầu của chàng, Xun-gia-ta đã chiếm xong Xốt-xô trong vòng một buổi sáng.

Khi đã đưa mọi thứ ra khỏi thành phố, khi đã đưa ra ngoài tất cả những gì cần lấy, Xun-gia-ta ra lệnh hoàn thành cuộc phá hoại: quân châm lửa đốt những ngôi nhà cuối cùng còn sót lại còn tù binh thì được sử dụng vào việc hạ các tường thành. Thế là Xốt-xô bị san phẳng, như ý Gia-ta muốn.

Đúng thế, Xốt-xô đã bị triệt hạ: đâu còn nữa, thành phố kiên cố của Xu-mao-rô. Nơi bao vua từng đến chịu sỉ nhục trước ông vua phù thủy, giờ cứ chìm trong cô quạnh rùng rợn: dấu tích các ngôi lầu đã biết hết; còn Hoàng cung bảy tầng của Xu-mao-rô thì chẳng còn lại gì. Giờ đây Xốt-xô chỉ còn là một bãi đất hoang lương, nơi chim đa đa và gà sao mặc sức vùng vẫy.

Từ thuở nơi đây mất hết dân cư, nhiều năm đã trôi qua, trăng đã nhiều lần vượt ngang bầu trời, và cây bu-rê-in, cây của hoang tàn, cứ dang rộng cành, lá gai góc ngang nhiên mọc giữa kinh kỳ của Xu-mao-rô. Xốt-xô, thành phố kiêu căng, chỉ còn là một kỷ niệm, chỉ còn sống qua lời các vị G'ri-ô. Đêm đêm, lang vắn đến đây than khóc, còn thỏ hoang và dê cái thì đến gặm cỏ tại chỗ vốn là cung của Xu-mao-rô, ông vua từng mặc áo da người.

Xốt-xô đã biến mất khỏi mặt đất. Mà Xun-gia-ta, con trai của con trâu, chính là người đã trả Xốt-xô về với hoang vu.

Sau khi kinh thành của Xu-mao-rô đã bị phá hủy tan tành, thế gian chẳng còn biết đến ông chủ nào khác, ngoài Xun-gia-ta.

(1) Tiến lên

(2) Người xứ Đì-a-găng

14. ĐẾ CHẾ

Trong khi Xốt-xô bị hủy diệt dưới lưỡi cuộc của chính lũ con trai do nó sinh ra, thì Xun-gia-ta tiến quân đến Đì-a-găng. Vua Đì-a-găng là ông bạn đồng minh hùng hổ của Xu-mao-rô, sau trận K'ri-na ông vẫn một lòng với sự nghiệp của vua Xốt-xô: ỷ vào quân kỵ của mình, ông đóng cửa thành lại mà kháng cự. Như một con bão tố, Gia-ta sà xuống Đì-a-găng, thành phố của các vị giáo sĩ đạo Hồi: cũng như Xốt-xô, Đì-a-găng bị chiếm trong vòng một buổi sáng. Xun-gia-ta cho cạo đầu tất cả thanh niên ở đây, biến họ thành *xô-pha* của chàng.

Xun-gia-ta chia quân thành ba đạo: đạo thứ nhất, dưới quyền của Pha-kô-li Kô-rô-ma, chinh chiến trong vùng Băn-bu-gu; đạo thứ hai, dưới quyền của Ph'răng Ka-ma-ra, và gồm có quân thợ rèn của chàng, đánh nhau trong vùng núi Phu-ta; còn Xun-gia-ta thì cầm đại quân tiến về Ki-ta, thành phố lớn. Ki-ta Măng-xa là một ông vua hùng mạnh: bảo hộ ông là các thần linh trấn ngọn núi lớn nhìn xuống thành phố Ki-ta, ngọn Ki-ta Ku-ru. Giữa núi, có một ao con chứa nước thần: ai đến được bờ ao mà uống nước ở đấy thì trở nên hùng mạnh. Nhưng các thần trấn ao độc lắm: chỉ có vua Ki-ta mới đến được bờ ao bí mật đó.

Xun-gia-ta hạ trại phía đông thành Ki-ta, rồi kêu gọi nhà vua ở đấy thần phục. Ý thế mình được các thần núi

bảo hộ, Ki-ta Măng-xa đáp lại Gia-ta bằng giọng ngạo mạn. Nhưng con trai Xô-gô-lông lại có trong hàng ngũ của chàng những thầy bói nói việc gì đúng việc ấy: theo lời họ khuyên, Xun-gia-ta cầu các vị thần trấn Ki-ta Ku-ru, tế các vị trăm bò đực trắng, trăm cừu đực trắng, trăm gà sống trắng. Tất cả các gà sống đều ngửa mặt nhìn trời mà chết: thần linh thuận tình. Thế là Xun-gia-ta không ngần ngại nữa: ngay sáng hôm sau, chàng hạ lệnh tấn công. Xô-pha vừa xung phong vừa hát khúc tụng cánh cung; còn Ban-la Phát-xê-kê, trong bộ trang phục của bậc G'ri-ô lớn, thì cưỡi ngựa bên cạnh Gia-ta. Quân mới xung phong đột đầu, cổng vào đã bị phá. Nhưng không có chém giết: đàn ông, đàn bà, trẻ con đều được tha. Chỉ có Ki-ta Măng-xa đã bị hạ sát trước Hoàng cung: Xun-gia-ta cho chôn ông theo tang lễ Hoàng gia. Tại Ki-ta, Xun-gia-ta không bắt một ai làm tù binh, người ở đây thuộc dòng Ka-ma-ra, họ trở thành đồng minh của chàng.

Ngay hôm sau, Xun-gia-ta lên núi tế thần, để tỏ lòng tri ân các vị đã cho chàng đánh thắng Ki-ta; toàn quân đi theo. Ngọn Ki-ta dựng đứng như vách tường: thoát tiên chàng đi một vòng quanh núi để nhận lời thần phục của bao nhiêu là họ hàng ở dưới chân Ki-ta Ku-ru. Tại Bu-đô-phu, làng toàn người dòng Ka-ma-ra, các tộc dưới quyền Ka-măng-giăng và dân ở đây đãi nhau hết như anh em: họ cùng nhau múa, cùng nhau ăn quanh tảng đá thiêng của Bu-đô-phu. Mãi đến nay, người dòng Ka-ma-ra vẫn còn tế tảng đá ấy, nhưng chỉ những người Ka-ma-ra nào còn biết trọng Đì-ô⁽¹⁾ của tổ tiên họ. Tối đến, quân hạ trại ở Ku-ru Kô-tô, phía bên núi đối hướng với phía bên có thành Ki-ta. Ở đây, Gia-ta được vua Măng-xa Ku-ru tiếp đãi ân cần; cũng tại đây, các dòng họ khác nhau đãi nhau như anh em.

Mờ sáng, Xun-gia-ta cùng Ban-la Phát-xê-kê và vài người thuộc dòng vua Măng-đinh đến tế dưới chân một tảng đá lớn, dâng một trăm gà sống trắng lên thần linh trấn ngọn núi. Rồi Gia-ta, chỉ có Ban-la Phát-xê-kê theo, đi tìm ao thần. Ao ở giữa núi, chàng quỳ xuống bên bờ:

- Hỡi Thần nước, hỡi vị làm Chủ *Mô-g'hô-gia Gi*, hỡi chủ nước phép, tôi đã dâng lên người trăm bò đực, tôi đã dâng lên người trăm cừu đực, tôi đã dâng lên người trăm gà sống. Người đã cho tôi chiến thắng, nhưng tôi không hủy phá Ki-ta: là người thay thế Ki-ta Măng-xa, tôi đến đây uống nước phép, uống *Mô-g'hô-gia Gi*.

Chàng vục nước vào hai tay mà uống: nước mát, chàng uống những ba lần, rồi chàng rửa mặt. Khi Gia-ta trở về giữa hàng quân, đôi mắt chàng cứ rục rục sáng, không ai đương nổi, còn người chàng thì chiếu diều như một vì tinh tú: *Mô-g'hô-gia Gi* đã làm cho chàng thay hình đổi dạng.

Từ Ku-ru Kô-tô, Xun-gia-ta quay về Ki-ta: chuyến đi quanh núi đã kéo dài hai ngày. Tại Ki-ta, chàng gặp các đoàn sứ của những vương quốc đã bị Pha-kô-li và Ta-bông Oa-na đánh bại. Vua Măng-đinh ở lại Ki-ta một thời gian: chàng thường đi săn cùng Măng-đinh Bô-ri, em chàng, và Xi-bi Ka-măng-giăng. Người ở Ki-ta đây không bao giờ săn thú mỗi trên núi: họ sợ thần linh. Còn Xun-gia-ta thì cứ núi mà săn: chàng là con người mà các thần đã tuyển chọn; là Xim-bông từ thuở nhỏ, chàng thông thạo nghệ thuật của Xa-nê-ni Kông-đô-lông.

Chàng lại cùng hai bạn tắm trong một ngọn suối từ núi chảy ra. Suối đó, giờ dân Ki-ta còn nhớ: họ trân trọng ngọn suối lắm.

Từ Ki-ta, Xun-gia-ta cùng đại quân tiến đến Đô, xứ sở của Xô-gô-lông, mẹ chàng. Xứ Đô đón Xun-gia-ta như cậu đón cháu. Gia-ta cùng Ban-la Phát-xê-kê đến cánh đồng U-răng-tăm-ba danh tiếng: tại chỗ con trâu thở hơi cuối cùng, dân xứ Đô đã đắp một nấm đất lớn. Trên nấm đất ấy, Xun-gia-ta tế một gà sống trắng: khi gà sống vừa ngửa lên trời mà chết, một trận gió xoáy nổi dậy, búng cả cây cối lên, cứ theo hướng tây mà cuốn đi. Ban-la Phát-xê-kê bảo:

- Xem kia, ngọn gió xoáy đi về Măng-dinh.
- Ừ, cũng đã đến lúc ta trở về đây.

Từ Đô, Xun-gia-ta phái một đoàn sứ giả đi Mê-ma, với bao vật biểu quý báu: thế là chàng thanh toán món nợ đã mắc. Đoàn sứ tâu lên nhà vua ở đây rằng dòng Xít-xê Tun-ka-ra và dòng Kây-ta từ đây mãi mãi kết giao.

Cũng từ Đô, Xun-gia-ta hạ lệnh cho tất cả các tướng dưới quyền mình gặp nhau ở Ka Ba, bên sông Giô-li-ba, trong xứ sở của vua Xi-bi. Pha-kô-li đã hoàn thành công cuộc chinh phạt chàng đảm nhiệm, vua Ta-bông đã bắt được người vùng núi ở Phu-ta phải thần phục, thế là quân của Xun-gia-ta đã chế phục được mọi xứ trên đất đồng cỏ: từ Oa-ga-đu trên bắc đến Măng-dinh dưới nam, từ Mê-ma bên đông đến Phu-ta bên tây, toàn bộ miền đất này đều công nhận quyền lực của Xun-gia-ta.

Quân binh của Gia-ta men theo thung lũng Giô-li-ba hướng về Ka Ba.

(1) Một điều cấm kỵ mà một vị tổ tiên đã thiết định và con cháu về sau phải tuân thủ.

15. PHÂN CHIA THẾ GIAN

Ra khỏi xứ Đô, xứ sở mười nghìn khẩu súng, Xun-gia-ta xuôi theo thung lũng ven sông mà về Ka-ba: tất cả các đạo quân đều hướng đến đấy. Pha-kô-li và Ta-bông Oa-na kéo về, mang theo vô số chiến lợi phẩm. Còn Xi-di Ka-măng-giăng thì đã đi trước Xun-gia-ta để chuẩn bị cho cuộc hội lớn sẽ họp tại Ka ba, thành phố ở trong địa vực xứ Xi-bi.

Ka ba là một thành phố nhỏ do hai người lập nên: Ni-a-ga-lin M'ba-li Pha-li, làm nghề săn bắn, và Xu-num-ba T'ra-ô-rê, làm nghề đánh cá. Từ thuở nào thuở nào rồi, Ka-ba thuộc quyền vua Xi-bi. Ngày nay, ta gặp cả người dòng Kây-ta ở đấy, nhưng họ mới đến sau Xun-gia-ta. Ka-ba ở bên bờ trái của sông Giô-li-ba: đường về xứ Măng-dinh xưa phải qua đó.

Phía bắc thành phố, có một cánh rừng thưa trải dài: đấy, địa điểm của cuộc hội lớn. Vua Ka-măng-giăng cho dọn sạch cánh rừng thưa và chuẩn bị sẵn một đài lớn. Trước cả Gia-ta, những đoàn do các tộc bại trận cử đến đã có mặt ở Ka ba rồi: lều lán được vội vã dựng lên để đón số người đó. Còn khi tất cả các đại binh đã tập hợp tại đây, thì phải hạ trại trên cánh đồng rộng ở giữa bờ sông và thành phố.

Đến ngày đã định, quân binh xếp đặt thành hàng ngũ trên địa điểm rộng đã được dọn sẵn. Cũng như ở Xi-bi, mỗi tộc tập hợp quanh *Băng-đa-ri* của vua mình. Xun-gia-ta khoác trang phục đại vương Hồi giáo. Ban-la Phát-xê-kê, vị đại thần trông nom nghi lễ, sắp đặt chỗ ngồi cho các vua đồng minh quanh ghế lớn của Gia-ta. Mọi việc đã đâu vào đấy. Các *xô-pha* hợp thành nửa vòng tròn rộng lớn chồm giáo nhọn. Còn những đoàn người thay mặt cho các tộc thì ngồi dưới chân đài. Đứng bên phải Xun-gia-ta, Ban-la Phát-xê-kê, ngọn giáo dài trong tay, cất tiếng trước dân chúng:

- Hôm nay, toàn xứ sở đã an bình. Cầu cho xứ sở được mãi mãi an bình như thế.

Dân chúng đáp lại:

- A-mi-na.

Rồi vị quan truyền lệnh nói tiếp:

- Hồi các tộc tập hợp tại đây, ta nói với các người. Với con em xứ Măng-đinh, ta xin chuyển đến các người lời chào của Ma-găng Xun-gia-ta. Xin chào con em xứ Đô, xin chào con em xứ Ta-bông, xin chào con em xứ Oa-ga-đu, xin chào con em xứ Mê-ma, xin chào con em dưới quyền Pha-kô-li, xin chào các chiến binh Bô-bô. Sau hết, xin chào con em xứ Xi-bi và thành Ka ba. Với tất cả các tộc tập hợp tại đây, Xun-gia-ta nói: "Xin chào".

Xin tha lỗi cho tôi, nếu tôi có bỏ sót ai đó. Tôi cảm động quá, trước bao người họp mặt thế này.

Hồi các tộc, sau bao năm thử thách gian nan, giờ ta quây quần lại ở đây quanh con người đã cứu vớt chúng ta. Quanh con người đã lập lại an bình và trật tự. Từ

phía mặt trời mọc qua phía mặt trời lặn, từ bắc xuống nam, đâu đâu các vũ công của người cũng đã thiết lập lại an bình. Tôi xin chuyển đến các người lời chào của bậc đã chiến thắng Xu-mao-rô, của Ma-găng Xun-gia-ta, vua xứ Măng-dinh.

Nhưng mà, để giữ phép truyền thống, thoát tiên tôi phải có lời với ông chủ nhà đang tiếp tất cả chúng ta đây, có lời với Ka-măng-giăng, vua xứ Xi-bi. Hỡi Ka-măng-giăng, vua Xi-bi, Gia-ta xin chào người, và xin trao lời cho người.

Ka-măng-giăng đang ngồi kê bên Xun-gia-ta. Chàng đứng dậy, bước xuống đài, rồi lên ngựa, tuốt kiếm ra hô lớn:

- Xin chào tất cả, hỡi chiến binh của xứ Măng-dinh, của xứ Đô, xứ Ta-bông, xứ Mê-ma, xứ Oa-ga-đu, xứ Bô-bô, chiến binh của Pha-kô-li... Hỡi các chiến binh, an bình đã trở lại trong từng nhà của chúng ta. Cầu Thượng Đế cho chúng ta được an bình dài lâu.

Chiến binh và dân chúng đáp lại:

- A-mi-na.

Vua Xi-bi nói tiếp:

- Trên mặt đất này, con người chỉ đau khổ một thời gian, không bao giờ đau khổ mãi mãi. Giờ đây, mọi thử thách gian nan của chúng ta đã chấm dứt. Xin tạ ân Thượng Đế. Nhưng, được hưởng an bình, như thế này, chúng ta phải chịu ơn một người: bằng trí can đảm, bằng lòng quả cảm, người ấy đã dẫn quân binh chúng ta đến chiến thắng.

Trong lũ chúng ta, ai là kẻ dám một mình đương đầu với Xu-mao-rô? Đúng thế, tất cả lũ chúng ta đều hèn nhát, đều đã bao lần nộp cống cho hắn ta! Tên ngạo mạn

kia đã tưởng hấn có quyền muốn gì làm nấy! Gia đình nào mà không từng bị Xu-mao-rô làm ô nhục? Hấn đã cướp con gái chúng ta, cướp vợ của chúng ta, mà lũ chúng ta lại hèn nhát hơn cả đàn bà. Hấn đã xác xược đến độ cướp vợ của Pha-kô-li, vợ của cháu hấn! Trước mắt con gái, chúng ta cứ hồn xiêu phách lạc đến là nhục nhã. Chính giữa bao tai họa như thế, chúng ta bỗng nhiên được đổi kiếp. Một vùng mặt trời mới đã mọc lên bên phía đông. Sau trận Ta-bông, chúng ta mới cảm thấy mình lại là người. Đến lúc bấy giờ, chúng ta mới hiểu rằng Xu-mao-rô chỉ là một con người, chứ không phải là hiện thân của quỷ dữ, vì hấn không phải đánh đâu thắng đấy. Một người đã đến với chúng ta, người đã nghe tiếng chúng ta rên rỉ, và người đến cứu chúng ta, như người cha thấy con mình đang khóc. Đây, con người ấy: *Ma-găng Xun-gia-ta*, con người mang hai tên mà các vị bói toán đã báo trước.

Giờ, tôi xin nói với người, hỡi con trai của Xô-gô-lông, hỡi người, cháu các chiến binh dũng mãnh xứ Đô. Từ nay trở đi, vương quốc của tôi, tôi được nắm là do chính người trao cho tôi, bởi lẽ tôi nhận người là chúa của tôi. Tộc của tôi, cả bản thân tôi nữa, chúng tôi xin đặt mình vào tay người. Xin chào người, vị thủ lĩnh tối cao, xin chào người, vị Pha-ma của các *Pha-ma*⁽¹⁾, xin chào người, hỡi *Măng-xa*.

Tiếng hoan hô tiếp theo vang mạnh đến mức ai nấy đều nghe những mười hai lần dội lại. Bàn tay cứng cáp của Ka-măng-giăng cầm mạnh mũi giáo của chàng xuống đất ngay trước đài:

- Xun-gia-ta, đây, ngọn giáo của tôi, nó thuộc về người.

Rồi chàng lên đài, về ngôi chỗ cũ. Cứ thế, từng vị một, trong số mười hai vua của xứ sở sáng trên đất thảo nguyên, lần lượt đứng dậy tôn xưng Xun-gia-ta là Măng-xa: mười hai ngọn giáo vua được cắm trước đài. Xun-gia-ta thành Hoàng đế: cổ *Ta-ba-la* cũ kỹ của thành Ni-a-ni báo cho cả thế gian hay tin xứ sở thảo nguyên đã tôn lên một vua duy nhất. Khi cổ *Ta-ba-la* của hoàng đế đã bật tiếng, Ban-la Phát-xê-kê, vị đại thần trông nom nghi lễ, lại tiếp lời, sau tiếng reo mừng của dân chúng:

- Hỡi Xun-gia-ta, Măng-găng Xun-gia-ta, vua xứ Măng-đinh, thay mặt mười hai vua của xứ sở sáng, tôi xin chào người, hỡi *Măng-xa*.

Dân chúng thét lên:

- *Oát-xa, oát-xa... A-giê.*

Chính giữa niềm vui dạt dào đó Ban-la Phát-xê-kê đã sáng tác ra khúc đại tụng: "*Ni-a-ma*", mà đến nay các vị G'ri-ô vẫn hát:

*"Ni-a-ma, Ni-a-ma, Ni-a-ma
Người che chở cho mọi vật,
Mọi vật đến nấu thân dưới bóng người.
Còn người, Ni-a-ma,
Chẳng vật gì che chở cho người,
Chỉ Thượng Đế bảo hộ người".*

Hội vui mở đầu. Nhạc sĩ của mọi xứ đều có mặt ở đây. Các tộc cứ lần lượt đến trình diễn dưới chân đài, trước đôi mắt thán nhiên của Xun-gia-ta. Rồi đến các điệu vũ chiến tranh. *Xô-pha* của mọi xứ xếp thành sáu hàng dài, cùng với giáo va nhau loảng xoảng, còn các thủ lĩnh chiến tranh thì ngồi trên mình ngựa, tất cả hướng về cái

đài khổng lồ. Các nhạc công tập trung bên phải đài, Ban-la Phát-xê-kê ra hiệu cho họ: thế là các cỗ trống trận nặng nề bắt đầu gầm gừ, đàn bô-lông nhả tiếng trầm trầm, còn vị G'ri-ô thì bắt giọng cho đám đông ca khúc tụng cánh cung. Các chiến binh cầm giáo tiến lên như bầy lang trong đêm tối, giáo nâng cao trên đầu. Cung thủ Oa-ga-đu và Ta-bông thì bước từng bước nhẹ, cứ như đến nấp sau bụi cây, rồi bỗng bật dậy, bắn tên vào những kẻ thù tưởng tượng. Trước đài lớn, các *Ke-le Ti-gi*, tức thủ lĩnh chiến tranh, cho ngựa bước mà chân như múa, dưới mắt của vị Măng-xa: ngựa hí, chồm hai chân trước lên, nhưng bị đỉnh thúc phải quỳ xuống, rồi lại đứng lên, chân nhảy lon ton, hoặc cứ bốn vó mà cào đất.

Dân chúng phấn khích vừa vỗ tay vừa hét to khúc tụng cánh cung. Thân đầm mồ hôi của các chiến binh loang loáng dưới ánh mặt trời: nhịp trống quá dồn dập kích họ hét to lên, xói cả tai. Không bao lâu sau, họ nhường chỗ cho kỵ binh, loại quân Gia-ta yêu thích nhất: kỵ binh Mê-ma vừa tung kiếm lên trời mà bắt, vừa hô vang trời. Một nụ cười vừa ý hiện lên môi Xun-gia-ta: thấy quân kỵ của mình thao diễn tài khéo đến thế, chàng bằng lòng.

Vào buổi chiều, hội đổi dạng. Mở đầu là cuộc diễu hành tù binh và chiến lợi phẩm. Xếp thành hàng ba, hai tay bị trói quặt ra sau lưng, đầu cạo trọc hếu, tù binh Xốt-xô kéo vào giữa vòng người rộng, đi quanh một vòng, qua dưới chân đài. Đám chiến tù thảm hại cúi gầm mặt mà im lặng bước đi, trong khi dân chúng thì cứ nhè vào chúng mà chửi, mà mắng như điên, như cuồng. Rồi đến các vua trung thành với Xu-mao-rô, không chịu thần phục:

họ cũng bị cạo đầu, nhưng lại cuỗi lên lưng ngựa, cho mọi người nhìn thấy rõ. Cuối cùng rút đoàn diễu hành, là Xốt-xô Ban-la, giữa các bái vật của bố hấn. Các bái vật được đặt lên lưng lừa: dân chúng hoảng sợ cứ kêu oai oái trước những vật từng ở trong căn buồng ghê rợn của Xu-mao-rô; Người ta khùng khiếp chỉ cho nhau xem cái vò đựng rắn, cây đàn *ba-la-phông* có phù có phép, các con cú của vua Xốt-xô. Còn Ban-la, con trai Xu-mao-rô, thì bị trói trên lưng ngựa: hấn không dám đưa mắt nhìn đám đông này: thế mà trước đây, chỉ một tiếng động của bố hấn cũng đã đủ để họ run lên cầm cập. Trong đám đông có người gọi:

- Người nào rồi cũng có lúc, nào, Xốt-xô Ban-la ngẩng mặt lên nào, thằng bé mặt dày kia!

Hoặc:

- Mày·đâu có ngờ có ngày mày thành nô lệ, hờ đồ hèn mạt!

- Nhìn các bái vật bất lực kia kìa, cầu khẩn chúng đi nào, thằng con phù thủy kia!

Khi Xốt-xô Ban-la đến trước đài, Gia-ta bỗng động mình: chàng vừa nhớ đến chuyện Xu-mao-rô đã bí mật biến đầu mất trong núi. Mặt chàng xa sầm lại. Thấy thế, vị G'ri-ô của chàng, Ban-la Phát-xê-kê, vội lên tiếng:

- Con sẽ chịu tội cho bố. Xu-mao-rô có thể cảm ơn Thượng Đế, vì hấn đã chết.

Đoàn diễu hành qua hết rồi, Ban-la ra hiệu cho mọi người im lặng. Đám *xô-pha* xếp hàng lại. Trống cầm tiếng.

Xun-gia-ta đứng lên. Cả quảng trường im bật như trong nghĩa địa. Vị *Măng-xa* bước đến sát bờ đài. Rồi người

lên tiếng với tư cách Măng-xa: chỉ Ban-la Phát-xê-kê nghe được lời người nói, vì một vị Măng-xa đâu có nói như kẻ rao tin trong làng.

- Xin chào tất cả các tộc họp mặt tại đây.

Rồi Gia-ta nêu tên từng tộc một. Rút lên khỏi mặt đất ngọn giáo của Ka-măng-giăng, vua Xi-bi, người nói:

- Hỡi vua Xi-bi, xin trả lại người vương quốc của người. Lòng dũng cảm của người xứng với vương quốc ấy. Ta quen người từ thuở còn thơ. Lời người nói là lời thẳng thắn, y hệt tấm lòng của người không biết quanh co.

Hôm nay, ta xin đính chặt mối kết giao giữa dòng Ka-ma-ra ở Xi-bi và dòng Kây-ta ở Măng-đinh. Từ nay trở đi, hai dòng họ chúng ta là anh là em. Từ nay trở đi, đất của dòng người Kây-ta là đất của người dòng Ka-ma-ra, của cải của người họ Ka-ma-ra là của cải của người họ Kây-ta.

Đừng bao giờ có lấy một lời dối trá giữa người họ Ka-ma-ra và người họ Kây-ta. Trên tất cả chiều rộng của đế chế dưới quyền ta đến đâu cũng xin người họ Ka-ma-ra cứ xem như đang ở quê mình.

Người trao lại ngọn giáo cho Ka-măng-giăng, và vua Xi-bi phủ phục dưới chân Gia-ta, đúng như ai ai cũng phủ phục khi được nhận vinh dự từ tay một vị Pha-ma⁽²⁾.

Xun-gia-ta cầm ngọn giáo của Ta-bông Oa-na lên:

- Bạn Ph'răng Ka-ma-ra của ta ơi, ta xin trả lại vương quốc của bạn. Từ nay, người Gian-lông-kê và người Ma-nin-ka vĩnh viễn kết giao. Bạn đã cho ta trú lại trên đất bạn, thế thì đâu đâu trên đất Măng-đinh người Gian-lông-kê cũng phải được đón tiếp như bầu bạn. Tôi

xin trao lại cho bạn những đất đai mà bạn đã chiếm được. Các con của bạn, từ nay sẽ lớn lên trong triều Ni-a-ni, sẽ được đối xử như các Hoàng tử của xứ Măng-dinh.

Tất cả các vua đều lần lượt nhận vương quốc của mình chính từ tay Xun-gia-ta, tất cả đều rạp mình chào người, đúng cách rạp mình trước một vị *Măng-xa*.

Xun-gia-ta tuyên báo tất cả những cấm kỵ đến nay vẫn còn ngự trên quan hệ giữa các tộc, các dòng họ. Người quy địa vực, định quyền hành cho từng cộng đồng, thắt chặt tình bầu bạn giữa các tộc. Từ nay, người dòng Kông-đê ở xứ Đô là cậu của người dòng Kây-ta thuộc Hoàng gia: để kỷ niệm cuộc kết hôn phong phú giữa Na-rê Ma-găng và Xô-gô-lông, từ nay người dòng Kây-ta phải lấy con gái xứ Đô làm vợ. Người dòng Tun-ka-ra và dòng Xít-xê trở thành anh em họ đùa bỡn của người các dòng Kây-ta, Xít-xê, Bê-rê-đê. Người họ Tu-rê được lớn tiếng công nhận là những vị đại giáo sĩ của đế chế. Trong cuộc phân chia thế gian này, không tộc nào bị bỏ quên, tộc nào có phần nấy. Còn Pha-kô-li Kô-rô-ma thì được Xun-gia-ta trao cho vương quốc Xốt-xô: đa số các dòng họ ở đây đã bị biến thành dân lệ thuộc, riêng dòng họ của Pha-kô-li, dòng Kô-rô-ma, mà có người còn gọi là dòng Đum-bu-gia hay dòng Xít-xi-kô, thì được độc quyền nghề rèn, độc quyền chế tạo đồ sắt; Pha-kô-li còn được Xun-gia-ta trao cho một số đất đai trong miền kẹp giữa sông Ba-phinh và sông Ba-g'bê. Oa-ga-đu và Mê-ma vẫn có vua trị vì, và vua ở đây vẫn tiếp tục mang danh hiệu Măng-xa, nhưng hai vương quốc này công nhận chủ quyền của vị Măng-xa tối cao. Người dòng Kô-na-tê ở Tông-rông trở thành em út của người dòng

Kây-ta: đến tuổi trưởng thành, người Kô-na-tê có thể đổi họ thành Kây-ta.

Phân chia xong đất đai và quyền lực, Xun-gia-ta quay lại G'ri-ô của mình, Ban-la Phát-xê-kê:

- Còn người nữa, Ban-la Phát-xê-kê, G'ri-ô của ta, ta phong cho người chức đại thần trông nom nghi lễ. Từ nay trở đi, người họ Kây-ta cứ chọn G'ri-ô của mình trong dòng họ của người, dòng Ku-gia-ta. Ta cho người họ Ku-gia-ta được phép bốn cột tất cả các dòng họ khác, đặc biệt dòng Kây-ta của Hoàng gia.

Tại cuộc phân chia thế gian, con trai của Xô-gô-lông đã nói như thế. Từ thuở ấy, lời nói được tôn trọng của người đã trở thành luật, thành lệ cho mọi tộc từng được đại diện ở Ka ba.

Tại đây, Xun-gia-ta đã phân chia thế gian. Người dành cho dòng họ mình mảnh đất Ki-ta thắm ân phúc, nhưng dân vùng ấy, thuộc dòng Ka-ma-ra, vẫn là chủ đất.

*

Nếu người có dịp đến Ka ba, nhớ ghé thăm khu rừng thưa đã chứng kiến cuộc phân chia thế gian. Ở đấy, người sẽ gặp một cây Lin-kê: cây giữ mãi tại đó hồi ức về cuộc hội lớn phân chia thế gian.

(1) Túc: Vua của các Vua. Tha-ma là người có uy lực, do đó cũng chỉ vua theo nghĩa rất chung.

(2) Nhắc lại: Vua, theo nghĩa rất chung.

16. NI-A-NI

Sau hội lớn, Xun-gia-ta còn ở lại Ka ba vài ngày. Với dân chúng, đây là những ngày hội. Ngày nào Xun-gia-ta cũng cho làm thịt hàng trăm bò lấy từ kho của mệnh mông của Xu-mao-rô. Trên quảng trường lớn ở Ka ba, các cô gái trong thành phố cứ đến đặt những quả bầu lớn đựng com, thịt, dưới chân các lều canh: ai ai cũng được, cứ đến đây mà ăn kỳ no, rồi đi. Trước cảnh no đủ, chẳng bao lâu người từ mọi nơi kéo đến, chật cả Ka ba. Sau một năm chiến tranh, vựa nhà nào cũng rỗng: ai nấy đến trích phần của mình trong kho dự trữ của Xu-mao-rô. Thậm chí, người ta còn kể rằng, suốt mấy ngày Gia-ta lưu lại Ka ba, có những người đến ở ngay trên quảng trường: đang mùa khô, đêm thì họ ngủ trên các chòi canh, tỉnh dậy đã thấy những bầu đựng com dưới chân mình rồi. Đây là thời người ta hát khúc tụng no đủ để tán dương Xun-gia-ta:

"Người đã đến.

No đủ cũng đã đến.

Xun-gia-ta ở kia,

No đủ cũng ở kia".

Nhưng đã đến lúc về với quê hương Măng-dinh. Xun-gia-ta tập hợp quân của người lại trên cánh đồng; mỗi tộc còn cử một phân đội đi theo vị Măng-xa về Ni-a-ni.

Tại Ka-ba, mọi tộc chia tay nhau trong tình bầu bạn, trong niềm vui an bình trở lại.

Muốn vào xứ Măng-đinh, Xun-gia-ta cùng tất cả những ai đi theo người phải qua sông Giô-li-ba. Cứ như là mọi thuyền độc mộc trên thế gian này đã hẹn gặp nhau trên bến Ka ba. Đang mùa khô, nước sông không sâu. Các cộng đồng dân chài Xô-mô-nô vừa được Gia-ta cho hưởng độc quyền trên sông nước: muốn tỏ lòng biết ơn con trai Xô-gô-lông, họ xếp mọi thuyền độc mộc lại cạnh nhau giăng ngang sông Giô-li-ba, để cho các Xô-pha của Xun-gia-ta vượt sông mà khỏi ướt chân.

Khi toàn quân đã có mặt bên kia sông rồi, Xun-gia-ta hạ lệnh tế lớn, hiến sinh trăm bò; trăm cừu: trên đường về Măng-đinh, Xun-gia-ta đã tạ ơn Thượng Đế như thế.

Các làng trên đất Măng-đinh đón tiếp Xun-gia-ta phải nói đến mức vô tiền khoáng hậu. Thông thường, một khách bộ hành đi hai cung đường thì trọn khoảng cách giữa Ka ba và Ni-a-ni: thế mà con trai của Xô-gô-lông và đạo quân của người phải đi mất ba ngày. Từ bờ sông đến Măng-đinh, hai bên đường là hai hàng người: từ mọi góc ngách của xứ Măng-đinh kéo về ai ai trong dân chúng cũng muốn đến gần để xem mặt bậc đã cứu vớt mình. Phụ nữ Măng-đinh muốn cho mọi người lưu ý đến họ, mà họ làm được việc đó: trên lối vào từng làng, họ phủ lên mặt đường những tấm váy muôn màu để cho ngựa Gia-ta đi vào làng mà khỏi bẩn chân. Còn trên lối ra thì trẻ con cầm những cành lá sum suê mà chào Gia-ta bằng những tiếng hô "Oát-xa, Oát-xa..., A-giê...".

Xun-gia-ta đi đầu, trong bộ trang phục vua sẵn sẵn: áo khoác đơn sơ, quần bó ống, cánh cung trên vai. Bên cạnh người, Ban-la Phát-xê-kê vẫn mặc lễ phục thêu vàng rực rỡ. Sau các vị tham mưu của Gia-ta, và trước đoàn binh, là Xốt-xô Ban-la, giữa các bái vật của bố hấn: tay hấn không còn bị trói nữa, nhưng hết ở Ka ba, đến đâu hấn cũng ngập đầu dưới lời chửi rủa, không dám ngẩng lên nhìn đám đông cừu địch. Nhưng rồi cũng có những người cứ sẵn lòng trắc ẩn. Họ bảo nhau:

- Chao ôi, vận may chẳng chút bền lâu!

- Thế đấy, ngày sung sướng nhất cũng là ngày đau khổ nhất: đang sung sướng, ai mà tưởng được thế nào là đau khổ.

Quân binh vừa bước đi vừa cất tiếng hát khúc tụng Cánh cung, đám đông bắt theo lời ca. Nhiều bài hát mới được truyền nhanh từ miệng này qua miệng kia. Các cô gái đem nước mát và hạt Kô-la đến mời binh sĩ. Cứ thế, rồi cuộc diễn chiến thắng qua đất Măng-đinh chấm dứt trước Ni-a-ni, thành phố của Xun-gia-ta.

Thành phố hoang tàn mới được dân cư bước đầu phục lại: các lũy đã bị phá hủy một phần; tường thành bị nung cháy phôi rã vết tích hỏa hoạn. Từ trên đồi cao, Gia-ta nhìn xuống Ni-a-ni, cứ tưởng như nhìn một thành phố chết: chàng thấy cánh đồng Xun-ka-ra-ni, chàng thấy cả nơi trước kia có cây bao-báp non mọc. Những người sống sót sau cơn tai họa xếp hàng bên đường Măng-đinh: trẻ con vẫy cành lá, có vài cô gái cất tiếng hát, còn người lớn thì câm lặng.

Ban-la Phát-xê-kê mới bảo:

- Người cứ vui sướng đi: người sẽ được hưởng niềm hạnh phúc dựng lại Ni-a-ni, thành phố của cha ông người. Còn Xốt-xô thì chẳng bao giờ được ai phục hồi từ cảnh hoang tàn. Người đời sẽ quên đến cả vị trí thành phố của Xu-mao-rô.

Cùng với Xun-gia-ta, an bình và hạnh phúc lại trở về Ni-a-ni. Với tất cả tình yêu nồng nàn của mình, con trai Xô-gô-lông xây dựng lại thành phố quê hương. Chàng cho phục hồi theo kiểu cổ vòng thành bao quanh nơi cha chàng ở, nơi chàng đã lớn lên. Từ mọi làng trên đất Măng-đinh, nhiều người đến Ni-a-ni định cư: phải phá lũy để mở rộng thành phố, phải xây dựng những khu mới cho từng tộc có mặt trong đạo quân cực đông.

Trên đường về, Xun-gia-ta để cho em trai mình, Măng-đinh Bô-ri, ở lại Ba-ga-đu Giê-li-ba, bên bờ sông. Măng-đinh Bô-ri là Kăng Kô-rô Xi-ghi của Xun-gia-ta, tức Măng-xa phó⁽¹⁾: chàng giám sát tất cả các xứ đã chiếm được. Khi công việc xây dựng lại kinh kỳ đã hoàn thành, Xun-gia-ta đưa quân về miền Nam chinh chiến, gây khủng khiếp cho các tộc ở vùng rừng. Người tiếp một đoàn sứ từ xứ Xăng-ga-răng đến, nơi đã định cư một vài nhóm thuộc dòng Kông-đê: các nhóm thuộc dòng Kông-đê: các nhóm này không cử ai đến dự cuộc phân chia thế gian, nhưng Xun-gia-ta cũng chấp nhận cho họ được giao kết, đặt họ ngang thứ bậc với dòng Kông-đê ở xứ Đô.

Một năm sau, Xun-gia-ta lại triệu tập một hội lớn tại Ni-a-ni, nhưng hội lớn lần này là hội các chức sắc và các vua trong đế chế: các vua và các chức sắc cầm đầu mọi dòng, mọi tộc, đều về Ni-a-ni. Vua đến để nói rõ cách mình cai trị dân, còn chức sắc thì nói rõ về các vua. Vì

hành động quá ư độc lập, Pha-kô-li, cháu của Xu-mao-rô, đã phải bỏ trốn để tránh cơn thịnh nộ của vị Măng-xa: đất đai do y cai quản bị tịch thu, còn thuế má thu ở Xốt-xô thì từ nay được nhập trực tiếp vào các vua ở Ni-a-ni. Cứ thế, hàng năm Xun-gia-ta cứ tập hợp quanh người các vua và chức sắc; cứ thế, lễ công minh ngự trị khắp nơi nơi, vì các vua cũng sợ bị tố cáo tại Ni-a-ni.

Lễ công minh của Xun-gia-ta không miễn trừ ai: người chỉ tuân chính lời của Thượng Đế, người bảo vệ người hèn yếu bị kẻ có uy quyền chèn ép. Người ta đi bộ mấy ngày đường liền đến kêu oan với người. Dưới ánh mặt trời của người, kẻ chính được thưởng công, kẻ tà bị trừng phạt.

Giữa cảnh an bình đã trở lại, làng mạc phồn vinh lên: cùng với Xun-gia-ta, hạnh phúc đã vào khắp mọi nhà. Bao quanh từng làng là những cánh đồng rộng trồng kê, lúa, bông, chà, phô-ni-ô⁽²⁾: người chịu làm ăn thế nào cũng kiếm đủ sống. Hàng năm, từng đoàn lạc đà dài chở mu-dê về Ni-a-ni. Đi làng này qua làng kia, chẳng phải sợ quân cướp: ăn cắp, thì bị chặt bàn tay phải; tái phạm, bị trói giam bằng xích sắt.

Nhiều làng mới, nhiều thành phố mới mọc lên trên đất Măng-đinh, cả trên các vùng đất khác nữa. Đi-a-la, tức dân buôn, đông lên. Dưới triều Gia-ta, mọi người được hưởng hạnh phúc.

Có những ông vua hùng mạnh nhờ quân lực: trước mắt họ mọi người đều run sợ, nhưng họ chết đi, thì mọi người đều nói xấu họ. Còn có những ông vua không làm được điều lành, cũng chẳng làm điều ác: khi họ chết đi,

mọi người đều quên họ. Lại có những ông vua sẵn uy lực, khiến ai cũng sợ, nhưng lại biết cách sử dụng uy lực: mọi người đều yêu họ, vì họ yêu lẽ công minh. Xun-gia-ta thuộc loại sau cùng này: ai cũng sợ người, nhưng ai cũng mến người. Người từng là cha đẻ ra xứ Măng-đinh, người đã đem an bình đến cho thế gian. Sau người, thế gian không còn biết đến bậc chinh phạt nào lớn hơn: người là bậc chinh phạt thứ bảy, mà cũng là bậc cuối cùng.

Ngôi làng nhỏ cha để lại, người đã biến thành kinh kỳ của một đế chế lớn. Ni-a-ni đã trở thành cái rốn của thế gian này: trên những vùng đất xa xôi nhất, người ta cũng nhắc đến tên Ni-a-ni. Trên cửa miệng người ngoài, có câu "Từ Măng-đinh đến, tha hồ bốc phét": đối với nhiều tộc, Măng-đinh là một xứ xa xôi.

G'ri-ô là những người ăn nói đẹp lời. Để ca tụng Ni-a-ni và xứ Măng-đinh, họ thường nói:

- Người muốn muối ư, xin mời đến Ni-a-ni, vì Ni-a-ni là nơi các đoàn lạc đà từ Xa-hen về hạ trại.

Người muốn vàng ư, xin mời đến Ni-a-ni, vì Bu-rê, Băm-bu-gu, Oa-ga-đu đều làm công cho Ni-a-ni.

Người muốn vải đẹp ư, xin mời đến Ni-a-ni, vì đường đi Ma-ka phải qua Ni-a-ni.

Người muốn cá ư, xin mời đến Ni-a-ni, vì dân chài ở Ma-u-ti và Giê-nê đến Ni-a-ni bán những gì họ đánh bắt được.

Người muốn thịt ư, xin mời đến Ni-a-ni, xứ sở của những bậc săn bắn lớn, mà cũng là xứ sở của bò, của cừu.

Người muốn một đạo quân ư, xin mời đến Ni-a-ni, vì đây là nơi tập hợp toàn bộ lực lượng của xứ Măng-đinh.

Người muốn thấy một vua lớn ư, xin mời đến Ni-a-ni, vì đây là nơi ngự của con trai Xô-gô-lông, con người mang hai tên.

Đây, lời ca của những bậc thầy về thuật ăn nói.

Trong số các thành phố lớn của đế chế, tôi phải nêu tên Ki-ta: thành phố nước thần đã trở thành kinh kỳ thứ hai của dòng Kây-ta.

Tôi còn xin kể tên Ta-bông, nay không còn nữa, thành phố đóng bằng cổng sắt. Tôi không quên cả Đô lẫn K'ri, quê hương của Xô-gô-lông, người đàn bà cầm tinh con trâu.

Tôi cũng xin kể tên Ku-ku-ba, Ba-tăm-ba, và Kăm-ba-xi-ga, những thành phố của Xô-pha. Xin kể nốt thành phố Đi-a-găng, rồi thì Mê-ma, thành phố mến khách, và Oa-ga-đu, nơi trị vì dòng con cháu của Giu-lu Ka-rô Nai-ni.

(1) "Măng-xa phó" chỉ là cách giải thích của người sưu tầm còn nghĩa đen của Kô-rô xi-phi lại là người tâm phúc, người được sủng ái.

(2) Một loài cây tương tự kê.

17. MĂNG-ĐÌNH MUÔN THUỞ

Biết bao phế tích chồng chất, bao cảnh hùng tráng đã bị chôn vùi. Những chuyện tôi kể đây xảy ra đã lâu lắm rồi, mà tất cả đều diễn ra trên đất Măng-đình. Bao nhiêu là vua đã nối nhau trên ngôi báu, nhưng xứ Măng-đình thì vẫn thế.

Măng-đình nhất quyết giữ kỹ cái nổi bí ẩn của mình: có những điều mà người phạm tục vĩnh viễn không biết được, bởi lẽ các vị G'ri-ô, những người được trao giữ các điều đó, sẽ không bao giờ để lộ ra ngoài. Ma-găng Xun-gia-ta, bậc chinh phạt cuối cùng trên mặt đất này, đã an nghỉ không xa Ni-a-ni, tại Ba-lăng-đu-gu, thành phố có đập nước.

Sau người, đã có bao vua, đã có bao Măng-xa trị vì đất Măng-đình. Bao thành phố khác đã ra đời, rồi mất đi. Hít-gi măng-xa Mát-xa, bậc danh vang hậu thế, con người được Thượng Đế mến yêu, đã xây dựng tại Mếch-ca những Nhà trú chân cho khách hành hương từ Măng-đình đến. Thế mà những thành phố do người lập nên đều không còn nữa: nào Ka-ra-ni-na, nào Gia-gie-phe, nào Bu-run Ku-na, các thành phố ấy, nay còn gì đâu. Nhiều vua khác đã mở rộng xứ Măng-đình vượt ra rất xa biên thùỳ thời Gia-ta, nào Măng-xa Xa-măng-ka, nào Pha-di-ma Mút-xa. Nhưng, trong các vị ấy, chẳng ai với được đến tầm xấp xỉ Gia-ta.

Ma-găng Xun-gia-ta là con người có một không hai. Trong thời của người, không ai sánh được với người. Sau người, chẳng có ai tham vọng vượt qua người. Người đã vĩnh viễn in dấu lên xứ Măng-đinh: những đi-ô do người định ra vẫn còn hướng dẫn cho con người cư xử.

Măng-đinh muôn thuở vẫn thế.

Để người tin vào những gì tôi đã nói, xin mời người hãy đến Măng-đinh. Tại Tì-găng, người sẽ gặp cánh rừng thân thương của Xun-gia-ta: trong cánh rừng đó, người sẽ tận mắt nhìn thấy tấm giáp che ngực của Pha-kô-li Kô-rô-ma. Hãy đến Ki-ri-kô-rô-ni, gần Ni-át-xô-la tại đây, người sẽ gặp một cây đánh dấu mãi mãi lần Xun-gia-ta qua vùng này. Hãy đến Băng-ku-ma-na, bên bờ Giô-li-ba: tại đây, người sẽ gặp cây đàn ba-la-phông của Xu-mao-rô, mà người ta gọi là Ba-la g'nin-ti-ri. Hãy đến Ka ba: người sẽ gặp cánh rừng thưa từng chúng kiến cuộc hội lớn đã trao cho đế chế của Xun-gia-ta một thể chế. Hãy đến Ki-ri-na, gần Ka ba: tại đây, người sẽ gặp con chim đã báo điềm chết cho Xu-mao-rô. Còn ở Kây-la, cũng gần Ka ba, người sẽ gặp các cổ trống của Giô-lô-phin Măng-xa, vua xứ Xê-nê-gan, người đã bị Gia-ta đánh bại.

Nhưng, hỡi anh chàng đáng thương kia oi, đừng có tìm cách khám phá nổi bí ẩn mà đất Măng-đinh giấu đi, không cho anh biết; đừng có quấy rầy các tinh linh đang an nghỉ ngàn năm; đừng đến các thành phố chết để chất vấn quá khứ, các tinh linh không tha thứ cho đâu; đừng có tìm hiểu những gì không được tìm hiểu.

Hỡi người thời nay, các người bé nhỏ xiết bao, so với cha ông các người. Mà bé nhỏ về trí óc ấy, vì các người

khó mà nắm được ý lời ta nói. Xun-gia-ta hiện an nghỉ gần Ni-a-ni, nhưng tinh linh của người vẫn còn đây, và con em dòng Kây-ta ngày nay vẫn đến cúi mình trước tảng đá dưới đó an nghỉ người cha của đất Măng-đinh.

Để học những điều ta biết, ta đã đi một vòng quanh xứ Măng-đinh. Tại Ki-ta, ta đã thấy ngọn núi có dải hồ lặng lẽ chứa nước phép. Ở Xê-gu, ta đã học lịch sử các vua xứ Đô và xứ K'ri. Tại Pha-đa-ma, trong vùng Ha-ma-na, ta đã nghe các vị G'ri-ô dòng Kông-đê kể chuyện người các dòng Kây-ta, Kông-đê và Ka-ma-ra từng đánh chiếm vùng U-ru-la như thế nào. Tại đây Kây-la, làng của các bậc thầy lớn, ta đã học chuyện nguồn gốc của xứ Măng-đinh: cũng tại đây, ta đã luyện nghệ thuật ăn nói. Đâu đâu, ta cũng đã xem và hiểu những điều các thầy của ta từng dạy cho ta. Giữa tay của các thầy, ta đã tuyên thệ sẽ dạy những gì cần dạy, và phải câm lặng khi động đến những điều phải câm lặng.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Truyện thần thoại, truyền thuyết và truyện thần kỳ	13
1. Truyện tạo lập ra thế gian và các giống người; nguồn gốc cái chết	14
2. Nguồn gốc loài người	19
3. Tại sao mặt trời chỉ xuất hiện ban ngày	20
4. Mặt trời và mặt trăng	22
5. Cuộc chiến đấu giữa hai ngọn núi	23
6. Người, rắn, cóc và ếch	24
7. Xi-gi và người đẹp núi Nim-ba	26
8. Ghê-la trên cao chống lại Ghê-la dưới đất	29
9. Những con người đầu tiên và việc phát hiện ra sắt	34
10. A-đa-ma và A-oa	36
11. N'kon-le	39
12. Các thần bé nhỏ ở núi Nim-ba	48
13. Các thần trấn núi Xi-a	50
14. Rắn hình thân cây	51
15. Ma ở Kát-xi-ê-ta	53
16. Khu rừng bí ẩn	55
17. Ngọn núi G'ban thiêng liêng	56
18. Người đi săn và dân ở dưới sông	58
19. Nguồn gốc con người	61
20. Những huyền thoại về Unculunculu	63
21. Sáng thế	64
22. Mulungu	67
23. Huveane lên trời	68
24. Voi và con người đầu tiên	69

25. Vì sao con người mất sự bất tử	70
26. Dòng suối thiêng và vụ chết đuối đầu tiên	71
27. Tục xăm mình	72
28. Nguồn gốc của tục xăm mình theo tộc người	74
29. Tại sao người Vê-pô không xăm mình	75
30. Nguồn gốc tục lấy người làm vật hiến sinh	77
31. Phát hiện ra mặt nạ	79
32. Gốc gác tục cắt da bao đầu	82
33. Gốc gác tục cắt hạt hồng	84
34. Gốc gác người Phu-la và người Bô-rô-rô	85
35. Gốc gác người Bô-rô-rô	88
36. Gốc gác của một nhóm Bô-rô-rô	91
37. Truyện thủ lĩnh cưới ngựa xám	93
38. Bà phù thủy già	95
39. Hai đứa bé và bà mẹ phù thủy	97
40. Người đi săn gặp rui	98
41. Người đàn ông lấy vợ phù thủy	100
42. Những đứa con của thầy phù thủy	101
43. Bà phù thủy	102
44. Bó rom	103
45. Những ngày cuối của thành Đô	105
46. Lan-xơ-ni và Ma-ri Gia-ma	109
47. Xăm-ba Ga-na	113
48. Tại sao dòng họ Đu-na-mu nổi tiếng phù phép còn dòng họ Ca-ni-mu lại nổi tiếng háu ăn	119
49. Bảy anh em và bà mẹ sinh ra họ	120

Truyện sinh hoạt

50. Người vợ câm bị mất con	123
51. Tăng-gô-a và Xe-puốc-gô-a	124
52. Cái kim	127
53. Mô-di, chàng ngủ	130
54. Ông lão với ba người con	131
	134

55. Ba anh chàng mấy cũng chưa vừa	139
56. Đôi dép của vua	144
57. Chàng điếc	147
58. Tớ và chủ	148
59. Vợ yêu, vợ ghét	149
60. Người lấy bò	151
61. Hai người tình của một người đàn bà	152
62. Hai tên trộm	154
63. Kẻ trộm thông minh	156
64. Người đẩy tớ thông minh	158
65. Hãy dạy khôn cho tôi	160
66. Hỏi xin lời khuyên	161
67. Lời nói là bạn hay thù	162
68. Thi khoác lác	164
69. Người chồng góa móm	165
70. Người đàn bà đông con và người đàn bà không con	168
71. Người vợ hay ba hoa	170
72. Câu chuyện không bao giờ kết thúc	172
73. Chàng ngốc thông minh	174
74. Cô gái kiêu kỳ bị lừa	178
75. Kẻ trộm thua người mù	180
76. Truyện kể về A-bu-nu-vax	183
77. Vua và đầy tớ	188
78. Công việc học búa	191
79. Chọn rể	194
80. Tranh nhau là người ngu	197
81. Hai người đàn bà ngu	201
82. Sai chồng đi tìm sữa trâu	208
83. Kẻ keo kiệt khôn ngoan	211
84. An-si-ge Ka-ram-ba háu đói	213
85. Anh chàng độc thân lấy vợ khi	217
86. Nguồn gốc loài tinh tinh	219

87. Người nghiện thuốc lá, người thợ săn và vị thần	221
88. Ba phái viên của thủ lĩnh	223
89. Hai tay háu ăn	225
90. Ba chàng phù thủy	226
91. Anh thợ săn và hai người phụ nữ cô đơn	228
92. Người đàn ông, ba người đàn bà và con cá sấu	229

Truyện loài vật 231

93. Đứa con trâu	232
94. Người đi săn con linh dương và người đàn bà thóc mách	235
95. Thỏ cưới voi	241
96. Thỏ lấy con gái sư tử	243
97. Vua báo	244
98. Thỏ, cố vấn của báo	245
99. Chó, dê, và báo	246
100. Thỏ, báo và trận đối lớn	247
101. Lừa và báo	248
102. Báo và ốc sên	249
103. Khỉ và rùa	250
104. Gà mái và chim cắt	251
105. Chó và rắn	252
106. G'bo-kô-ba canh đồng lạc	253
107. Các ngón tay	255
108. Con thỏ với lá bùa mưu mẹo	257
109. Người đi săn kên kên và trâu	259
110. Tại sao dòng các thủ lĩnh Đô-rê lại che chở loài ốc sên lớn	262
111. Tại sao người họ N'gi-na-b'la không ăn thịt cá sấu	264
112. Tại sao người họ N'gi-na-b'la không săn linh dương vằn	265
113. Tại sao người họ Ga-ma-b'la không ăn cá	266

114. Tại sao người họ G'ba-b'la không ăn thịt dê	268
115. Tại sao người họ G'ba-b'la kiêng ăn chuối	270
116. Tại sao người làng Đô-rô-mu lại che chở loài tinh tinh	271
117. Loài chim Oa, đồng minh của dòng họ Oa-le-b'la	273
118. Nhện, vị Đ'cô-gô-mu Gia	274
119. Nhện và sâu	275
120. Nhện và chuột	277
121. Nhện, sói và thỏ	279
122. Con nhện tham ăn	280
123. Nhện và chị vợ mang thai	282
124. Nhện và bù nhìn	284
125. Nhện cùng vợ làm đồng	285
126. Mồ côi, cái sừng, nhện và con roi	286
127. Mồ côi, nhện, những quả đu đủ	288
128. Nhện và mồ côi đi bắt cá	290
129. Xi-gi già các vợ hấn đến chết	291
130. Nhện, mồ côi và các vị thần ở trong hang	292
131. Nhện, mồ côi và buồng chuối	294
132. Xi-gi và các vị thần	296
133. Nhện và trâu cái	297
134. Nhện và khỉ	299
135. Nhện và sóc	301
136. Thỏ và ngựa vằn	303
137. Hoẵng, báo, sơn dương và cá sấu	306
138. Gà trống thắng cự đà như thế nào	309
139. Chú chó thông minh	312
140. Cóc và tắc kè	314
141. Vì sao bàn chân ếch lại dẹt	316
142. Vì sao ếch không có đuôi	318
143. Thỏ, sư tử và linh cẩu	320
144. Cuộc chiến giữa chim và thú	322

Xun-gia-ta

	325
1. Các vua đầu tiên trên đất Măng-đinh	326
2. Người đàn bà cầm tinh con trâu	329
3. Đứa bé cầm tinh sư tử	343
4. Tuổi ấu thơ	347
5. Sư tử tỉnh giấc	352
6. Tha hương	366
7. Xu-mao-rô Kăng-tê, ông vua phù thủy	385
8. Lịch sử	390
9. Lá bao báp	394
10. Đường về	402
11. Tên tuổi anh hùng	413
12. Na-na T'ri-băng và Ban-la Phát-xê-kê	417
13. K'ri-na	423
14. Đế chế	440
15. Phân chia thế gian	444
16. Ni-a-ni	454
17. Măng-đinh muôn thuở	461

TRUYỆN CỔ NĂM CHÂU
CHÂU PHI

Chịu trách nhiệm xuất bản :

VŨ AN CHƯƠNG

Sửa bản in :

ĐỖ VĂN ANH

Vẽ bìa :

NGUYỄN VIỆT HẢI

In 1000 cuốn, khổ 13x19cm tại Xưởng
in Bình Hòa. Giấy đăng ký kế hoạch
xuất bản 487/XB-QLXB/79-VHTT ngày 11
tháng 1 năm 2001. In xong và nộp lưu
chiếu tháng 10-2001



12 000



0289905

Giá: 40.000đ